L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MỘT CÁI THƠ ĐÁNG ĐỌC

I

Ngày 13 tháng 3 tây năm 1882, là năm Tự-đức thứ 35, ông LE MYRE DE VILLERS, là Nguyên-soái Nam-kỳ ở Sài-gòn, có viết cho đức DỰC-TÔN cái thơ sau này:

Nguyên-văn :

« *Sire,*

« *Votre Majesté connaît mon sentiment à l'égard de son auguste personne. Elle sait que je suis un homme de paix et que, depuis deux années, j'ai fait tous mes efforts pour conserver entre la France et l'Annam les relations amicales que je crois nécessaires aux intérêts des deux nations. Aussi Votre Majesté ne prendra-t-Elle pas en mauvaise part l'avis que ma conscience me prescrit de Lui donner.*

« *Sire, on conduit votre dynastie à sa perte ; les lois ne sont plus exécutées ; partout le pillage et le désordre s'étalent au grand jour ; le peuple est pressuré par ceux-là mêmes dont le devoir serait de le protéger ; les ressources du pays disparaissent et la misère devient générale.*

« *Au Tonkin, nos voyageurs français, munis de passeports réguliers, sont attaqués par des mercenaires Chinois, véritables brigands, qui blessent un de leurs hommes, et les autorités locales sont impuissantes à protéger nos nationaux.*

« *A Hué même, le représentant de la France est gravement insulté et il lui faut douze jours et l'intervention de Votre Majesté pour obtenir une satisfaction à peine suffisante.*

« *Le chef de pirates Chinois* LƯU VĨNH-PHÚC *empêche M.* DE CHAMPEAUX, *consul à Haiphong et M.* FUCHS *ingénieur en chef des mines de continuer leur route et les accable de menaces.*

« *Le Gouvernement de la République ne saurait accepter une semblable situation, et je me vois, à mon grand regret, obligé de prendre des mesures préventives pour sauvegarder la sécurité de mes nationaux.*

« *Mais, je tiens à le répéter à Votre Majesté, la France ne désire pas faire la guerre, et nous n'aurons recours à l'emploi des armes que si nous y sommes forcés.*

« *En un mot, nous réglerons notre conduite sur celle de l'Administration Annamite au Tonkin....* »

Dịch-văn :

« Tấu,

« Hoàng-thượng đã biết bụng tôi đối với Ngài. Ngài lại biết rằng tôi là một người chủ-hòa, từ hai năm nay,

tôi làm hết sức để cố-kết sự giao-hảo của nước Pháp với nước Nam, tôi tưởng sự giao-hảo ấy có ích-lợi cho hai nước, vì thế cho nên tôi xin Hoàng-thượng đừng bỏ qua những lời tôi tâu trong thơ này, mà lương-tâm tôi bảo tôi viết.

« Dám tâu Hoàng-thượng, người ta đưa Hoàng-triều đến nơi thất-bại; luật-lệ không ai tuân-hành nữa ; chỗ nào cũng có ăn cướp, chỗ nào cũng rối-loạn trật-tự, sự rối-loạn ấy bày-tỏ như ban ngày ; dân thì bị bác-tước bởi những người có nghĩa-vụ phải bênh-vực chúng nó, của-cải trong nước đi đâu mất, sự nghèo khổ bày ra khắp cả.

« Ở Bắc-kỳ những người Đại-Pháp đi du-lịch, có giấy thông-hành, mà phải khách ở lính thuê cản-trở, lính thuê ấy là đồ ăn-cướp, nó đánh một người đi theo các ông Tây bị thương, các quan sở-tại không đủ thế-lực mà bảo-hộ người của nước tôi.

« Chính tại ở Huế, ông đại-diện nước Pháp phải bị sỉ-nhục một cách trọng, rồi phải thương-thuyết đến mười hai ngày và có đức Hoàng-thượng dự-thương, quan đại-diện nước Pháp mới được thỏa lòng một thí.

« Người tướng giặc khách Lưu Vĩnh-Phúc cản-trở quan lãnh-sự ở Hải-phòng là ông De Champeaux và quan bác-vật khai-khoáng là ông Fuchs không cho đi xem, và dọa hai ông ấy.

« Chánh-phủ nước Pháp không thể chịu cái địa-vị ấy, tôi bất-đắc-dĩ phải dùng những cách dự-bị để giữ-gìn sự yên-ổn cho người nước tôi.

« Nhưng mà tôi xin tâu lại cho Hoàng-thượng rõ rằng nước Đại-Pháp không muốn chiến-tranh, nếu chúng tôi phải dùng binh, là chúng tôi buộc mình phải làm như vậy.

« Nói tóm lại, cái hành-chỉ của chúng tôi, tùy theo cái hành-chỉ của các quan An-nam ở Bắc-kỳ.... »

Người viết cái thơ này là ông nguyên-soái văn ở Nam-kỳ, từ khi nước Pháp lấy Nam-kỳ, thì đặt các quan thủy-soái làm nguyên-soái, đến năm 1880 việc tổ-chức trong xứ ngỏ đã tấn-bộ, Chánh-phủ nước Pháp mới đặt quan văn làm nguyên-soái. Ông Le Myre de Villers là một ông quan văn làm nguyên-soái Nam-kỳ trước hết. Nhà nước đã chọn một ông quan để đổi cách cai-trị võ ra văn, thì không thể chọn một người tầm-thường.

Ông nói ông là một người « chủ-hòa ». Ông ở Nam-kỳ có hơn hai năm, mà làm nhiều công việc có ích cho dân, mà nhất là sự chia quyền hành-chánh và tư-pháp, và lập hội-đồng quản-hạt (*conseil colonial*), xem công việc của ông làm, thì không phải một người chủ-chiến.

Trong cái thơ ông gửi cho Đức Dực-tôn lời nói không phải theo lối công-văn, mà theo lối tư-thơ ; ông nói rằng lương-tâm ông bảo ông viết, cũng như một người ở gần thấy nhà láng giềng gần suy, tin cho mà biết. Vậy thì cái thơ này làm một tài-liệu rất quí để học sử nước nhà.

II

Trong thơ câu quan-trọng thứ nhất là câu : « Người ta đưa Hoàng-triều, đến nơi thất-bại. » Người ta là ai ? Là các người làm tôi với Hoàng-triều, nghĩa là các quan. Trong nước khi nào cũng phải có người làm việc, trong thì các bộ các viện, ngoài thì các tỉnh và phủ, huyện, khi nào cũng có quan, mà việc nước có lúc thịnh lúc suy, là tại người giỏi hay là dở, cũng như một lớp tuồng khi nào cũng có chừng ấy vai tuồng, mà khi hát hay khi hát dở, là vì con hát giỏi hay

là không giỏi. Hoàng-triều từ năm 1558 đức Gia-dụ vào trấn Thuận-hóa, sau các Liệt-thánh mở-mang bờ-cõi, từ Phú-yên đến Cao-miên, đến triều đức Hiếu-võ (1739-1766) là cực-thịnh, trong nước thái-bình, cho nên bài *Hoài-Nam-ca* có câu ca-tụng thủa ấy rằng :

Nhìn xem Nam-Việt ngỡ là Đường Ngu.....

Sau tại quyền-thần Trương Phúc-Loan tham-ô, Tây-sơn nổi lên, chiếm lấy cả nước, từ năm 1777 đến năm 1802, Đức Cao-hoàng khôi-phục toàn Việt, đến triều đức Thánh-Tổ là cực-thịnh ; từ đó mà sự suy đã bày ra ! Từ năm ông Le Myre de Villers viết thơ cho Đức Dực-tôn, thì Hoàng-triều mỗi ngày đi tới hay là đi lui, tưởng ai cũng đã rõ.

Cái cớ suy-đồi bởi đâu ? Ông Le Myre de Villers đã chỉ nhiều cớ, mà nhất là tại « pháp-luật không ai tuân-hành nữa. » Một nước được thịnh-vượng là nhờ người trong nước đều kính-tuân pháp-luật ; nếu pháp-luật không hợp-thời thì phải sửa, mà khi chưa sửa lại được, thì phải tuân theo phép cũ, nếu có nhiều người làm sự trái phép mà không trị được, thì thành ra loạn. Pháp-luật của Hoàng-triều ban-hành, người ta không tuân-hành, mà Hoàng-triều không đủ sức để bắt người ta phải tuân-hành, nghĩa là Hoàng-triều đã yếu. Ông Le Myre de Villers đứng ngoài, trông thấy tình-thế nước ta lúc bấy giờ như vậy, mà xem phiến-sớ của các quan ta lúc bấy giờ không thấy sự gì nguy-kịch ! Cho nên người khảo-cứu sử-học phải cẩn-thận.

Cớ thứ hai là « chỗ nào cũng có ăn cướp ». Nước ta lúc trước có ba thứ ăn cướp : một là ăn cướp thường, tụ đảng một hai chục người, không có súng-ống ; hai là đảng đông người, có khí-giới súng-ống, người đầu đảng tự-xưng là « quan lớn », mà dân Bắc-kỳ gọi là giặc ; ba là ăn cướp biển, tục gọi là « tàu-ô ». Ăn cướp là những đứa không tuân pháp-luật ; ăn cướp đảng nhỏ không có khí-giới thì nước nào cũng có, nước có nhiều, nước có ít ; ở trung-châu Bắc-kỳ dân đông, nhiều người nghèo khổ, những đứa cùng-đinh thường hay tụ nhau đi ăn cướp. Đi dạo trong các làng ở trung-châu thì biết trong xứ hay có trộm cướp, làng nào dân-cư cũng chen-chúc nhau trong một lũy tre để cho dễ phòng-bị, các nhà giầu ở trong làng lại có cổng ngoài cổng trong ; ở trung-du thượng-du Bắc-kỳ, và Trung-kỳ, Nam-kỳ, các làng không có lũy tre, dân-cư rải-rắc ; các nơi ấy ít có ăn cướp. Những đảng cướp thường, cầm gậy cầm giao mà không có súng, thì dân các làng thường hay trị được. Chỉ như đảng to có súng, đến các làng dân đều sợ khiếp, người đầu đảng tự-xưng là quan lớn, bắt các làng cung-đốn như là quân giặc. Những đảng mà dân các làng không trị nổi thì phải nhờ Nhà-nước, mà lúc nào Nhà-nước suy yếu thì những đảng cướp ấy thịnh hơn. Lúc ông Le Myre de Villers viết thơ cho đức Dực-tôn, chính là lúc dân Bắc-kỳ hay bị hại bởi mấy đảng ăn cướp to ; có đảng hiệp với giặc Khách, kéo đến đốt phá các làng ở gần Hà-nội ; cho nên có ông Tây nói rằng ; « Trước khi người Đại-Pháp sang đây, dân Bắc-kỳ hay bị ăn cướp, nhiều khi ăn cướp đến đốt phá gần thành Hà-nội. » Nói như vậy thì những người nghe tưởng rằng trước khi Đại-Pháp bảo-hộ, dân Bắc-kỳ bị cướp luôn ; nói như vậy thì đối với sử-học không được đích-xác. Từ Đại-Pháp bảo-hộ, xứ ta vẫn được yên hơn trước, trước Đại-Pháp bảo-hộ nước ta cũng có lúc yên, chớ không phải bị cướp phá luôn luôn ; duy khi nào mất mùa, dân đói, hay là đương lúc rối loạn, Chánh-phủ yếu sức, kẻ hung-đồ nhân đó mà nhiễu dân.

Chỉ như cướp biển toàn là quân Khách. Trước Đại-Pháp bảo-hộ, nước

ta tuy có tàu tuần-tiễu, mà các dân ở dọc bờ biển và thuyền buôn ta thường phải tàu-ô cướp phá, tàu tải của Nhà-nước tuy có tàu đồng bộ-tải, mà có lúc cũng bị cướp. Quân tàu-ô rất là hung-bạo : một ngày kia đức Dực-tôn ngự thừa-lương tại Thuận-an, chúng nó dám sấn vào ăn-cướp, quân-sĩ hầu ngự đánh đuổi nó chạy ra, mà không bắt được đứa nào cả. Đức Dực-tôn giận có làm một bài phú chữ nôm, trách quan quân ta. Từ có Bảo-hộ, tàu binh của Đại-Pháp trừ-tuyệt lũ cướp biển.

Cớ thứ ba là « chỗ nào cũng thấy trật-tự rối-loạn ». Câu ấy nghĩa phiếm, phụ thêm câu « pháp-luật không ai tuân theo ». Bởi vì pháp-luật không ai tuân, thì trật-tự phải rối-loạn, ấy là lý tự-nhiên.

Cớ thứ tư là « những người có nghĩa-vụ bênh-vực dân mà bác-tước dân ». Các quan bác-tước dân là không tuân luật-lệ. Quan-trường nước ta hiện bây giờ bị công-kích, mà quan-trường lúc bấy giờ cũng bị công-kích, vậy thì quan-trường nước ta không khi nào được thanh-bạch hay sao ? Nhiều người thường khen các quan tiền-bối chẳng sai hay sao Hay là sự quan-sát của ông Le Myre de Villers không đích-xác ? Khoản này phải bình-tĩnh phán-đoán, kẻo mất lòng các cụ tiền-bối. Hai chữ « bao-thư 苞苴 » có từ đời thượng-cổ ! Hơn bốn ngàn năm trước, vua Thành-thang đã trách mình không hay cấm nổi tệ « bao-thư ». Vậy thì tệ tang-hối cũng như sự trộm cướp, tưởng có từ thủa có nhân-loại ; nhưng mà lúc thịnh lúc suy, tùy theo tình-trạng và tùy theo nhân-tâm. Nay lấy năm 1882 là năm ông Le Myre de Villers viết thơ cho đức Dực-tôn làm giới-hạn, rồi xét từ năm ấy đến Gia-long nguyên-niên, và từ năm ấy đến bây giờ, lúc nào sự tang-hối thịnh hơn ?

Cuối thế-kỷ thứ 18, triều đức Hiếu-định, Trương Phúc-Loan chấp-chánh tham-ô ; làm quan không tiền không được, đi thi không tiền không đỗ ! Dân-tình ta-thán, Tây-sơn nổi giặc, đức Hiếu-định chạy vào Nam-kỳ, các quan chạy theo, tưởng lúc bấy giờ các quan theo đức Hiếu-định không phải là trục lợi, đức Hiếu-định băng, các ông tùng vong giúp đức Cao-hoàng khôi-phục, khi khôi-phục được rồi, lại phải lo sắp-đặt các việc. Triều đức Minh-mạnh, những việc của đức Cao-hoàng làm chưa xong, phải lo làm cho xong ; trong hai triều ấy, trên có vua anh-minh quả-đoán, ai làm trái phép thì bị tội ngay, các quan phần nhiều theo một lý-tưởng cao-thượng, cho nên lúc bấy giờ không nghe nói tệ tham-nhũng. Trải triều đức Hiến-tổ, đến triều đức Dực-tôn, sự tang-hối càng ngày càng lộ ra, nhưng mà lúc bấy giờ tiếng thơm của các quan trong hai triều trước chưa dứt, trên có vua hiền thường hay khuyến-liêm thưởng-nghĩa, các quan phần nhiều là người khoa-mục, tất cả là người nho-học, tuy khoa-mục không phải đều thanh-liêm cả, nhưng mà đã biết mình là dự vào hạng « thanh-lưu 清流 » thì cũng phải cố danh tư-nghĩa. Vả lại xem các quan lúc bấy giờ tự-phụng rất là nhã-đạm ; ăn cơm thì ăn cơm ta, một đôi khi đãi tiệc cũng đãi tiệc ta, chưa biết dùng tiệc tàu, tiệc tây ; mặc thì mặc lụa hàng ta, một đôi khi dùng hàng tàu, chưa có xà-phòng, nước hoa, và các thứ hàng tây ; khi đi ra phần nhiều đi võng, một hai ông đi ngựa, chưa có xe cộ, một cái võng giá chừng vài chục đồng, dùng được cả đời ; trong dinh-thự trần-thiết sơ-sài, một bộ trường-kỷ gỗ, vài ba cái sập, ngủ đó, ăn đó, làm việc đó, rước khách cũng đó ; nhà cửa của các cụ để lại, hoặc nhà tranh, hoặc nhà ngói, không đáng giá bao nhiêu ; con cái các cụ ăn mặc cũng nho-nhã, áo the, khăn lượt, nón lá, nón sơn, một đôi cậu đi giầy ta, hay là dép ta, phần nhiều đi chân ; các cậu đi học cũng

không tốn bao nhiêu, rước một ông thầy một năm chừng năm hay sáu trăm quan tiền đen đã là nhiều, mà cả con cháu đều học được; thủa ấy ăn tiêu bằng tiền kẽm tiền đồng, bạc lạng bạc nén, ông nào muốn lấy tiền cũng không lấy được nhiều, vì là tiền bạc kềnh-càng và không kín-đáo. Vì các lẽ ấy, cho nên người khảo-cứu dám nói rằng các quan từ ngày ông Le Myre de Villers viết thơ trở về trước thành-liêm hơn.

Từ ngày cái thơ ấy về sau là thuộc về thời Bảo-hộ. Khi mới lập Bảo-hộ, trong phường văn-thân có ông phản-đối, qui-quán có lòng nghi các người văn-sĩ, cho nên những người ra giúp Bảo-hộ ban đầu, có người không học mà qui-quán cũng dùng, vì là làm được việc; còn những hạng người ấy, đã không có giá, thì không cầu danh, tuy có bác-tước dân, mà làm được việc thì qui-quán cũng ngơ. Lần lần cuộc Bảo-hộ vững-vàng, Chánh-phủ muốn chỉnh-đốn quan-trường, mà thói tham đã thịnh, khó bề cấm-trấp! Giadĩ, từ ngày có Bảo-hộ, sự chi-tiêu càng ngày càng thêm: sự ăn, sự mặc, nhà cửa, giao-thiệp, cho đến nuôi dạy con-cái, tốn hơn trước nhiều. Bởi vì đương lúc giao-thừa, hai văn-minh xung-đột nhau, văn-minh cũ thì chuộng đạo-đức, « *thực vô cầu bão, cư vô cầu an* », ở đời không phải chỉ lo ăn uống; văn-minh mới thì trọng hình-thức, ở đời phải lo làm thế nào cho sướng thân. Trong các quan Bảo-hộ, có ông không hiểu rõ tâm-tình người nước ta, chỉ « dĩ mạo luận nhân », người nào ăn-mặc tử-tế, nhà-cửa đẹp-đẽ, xe ngựa rậm-rột, thì có ý nể hơn, cho nên các quan ta cũng đua theo đàng hình-thức, vì các văn-minh mới sinh ra sự cần dùng mới, cho nên quan-bổng tuy tăng, mà ăn-tiêu cứ thiếu. Vì cái lẽ ấy cho nên người khảo-cứu dám nói rằng sự thanh-liêm của quan-trường từ ngày cái thơ của ông Le Myre de Villers về sau không bằng trước[1].

Có kẻ nói rằng nói như vậy sao đức Dực-tôn trong bộ *Từ-huấn-lục*, hay than-thở sự tang-hối của các quan? Đức Dực-tôn là một ông vua hiền-quân, văn-học và mộ-cổ; ngài muốn các quan đều chánh-nhân quân-tử, vị-nghĩa mà không ai vị-lợi. Tự ngài cũng ưa sự khiêm-tốn và nho-nhã, ngài mộ sự khiêm cho đến lấy chữ *khiêm* mà đặt tên lăng của ngài; ngài ưa nho-nhã cho nên không trang-sức sự ăn-mặc, chỗ ngự-phê cũng không trần-thiết nhiều đồ; ngài thường ngồi ngự-phê tại chái đông điện Càn-thành, gần cửa kính, trải vài chiếc chiếu, một cái yên, một trái dựa, cách một khoảng có một cái đầu-hồ, ngài ngự-phê mỏi, đứng giậy đi bách-bộ và đánh đầu-hồ. Tưởng không buồng ngự-phê của vua nào đơn-giản như vậy! Chẳng những ngài không ưng trang-sức trong mình ngài mà ngài cũng không ưng các bà nội-cung trang-sức, cho nên các bà nội-cung lúc bấy giờ lấy sự ăn-mặc sạch-sẽ làm đẹp, chớ không ai đeo nữ-trang. Tính ngài như vậy, cho nên tang-hối thủa ấy tuy chưa thịnh hơn ngày sau, mà ngài đã khó chịu.

Xem như vậy thì các quan ta không phải lúc nào cũng tham-nhũng, mà người ta khen các quan từ triều Tự-đức dĩ-tiền không phải là nói sai. Ông Le Myre de Villers trách các quan lúc bấy giờ, là năm 1882, tưởng không phải là khắc-luận.

Cớ thứ năm là tài-sản hư-hảo, dân-tình cát-cứ. Dân đã bị hung-đồ cướp phá, những người có nghĩa-vụ bênh-vực dân đã không bênh-vực mà lại bác-tước, thì dân có yên đâu mà làm ăn; dân đã không làm ăn được, thì của mới trong nước không sinh thêm ra, mà của cũ càng ngày càng tiêu-mòn, cho nên phải cát-cứ. Một nước như nước Nam ta địa-thế tiện-lợi, thổ-địa

(1) Đây nói từ có Bảo-hộ, nhân văn-minh mới sinh ra nhiều sự cần-dùng mới, cho nên trong quan-trường không được thanh-liêm bằng trước, chớ không phải tại có Bảo-hộ mà quan-trường thêm tham-nhũng, bởi vì Chánh-phủ Bảo-hộ không cổ-vũ sự tham-nhũng bao giờ. (T. T.-H.)

phi-nhiêu, sản-vật phong-phú, và nhân-dân thông-minh, ấy là những nguyên-chất có thể dùng làm cho nước được giầu mạnh ; thế mà nước ta từ xưa nghèo yếu, tiếc thay ! Từ có Bảo-hộ, qui-quan trước lo giẹp giặc-cướp cho yên, rồi thủ-thứ đặt đàng điện báo, mở các đàng-sá, lập hỏa-xa, sửa cửa biển... vân vân. Dân các làng trước bị tàn-phá phải lưu-tán, lần lần hồi-phục, sự sinh-kế càng ngày càng khá hơn trước. Nhưng mà gặp bão, lụt, hay là đại-hạn, mất mùa, đã thấy đói ngay, vì là dân mới đủ ăn, chưa có tư-tích. Trong các làng ở Trung-châu Bắc-kỳ, và ở Trung-kỳ, dân đông lắm, và điền-thổ không bao nhiêu, hiện bây giờ ăn cực ăn khổ vừa đủ, hai ba mươi năm nữa, số người tăng thêm, mà ruộng đất không thêm, thì tuy trồng-trọt khéo đến đâu, ăn uống kiệm đến đâu, tưởng cũng không đủ, ấy là một cái hiểm-tượng cho ngày sau ! Nước ta còn đất hoang nhiều, sự khai-hoang là một sự rất cần, cái vấn-đề ấy phải giải-quyết từ bây giờ.

III

Cớ suy-đồi vừa kể trên này, thuộc về nội-chánh, còn sự ngoại-giao của nước ta lúc bấy giờ cũng chẳng được rõ-ràng ; bởi các quan ta không biết luật ngoại-giao, khi các cụ đi học thì học việc cũ nước Tàu từ đời Nguyên dĩ-tiền mà không rõ việc nước Tàu đương-đại, còn các nước khác không ai đi đến, không ai biết đến. Tuy vua ta thọ-phong của vua Tàu, mà không có điều-ước, điều-ước mà nước ta ký trước hết là điều-ước năm Tự-đức thứ 15 (1862), ký với nước Pháp. Năm 1874 ký điều-ước thứ hai, theo điều-ước ấy thì nước Pháp đặt ở Huế một ông đại-biểu, và các lãnh-sự tại các cửa biển khai-thương. Triều-đình ta không biết giao-thiệp, làm mất lòng quan sứ ở Kinh, sau lại xin lỗi.

Ngày 3 Janvier 1880, quan thủy-bộ thượng-thư nước Pháp tư cho quan ngoại-vụ-bộ thượng-thư, đại-khái rằng: « Ông Rheinart là đại-biểu nước Pháp ở Huế, đi thuyền lên Kim-long thăm một ông cố đạo đau, khi trở về gặp Ngài ngự Lương-tạ, lính canh-giang không cho thuyền quan sứ đi, ông Rheinart phải lên bộ đi vùng quanh ngoài đồng về nhà sứ ». Thủa ấy khi nào vua ngự thừa-lương tại Lương-tạ bên bờ sông Hương-giang thì thuyền bè không được qua lại. Quan thượng thủy Pháp nói rằng : « Cách ấy đối với dân An-nam, thì chúng ta không lấy làm lạ, chỉ như đối với một ông đại-diện của nước Pháp là sỉ-nhục lắm, vì theo điều-ước ông đại-diện nước Pháp ở Kinh đối với triều-đình nước Nam có quyền đặc-biệt. »

Quan thượng-thư lại nói rằng : « Triều-đình An-nam đã xin lỗi, nhưng mà sự xin lỗi ấy có đủ sửa đổi cái lòng nghi-kỵ của Nam-triều và làm cho sự giao-thiệp được thành-thiệt hay không ? Tôi tưởng không. Vả lại các công việc của ta làm thường phải các quan An-nam gàn-trở, tôi thiết-tưởng nên tính-liệu thế nào để cho địa-vị nước Pháp tại Bắc-kỳ và đối với chánh-phủ nước Nam cho nhất-định ».

Vì thế cho nên ông Le Myre de Villers viết thơ kể lại cho đức Dực-tôn rõ. Các quan ta không biết cách đãi sứ ngoại-quốc, vì lầm theo câu kinh *Thư* : « *Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ, suất thổ chi tân, mạc phi vương thần* » (普天之下莫非王土率土之濱莫非王臣), không hiểu rằng sứ ngoại-quốc không phải là tôi trong nước, mà được phép biệt-đãi, nếu làm nhục đến quan sứ là nhục đến nước của quan sứ thay mặt. Nhưng thủa trước khi sứ nước Pháp đến Kinh, xin vô triều-yết, thì phải thương-thuyết nhiều ngày, như là khấu-đầu mấy lần, đi vô cửa một bên, có được mang gươm hay không

được mang gươm. Cách thương-thuyết ấy là bắt chước theo Tàu. Nước Tàu giao-thiệp với các nước Âu-Mĩ hơn một trăm năm, đến khi vua Quang-tự chạy giặc về là năm 1898, mới chịu tiếp-sứ ; thủa trước thì sứ các nước giao sắc-thơ cho « Tổng-lý nha-môn », mà không chầu vua ; vì là chầu vua thì phải quì, mà sứ các nước không chịu quì trước vua Tàu.

Nước nào cũng có bày ra một cái nghi-lễ, tùy theo phong-tục, để định phận tôn-ti. Trong các nước văn-minh nghi-lễ giản, mà trật-tự vững-vàng, trong các nước bán-khai nghi-lễ phiền, mà trật-tự không được vững-vàng lắm, vì là người trong các nước văn-minh có nhân-cách hơn, cho nên lễ-nghi tuy giản mà mọi người đều biết kính-tuân, trật-tự được ổn, còn người trong các nước bán-khai, chưa đủ nhân-cách, như đứa trẻ con, phải kiềm-chế hơn, nếu lấy cái lễ đãi người trong nước bán-khai mà đãi người nước văn-minh, cũng như lấy cách đãi trẻ con mà đãi người đã trưởng-thành, thì người ta lấy làm nhục.

Lỗi thứ hai về sự ngoại-giao của ta là không biết bảo-hộ các người Pháp đi du-lịch trong nước. Ngày 10 tháng 11 năm 1881 quan nguyên-soái Nam-kỳ tư cho Chánh-phủ nước Pháp rằng : « Hôm nay tôi vừa tiếp thơ của quan Lãnh-sự Pháp ở Hà-nội nói sự hai người nước Pháp là ông Courtin và ông Villeroi đi du-lịch trên sông Nhị-hà ; hai ông ấy tính sang Vân-nam khảo-cứu về sự bác-vật, có quan Lãnh-sự Pháp và quan An-nam cấp tờ thông-hành, thế mà sớm ngày 8 Octobre đi đến Bảo-hà cách Lao-kay chừng 40 ki-lo-mét bị quân đồn Lu cản-trở, một tên Chà-và đi theo hai ông ấy bị một viên đạn bắn phải ở nơi đùi.

« Hai ông ấy phải trở xuống tỉnh-lỵ tỉnh Hưng-hóa, lại bị một đảng Khách Cờ-đen hơn mấy trăm người đến truật, các phu thuyền đều bỏ trốn, các quan An-nam không bảo-hộ, hai ông ấy phải lui xuống cửa Đà-giang, tính lên Vân-nam theo đàng sông ấy.

« Hiện-tình như vậy, tôi chưa biết tính thế nào, tôi xét lại cho rõ, rồi sẽ tính cách xử-trí cho hợp chánh-sách của Nhà-nước Đại-Pháp. »

Theo lời điều-ước năm 1874, thì các người nước Pháp được đi du-lịch trong địa-phận nước Nam, nhưng phải có tờ thông-hành, khi các quan ta đã phóng tờ thông-hành thì phải lo bảo-hộ cho những người có tờ thông-hành đi đàng cho được yên-ổn ; nhưng mà cảnh-ngộ của các quan ta lúc bấy giờ rất là khó xử, trong nước không yên, mà không đủ sức làm cho yên, không thể bảo-hộ nổi người Pháp đi du-lịch mà không thể không cho tờ thông-hành, vì không cho tờ thông-hành là không tuân theo điều-ước.

Cái lỗi thứ ba về việc ngoại-giao là dùng người Tàu và đi lại với nước Tàu. Chiếu theo điều thứ hai và thứ ba trong tờ điều-ước ngày 15 Mars 1874 thì nước Đại-Pháp công-nhận vua nước Nam là một nước tự-chủ đối với các nước, và chịu giúp vua nước Nam để mà giữ-gìn cho yên-ổn trong nước, phòng-ngự ngoại-xâm, và phá tan đảng cướp biển nó quấy nhiễu bờ biển nước Nam.

Vua nước Nam đền ơn nước Pháp chịu bảo-trợ, chịu tuân theo chánh-sách ngoại-giao của nước Pháp và không thay đổi sự giao-thiệp bấy giờ.

Theo tờ điều-ước ấy thì nước Nam đã nhận nước Đại-Pháp bảo-trợ, bảo-trợ hay là bảo-hộ, tuy chữ khác nhau, mà đồng một nghĩa, nhưng mà lại có câu : « không thay đổi sự giao-thiệp bây giờ » (*ne rien changer à ses relations diplomatiques actuelles*), câu ấy không rõ, thành ra lôi-thôi về sau ; vì tại câu ấy cho nên nước Nam đã nhận nước Pháp bảo-trợ, mà vẫn dùng người Tàu, vẫn đi lại với Chánh-phủ nước Tàu.

法新總統戴大人肖像

Chân-dung quan Giám-quốc Đại-Pháp mới
Paul DESCHANEL đại-nhân

Nước ta dùng quân Khách Cờ-đen là thất-sách. Quân Cờ-đen nguyên là ăn cướp bên Tàu tràn sang đất nước ta, ta giẹp không nổi, bất-đắc-dĩ phải dùng chúng nó, mà không kiềm-chế nổi, thành ra chúng nó tuy thần-phục vua ta, kỳ-thực chúng nó muốn làm gì thì làm. Chúng nó đóng tại Lao-kay và các đồn trên thượng-lưu sông Nhị-hà, khi thương-thuyền qua lại thì chúng nó lấy thuế, khi người nước Pháp đi du-lịch thì chúng nó gàn-trở và làm sỉ-nhục, tuy có tờ thông-hành của quan ta mà chúng nó không kể, mấy lần quan lãnh-sự Pháp ở Hà-nội phàn-nàn với quan Tổng-đốc về sự hành-chỉ của quân Cờ-đen, thì quan Tổng-đốc trả lời rằng : « không thể làm chi được ». Dùng người mà nói không nổi, thì rõ rằng Triều-đình ta lúc bấy giờ suy-nhược biết là chừng nào !

Tuy trong điều thứ nhất tờ điều-ước năm 1874, có câu : « sự giao-thiệp bây-giờ không thay đổi », nhưng mà đức Giám-quốc nước Pháp đã nhận vua nước ta là vua một nước tự-chủ, và nước ta đã nhận nước Pháp bảo-trợ, thì ta không nên đi lại với Tàu nữa. Thế mà Triều-đình ta vẫn sai sứ sang cống vua Tàu, mãi đến năm 1884 sứ nước Pháp xin đốt cái ấn của vua Tàu phong cho vua ta, và ký tờ điều-ước tối-hậu, khi ấy mình mới tuyệt-giao với Tàu, và nhận nước Pháp bảo-hộ.

Khi sứ nước ta sang Tàu, tưởng cũng có kêu cầu với nước Tàu rằng trong nước không yên, mà Triều-đình không đủ sức mà bình-trị, nhờ nước Tàu giúp sức, vì thế cho nên Tàu mới sai quan-quân sang nước ta. Triều-đình làm như vậy là thất-sách, một là đã ký điều-ước với nước Pháp, hễ trong nước không yên, thì nhờ nước Pháp giúp trị cho yên, thế mà đi cầu-cứu với nước Tàu, làm mất lòng nước Pháp ; hay là Triều-đình không rõ nước Tàu lúc bấy giờ cũng đã suy-nhược, trong nước đã không trị yên nổi, có sức đâu mà giúp nước ta ; ba là nếu quân Tà dẹp yên Bắc-kỳ, chưa chắc chịu trở về. Khi quân Tàu sang nước ta, không làm được chi, mà dân Bắc-kỳ lúc bấy giờ cực không xiết nói, làm cho nước Pháp gấp định cuộc bảo-hộ.

Không hiểu Triều-đình ta lúc bấy giờ nghĩ thế nào mà làm như vậy. Hay là không ai xem tờ điều-ước ? Theo lối ta ký xong tờ ước rồi xếp lại một nơi, để trong tủ trong viện Cơ-mật, ít ai xem đến, cho nên đến bây giờ trong phường quan-lại có nhiều ông không biết nước ta trước kỳ với nước Pháp mấy cái ước, cái nào năm nào, nói những sự gì, không phải như trong các nước văn-minh, khi nước đã ký một tờ ước thì ban-bố ra cho dân đều biết. Còn về sự tờ ước trong năm 1874 chẳng những quan nguyên-soái ở Nam-kỳ xem-sóc sự thi-hành, mà quan Toàn-quyền Công-sứ nước Pháp ở Bắc-kinh cũng xem-sóc giùm ; vì là sự lợi hại của nước Pháp thì quan Pháp ở chỗ nào cũng phải lo chung ; quan sứ Pháp ở bên Tàu thấy sứ ta sang Yên-kinh và thấy Tàu sai quan-quân sang Bắc-kỳ thì viết luôn hai cái thơ cho Ngoại-vụ-bộ bên Pháp, ngày 25 Décembre 1879 và ngày 8 Mai 1880, đại-ý nói rằng : nếu Chánh-phủ nước Pháp không nhân lúc này mà gìn-giữ bờ-cõi nước Nam để cho người khác xâm-lấn, thì ngày sau nước Pháp sẽ mất quyền-lợi ở xứ Bắc-kỳ. Trước quan Công-sứ Pháp ở Yên-kinh, quan Thượng-thư bộ Thủy nước Pháp đã tư cho quan Thượng-thư Ngoại-vụ-bộ ngày 1er Octobre 1879, đại-ý nói : Bắc-kỳ không yên, thương-mại không tiện, nước Pháp nên bắt buộc nước Nam chiều theo điều-ước để cho thương-mại thông-lưu, nếu Chánh-phủ nước Nam làm không nổi, Chánh-phủ

nước Pháp phải tỏ cho Triều-đình nước Nam biết rằng nước Pháp sẽ phải lo dẹp quân ăn cướp ở Bắc-kỳ cho yên, khi ấy ta sẽ gửi sang Bắc-kỳ một đạo quân 3000 người cả lính bộ và pháo-thủ và 12 chiếc tàu nhỏ (*aviso ou canonnières*).

Vì các lẽ ấy cho nên ông LE MYRE DE VILLERS gửi thơ cho đức DỤC-TÔN biết trước, cách mấy tháng sau lại sai ông quan năm HENRI RIVIÈRE ra Bắc-kỳ.

IV

Trong thơ ông LE MYRE DE VILLERS nói rằng : « Nước Đại-Pháp không muốn khai-hấn, nếu chúng tôi phải dùng đến binh-khí là sự bất-đắc-dĩ. » Muốn biết nước Pháp có ý lấy Bắc-kỳ hay không, thì chỉ đọc tờ biên-bản hội-nghị tại Hạ-nghị-viện ngày 25 Décembre 1885. Lúc bấy giờ dư-luận bên Pháp phân-vân, người ưng bỏ Bắc-kỳ, kẻ ưng giữ, Chánh-phủ muốn biết rõ ý-kiến dân nghị-viện, thì 274 người ưng giữ, 270 người ưng bỏ, phe ưng giữ chỉ hơn được bốn người mà thôi. Vậy thì nước Pháp trước không có ý muốn lấy Bắc-kỳ đã rõ-ràng. Nhưng mà năm 1882 sai quan năm HENRI RIVIÈRE ra Hà-nội là để thi-hành điều-ước năm 1874; sau ông RIVIÈRE bị quân Khách giết, nước Pháp phải báo-thù mà rửa hổ. Còn năm 1873 ông FRANCIS GARNIER ra Bắc-kỳ, là vì việc ông JEAN DUPUIS, mà cũng vì sự kết-quả tờ điều-ước năm 1862; nếu từ năm người Pháp đến Nam-kỳ, từ ngày nước ta đã ký tờ điều-ước năm 1862, Triều-đình ta biết cải-lương chấn-chỉnh việc nước thì đã tránh khỏi cái đoạn khốn-khó về sau. Vậy thì cái sự lấy Bắc-kỳ là kết-quả của sự lấy Nam-kỳ, mà cái nguyên-nhân nước Pháp lấy Nam-kỳ là một sự ngẫu-nhiên hay là cố-ý ?

Muốn biết rõ tại nguyên-nhân gì, tại cớ gì mà nước Pháp lấy Nam-kỳ, thì phải suy-cứu từ trước Đức CAO-HOÀNG có nhờ ông giám-mục BÁ-ĐA-LỘC và mấy người Pháp giúp, ngài đãi người Pháp và giáo-dân tử-tế. Sau đức THÁNH-TỔ ở với các quan người Pháp không được thân-thiết, mấy ông ấy bỏ về lần-lần, rồi ngài lại nghiêm-trị giáo-dân, cái nguyên-nhân nước Pháp đến lấy Nam-kỳ là từ đó. Có người thấy vậy trách ngài vô-tình và hung-bạo, tỉ ngài với vua NÉRON nước La-mã ngày xưa, một người xướng trước, mấy người nói theo mà không xét cho kỹ, đối với lịch-sử không được đích-xác ; duy ông CULTRU là thầy dạy sử-học tại trường Cao-đẳng ở Paris nói rằng đức MINH-MẠNH bạc-đãi người Pháp, nghiêm-trị giáo-dân, là có hai lẽ, một là « lẽ quốc-gia » (*raison d'Etat*), hai là « lẽ triết-học » (*raison philosophique*).

Phải hiểu rằng đời đức MINH-MẠNH nước ta chiếm ở bán-đảo Đông-dương một địa-vị rực-rỡ, bờ-cõi rộng hơn bờ-cõi của các triều trước, hiến-pháp theo lối chuyên-chế, vua là một vị anh-võ, tưởng ngài muốn những người ở trong nước, chẳng luận nguyên-quán nước nào, phải theo một pháp-luật chung, những người Khách sang ở nước Nam phải theo luật ta, duy các ông người Pháp, như ông VANIER, CHAIGNEAU, tuy đã đổi họ đổi tên theo ta, lãnh chức làm quan với ta, mà được đãi một cách riêng, như là vào chầu vua khỏi lạy, v. v.. Cách biệt-đãi ấy là của đức CAO-HOÀNG ban cho mấy ông ấy, ngài cũng thuận theo, nhưng mà ngài ở với mấy ông ấy không thân-thiết bằng đức CAO-HOÀNG, chớ không có khắc-bạc chi. Tuy vậy mặc dầu, các ông ấy không vui lòng, và lúc bấy-giờ các ông đều có tuổi, cho nên đều xin về nước.

Còn khoản giáo-dân, tưởng ngài không ghét chúng nó, nhưng ngài không ưa đạo Thiên-chúa cũng như thủa xưa các thầy nho không ưa đạo Phật ; hơn một ngàn năm trước, ông

Hàn Dũ là một nhà văn-học bên Tàu đời nhà Đường, đối với các ông sư thì xin « bắt các sư hồi-tục, đổi các chùa làm nhà ở, và đốt các sách Phật » (人其人, 虛其居, 火其書)

Đức Thánh-Tổ ở trong nho-giáo mà ra, thì ngài mộ nho-giáo hơn là đạo khác, ấy là một lẽ tự-nhiên. Ngài đã mộ nho-giáo, thì ngài muốn dân của ngài cũng mộ nho-giáo, ngài làm mười điều dạy dân :

Một là « Đôn nhân-luân » 敦人倫.
Hai là « Chính tâm-thuật » 正心術.
Ba là « Vụ bản-nghiệp » 務本業.
Bốn là « Thượng tiết-kiệm » 尚節儉.
Năm là « Hậu phong-tục » 厚風俗.
Sáu là « Huấn tử-đệ » 訓子弟.
Bảy là « Sùng chính-học » 崇正學.
Tám là « Giới dâm-thắc » 戒淫慝.
Chín là « Thận thủ-pháp » 慎守法.
Mười là « Quảng hành-thiện » 廣行善.

Những người theo cái « duy-lý chủ-nghĩa » (*rationalisme*) đều cho mười điều ấy là hay, mà nhà tôn-giáo không lấy làm phải, bởi vì trong mười điều không nói đức Chúa-Trời, mà theo nhà tôn-giáo thì luân-lý mà không nói đức Chúa-Trời không phải là luân-lý !

Mười điều luân-lý tuy có Dụ vua ban-hành, mà dân ta mấy người theo giáo không tuân. Dân đã không tuân Dụ vua, mà vua đã có đủ thế-lực mà thi-hành lời Dụ, thì ngài cứ làm.

Sau đến triều Tự-Đức, đức Dực-Tôn lại mộ nho-giáo lắm, ngài sợ dân không hiểu thập-điều của đức Thánh-Tổ làm bằng chữ nho, ngài dịch ra nôm, theo lời văn lục-bát, để cho dân dễ đọc dễ hiểu, mà giáo-dân cũng không theo, cho nên ngài cũng nghiêm-trị ngoan-dân.

Cái nguyên-nhân trị giáo-dân là đó, chớ đức Thánh-Tổ và đức Dực-Tôn thiệt không lòng độc-hiểm, không ghét giáo-dân.

Nếu hai ngài chỉ giết giáo-dân ta, tưởng nước Pháp không can-dự đến làm chi ; nhưng lúc bấy giờ có giết mấy ông giáo-trưởng người Âu-châu ; trong 25 năm 7 ông giám-mục (một ông người nước Pháp, sáu ông người Y-pha-nho), và 15 ông linh-mục (12 ông người Pháp, 1 ông người Ý-đại-lợi, và 2 ông người Y-pha-nho) đều phải chết, cho nên động đến dư-luận Âu-tây.

Nước Pháp nghe nước Nam giết giáo-dân đã lâu, nhưng không rảnh mà can-dự việc ở Viễn-đông, từ năm 1843 chánh-phủ nước Pháp mới cho phép quan thủy-soái coi hạm-đội của Pháp ở Viễn-Đông, hễ khi nào các ông cố tây có bị truật rằng sẽ phải khổ-nhục, hay là sẽ phải chết, thì được phép bảo-trợ được chừng nào hay chừng ấy. Tuy vậy mặc dầu, thỉnh-thoảng mới có một chiến-thuyền Pháp ghé lại Tourane, đưa thơ khuyên vua nước ta phải cho dân tùng-giáo tự-do, và đừng hại các ông cố tây. Các thơ ấy đều vô-hiệu.

Tháng 9 năm 1856 ông Pellerin, giám-mục ở Huế, đi theo tầu *Catinat* về Pháp, nhân có ông De Bonne Chosse, giám-mục Thành Rouen đưa vào chầu Hoàng-đế Napoléon III, và kể sự dân đạo bị giết bên nước Nam ; Hoàng-đế nước Pháp động lòng, mà không phải nhân đó mà khai-chiến với nước Nam.

Đầu năm 1857, chánh-phủ nước Pháp sai sứ là ông De Montigny đi theo tầu *Marceau* sang đến Tourane, xin khai-thương ở Tourane, đặt lãnh-sự Pháp ở Huế, và giảng-giáo tự-do. Triều-đình ta không chịu rước ông De Montigny, ông đi sang Tàu. Ông ấy nguyên lãnh chức lãnh-sự Pháp bên Thượng-hải, chánh-phủ Pháp sai ông nhân đi phó-lý, ghé lại nước Xiêm, nước Cao-miên, và nước Nam, thương-nghị về sự khai-thương ; đến nước Xiêm được tử-tế, sang Cao-miên cũng được tiếp rước tử-tế, khi đến nước ta,

thì Triều-đình ta không rước, chánh-phủ Pháp bất-bình, nhưng cũng không phải nhân việc ấy mà sang đánh nước Nam.

Nước Pháp sang đánh nước Nam là một sự ngẫu-nhiên, nhân một tình-trạng ở ngoài, không can-hệ chi đến nước ta, mà nước ta phải chịu kết-quả. Nguyên trong năm 1856, có một chiếc thương-thuyền treo cờ nước Anh đến Quảng-đông buôn thuốc phiện, quan Tổng-đốc cấm không cho buôn, đổ thuốc phiện xuống sông, chủ thuyền đòi bồi phí-tổn, quan Tổng-đốc không bồi, nước Anh sai binh-thuyền đến bắn tỉnh Quảng-đông, dân Khách nổi giận đốt phá các nhà của người Âu-tây, quan lãnh-sự Pháp phải bị hại, chánh-phủ Pháp sai một ham-đội đến Quảng-đông, và có lời dặn quan thủy-soái rằng xong việc tỉnh Quảng-đông sẽ sang nước Nam. Sang nước Nam làm cái gì ? Kẻ sử-học chưa biết.

Ngày 31 tháng tám năm 1858 quan thủy-soái Rigault de Genouilly đem 14 chiếc chiến-thuyền đến Tourane, ngày 1er tháng 9 bắn lấy đồn Sơn-trà, rồi đóng quân trên đất, dưới núi Sơn-trà. Trong đạo quân đến Tourane, có một ông quan nước Y-pha-nho và mấy trăm quân của Y-pha-nho hội-chiến. Quan thủy-soái Rigault de Genouilly đến cửa Tourane mà không đến cửa biển khác, là có ông giám-mục Pellerin đi theo, tưởng ông giám-mục trước có nói hễ quân Pháp đến Tourane, thì dân đạo ở trong nổi loạn để giúp sức, chẳng ngờ đâu quân nước Pháp đến đóng ở Sơn-trà đã hơn 3 tháng, không thấy dân trong nước nổi loạn, thỉnh-thoảng có một vài người giáo lén đến đưa tin mà thôi, còn dân An-nam bị Triều-đình cấm-chỉ không ai được tới lui với quân Pháp, giặc không thấy mà đánh, mà quân đóng tại chân núi Sơn-trà, khác phong-thổ phải đau chết nhiều, quan thủy-soái trách ông giám-mục Pellerin, ông buồn tình bỏ sang cù-lao Pinang.

Khi ông giám-mục đã đi, có người khuyên quan thủy-soái ra đánh Bắc-kỳ, kẻ thì nói vào đánh Nam-kỳ, quan thủy-soái quyết-định vào Nam. Ngày 2 tháng 2 năm 1859 để một mở quân ở lại Tourane, còn bao nhiêu vào Nam ; ngày 9 đến cửa Cần-giờ, 15 đến Bến-thành, 17 hạ thành Gia-định.

Khi mất tỉnh-thành, quan ta đóng tại đại-đồn Kỳ-hòa để cự lại, quân nước Pháp không tấn-tới được. Tháng 11 năm ấy quan thủy-soái Rigault de Genouilly về Tây, quan thủy-soái Page sang thay, chánh-phủ nước Pháp có dặn ông Page sang ký điều-ước : không lấy đất nước Nam, chỉ đòi tiền binh-phí, và xin giảng-giáo tự-do, khai-thương ba cửa biển trong nước Nam, và đặt một quan biện-lý công-sứ ở Huế, không biết ông Page có thương-thuyết không, hay là có thương-thuyết mà Triều-đình ta không ưng. Tưởng các quan ta lúc bấy giờ nghĩ rằng kháng-cự lâu ngày, quân nước Pháp không tấn-tới được thì phải bỏ mà về. Nếu nghĩ như vậy thì thiệt-thà quá !

Lúc bấy giờ nước Pháp phải rút quân ở Nam-kỳ đem sang bên Tàu cùng nước Anh đánh nước Tàu. Ngày 25 tháng 10 năm 1860 ký điều-ước ở Bắc-kinh xong, quan thủy-soái Charner đem cả quân bên Tàu về Nam-kỳ, tất cả 70 chiếc tàu, cả, cả tàu binh và tàu tải, và 3500 lính, ngày 24 tháng 2 năm 1861 lấy đồn Kỳ-hòa ; ngày 12 tháng 4 lấy thành Định-tường Mỹ-tho); tháng giêng năm sau, 1862, lấy thành Biên-hòa ; ngày 23 tháng 3 chiếm thành Vĩnh-long. Triều-đình ta thất-kinh, sai sứ cầu-hòa.

Tờ điều-ước ký tại Sài-gòn ngày 5 tháng 6 năm 1862 nhượng-giao cho nước Pháp ba tỉnh, Gia-định, Biên-hòa,

và Định-tường, và phải chịu 4 triệu đồng bạc binh-phí, tuy tờ ước ấy hai chánh-phủ đã duyệt-y, đã hỗ-giao tại Huế ngày 14 tháng 4 năm 1863, nhưng mà đức Dực-tôn có ý muốn tìm cách thu lại đất cũ. Tháng 6 năm ấy ngài sai ông Phan Thanh-Giản, Nguỵ Khắc-Đản, và Phạm Phú-Thứ sang Pháp thương-thuyết chuộc ba tỉnh. Lúc bấy giờ bên Pháp cũng có một đảng người ưng cho nước Nam chuộc ba tỉnh lại, Hoàng-đế nước Pháp ý cũng không muốn chiếm đất ở xa, nhưng hai ông thủy-soái Chasseloup Laubat, và De La Grandière cố xin y như điều-ước, sau ông De La Grandière sang làm Nguyên-soái Nam-kỳ tam-tỉnh, năm 1867 lấy luôn cả ba tỉnh phía tây, là Vĩnh-long, Châu-đốc và Hà-tiên.

Từ năm 1863 nước Đại-Pháp đã bảo-hộ nước Cao-miên, ở Sài-gòn sang Cao-miên, phải kinh-quá ba tỉnh của nước Nam ; vả lại lúc bấy-giờ ba tỉnh phía Tây tuy có quan kinh-lược, mà dân trong ba tỉnh ấy vẫn lo khôi-phục ba tỉnh phía đông, địa-vị nước Pháp rất khó, một là lấy cả sáu tỉnh, hai là trả lại ba tỉnh cho nước Nam. Nước Pháp có đủ sức mà lấy cả tỉnh tây. Ông Phan Thanh-Giản làm kinh-lược ba tỉnh phía tây, biết nước Pháp không thể để ba tỉnh ấy ở ngoài vòng, kháng-cự lại thì không nổi, đã phải hao người tốn của, mà đảo-đề cũng phải mất, chi bằng giao ngay cho rồi. Giao xong ba tỉnh rồi, thì lại sợ tội với Triều-đình, ông bèn uống thuốc độc tự-tử tại thành Vĩnh-long ngày mồng 5 tháng 7 năm 1867, là năm Tự-đức thứ 20.

V

Điều thứ năm tờ điều-ước năm 1862 nói dân nước Pháp và dân nước Y-pha-nho được tự-do thương-mãi trong ba cửa biển Tourane, Balat và Quảng-yên ; còn sông Nhị-hà chưa khai-thương mà năm 1873 ông Jean Dupuis muốn theo sông Nhị-hà lên Vân-nam, quan ta không cho, sinh ra một đoạn lôi-thôi trong sự giao-thiệp.

Ông Jean Dupuis là một người buôn có tánh mạo-hiểm, trước năm 1860 theo đạo binh Anh, Pháp sang đánh nước Tàu ; khi ký điều-ước Bắc-kinh rồi ông Dupuis ở lại bên Tàu buôn-bán. Lúc bấy giờ tỉnh Vân-nam có giặc Hồi-dân, ông Dupuis xin với quan Tổng-đốc Vân-nam đi mua súng đạn bán cho quân Tàu đổi lấy kẽm Vân-nam, quan Tàu cho phép ; nhưng ông Dupuis cũng biết rằng sự lên sông Nhị-hà là khó, không hợp với điều-ước năm 1862, cho nên đầu năm 1872 ông ở Paris, đến xin quan thủy-bộ thượng-thư là ông Amiral Pothuau giúp sức, quan thượng thủy trả lời rằng : « Hiện nay quân nước Đức chưa ra khỏi nước Pháp, Chánh-phủ Pháp không thể công-nhiên giúp ông được, nhưng chúng tôi có thể giúp tư ông, được chừng nào hay chừng ấy. Nếu ông đủ sức đi lướt qua được thì hay, nếu ông bị giết hay là người của ông bị giết, thì chúng tôi không can-dự ». Tuy quan thượng-thư nói vậy mặc dầu, ông Jean Dupuis là người can-đảm không thấy sự khó mà sợ, vả lại ông ở bên Tàu đã lâu, biết người Tàu và người An-nam lúc bấy-giờ, hễ việc gì mà làm cho bạo-giận thì người An-nam ta phải khiếp.

Ngày 9 tháng 11 năm 1872 ông đến Cửa-Cấm (Hải-phòng) với hai chiếc tàu hỏa và 1 chiếc tàu vận, chở khí-giới lên Vân-nam. Ông Lê Tuấn làm « Khâm-sai thị-sư » không cho đi. Lúc bấy giờ có một chiếc tàu binh của nước Đại-Pháp tên là *Le Bourayne* cũng đến Cửa Cấm, ông Senez quan năm tàu, mời ông Lê Tuấn xuống tàu ăn cơm và nói giùm cho ông Dupuis. Ông Senez nói rằng : « Nước Nam không thể đóng cửa mãi ở riêng ngoài thế-giới văn-minh ; hôm nay ông Dupuis đến xin khai-thương, mai sẽ có ông khác đến xin khai-thương, ông nào cũng xin về lẽ văn-minh tấn-bộ,

mà sự văn-minh tấn-bộ đã đến, thì không đồn-lũy súng-ống nào ngăn-trở được». Ông Lê Tuấn cũng hiểu lẽ không thể gàn-trở nổi sự tấn-bộ, nhưng nói dợi tâu xin Triều-đình định đặt thế nào. Ông Dupuis nói ngắn rằng nếu trong 15 ngày mà Triều-đình không cho hay là không trả lời thì ông cũng đi ! Cách 15 ngày không thấy trả lời, ông Dupuis cứ đi, ngày 22 tháng 12 năm ấy ông đến Hà-nội, quan Đại-sứ Nguyễn Tri-Phương nhất-định không cho đi, vì là ông Dupuis không có tư-cách gì mà được chở khí-giới sang Vân-nam, tuy ông có giấy của quan Tổng-đốc Vân-nam, và có người Tàu hay là quan Tàu đi theo thuyền, mà quan Tổng-đốc Vân-nam không có quyền phép gì mà truyền cho nước Nam. Tuy thuyền ông Dupuis phải cầm đóng tại Hà-nội, mà ông cũng chở hàng lên Vân-nam, và sai người vào Sài-gòn cầu-cứu với quan Nguyên-soái Nam-kỳ. Khi ông ở Hà-nội thì cách hành-chỉ của ông như là người thắng-quốc đối với bại-quốc ; Triều-đình ta cũng phàn-nàn với quan Nguyên-soái Nam-kỳ.

Quan Thủy-soái Dupré, làm Nguyên-soái Nam-kỳ, biết rằng ông Dupuis đến Hà-nội là trái với điều-ước năm 1862, nhưng có bụng giúp riêng ông ấy, bèn sai ông quan ba thủy Francis Garnier ra Bắc-kỳ. Quan Nguyên-soái sai ông Garnier ra Bắc mà không dặn-dò cho kỹ, bởi vì Chánh-phủ nước Pháp không muốn can-dự việc Bắc-kỳ. Ngày 17 tháng 7 năm 1873 quan Thủ-tướng nước Pháp, De Broglie Công-tước, điện cho quan Nguyên-soái Nam-kỳ rằng : « Quan-lớn không được lấy cớ gì mà can-dự đến việc ở Bắc-kỳ ». Tuy vậy mặc dầu, Triều-đình ta đã kêu, và ông Dupuis cũng kêu, cho nên phải sai ông Garnier ra Bắc, ngày 5 tháng 11 năm 1873 ông Garnier đến Hà-nội với hai chiếc tàu con và 90 quân, các quan ta trưởng ông Garnier ra đuổi ông Jean Dupuis rồi về, ông Garnier nói rằng quan Nguyên-soái Nam-kỳ sai ông ra xét việc Bắc-kỳ, điều-đình việc ông Jean Dupuis được chừng nào hay chừng nấy, và bàn sự khai-thương sông Nhị-hà. Hai bên ý-kiến không hợp nhau. Ngày 7 tháng 11, nghĩa là đến Hà-nội mới được 2 ngày, ông Garnier niêm-yết hiểu-thị cho dân rằng quan Nguyên-soái Nam-kỳ sai ông ra xem-xét việc Bắc-kỳ ; bờ biển Bắc-kỳ hay bị ăn cướp tàn-phá, người Đại-Pháp có ý trừ-khử đảng cướp để cho dân yên, người Đại-Pháp và người An-nam sẽ ăn ở với nhau như anh em bạn. Ngày 10 tháng ấy ông thấy quan ta hiểu-thị cho dân rằng ông ra mà đuổi ông Jean Dupuis, thì ông làm một tờ hiểu-thị khác mà cãi rằng ông ra điều đình việc ông Jean Dupuis được chừng nào hay chừng ấy, chớ không phải ra đuổi ông Jean Dupuis, và ông tính khai-thương sông Nhị-hà. Ngày 16 tháng ấy ông hiểu-thị khai-thương sông Nhị-hà !

Ông Garnier niêm-yết mấy tờ hiểu-thị ấy không hợp quốc-tế-công-pháp, vì là lúc bấy giờ Bắc-kỳ chưa thuộc về nước Pháp bảo-hộ, quan Đại-Pháp chưa có thể công-nhiên hiểu-thị cho dân, nhưng mà ông Garnier còn trẻ tuổi, cho nên hành-động không được cẩn-thận. Ngày 19 tháng 11 năm 1873 ông gửi tối-hậu-thơ cho ông Nguyễn Tri-Phương, sáng 20 đánh thành Hà-nội, 6 giờ sáng khởi-sự, 7 giờ lấy thành-quan Nguyễn Tri-Phương bị thương cách ít ngày mất, con ngài là ông Phò-mã Nguyễn Lâm tử-trận ; còn bên ông Garnier chỉ có một tên lính Khách theo ông Dupuis chết và hai người bị thương nhẹ. Sau trong 15 ngày ông Garnier lấy luôn thành Nam-định, Hải-dương và Ninh-bình.

Xưa nay chưa thấy ai đến nước người ta, có ít quân-lính mà lấy được

thành dễ như vậy. Đại-tướng là ông Francis Garnier chưa đầy 32 tuổi, các quan quân đi theo vừa được 90 người, hiệp với 90 người của ông Dupuis, cộng là 180, mà đối với 7 000 lính ta hạ thành Hà-nội trong một giờ đồng-hồ ! Ngày 2 tháng 12 ông Garnier đi với chiếc tàu *Le Scorpion* và 25 tên tinh thủy đến lấy thành Nam-định không đầy một giờ đồng-hồ ; ông quan hai thủy Balny đi với 15 tên lính lấy thành Hải-dương ; ngày 5 tháng 12 ông quan một thủy Hautefeuille mới có 21 tuổi đi với 7 tên lính và một chiếc sà-lúp đến lấy thành Ninh-bình, lúc ra ở Hà-nội và Nam-định có bắn mấy tiếng súng, còn đến Hải-dương và Ninh-bình thì quan tỉnh mở cửa thành đi võng lọng ra rước ! Bây giờ nghe nói trận giặc kinh-thiên động-địa bên Âu-châu, nghĩ đến lúc đánh giặc ở Bắc-kỳ như trò chơi của trẻ con, kẻ học sử không hiểu lúc bấy giờ nước ta tổ-chức thế nào mà suy-yếu đến thế !

Triều-đình ta thấy vậy thất-kinh, sai ông Trần Đình-Túc ra Hà-nội và tư tờ kêu-nài với quan Nguyên-soái Nam-kỳ, quan Nguyên-soái Nam-kỳ ngạc-nhiên, là vì Chánh-phủ nước Pháp không cho can-dự việc Bắc-kỳ, mà ông Garnier ra đánh lấy các thành, lấy tuy dễ chưa chắc giữ được dễ, bất-miễn Chánh-phủ quở trách, bèn sai ông Philastre ra Bắc điều-đình. Ông Philastre ra ghé Tourane rước ông Nguyễn Văn-Tường cùng đi, ra đến Hà-nội, ông Garnier đã mất.

Ngày 21 tháng 12 ông Garnier mời ông Trần Đình-Túc ở Huế mới ra đến ăn cơm trưa, ăn vừa xong, nghe báo quân Cờ-đen đến đánh thành Hà-nội, ông Garnier lên thành bắn mấy phát, quân Cờ-đen chạy thoát về đàng phủ Hoài-đức, ông Garnier đi với mấy tên lính đuổi theo, đến Cầu-giấy bị quân Cờ-đen núp trong tre bắn chết. Ba ngày sau, 24 tháng 12, ông Philastre và ông Nguyễn Văn-Tường đến Hà-nội, ông Philastre rút quân về cả Hà-nội, rồi để ông Rheinart ở lại, còn bao nhiêu kéo về Sài-gòn. Triều-đình ta sai ông Nguyễn Văn-Tường vô thương-ký tờ hòa-ước ngày 15 tháng 3 năm 1874.

Tuy ông Francis Garnier ra Bắc-kỳ làm sự bạo-hành, trái với ý-kiến Chánh-phủ nước Pháp, nhưng mà quan nguyên-soái Nam-kỳ cũng nhân đó mà ký một tờ ước có ích cho nước Pháp. Tờ ước ấy nhận nước Pháp có chủ-quyền toàn cả đất Nam-kỳ ; nguyên tờ-ước năm 1862 chỉ giao cho nước Pháp ba tỉnh Gia-định, Biên-hòa và Định-tường, còn ba tỉnh Vĩnh-long Châu-đốc và Hà-tiên đến năm 1867 quan Nguyên-soái La Grandière lấy không, không có điều-ước, không có Chánh-phủ duyệt-y ; tờ ước năm 1874 nhận nước Đại-Pháp có chủ-quyền cả đất Lục-tỉnh, thì ba tỉnh phía tây mới thiệt thuộc về nước Đại-Pháp. Hai là tờ ước năm 1874 nước Nam nhận nước Pháp bảo-trợ, và việc ngoại-giao của nước Nam phải nương theo việc ngoại-giao của nước Pháp. Tờ ước ấy lợi cho nước Pháp mà nặng cho nước Nam, thế mà có người Pháp trách ông Philastre bỏ Bắc-kỳ, còn bên ta có người khen ông Nguyễn Văn-Tường, người khen ông Trần Đình-Túc thương-thuyết giỏi cho nên thu-phục được Bắc-kỳ ; kỳ-thiệt lúc bấy giờ nước Pháp không muốn lấy Bắc-kỳ, có tờ điện ngày 17 tháng 7 năm 1873 của quan Thủ-tướng nước Pháp gửi cho quan Nguyên-soái Nam-kỳ làm bằng chứng.

VI

Tờ điều-ước năm 1874 tuy nặng cho nước Nam, nhưng mà nước Pháp tặng cho nước ta năm chiếc tàu binh, 100 cây súng đại-bác, 1000 cây súng

tay, và hứa rằng nước Nam muốn rước người Pháp để dạy học, để tập quân bộ, quân thủy, và người chuyên-môn để sửa việc tài-chính, việc thương-chính và công-tác, thì nước Pháp sẽ giúp ; nước ta lại được đặt Công-sứ ở Sài-gòn và ở Paris (*điều 4 và 20*). Nếu Triều-đình ta biết lợi-dụng tờ điều-ước ấy, thì nước ta đã hưng-vượng đã lâu ! Khổ rằng điều-ước ký xong thì xếp vào tủ, tàu đậu một chỗ, ăn cướp biển cứ phá như trước, súng-ống để trong võ-khố, ăn cướp bộ hoành-hành hơn xưa, việc học thì cứ làm thì làm văn như cũ, không rước một ông thày mới mà cứ dùng quân ăn cướp Cờ-đen và đi lại với nước Tàu, có ý mượn người Tàu sang giúp việc. Nước Pháp thấy người Pháp ở Bắc-kỳ không yên, và thấy Chánh-phủ nước Tàu sắp sai quân sang Bắc-kỳ, phải sai quan quân ra Hà-nội để giữ-gìn lợi-quyền nước Pháp.

Ngày 2 tháng 4 năm 1882, ông quan năm thủy Henri Rivière đến Hà-nội với 2 chiếc tầu chiến nhỏ (*Canonnières*) và 500 quân, ông Henri Rivière tuy làm quan binh, mà là một người văn-sĩ có danh bên nước Pháp, khi ông đến Hà-nội, ông đến thăm quan Tổng-đốc Hoàng Diệu và tỏ ý rằng ông đến đề mà bảo-hộ người nước ông và giữ-gìn lợi-quyền nước Pháp, chớ không có ý lấy Bắc-kỳ; quan Tổng-đốc không đi thăm lại, và thúc binh sửa dọn thanh-trì, có ý nghi-kỵ, các quan binh người Pháp đi vào trong thành chơi, thì binh ta ngăn-trở, mấy lần quan Tuần quan Án đến thăm, ông quan năm đã nhờ hai ông ấy về nói với quan Tổng-đốc phải triệt-binh và đừng sửa thành-lũy, quan Tổng-đốc không nghe. Sáng ngày 25 tháng 4, là hai-mươi-ba ngày sau ông đến Hà-nội, ông gửi cho quan Tổng-đốc một cái tối-hậu-thơ, ông hạn cho quan Tổng-đốc rằng đến 8 giờ sáng hôm ấy quan Tổng-đốc, Tuần-phủ, Bố-chánh, Án-sát, Đề-đốc và chánh phó Lĩnh-binh, phải ra Đồn-thủy, giao thành cho ông sắp-đặt tùy-ý, rồi ông sẽ giao lại cho mà cai-trị như cũ, ông lại nói thêm rằng kỳ-hạn tuy ngắn, nhưng « quan-lớn biết đã lâu rằng việc có thể đến sẽ đến ». Đúng 8 giờ quan Tổng-đốc không trả lời, ông quan năm đánh thành Hà-nội, 11 giờ hạ thành ! Quan Tổng-đốc Hoàng-Diệu đến mấy cây gần cửa bắc thắt-cổ tự-vẫn (mấy cây bây giờ còn ở gần trường Lycée Hà-nội),

Chín năm trước ông Francis Garnier chỉ có 180 người mà lấy thành Hà-nội trong một giờ đồng-hồ, bây giờ ông Henri Rivière có 500 người mà đánh đến 3 giờ đồng hồ mới lấy được thành, nhưng cũng là mau, cho nên ông quan năm nói « lấy thành theo lối cũ » (*c'est une prise classique !*) Ngày 29 tháng ấy ông viết thơ giao thành cho quan Án, chỉ giữ cửa bắc và cửa đông ; để cho quan Án 200 lính hầu, còn bao nhiêu bãi hết, ông nhận canh phòng thành-phố, nếu xảy chuyện chi ông xin chịu.

Khi thành Hà-nội bị hãm, nước Tàu can-dự, Chánh-phủ Tàu thương-thuyết với công-sứ Pháp ở Bắc-kinh, công-sứ Tàu thương-thuyết với chánh-phủ Pháp tại Paris, quan nguyên-soái Nam-kỳ trách ông quan năm Henri Rivière và bảo phải giữ hiện-tình không được động-binh. Tuy vậy mặc dầu, quan Võ Trọng-Bình Tổng-đốc Nam-định cũng phòng-bị, ông quan năm sợ đàng xuống biển không thông, ngày 27 tháng 3 năm 1883 ông đi với 400 lính đánh lấy thành Nam-định, khi nghe tin ấy, Chánh-phủ nước Pháp điện cho quan nguyên-soái Nam-kỳ « bảo ông Rivière phải giữ hiện-tình, giữ Nam-định, nếu không có sự gì nguy-hiểm thì không được động-binh ».

Lúc ông Henri Rivière ở Hà-nội thỉnh-thoảng kéo binh đi tuần-tập chung quanh tỉnh-ly, sớm đi tối về. Ngày 19 tháng 5 năm 1883 ông cũng đem binh đi tập như mấy bữa trước, ông đi xe song-mã, đến Cầu-giấy chỗ ông Francis Garnier bị giết năm trước, ông cũng phải quân Cờ-đen mai-phục bắn chết !

VII

Khi ông Henri Rivière đã lấy thành Hà-nội, thì nước Tàu cũng sai quân sang muốn giành Bắc-kỳ lại, lúc bấy giờ ông Jules Ferry làm Thủ-tướng nước Pháp, ông có ý muốn giữ Bắc-kỳ, không cho nước Tàu lấy, nhân nghe tin ông Henri Rivière bị giết, bèn xướng lên nghĩa phục-thù, sai quân thêm sang Bắc-kỳ. Ngày 27 tháng 5 năm 1883 ông Thomson Nguyên-soái Nam-kỳ điều-trần rằng muốn lấy Bắc-kỳ trước phải đánh cửa Thuận-an, « Đức Tự-Đức tai có nghe tiếng súng mới chịu ký hòa-ước ». Vì có tờ điều-trần ấy, Chánh-phủ nước Pháp sai ông Harmand sang Bắc-kỳ làm Khâm-sai, ông Đại-tướng Bouët coi quân bộ, ông Thủy-soái Courbet coi quân thủy.

Ba ông ấy hội nhau tại Hải-phòng bàn việc, phần ông Đại-tướng Bouët đánh Hải-dương và Sơn-tây, ông Thủy-soái Courbet và ông Harmand vô Huế. Ngày 16 tháng 8 năm 1883, bảy chiếc tầu binh lớn nhỏ hội tại Tourane, ngày 17 ra đậu trước cửa Thuận-an, ông Thủy-soái đưa tối-hậu-thơ, mà Đức Dực-Tôn đã băng-hà vừa một tháng (17 Juillet 1883), linh-cữu còn để tại điện Cần-thành, chưa làm lễ ninh-lăng, Đức Hiệp-hòa đương ở ngôi, nghe tin thất-kinh, sai ba ông Trần Thúc-Nhẫn, Nguyễn Thành-Ý và Phạm Như-Xương đi xin đình-chiến, quan ta đi bằng thuyền ra biển đến tầu chiến không được, ông Trần Thúc-Nhẫn tức mình nhảy xuống biển tự-tử. 5 giờ chiều ngày 18 bắn đồn Thuận-an, sáng 19 lấy cửa Thuận, ông Hữu-quân Lê Sĩ và ông Tham-tri Lâm Hoằng đều tử-trận.

Triều-đình sai quan Lại-bộ Thượng-thư Nguyễn Trọng-Hiệp đi cầu-hòa, ông Harmand bảo phải triệt cả các đồn từ cửa Thuận-an đến Kinh-thành rồi mới bàn việc hòa. Ngày 25 tháng 8 năm 1883 các quan hội tại tòa sứ Huế ký tờ hòa-ước.

Theo tờ hòa-ước này thì nước Nam nhận nước Pháp bảo-hộ ; nước Pháp thay nước Nam về sự ngoại-giao ; nước Pháp nhận giữ-gìn trọn-vẹn bờ-cõi nước Nam, giẹp giặc ở ngoài và trị loạn ở trong, tỉnh Bình-thuận sáp vào Nam-kỳ, tỉnh Hà-tĩnh Nghệ-an Thanh-hóa sáp vào Bắc-kỳ ; Bắc-kỳ bảo-hộ một cách riêng, mỗi tỉnh có thể đặt một quan Công-sứ, Trung-kỳ bảo-hộ khoan hơn, vua ta cai-trị như cũ, ở Huế đặt một quan Khâm-sứ mà thôi, nhưng quan Khâm-sứ có quyền vào chầu riêng vua ta ; việc thương-chánh và công-tác, quan Đại-Pháp coi sóc.

Tờ ước ấy nặng cho Trung-kỳ, đất Trung-kỳ chỉ còn từ Đèo-ngang đến cuối tỉnh Khánh-hòa, còn phần nước Pháp thì lợi, đối với nước Tàu thì nước Pháp rõ-ràng bảo-hộ nước Nam. Tuy vậy mặc dầu, sự thi-hành không dễ, ở Huế thì đức Hiệp-hòa bị cất, đức Kiến-phước nối ngôi, ông Khâm-sứ De Champeaux không chầu được, mãi đến ngày 5 tháng giêng năm 1884 ông Tricou thay cho ông De Champeaux mới được triều-kiến vua tại điện Thái-hòa. Còn phần nước Tàu cố chống tờ ước ấy, ở bên Tàu thì Lý Hồng-Chương cứ làm Tổng-đốc Trực-lệ mà lãnh Tổng-đốc Lưỡng Quảng để tiết-chế cho dễ đạo quân Tầu đóng ở Bắc-kỳ. Ở Paris thì ông Tăng Kỉ-Trạch con ông Tăng Quốc-Phiên, người Pháp gọi là « Marquis Tseng » làm công-sứ, nước Tàu kêu nài, một là nước Nam còn là chư-hầu của Tàu, vua nước Nam còn giữ ấn của vua Tàu phong, và nước Tàu lại xin cắt đất Bắc-kỳ từ

tỉnh Hưng-hóa đến tỉnh Bắc-ninh để cho nước Tàu dễ giữ bờ-cõi. Ông JULES FERRY không nghe, nhất-diện thương-thuyết với Tàu rút quân ở Bắc-kỳ về, nhất-diện sai ông PATENÔTRE sang Huế ký tờ ước khác và lấy ấn của vua Tàu phong cho vua ta trả lại cho Tàu. Ông PATENÔTRE đến Huế ký tờ hòa-ước cuối cùng với nước ta là tờ ước ngày 6 tháng 6 năm 1884, tờ ước này không khác tờ ước năm 1883, duy để cho Trung-kỳ tỉnh Bình-thuận và tỉnh Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa; ông JULES FERRY nói rằng : « Trung-kỳ Bắc-kỳ đã phải bảo-hộ hai cách khác nhau, thì phải để cho Trung-kỳ đủ đất mà mở-mang ». Còn ấn của Tàu phong cho vua ta, Triều-đình ta chịu giao, nhưng xin đừng trả lại cho Tàu, sợ bỉ mặt nước Tàu, bèn đóng mấy bản để làm kỷ-niệm, rồi đốt ấn ấy tại nhà sứ Huế trước khi ký tờ ước.

VIII

Tuy tờ ước đã ký, ấn của Tàu đã tiêu, mà nước Tàu không chịu rút quân ở Bắc-kỳ về, sau nước Pháp phải đánh Phúc-châu (Foutchéou) và chiếm Đài-loan (Formose), nước Tàu mới chịu công-nhận Đại-Pháp bảo-hộ nước Nam. Còn phần nước ta thì tờ hòa-ước ấy đã định cuộc bảo-hộ rồi, mà năm 1885 còn xảy ra sự thất-thủ Kinh-thành là một sự ngẫu-nhiên, cho nên người Pháp gọi việc thất-thủ Kinh-thành là « sự ẩn-phục ở Huế » (*le guet-apens de Huế*).

Chiếu theo tờ ước thì nước Đại-Pháp bảo-hộ nước Nam và nhận giữ bờ-cõi nước Nam cho được hoàn-toàn, và phải giẹp giặc ở trong, cự giặc ở ngoài, nhưng lúc bấy giờ ở Bắc-kỳ rối-loạn như tơ vò, phần thì quân Tàu còn chiếm mấy tỉnh Thượng-du, phần thì quân Cờ-đen chưa ra khỏi đất ta, phần thì quân vô-lại trong nước nhân đó mà tụ đảng cướp phá dân ta. Nghĩa-vụ của nước Đại-Pháp phải chọn một người có đủ tư-cách mà giẹp loạn cho yên, và sắp-đặt việc bảo-hộ ; Chánh-phủ nước Pháp đặt ông Đại-tướng DE COURCY làm chức Tổng-thống Trung-Bắc lưỡng-kỳ quân-vụ, và kiêm sung chức Trung-Bắc lưỡng-kỳ Toàn-quyền. Ngày 30 tháng 5 năm 1885 ông đến Bắc-kỳ, trước khi vào Huế ông đã nghe người ta kể chuyện hai ông phụ-chánh NGUYỄN VĂN-TƯỜNG và TÔN-THẤT THUYẾT, ông đã bất-bình, ông bèn định vô Kinh một cách oai-nghi. Ngày 2 tháng 7 ông đến Huế, đem theo hơn 800 lính *zouaves* và lính *chasseurs* (ta gọi là lính quần rộng hay là lính Á-rập), Kinh-thành treo cờ và bắn 19 phát súng mừng, nhưng mà quân ta thấy ông đem lính nhiều đã có lòng sợ. Sáng mồng 3 ông ủy ông LEMAIRE và DE CHAMPEAUX thương-thuyết với Triều-đình ta về lễ triều-kiến, còn ông thì đi coi sắp lính ở Mang-cá. Hai ngày thương-thuyết một việc triều-kiến không xong ; các quan ta xin các quan Pháp vào chầu không mang gươm, việc ấy không được ; sau xin quan Toàn-quyền vào cửa Ngọ-môn đi cửa giữa, còn các quan hầu đi cửa một bên, ông LEMAIRE và DE CHAMPEAUX có bộ bằng lòng cho xong việc, ông DE COURCY không chịu, ông nói rằng: « Không những tôi muốn các quan theo tôi đi cửa giữa, mà quân lính theo tôi cũng đi cửa giữa ». Quan ta ngạc-nhiên, kế đó tam-cung và đình-thần đem đồ-vật sang tặng, ông khước không nhận. Ông khước lễ tặng là chân-tình, vì là ông là quan binh, không biết lễ tặng, và ông xưa nay chưa sang Á-đông, không biết cách giao-thiệp bằng lễ-vật, nhưng mà các quan ta lấy làm ngại. Vả lại từ bữa ông Toàn-quyền đến Kinh chỉ thấy ông NGUYỄN VĂN-TƯỜNG và các quan Cơ-mật đến nghênh-tiếp và thương-thuyết,

còn ông TÔN-THẤT THUYẾT giả đau hay là thiệt đau không biết, không đến nhà sứ, quan Toàn-quyền hay hỏi thăm, các quan ta tưởng quan Toàn-quyền giận ông TÔN-THẤT THUYẾT không đến cho nên nổi gắt, bèn đến bộ ông THUYẾT khuyên ông gắng sang thăm quan Toàn-quyền, ông THUYẾT không đi. Tối mồng 4 tháng 7 tây, ông DE COURCY mời các quan Tây ăn tiệc tại lầu sứ, độ 11 giờ đêm tiệc xong, các quan khách chưa về, bỗng nghe súng bên thành bắn sang lầu sứ và bắn lên Mang-cá ! Một giờ sáng ông DE COURCY điện hiện-tình cho Pháp-đình biết, đến 3 giờ sáng ông lại điện nữa nói rằng: « Tôi đương ngồi tại lầu sứ, nghe tiếng súng bắn bên Mang-cá, tiếng súng của ta thắng hơn ». Chín giờ sáng ngày 5 cờ tam-sắc đã treo trên kỳ-đài thành Huế !

Ông TÔN-THẤT THUYẾT phò Đức HÀM-NGHI và tam-cung ra trường thi làng La-chử, rồi ra Quảng-trị ; cuộc bảo-hộ cơ-hồ tan mất, vì là quan Toàn-quyền sang bảo-hộ nước Nam chưa yết vua mà vua đã chạy, thì bảo-hộ ai? Ông DE COURCY cũng lúng-túng không biết tính thế nào, điện hỏi Chánh-phủ nước Pháp, Chánh-phủ cũng lúng-túng, vì là nước Nam bấy giờ mới vào dưới bảo-hộ, chưa thuộc về Bộ nào, không có quan Thượng-thư nào chuyên lo việc nước Nam, Chánh-phủ bèn trả lời cho ông DE COURCY rằng « làm cho khá hơn » (*faire pour le mieux*). Ông DE COURCY nghĩ rằng đổi bảo-hộ ra thuộc-địa thì không tiện, bởi vì nước Pháp đã ký điều-ước tại Thiên-tân với Tàu, Tàu nhận nước Pháp bảo-hộ nước Nam, bây giờ đổi ra thuộc-địa, sợ Tàu can-thiệp lôi-thôi. Đặt vua khác cũng không tiện, bởi vì sợ vua cũ ở ngoài phản-đối ; bèn định rước Đức HÀM-NGHI về. Khi quan ra Quảng-trị, thì ông THUYẾT đưa Đức HÀM-NGHI lên Tân-sở, trên núi Cam-lộ, ông DE COURCY sợ ông THUYẾT chạy ra Bắc, bèn sai quan quân phòng-triệt đàng ra Bắc, ông THUYẾT đưa vua vào núi, sau bỏ đức HÀM-NGHI ở trên núi tỉnh Quảng-bình, ông thoát sang Tàu. Quan Toàn-quyền DE COURCY lặc hạn cho ông NGUYỄN VĂN-TƯỜNG tìm Đức HÀM-NGHI không được, đầy ông TƯỜNG sang cù-lao Tahiti, đem quan Tổng-đốc Hà-nội NGUYỄN HỮU-ĐỘ và quan Tổng-đốc Nam-định PHAN ĐÌNH-BÌNH về Kinh. Đến ngày 19 tháng 9 năm 1885 tôn Đức ông Kiên-giang Quận-công là con thứ hai của Đức DỰC-TÔN lên ngôi, niên-hiệu ĐỒNG-KHÁNH. Ngày 8 tháng 4 năm 1886 ông PAUL BERT sang thay ông DE COURCY làm Trung Bắc Toàn-quyền.

Ông TÔN-THẤT THUYẾT làm việc đêm mồng 4 tháng 7 rất giỏi ! Người Pháp nói ông không ưng bảo-hộ cho nên làm như vậy, ông không ưng bảo-hộ là tình riêng của ông, ông không được phá tờ ước của vua đã duyệt-y. Có người nói ông sợ quan Toàn-quyền DE COURCY bắt ông, cho nên làm liều, nếu ông sợ quan Toàn-quyền, thì sang thăm ông DE COURCY mà giải-nghi, có lẽ ông DE COURCY thấy ông làm việc được mà để ông lại cũng có ; nếu không cho ông làm Phụ-chánh thì thôi, thượng-thư các nước văn-minh khi vua không ưng, hay là dâu không ưng, thì từ-chức là sự thường, có ai dám nhân việc riêng mà hại việc nước. Có người lại nói ông là con nhà tướng mà lại tài dụng-binh, cho nên ông muốn đánh với người Pháp một trận. Ông có hư-danh dụng-binh giỏi, kỳ-thiệt không giỏi chi, trước ông làm Tổng-đốc Bắc-ninh, kiêm-quản tỉnh-biên phó-sứ, ông có bắt được vài đảng cướp, thì việc ấy ai làm cũng được. Khi ông về Triều, chức tước tuy to, mà cũng không làm được việc chi, ông lập mấy đội « phấn-nghĩa » để

đi theo võng ông, chớ không phải để đánh giặc ; ông lại lập một Tân-sở tại sơn-phòng tỉnh Quảng-lrị, phòng khi đánh thua chạy đến đó, cái đó lại thất-sách lắm, vì chỗ Tân-sở là nơi tử-địa, nếu ông ở đó thì trước sau cũng phải bắt, hay là bị nước độc mà chết, hay là hết lương bị đói, rồi đầu-hàng hay là chết đói ; nói rút lại, ông là người vô-học, tuy biết chữ mà không học-thức, chẳng may làm đến Phụ-chính, cho nên làm bậy đến nỗi vua vì ông mà phải mất ngôi, dân vì ông mà phai cực khổ mấy năm, còn thân ông kết-cục phải bỏ nơi nước khác !

IX

Xem các việc phô-tự trên này, thì nước Đại-Pháp nguyên không có lòng lấy nước Nam, cũng như ông LE MYRE DE VILLERS đã nói. Năm 1859 đến đánh Nam-kỳ là một sự ngẫu-nhiên ; năm 1873 ông FRANCIS GARNIER đã lấy bốn thành ở Bắc-kỳ giao lại vì là chánh-phủ không ưng; đến khi tờ ước ngay 6 tháng 6 năm 1884 đủ định cuộc bảo-hộ rồi, mà dư-luận bên Pháp cũng không muốn lấy nước Nam. Trong Hạ-Nghị-viện ngày 23 tháng 12 năm 1885 chỉ có 274 ông nghị-viên ưng giữ Bắc-kỳ đối với 270 ưng bỏ, nghĩa là chỉ có 4 ông ưng lấy Bắc-kỳ. Còn phần ta nếu trước việc Nam-kỳ mà Triều-đình ta biết cải-lương theo lối văn-minh mới thì ta có thể chiếm được một địa - vị vinh-hiển bên Á - đông, dưới nước Nhật mà trên nước Xiêm. Từ lúc Đại-Pháp đã lấy Nam - kỳ, nếu ta bắt chước cách cai-trị mà sửa sang Trung-Bắc lưỡng-kỳ, thì cũng làm được một nước tự-chủ như nước Xiêm ; khi đã ký tờ hòa-ước năm 1874, nếu ta biết lợi-dụng những điều nước Pháp đã hứa nước ta thì cũng còn khá ; từ ngày điều-ước tối-hậu năm 1884 nếu ta biết cách thi-hành, thì đã tránh khỏi mấy năm cực khổ, mà sự tấn-bộ đã đi tới được đã lâu. Nhưng mà Triều-đình ta không làm chi cả. Từ khi có bảo-hộ, việc gì qui-quán có bảo làm mới làm, có việc phải đợi mãi, đến nỗi không làm được mới chịu làm ! Việc nước như việc nhà, con cực là tại cha mẹ không hay lo trước, dân cực là tại Chánh-phủ không ngó xa !

Các ông tiền-bối không biết tổ-chức nước ta, cho nên nước ta không được giàu-mạnh, là tại các cụ học sai, không phải tại học chữ nho mà tại cách học sai ; chữ nho cũng như các thứ chữ khác, đều là cái dấu để ghi tư-tưởng của người ta ; cách học của các cụ sai là các cụ chuyên học việc xưa bên Tàu, không rõ lợi hại nước nhà, cho nên nước mình nghèo-yếu mà không biết mình nghèo-yếu, người ta giàu-mạnh mà không biết người ta giàu-mạnh, không biết mình là khinh mình, không biết người là khinh người, khinh mình khinh người, mà lại thêm nghèo-yếu thì phải hư mất. Lẽ ấy hơn ba ngàn năm trước một nhà chánh-trị nước Tàu đã nói ; ông TRỌNG-ỦY tâu vua THÁI-GIÁP rằng : « *Vũ nhược kiêm công, tự thủ bại vong*, 侮弱兼攻, 自取敗亡 », nghĩa là khinh-dể và yếu, hai bệnh ấy gồm đánh, bên phải hư mất.

Ấy là việc dĩ-vãng, mà việc dĩ-vãng làm thầy cho tương-lai ; từ mấy năm nay Nhà-nước Bảo-hộ đã sửa-đổi sự học và chấn-chỉnh các việc, nhưng mà sự cải-lương mới bắt đầu, chúng ta còn phải theo một con đường dài mới đến nơi lạc-cảnh. Đi trong đường ấy thì lấy chi làm hộ-phù ? Ngày trước đã phải hai chứng bệnh tự-vũ tự-nhược, thì ta phải tự-kỉnh tự-cường. Tự-kỉnh tức là tự-cường. Tự-kỉnh là mỗi người chẳng luận làm nghề gì phải biết rõ sức mình, biết rõ nghề mình, nếu mình có sự gì xấu thì bỏ ngay, ai có sự gì hay thì bắt chước, mình kém thua người ta thì phải lo làm cho bằng

người ta, mỗi người lại phải lưu-tâm về việc xã-hội một thì, sửa-sang xã-hội ta cho tử-tế hơn xưa ; nếu được như vậy, thì đàng văn-minh tấn-bộ tuy dài, mà có Đại-Pháp chỉ-dẫn thì chẳng bao lâu chúng ta đi cũng đến.

Tổng-đốc THÂN TRỌNG-HUỀ.

CHÍNH-SÁCH CỦA ĐẠI-PHÁP ĐỐI VỚI THUỘC-ĐỊA

LỜI TUYÊN-BỐ CỦA QUAN THUỘC-ĐỊA-BỘ TỔNG-TRƯỞNG ALBERT SARRAUT

Quan Nguyên Toàn-quyền Đông-dương hiện sung Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng ALBERT SARRAUT, *sau khi vừa lĩnh chức trọng, có tuyên-bố cho báo* Le Temps *(Thời-báo) là một tờ báo rất có thế-lực ở Paris, về cái chính-sách của Đại-Pháp đối với các thuộc-địa. Sau đây xin dịch bài ấy ra quốc-văn, và lục-đăng cả nguyên-văn, cho quốc-dân ta biết cái chủ-ý của Nhà-nước Đại-Pháp muốn mở-mang các thuộc-địa thế nào. Lời đây là lời quan* SARRAUT *nói với người phóng-viên của « Thời-báo ».*

C'est, je crois bien, *Le Temps* lui-même qui posait naguère cette question : la France a-t-elle vraiment une politique coloniale ?

Je réponds : oui. Et j'ajoute que les circonstances semblent particulièrement propices à la définition précise de cette politique, telle qu'elle s'impose à l'heure actuelle, aussi bien qu'à ses accomplissements pratiques et concrets.

La doctrine, d'abord, qui doit accorder à la fois les intérêts et les sentiments d'une grande nation comme la nôtre, le programme d'action, la méthode d'exécution, — ces trois composantes essentielles d'une véritable « politique » — se dégagent désormais avec netteté, avec logique, de notre expérience coloniale, comme d'ailleurs des réalités immédiates. Nous pouvons voir clair dans ce que nous voulons faire et dans les moyens de le faire.

Tôi còn nhớ đâu chính « Thời-báo » độ trước có phát cái vấn-đề rằng : Nước Pháp thật có chính-sách gì đối với thuộc-địa không ?

Tôi xin trả lời rằng : có, và tôi lại nói thêm rằng cơ-hội này rất là tiện-lợi để mà giải-thích cho rõ-ràng cái chính-sách ấy thế nào là hợp với thời-buổi bây giờ, cùng đem cái chính-sách ấy ra mà thực-hành cho thành hiệu-quả.

Trước nhất là cái chủ-nghĩa, phải thế nào cho điều-hòa được cả phần nghĩa phần lợi của một đại-cường-quốc như nước ta, rồi đến cái chương-trình hành-động, rồi đến cái phương-pháp thi-hành, — phàm đã gọi là một « chính-sách » thời phải có ba cái yếu-tố như thế ; — nay xét sự kinh-lịch của ta ở thuộc-địa, xét ngay cái hiện-trạng nhỡn-tiền, đều thấy ba cái yếu-tố ấy xuất-hiện ra một cách rất phân-minh, rất thích-đáng vậy. Vậy thời ta có thể biết rõ được cái chủ-ý ta định làm gì và phải dùng những kế-hoạch gì cho làm được.

Précisons, si vous le voulez - en nous plaçant tout de suite en face de notre *situation* coloniale dans l'heure où je parle. Sans revenir, en effet, ce qui serait un peu long, sur les grandes raisons historiques, politiques, économiques qui ont nécessairement poussé la France dans la voie de l'expansion coloniale, je prends, tel quel, le fait accompli : l'effort français, à travers les épreuves ou les vicissitudes que vous connaissez, a doté la patrie d'un merveilleux domaine colonial.

Le problème de la mise en valeur

Ce patrimoine est aujourd'hui définitivement constitué. Le traité de paix a mis le point final à ce glorieux chapitre de notre histoire nationale. S'il reste encore, de-ci de-là, quelques points de détail à régler, d'accord avec nos Alliés, quelques zones à déterminer, l'ensemble de notre *empire* a dessiné d'un trait ferme ses limites et ses contours. La période de conquête, ou plus exactement d'expansion territoriale, est close. Et maintenant, notre effort total peut se consacrer au labeur de la seconde période, celle de l'organisation et de la mise en valeur.

Sur l'importance et la richesse de cet admirable domaine d'outre-mer, trop longtemps méconnu par notre opinion publique, la guerre a projeté brusquement un coup de lumière décisif. Cet empire colonial est apparu comme un des facteurs de notre victoire. Il a donné à la défense nationale près d'un million de combattants et d'ouvriers des travaux de guerre. Il a offert à la patrie au combat les ressources de toute sorte que recèlent ses territoires immenses ; et j'observe que cette dernière contribution, qui s'est chiffrée en valeur par des centaines et

Nay tôi xin nói ngay đến nơi cho ông nghe, cứ cái hiện-tình của nước ta về đường thuộc-địa đương giữa bây giờ. Vì tôi không muốn thuật lại làm chi cho dài dòng những lý-do lớn về lịch-sử, về chính-trị, về kinh-tế, đã khiến cho nước Pháp ta không thể không khoáng-trương thuộc-địa ra ngoài ; tôi lấy ngay cái sự thực đã thành mà nói, là nhờ công-phu của người Pháp ta, trải biết bao nhiêu nỗi gian-nan hiểm-trở ông đã biết, mà mẫu-quốc ngày nay có được một cõi thuộc-địa tốt-đẹp như vậy.

Cái vấn-đề lợi-dụng thuộc-địa

Cõi ấy hiện bây giờ đã thành hẳn rồi. Tờ hòa-ước vừa rồi là đánh nét chấm sau cùng vào cái thiên vẻ-vang trong quốc-sử ta ấy. Dẫu chỗ này chỗ kia còn một vài khoản nhỏ-nhặt phải hiệp-ý điều-đình với các bạn Đồng-minh ta, còn một vài khu đất phải hoạch-định cho rõ, nhưng đại-đề thời cái « đế-quốc » của ta bờ-cõi đã phân-minh lắm rồi. Cái thời-kỳ chinh-phục, hay là nói cho đúng hơn thời gọi là cái thời-kỳ khoáng-trương lĩnh-thổ, nay đã qua rồi. Bây giờ bao nhiêu tài-lực ta phải chuyên-chú cả vào cái thời-kỳ thứ nhì, là thời-kỳ kinh-doanh và lợi-dụng.

Cõi thuộc-địa tốt-đẹp ở ngoại-dương ấy, vĩ-đại và phong-phú là dường nào, dư-luận ta lâu nay vẫn không biết đến, nhân có việc chiến-tranh hốt-nhiên mới phát-minh-ra rõ-tỏ. Cõi thuộc-địa ấy thật đã có một phần công to trong cuộc chiến-thắng của ta. Thuộc-địa đã cung-cấp vào việc quốc-phòng tới non một triệu người vừa chiến-binh vừa công-binh ; đã cống-hiến cho mẫu-quốc đương chiến-đấu biết bao là sản-vật tiềm-tàng trong địa-hạt mênh-mông ; những khoản trợ-cấp ấy tính giá tới hàng trăm triệu, ấy là nước Pháp không có đủ tàu-bè mà vận-tải thêm,

des centaines de millions, eût été aisément triplée si la France avait eu assez de bateaux pour aller chercher tout ce que lui offraient ses colonies.

Facteur de victoire hier, le domaine colonial peut être aujourd'hui l'un des principaux facteurs de notre relèvement économique et financier. Il ne tient qu'à nous d'utiliser sans délai, en les obtenant à meilleur compte qu'ailleurs, les matières premières, denrées, marchandises accumulées dans nos possessions; dès maintenant, c'est près de trois millions de tonnes de produits divers qu'elles peuvent fournir à la France, aux besoins de son ravitaillement, de son industrie ou de ses échanges avec l'étranger. Il ne tient qu'à nous également de multiplier cette production, de l'accroître largement, et dans un délai assez rapide. Avant la guerre, c'est à peine si la France importait six ou sept millions de francs de ses produits coloniaux. Dans quelques années, c'est trois, et quatre et même cinq milliards de marchandises qu'elle pourra, si elle sait vouloir, obtenir de son domaine d'outre-mer, au mieux des intérêts de son change et de son activité industrielle et commerciale.

Le programme immédiat

Et dès lors, vous apercevrez les deux points sur lesquels un effort pratique doit immédiatement se porter. Organiser d'abord, avec le concours de l'initiative privée toujours préférable, en cette matière, à l'étatisme, une flotte, une marine coloniale, pour transporter en France, sous le pavillon national, des produits qui, depuis trop longtemps, sont inutilisés par nous ou naviguent sous le pavillon étranger vers des marchés extérieurs où nous allons les racheter. En second lieu, réaliser la prompte exécution dans nos colonies

chở nếu có nhiều tầu để đi vận tải ở các thuộc-địa về, thời có thể được đến gấp ba lần hơn không khó gì.

Bữa qua thuộc-địa đã giúp được Mẫu-quốc chiến-thắng, thời bữa nay cũng có thể giúp một phần to cho Mẫu-quốc khôi-phục, về đường kinh-tế, về đường tài-chính. Hiện ở trong tay ta có thể lợi-dụng ngay tức-thì, mua được rẻ hơn các nơi khác những nguyên-liệu, thực-liệu, hàng-hóa đương chứa-chất ở các thuộc-địa; ngay bây giờ có tới ngót ba triệu tấn những đồ sản-vật các thứ mà thuộc-địa có thể cung-cấp cho nước Pháp để dùng về lương-thực, về công-nghệ, hoặc để giao-dịch với ngoại-quốc. Lại ở tay ta muốn tăng-gia cái số sản-xuất ấy lên cũng được, muốn mở-mang cho nhiều cho rộng ra và chỉ trong một kỳ-hạn mau-mau cũng được. Trước chiến-tranh nước Pháp nhập-cảng những sản-vật của thuộc-địa không tới sáu bảy trăm triệu quan. Mấy năm nữa nếu chủ-ý làm thời có thể nhập-cảng của thuộc-địa tới ba, bốn, đến năm ngàn triệu đồ hàng được, thật là lợi cho đường hối-đoái, lợi cho việc công-nghệ thương-nghiệp trong nước nhiều lắm.

Cái chương-trình cần-thiết ngay

Đã biết thế thời rõ ngay có hai khoản nên tức-thì xuất-lực làm ngay. Thứ nhất là nhờ người riêng xướng-suất — việc này người riêng xướng-suất bao giờ cũng hơn là Nhà-nước chủ-trương, — mà tổ-chức lấy một đội thương-thuyền cho thuộc-địa, mang hiệu cờ của nước nhà, để vận-tải lấy những sản-vật ở thuộc-địa về Pháp, sản-vật ấy dã bao lâu nay ta không biết dùng đến, hoặc để cho tầu ngoại-quốc chở ra bán ở các thị-trường ngoài, rồi ta đến mà mua lại. Thứ nhì là phải thực-hành ngay ở các thuộc-địa một cái

d'un programme de grands travaux, s'appliquant à l'outillage économique, aux voies ferrées, routes, ports, comme à l'exploitation intense et méthodique des abondantes richesses du sol et du sous-sol.

Tel est le programme immédiat. Aucun de ces points n'a échappé à l'attention de mes prédécesseurs : l'inventaire des ressources de nos colonies, la détermination de leurs besoins en moyens de transport, l'établissement d'un plan de travaux publics ont fait l'objet de leurs études et des discussions de comités dont j'ai compulsé avec profit la documentation précieuse. Je revise en ce moment le plan de navigation comme le plan d'ensemble des travaux. La mise au point ne tardera pas.

Restera à passer aux réalisations : il est vrai que ce n'est pas le plus aisé. Je me borne pour l'instant à vous dire que j'ai repris les conversations utiles avec mes collègues des finances et de la marine marchande ; l'un et l'autre sont prêts à me donner tout leur concours. La solution « Navale », pour les colonies, se lie étroitement à la solution du problème de la marine marchande pour l'ensemble du pays ; l'association et l'intervention des colonies elles-mêmes, dans la constitution de l'instrument de navigation colonial, sont des moyens à ne pas négliger. J'ai là-dessus quelques projets que je vais faire examiner de près.

Quant à la solution « Financière », c'est-à-dire à la création des ressources nécessaires pour l'exécution d'un programme de grands travaux qui se chiffre à près de trois milliards, elle mérite réflexion, touchant le choix du meilleur système : budget extraordinaire, ou création du crédit national d'outre-mer, dont M. Klotz parlait naguère à la Chambre.

chương-trình những việc công-tác lớn thuộc về « kinh-tế dụng-cụ », về hỏa-xa, về đạo-lộ, về thương-cảng, cùng về cách khai-khẩn cho cực-lực và cho có phương-pháp những tài-sản phong-phú ở trên đất và ở dưới đất.

Đó là cái chương-trình cận-thiết ngay. Phàm các khoản đó không khoản nào là các quan trước tôi không lưu-ý : như liệt-kê những tài-sản của các thuộc-địa ta, định rõ các thuộc-địa cần đến những cách vận-tải thế nào, trù-liệu các việc công-tác, những khoản ấy các ngài đã từng nghiên-cứu, các ủy-hội đã từng bàn-luận, nay tôi tra-cứu trong bút-lục được nhiều điều ích-lợi lắm. Hiện bây giờ tôi đương kiểm lại cái dự-án về vận-tải và cái dự-án về công-tác, không bao lâu sẽ đính-định xong.

Xong rồi phải đem ra thực-hành, đến phần này mới là phần khó. Ngay bây giờ tôi hãy nói qua ông rõ rằng tôi đã tiếp-tục thương-thuyết với hai quan Tổng-trưởng bộ Tài-chính và bộ Hàng-hải, hai ngài đều sẵn lòng giúp tôi. Vấn-đề « vận-tải » của thuộc-địa phải giải-quyết liền với vấn-đề hàng-hải của toàn-quốc ; còn như các thuộc-địa muốn dự-phần hiệp-lực để tổ-chức lấy cái « hàng-hải dụng-cụ » cho mình, thời đó cũng là những phương-tiện nên xét. Thuộc về khoản đó tôi có mấy cái dự-án sắp giao cho xét lại kỹ.

Đến cái vấn-đề « tài-chính », nghĩa là làm thế nào cho kiếm được đủ tiền của để mà thi-hành cái chương-trình những việc công-tác lớn, tính ra tới ngót ba ngàn triệu, thời phải nghĩ kỹ nên chọn phương-pháp nào là hơn ; hoặc đặt ra sổ phi-thường-dự-toán, hoặc mở ra một cuộc cho vay cho thuộc-địa, như quan nguyên Tài-chính-bộ Tổng-trưởng Klotz bữa trước mới nói ở Hạ-nghị-viện,

La liberté d'action nécessaire

Mais, d'autre part, pour accélérer, une fois les plans arrêtés et les ressources obtenues, la tâche de réalisation dans laquelle les gouvernements locaux des colonies sont appelés à jouer le rôle essentiel, il m'apparaît indispensable de délivrer leur initiative, leur faculté d'action, des entraves étroites que leur impose une centralisation trop rigide. J'ai pu, comme gouverneur général, apprécier à quel point était devenue pesante et surannée la législation réglementaire conçue, dès l'origine, pour guider et diriger les premiers pas de notre administration coloniale. Les vêtements de l'adolescent ne sont pas faits pour l'adulte. Nos gouvernements coloniaux sont encore enserrés par les lisières des vieux textes qui paralysent leurs mouvements. L'action créatrice qu'on va leur demander réclame une liberté, une promptitude et une hardiesse qu'elle n'obtiendra que d'une décentralisation assurant, selon la juste expression de M. Henry Simon, l'autonomie plus large de ces gouvernements. Sous le haut et constant contrôle du ministre et du Parlement, l'initiative de ces gouvernements doit pouvoir se donner libre carrière sur place, avec la collaboration des organismes locaux de délibération et de consultation, des représentants des colons et des représentants de la population indigène, dûment élus ou choisis, non point selon un mode uniforme, mais suivant des procédures sagement adaptées aux stades très différents d'évolution de nos diverses colonies.

La doctrine coloniale française

Et lorsque je parle de la collaboration de l'association des indigènes à l'œuvre

Phải cần có quyền tự-do hành-động.

Nhưng xét về phương-diện thực, khi dự-án đã định, tài sản đã có, một phần việc các chính-phủ mỗi thuộc-địa phải ra tay thực-hành, muốn cho thực-hành được mau thời tôi tưởng tối-cần là phải mở rộng quyền cho các chính-phủ ấy được tự-do hành-động, đừng có bó-buộc ngăn-trở quá theo cái lối « qui-tập trung-ương » như bây giờ. Tôi làm Toàn-quyền thuộc-địa đã từng biết những luật-lệ bởi xưa đặt ra là chủ để chỉ đường đưa giắt cho các quan thuộc-địa lúc mới đầu, bây-giờ thành phiền-hà và cổ-kỹ quá, khác nào như quần áo mày cho đứa con trai, đem mặc cho người lớn không vừa nữa. Các chính-phủ thuộc-địa ta hiện còn như bó-buộc trong những luật-lệ cũ, làm cho trở-ngại sự vận-động. Bây giờ định giao cho các chính-phủ ấy cái trách phải sáng-tạo quyết-hành, thời phải để cho được quyền tự-do, được quyền ứng-thời quả-quyết, muốn thế thời phải dùng lối « phân-tán địa-phương » mới được, khiến cho — như lời quan nguyên Thuộc-địa-bộ Henry Simon đã nói rất đúng — các chính-phủ ấy được rộng quyền « tự-trị » hơn. Trên thời quan Tổng-trưởng với Nghị-viện vẫn hằng giám-đốc, nhưng dưới phải để cho các chính-phủ địa-phương được tự-do cử-chỉ, mỗi xứ nhờ có các hội-nghị bàn-định tư-vấn giúp, nhờ có những đại-biểu của bọn thực-dân, của người bản-xứ, công-nhiên bầu ra hoặc cử lên, cách bầu-cử ấy không phải là đâu-đâu cũng nhất-luật, nhưng phải tùy theo cái trình-độ tiến-hóa của các thuộc-địa mà khéo đặt cái thủ-tục cho thích-hợp.

Cái chủ-nghĩa khai thuộc-địa của nước Pháp.

Tôi nói nên để người bản-dân hiệp lực giúp vào cái công sáng-tạo của

créatrice des gouvernements locaux, je touche à ce qui est la caractéristique même de notre politique coloniale actuelle, à ce qui est proprement ce que j'appelais tout à l'heure notre doctrine, la conception colonisatrice d'un grand pays comme le nôtre, qui doit dans ce domaine d'action comme dans tous les autres, établir le bon accord de ses sentiments et de ses intérêts.

Or, nos intérêts les plus pratiques s'unissent à notre idéal le plus haut pour commander une *politique indigène* digne des traditions de la France et de sa mission civilisatrice. La grande besogne économique, l'œuvre réaliste de création de richesses, qui est l'essence de la colonisation, ne peut s'accomplir et se poursuivre, dans ces territoires lointains, qu'au milieu d'une paix et d'une sécurité reposant fortement sur le loyalisme des millions d'indigènes que nous gouvernons. Nos colons, nos entreprises industrielles ou commerciales ne peuvent aller exposer leurs capitaux et déployer leurs énergies que dans des pays où la confiance et le concours des autochtones leur donneront fermement toutes les garanties du lendemain.

Cette confiance, nos sujets et protégés indigènes nous l'accordent, la guerre l'a prouvé, parce qu'ils savent qu'un large souffle de justice, d'humanité et de bonté vivifie et ennoblit notre œuvre colonisatrice. Nous ne sommes ni des négriers, ni même simplement des hommes d'affaires. Nous sommes d'abord des tuteurs, des protecteurs, des guides fraternels conduisant les races indigènes vers un avenir meilleur, que, sans nous, elles ne connaî-

chính-phủ địa-phương, tức là chỉ cái đặc-sắc của chánh-sách nước ta đối với thuộc-địa bây giờ, tức như tôi gọi lúc nãy là cái *chủ-nghĩa* của ta, cái quan-niệm về việc khai thuộc-địa của một nước lớn như nước ta, phàm hoạt-động về đường nào cũng phải điều-hòa cho được cả bên nghĩa bên lợi mới nên.

Nay xét ra cái lợi-quyền tối-thiết của ta cùng với cái lý-tưởng tối-cao đều như hiệp nhau mà khiến ta phải có một cái chính-sách đối với người bản-dân thế nào cho xứng-đáng với lịch-sử nước Pháp, xứng-đáng với cái thiên-chức của nước Pháp vẫn đi khai-hóa cho các dân các nước xưa nay. Cái việc kinh-tế lớn-lao, cái công sáng-tạo của-cải là công việc thiết-thực, tức là cái phần cốt-yếu trong sự mở-mang thuộc-địa, muốn cho làm thành được, muốn cho theo-đuổi được ở những nơi xứ-sở xa-xôi ấy, thời phải có hòa-bình yên-ổn mới được, mà muốn cho hòa-bình yên-ổn thời cốt nhất phải được cái lòng trung-thành của mấy mươi triệu người thổ-dân ở dưới quyền thống-trị của ta. Xứ nào mà người thổ-dân có chịu tin chịu giúp ta, khiến cho có thể chắc-vững lâu-bền được, thời bọn thực-dân của ta, thời những công-cuộc kỹ-nghệ buôn-bán của ta, mới dám đem tư-bản đến, mới dám xuất tài-lực ra được.

Lòng tin-cậy ấy, dân các thuộc-địa đều sẵn-sàng đối với ta, việc chiến-tranh mới rồi đủ chứng, vì họ biết rằng cái chính-sách khai thuộc-địa của ta là vẫy-vùng đắm-thắm trong những lý-tưởng chính-nghĩa, nhân-đạo, từ-bi. Ta không phải là kẻ buôn người, ta cũng không phải là người doanh-nghiệp mà thôi. Ta là người phù-trì, người bảo-hộ, như người anh lớn đưa giắt lũ em nhỏ, hướng-đạo cho các dân-tộc thổ-trước bước lên một cõi tương-lai

traient pas. Nous développons dans nos colonies, d'un mouvement simultané, une double richesse : la richesse matérielle, la richesse humaine. La France exploite son domaine, mais elle le civilise. Où nous créons des comptoirs, nous créons aussi le droit, les garanties juridiques de l'être humain. Nous ne pouvons pas, nous ne saurions pas faire autrement. Aujourd'hui moins que jamais. Ayant appelé les indigènes à l'honneur de verser leur sang pour la France, pourrions-nous leur refuser le partage des fruits de la civilisation, ne pas les instruire, ne pas protéger leur vie, leur santé, leur liberté, leurs biens, leur statut personnel, et ne pas les associer, dans la mesure compatible avec le progrès de leur intelligence et de leurs capacités, à la gestion du commun domaine ?

La France a toujours répudié le droit brutal de la force. Elle vient de subir cinq ans d'une guerre terrible contre ceux qui le revendiquaient. Elle ne connaît, dans son domaine colonial, que le noble droit du fort à défendre et à grandir le plus faible. C'est le secret du loyalisme que les indigènes lui ont fidèlement gardé aux jours de l'épreuve. C'est celui des concours empressés et des sécurités qu'elle trouvera demain, parmi les mêmes populations, pour continuer la grande entreprise de la création de richesses dont bénéficieront ensemble la métropole et ses colonies.

tốt-đẹp hơn, cõi ấy vì không có ta thì có lẽ không bao giờ họ được biết. Ở các thuộc-địa ta, ta nhất-cử mà phát-siển được hai cái tài-nguyên : một là « vật-tài », hai là « nhân-tài ». Nước Pháp có khai-khẩn các thuộc-địa, mà cũng khai-hóa cho các thuộc-địa nữa. Ta đặt thương-điếm ở đâu thời đặt nhân-quyền ở đấy, đặt ra pháp-luật để bảo-tồn cho nhân-cách người ta. Ta không có thể, ta không có lẽ làm khác được. Bây giờ lại càng không được hơn xưa. Ta đã gọi người bản-dân mà cho được cái danh-dự đi tuẫn-tử cho nước Pháp, có lẽ nào ta lại từ-chối mà không cho họ được cộng-hưởng cái kết-quả văn-minh, không dạy học cho họ, không bảo-hộ cho sinh-mệnh, cho sức-khỏe, cho quyền tự-do, cho tài-sản, cho nhân-quyền của họ, không cho họ được tùy cái trình-độ tri-thức và tùy cái tài-năng của họ mà hiệp-lực cùng ta để quản-trị cái tài-sản chung ?

Nước Pháp cổ-lai vẫn ruồng-bỏ cái cường-quyền của võ-lực, mới rồi vừa phải đương một cuộc chiến-tranh ghê-gớm trong năm năm là để phản-đối với những kẻ định yêu-cầu cái quyền ấy. Trong cõi thuộc-địa của nước Pháp, nước Pháp chỉ biết thi-hành cái quyền cao-thượng của người mạnh được bênh-vực, được gây-dựng cho người yếu hơn mình mà thôi. Đó là cái then-chốt của lòng trung-thành mà người bản-dân vẫn một niềm đối với nước Pháp trong những buổi gian-nan. Mai này, nước Pháp cần-dùng đến mà những dân ấy sẵn lòng giúm-giúp, một bề yên-ổn, để cho nước Pháp theo đuổi cho thành cái công lớn sáng-tạo ra của-cải để lợi chung cho cả mẫu-quốc, cho cả thuộc-địa, thời cái then-chốt cũng là ở đó vậy.

T.-C. *dịch.*

CHÍNH-SÁCH PHÁP ĐỐI VỚI NƯỚC TÀU

Ông Wang King Ki *là luật-khoa cố-vấn-quan* (conseiller juridique) *ở Ngoại-giao bộ nước Tàu, có theo bộ sứ Tàu sang Pháp để dự về Hội Hòa, làm chức thư-ký cho quan Chánh-sứ* Lou Tseng-Tsiang ; *khi ở Pháp mới về Tàu, báo « Bắc-kinh chính-văn »* (Politique de Pékin) *có đến tư-vấn ông, hỏi ý-kiến riêng về sự giao thiệp nước Pháp với nước Tàu. Báo ấy thuật lại lời ông nói, lược dịch như sau này.*

« Trung-quốc gần đây đã thay-đổi nhiều lắm. Gió tự-do thổi qua nước chúng tôi, làm cho nhân-tâm lay-động cả.

« Cái phong-trào dân-chủ khởi ra tự Âu-châu nay đã tràn sang tận Á-châu, khiến cho các dân-tộc đương náo-động, kết-quả sau này chắc là to lớn lắm ; vậy dân Trung-hoa chúng tôi cũng không thể đứng ra ngoài cái phong-trào ấy được.

« Chẳng hay những bậc cầm quyền trong nước chúng tôi có hiểu rõ cái phong-trào ấy thế nào, và thế-lực nó dường bao không ? Hay là chỉ chăm-chăm theo đuổi cái mục-đích thiết-cận ở trước mắt mà không kịp ngó xa đến những cái sức mạnh đương nhóm lên, những sức mạnh ấy đáng lẽ mình khéo dự-bị thời phải biết trước để mà phòng sau mới được ?

« Coi những sự vận-động của bọn học-sinh gần đây thời biết rằng kẻ thiếu-niên bây giờ đã có trí suy-xét và đã có bụng công-tâm. trông thấy thế mà không thể không tự-vấn như trên.

« Xét về bề ngoài thời Trung-quốc có hai cái nguy-hiểm cận-tiếp đến nơi : một là cái phong-trào quá-kích của Nga (*bolchevisme russe*), hai là cái chính-sách dụng-binh của Nhật (*militarisme japonais*).

« Không biết Âu Mĩ có cử-động gì để đến mà giúp chúng tôi không ?

« Hiện bây giờ trong thế-giới các nước đều có mật-thiết liên-đái với nhau cả. Liệt-cường không thể điềm-nhiên mà ngồi nhìn sự biến-cách ở Trung-hoa được.

« Nay xét riêng về nước Pháp thời cái thái-độ của quí-quốc đối với nước chúng tôi thế nào ?

« Ngài cũng biết rằng tôi đã từng du-học ở Pháp, hiện tôi vẫn nhớ ơn quí-quốc, nên tôi có ý xét riêng về sự hành-động của quí-quốc thế nào.

« Hồi xưa nước Pháp đối với Trung-quốc vẫn có cái chính-sách thân-thiện, chủ về mục-đích khoáng-trương đường kinh-tế.

« Nhưng ngoài cái mục-đích ấy quí-quốc còn bận hai việc nữa : một là quí-quốc đồng-minh với nước Nga, hai là quí-quốc giữ quyền bảo-hộ các Gia-tô-giáo-đoàn (*protectorat des missions catholiques*).

« Nhân đồng-minh với nước Nga mà quí-quốc phải giùm-giúp ít nhiều vào cái mưu nước ấy muốn xâm-lược nước chúng tôi.

« Nhân thi-hành cái quyền bảo-hộ các Gia-tô-giáo-đoàn mà quí-quốc thường-thường phải can-thiệp với Chính-phủ chúng tôi.

« Bởi vậy mà thành ra cái thái-độ của quí-quốc đối với Trung-quốc, cứ lấy con mắt người chúng tôi mà xét, thời thủy-chung cũng không được phân-minh lắm, không khỏi không có cái ngoại-ý về đường chính-trị, vì thế nên một đôi khi hai nước có xung đột nhau, tổn-hại cho cuộc giao-hiếu hai bên.

« Hiện nay thời đường giao-thiệp hai nước xét ra không có mối tranh-đoan gì cả.

« Nước Nga cùng với hoàng-tộc Nga đã đổi-bại thời cái chính-sách xâm-lấn của nước ấy cũng tự-tiêu.

« Vậy thời cái cớ thứ nhất đó đã hết rồi : chỉ còn mong cho trong chính-sách nước Pháp đừng có lấy nước Nhật thay vào địa-vị nước Nga mà thôi.

« Còn cái cớ thứ nhì thời cũng cho là tiêu-duyệt rồi, vì cận-lai nước chúng tôi không có sự gì lôi-thôi về việc các giáo-đoàn cả.

« Đã như vậy thời có lẽ nào nước Pháp lại không ra sức thực-hành một cái chính-sách thân-thiện với nước chúng tôi cho nên kết-quả ?

« Trong khi Hội Hòa, bộ sứ Pháp với bộ sứ chúng tôi thường nói chuyện riêng về các vấn-đề hai nước, như sự hoãn nộp tiền bồi-khoản về giặc Quyền-phỉ (*indemnité des Boxeurs*), sự tăng thuế thương-chánh, v. v.

« Thí-dụ như việc hoãn nộp tiền bồi-khoản ấy, sao quí-quốc không chủ-trương xướng lên trước ?

« Phải, ở Paris chúng tôi đã có nghe nói rằng tiền bồi-khoản ấy quí-quốc đã trù vào việc nhất-định rồi. Song nước chúng tôi chịu oan đã hiển-nhiên, nước Pháp tưởng cũng nên đền-bồi cho chúng tôi một chút. Không biết quí-quốc có chịu không ?

« Lại về một phương-diện khác, làm sao trong điều-ước có dự-định mà nước Pháp cứ ngăn-cấm không cho chúng tôi đặt lãnh-sự ở Đông-dương ?

« Khi bộ sứ chúng tôi ở Âu-châu về, qua Sài-gòn, biết bao nhiêu là Hoa-thương ở Chợ-lớn đầu đơn cho quan Lou Tseng-Tsiang xin cho đặt lãnh-sự ở Đông-dương.

« Tôi đã biết cái lý-do nhiều người Pháp muốn ngăn-trở sự ấy là thế nào rồi. Là sợ rằng lãnh-sự chúng tôi vận-động mưu-phản Chính phủ Đông-dương và giúp người bản-xứ làm loạn.

« Đó là sự huyễn-tưởng, nhưng túng-sử cái ý của Chính-phủ Trung-hoa chúng tôi quả như thế thật, thì chúng tôi dùng những tay bí-mật chẳng hơn là công-nhiên đặt lãnh-sự rư ?

« Vả lại xét về đường nào thời ngăn-trở như thế cũng là không chánh-đáng.

« Cái vấn-đề của Chánh-phủ Đông-dương phải giải-quyết là như thế này : muốn mở-mang để lợi-dụng đất Đông-dương, phải nhờ đến tay ai ? Nhờ người bản-xứ, người Nhật-bản, hay là người Trung-hoa ?

« Nhờ người bản-xứ có được không ? Chắc quí-quốc thế nào cũng phải dạy-dỗ và khai-phóng ít nhiều cho người bản-xứ, nhưng thiết-tưởng không nên khai-hóa vì quá, làm thế chẳng là thiệt-hại cho quyền-lợi của quí-quốc rư ? Hiện bây giờ còn sợ dân nó làm loạn, nếu hết sức khai-phóng cho nó thời tương-lai này chẳng có một ngày nó phản-đối lại rư ?

« Hay là nhờ người Nhật-bản ? Nhưng ai còn lạ chi cái tính tham-lam vô-độ của cái dân ở quần-đảo láng riềng chúng tôi đó ? Để cho bọn đó bước chân vào đất nào thời rồi nó tràn-ngập sang, nó xâm-lấn cả, chẳng là nguy-hiểm cho quí-quốc rư ?

« Hay là nhờ người Trung hoa ? Sao lại không được ? Người đồng-bào chúng tôi chẳng là một cái yếu-tố làm cho thuộc-địa các ngài được thịnh-vượng rư ? Chẳng là cái trụ-cột trong thương-giới rư ? Cần-mẫn, khôn-khéo, kín-đáo, thạo phép buôn-bán, lại thật-thà nữa, bọn Hoa-kiều gồm được bấy nhiêu tính-cách, chẳng là một hạng thực-dân có công mà lại hiền-lành, không phải lo-ngại gì rư ?

« Đã vậy thời sao quí-quốc không giúp bọn Hoa-kiều, và những lời yêu-cầu chính-đáng của bọn đó sao quí-quốc không chịu nhận ?

« Cái vấn-đề đặt lãnh-sự ở Đông-dương không phải là một vấn-đề quan-trọng gì lắm cho sự giao-thiệp nước Pháp với nước chúng tôi, nhưng quí-quốc cứ nhất-định khước đi, không chịu xét đến, thời cũng thành một sự khó chịu cho chúng tôi.

« Nhưng muốn cho sự hành-động của nước Pháp được kết-quả tốt thời trọng nhất là về cái chính-sách ngoại-giao của quí-quốc.

« Tôi đã nói trên kia rằng hiện nay chúng tôi có hai sự nguy-hiểm ở hai bên mình: một là cái phong-trào quá-kích của Nga, hai là cái chính-sách dụng-binh của Nhật.

« Cái phong-trào quá-kích Nga đã tràn đến cửa chúng tôi rồi. Nay mai sẽ ngập vào trong nước, mà làm chuyển-động dân Trung-hoa. Ngài đã biết cái mưu của chính-phủ « Sô-viết » (*soviet*)(1), là muốn kết liên với Đông-phương để sang chinh-phục Tây-phương.

« Tôi tưởng dân Trung-hoa chúng tôi khó nhiễm vào cái chủ-nghĩa quá-kích được. Dân nhà quê thời an-cư lạc-nghiệp, cầy cấy miếng đất để lấy gạo mà ăn, không biết những hội « cộng-tế » (*coopératives*) của bọn nông-dân nước Nga là gì.

« Đến như bọn thợ chúng tôi thời cũng chẳng hiểu những hội « liên-hợp » (*syndicat*) tổ-chức ra làm sao, và xưa nay chẳng thiết gì đến việc nước, nên cũng chẳng biết những vấn-đề xã-hội là gì.

« Nhưng còn có bọn học sinh, càng ngày càng hoạt-động. Bọn đó hễ nhiễm vào cái « độc quá-kích » (*virus bolchévique*) thời cái ảnh-hưởng trong dân-gian có thể to lắm.

« Hiện nay Âu-châu giữ mình còn khó thay, thử nghĩ đến ngày cái « sóng đỏ » (*la vague rouge*) (2) tràn khắp Trung-hoa, chạy thẳng từ Riga (bên Nga) đến Hồng-kông (Hương-cảng), thời cái kết-quả cho Âu-châu sẽ thế nào ?

« Đến cái họa Nhật-bản cũng nguy lắm. Chắc rằng người dân Trung-hoa vẫn một lòng kháng-cự người Nhật-bản, không bao giờ quên cái tối hậu-thư đau-đớn ngày 7 Mai 1915 (là cái thư Nhật-bản yêu-sách Tàu hai mươi mốt điều nhục lắm). Nhưng phải biết rằng tài-chính chúng tôi đương quẫn-bách, lại phải biết rằng sự hờn-giận gì lâu ngày mà chẳng nguôi. Nếu nước ngoài không có ai đến giúp, nếu những nước chúng tôi cầu-cứu đến mà cũng khước chúng tôi, biết đâu có một ngày kia chúng tôi cùng-bất-đắc-dĩ, lại chẳng cam-tâm mà nhờ nước láng riềng vậy hay sao ?

« Giả-thiết bấy giờ Trung-hoa với Nhật-bản kết-liên nhau thân-mật, thời cái kết-quả sau đến thế nào, chắc ai cũng lượng mà biết được.

« Nước Nhật-bản đã võ-bị hết sức, lại xướng ra cái chủ-nghĩa « Đại Á-tế á » (*panasiatisme*), biết đâu đến lúc bấy giờ chẳng đem ra thực-hành cái dã-tâm đã lâu nay rư ?

« Vẫn biết rằng ngày nay nhiều người nói bây giờ là thời-đại dân-chủ, thời-đại bãi-binh. Vẫn biết rằng Hội Hoà đã đặt ra một cái cơ-quan mới, là Hội Vạn-quốc, để điều-hoà cho sự sinh-hoạt của các dân-tộc. Nhưng mà hi-vọng những sự xa-xôi như thế, chẳng là mơ-tưởng lắm rư ?

« Hội Vạn-quốc có làm nên được việc gì không, phải đợi mới biết được. Trong khi ấy thời ở Nghị-viện nước láng riềng chúng tôi vừa mới quyết-nghị tăng thêm các khoản võ-bị, và ngay ở Au-châu kia cũng còn nhiều mối phân-tranh lắm, như cái tàn lửa chỉ chực cháy.

« Vậy thời tuy nước Đức đã thua mà chưa có mong bãi binh được, có lẽ cái chính-sách dụng-binh từ nay lại thịnh hơn trước cũng có, vì rằng nước Đức còn mong trả thù lại, thì liệt-quốc còn nhân đó phải chăm-chăm về việc chiến-tranh mãi.

« Tình thế như thế mà dự-tưởng rằng có ngày Nhật bản đồng-minh với Trung-quốc, võ-bị cho Trung-quốc, để hiệp-lực lấy giống da vàng đánh lại giống da trắng, tưởng cũng không phải là một sự mơ-mộng vậy.

---

(1) « Sô viết » (*soviet*), tiếng Nga — hội đại-biểu của bọn thợ và bọn hạ-dân bàu lên, để cướp lấy chính-quyền mà làm Chánh-phủ. Chánh-phủ nước Nga bây giờ thuần các hội « sô-viết» cả, những hội ấy có ý muốn bành-trướng cả ra Đông-Á Tây-Âu.

(2) « Sóng đỏ », là phong-trào quá-kích, vì bọn quân cách-mệnh thường lấy cờ đỏ làm hiệu.

« Ngay bây giờ chẳng nên dự-bị sẵn để cho cái mộng «bá-quyền» (*rêve d hégémonie*) ấy khỏi thực hành được ru? Nếu Âu-châu đối với chúng tôi cứ lãnh-đạm mãi, thời chỉ đủ giúp cho cái mưu lớn ấy xuất-hiện ra mà thôi.

« Tôi lại xin nói rằng nước Pháp từ nay có tư-cách đương nổi một cái chính-sách đồng-tâm cộng-tế với Trung-quốc chúng tôi được.

« Quí quốc đối với cái phong-trào quá-kích của nước Nga, đối với cái chính-sách dụng binh của nước Nhật đều không có liên-can gì cả, và đứng một địa-vị độc-lập, nên quí quốc có một cái nhiệm-vụ ở cõi Á-đông này, nhiệm-vụ ấy là có thể giữ cho cái thế quân-bình (*l équilibre*) trong liệt-quốc, làm trọn được nhiệm-vụ ấy tức là giúp cho nhân-loại được hòa-bình đó. Quí-quốc có tiếng là nước trọng nghĩa-hiệp, ngay bấy giờ nên ra mà cáng-đáng lấy cái thiên-chức lớn-lao đó.»

***

Ông Wang King-Ki làm cố-vấn-quan ở bộ Ngoại-giao Tàu, dạy vạn-quốc-công-pháp ở trường Đại-học Bắc-kinh, lại có đi sứ sang Hội Hòa Paris, chắc là người thông-thuộc các việc ngoại-giao lắm, đọc những lời thuật của báo « Bắc-kinh chính-văn » dịch trên kia thời đủ biết. Ông biết cái tình-thế nước ông bây giờ phải hai sự nguy-hiểm đến nơi, một bên thời các đảng cách mệnh Nga tràn sang quấy-nhiễu nước Tàu, một bên thời Nhật-bản chỉ lăm-le định thi-hành cái chính xâm-lược, nên ông cố cầu các nước Âu-Mĩ giúp cho nước ông khỏi mắc vào hai cái nạn ấy. Nhất là ông muốn cầu-cứu ở nước Pháp, là nước vẫn chủ-hòa xưa nay, lại là nước có quyền-lợi to ở Á-đông này, nghĩa là có quan-hệ đến cuộc hòa-bình ở Á-đông vậy. Ông lo xa và cầu-cứu như thế là ông thành-thực và hiểu rõ sự lợi-hại cho nước ông. Còn những lời ông dự-tưởng về sự nước Nhật có ngày kết-liên với nước Tàu để đánh lại các nước Âu-Mĩ mà thực-hành cái « Đại-Á-tế-á-chủ-nghĩa », thời tuy không phải là mơ-mộng, nhưng cũng còn viển-vông lắm : đó chẳng qua là một cái thuật nhà ngoại-giao trong khi thỉnh-cầu sự gì hay dùng những lời đại-ngôn để đàn-áp vậy.

Vậy thời ý-kiến ông về việc giao thiệp nước Pháp với nước Tàu đại-để cũng là phải-chẳng cả, không có gì quá đáng. Duy có đoạn ông bình-phẩm về cách Chánh-phủ Đông-dương đối đãi với bọn Hoa-kiều, cùng sự bọn ấy xin đặt lãnh sự ở đây, thời chưa được xác đáng lắm, vì tỏ ra người chưa hiểu hết cái tình-thế riêng của bọn Khách ở bên này.

Ông nói rằng nước Pháp muốn mở-mang đất Đông-dương, thế-tất phải mượn đến tay người Khách, vì dân Hoa-kiều là một cái yếu-tố trong cuộc kinh-tế xứ này. Thế thời hai mươi triệu dân An-nam để làm gì ? Hay ông cho cái số ấy là không đủ khinh-trọng chăng ? Không phải thế. Nhưng ông tưởng ông khôn hơn Chánh-phủ Pháp, ông khuyên Chánh-phủ Pháp rằng : « Dân bản-xứ tuy là số nhiều thật, nhưng quí-quốc có dạy-dỗ, có khai-phóng, thời mới dùng được việc. Song tưởng cũng nên khai-hóa cho có chừng mà thôi, vì nếu dạy cho nó khôn nó giỏi quá thời không sợ có ngày nó giở giáo lại mà phản quí-quốc chăng ? Cho nên quí-quốc không thể trông-cậy dân bản-xứ để mở-mang xứ ấy được ». Ông khuyên câu đó tưởng là đắc-sách lắm, không ngờ là trái hẳn với cái chánh-sách của Đại-Pháp ở Đông-dương này. Chánh-sách ấy không phải là chủ cầm-giữ người Việt Nam cho chung-kiếp làm nô lệ đâu ; ông đã biết nước Pháp là nước trọng nghĩa-hiệp, có lẽ đâu lại mang cái dã tâm ấy ? Chánh-sách ấy chính là chủ gây-dựng cho dân Việt-Nam được hoàn toàn tư-cách. Vậy thời sự mở-mang trong xứ này phải là công-nghiệp người Việt-Nam trước nhất, người Tàu ở đây chỉ là người ngoại-quốc mà thôi, không có mong chiếm phần hơn được.

Đến cái vấn-đề đặt lãnh-sự Tàu ở đây thời ông xét cũng chưa đến nơi. Ông

không biết rằng không phải Chánh-phủ Pháp không ưng sự đó, mà là chính bọn Hoa-kiều không muốn. Mấy người Khách buôn ở Chợ lớn không phải là đại-biểu được cả dân Hoa-kiều ở Việt-Nam. Dân Hoa-kiều không muốn đặt lãnh sự là làm sao ? Là bởi cứ như bây giờ họ được nhiều điều tiện-lợi lắm : họ là người ngoại-quốc mà ở đây như người bổn-quốc, lập gia-thất, trị tài-sản, sinh cơ lập-nghiệp như người Việt-Nam vậy. Họ lại được họp thành « bang » (*congrégation*), tự mình bầu lấy bang-trưởng để thay mặt mà giao-thiệp với Chánh-phủ, tự mình cảnh-sát lấy nhau, Chánh-phủ Pháp không có can-thiệp gì đến, nghiễm-nhiên là một đoàn-thể tự-trị ở trong nước vậy. Người nước nào trú-ngụ ở nước người ta mà được những quyền-lợi rộng như thế? Nay Chánh-phủ Tàu nhất-đán đặt lãnh-sự là một viên quan-lại của quyền trung-ương tự bên Tàu để nhất-nhất can-thiệp đến việc trong đoàn thể tự-trị của họ, chắc là họ không loan-nghênh. Thiết-tưởng nếu đặt ra cái chế-độ lãnh-sự thời không những bọn Minh-hương một đời, hai đời, mà đến phần nhiều Hoa-kiều chân-chủng vào bậc trung-lưu, cũng đến xin nhập-tịch Việt Nam cả, vì họ làm dân Việt-Nam chắc còn lợi hơn.

Nay nếu dân Hoa-kiều quả muốn yêu-cầu đặt lãnh-sự, thời chắc Chánh-phủ Pháp cũng thuận cho, chẳng có sự gì ngăn-trở ; duy bấy giờ thời bọn đó sẽ phải đãi như người ngoại quốc, không được có đặc-quyền gì ở đây nữa ; bấy giờ thời thật là « khách » đến ở nhờ, chớ không được coi như người bản-quốc nữa ; tuy có được hơn bề thể-diện, mà có lẽ bề lợi-quyền kém bây giờ nhiều (1).

T.-C.

LỜI DỤ QUÍ-HÓA

Phong-tục là gốc sự sinh-hoạt trong xã-hội. Phong-tục hay thời xã-hội cường-thịnh, phong-tục dở thời xã-hội suy-đồi. Phong-tục hay hay-là dở là bởi nhân-tâm, bởi thời-thế. Thời-thế có lúc suy-vi, nhân-tâm có lúc tàng-loạn, những khi ấy thời phong-tục hay khinh-bạc và kiêu-xa. Nước ta gần đây nhờ Chánh-phủ Bảo-hộ khai-hóa, về đường vật-chất đã thấy có tiến-bộ lắm, mà về đường tinh-thần coi còn sút kém nhiều. Luân-lý cũ đã hầu như nhãng-bỏ, mà nền-nếp mới vẫn hãy còn chưa thành, cho nên nhân-tâm chưa có chủ-định, mà thời-thế chửa rõ phương-châm. Nhân đó xét ra phong-tục có điều bác-tạp hơn xưa, cách người ta cư-xử trong gia-đình, trong xã-hội, không được thuần-túy hồn-hậu như trước. Trong một nước văn-hiến thời những việc như quan, hôn, tang, tế, là việc hệ-trọng về phong-tục, có lễ-nghi tiết-chế, có lề-thói qui-định, không được sơ-sài quá khiến người ta coi thường, cũng không nên xa-sỉ quá sợ sinh ra phiền-phí. Cho nên cổ-nhân đặt lễ đối với những việc ấy rất nghiêm, dẫu qua những buổi loạn-li chính-biến, những lễ thuộc về quan, hôn, tang, tế trong dân-gian bao-giờ cũng lấy làm cần-trọng mà không dám phạm dám sai. Ngay nay thời-thế thay-đổi, phong-hội mở-mang, cổ-lễ không mấy người theo nữa, mà cũng không có thể theo cả được ; sự cải-lương phong-tục đã thành một vấn-đề rất cần-cấp đương bây giờ. Nhưng việc sửa-đổi phong-tục không phải là ai cũng có quyền

(1 Gần đây các báo trong Nam-kỳ thường kêu về sự người Khách cố-chí muốn cướp mua những nhà đất ở các phố-phường lớn tại Sài-gòn và Chợ lớn, để ngăn trở cuộc tranh thương của người mình. Lê thường thời người ngoại-quốc đến trú-ngụ nước nào không được mua nhà đất ở đấy tức như người Pháp ở Tàu cũng vậy. Thế mà người Tàu ở đây được làm chủ nhà chủ đất, chẳng là một cái đặc-quyền quá-đáng ru ?

làm được. Ở nước dân-chủ thời do dư-luận xướng-suất, mà ở nước quân-chủ phải có quyền chúa-tể chủ-trương. Cho nên những người tri-thức dẫu biết phong-tục, dở muốn thay-đổi mà cũng khó lòng làm cho thiên-hạ theo. Bởi thế mà cái vấn-đề cải-lương phong-tục tuy rất cần mà cũng rất khó. Nay Hoàng-thượng ta dòm thấy những sự tệ-lậu trong phong-tục, giáng dụ truyền cho đình-thần qui-định các điều-khoản thuộc về những việc quan, hôn, tang, tế trong dân-gian, chủ tỉnh-giảm những sự phiền-phí, ngăn-cấm những thói kiêu-xa, thật là giúp cho việc cải-lương phong-tục được một phần to vậy. Sau này xin dịch lời dụ quí báu ấy cho quốc-dân ta đều được biết. Phong-tục ta thuộc về những việc cưới-xin, tống-táng, tế-lễ, khao-vọng, có nhiều điều phiền-phí, sự đó vẫn nhiều người biết mà không mấy người dám tự mình tỉnh-giảm, một là bởi cái tính hiếu-thắng của người ta, ai cũng muốn làm hơn kẻ khác, hai là việc quan đến phong-tục không ai dám tự-ý thay-đổi mà làm khác với thói-thường. Nay đã có lệnh trên truyền nên tỉnh-giảm những sự phiền-phí, thực là một dịp tốt cho những người nhiệt-tâm về việc cải-lương phong-tục nên nhân đấy mà cổ-động trong dân-gian. Vả đương buổi sinh-tồn cạnh-tranh này, vật-giá đắt-đỏ, sinh-kế eo-hẹp, dẫu các nước văn-minh, cái sức sinh-sản ra của-cải mạnh hơn mình biết bao nhiêu, mà đâu đâu cũng còn thấy phải xướng-suất cổ-võ nên tiết-độ sự tiêu-dùng, huống chi là nước mình! Cứ coi những báo-chí cùng sách-vở bên Pháp sang gần đây, không đâu là không thấy những nhà chính-trị, nhà kinh-tế, nhà luân-lý, nhà bác-học, khuyến-khích đồng-bào nên ăn-tiêu ít mà sinh-sản nhiều cho qua-khỏi được cái buổi nguy-cơ này : cái mệnh-lệnh chung trong nước là phải : « sinh-sản cho nhiều, và hạn-chế sự tiêu-phí lại » (produire et se restreindre). Dân ta từ trước đến nay hình như lại làm trái hẳn : sinh-sản được ít mà tiêu-phí rất nhiều, cho nên trong dân-gian mới có cái cảnh nghèo-khốn như bây giờ; từ nay về sau ta cũng phải theo như cái mệnh-lệnh trên kia, làm nhiều mà tiêu ít, biết tiết-kiệm, biết phòng-xa, thời nước mới giàu, dân mới mạnh được.

Xin lược-dịch lời Thượng-dụ về việc quan hôn tang tế như sau này. Dụ này mới ban-bố trong Trung-kỳ, nhưng ta mong rằng rồi sẽ thi-hành cả ở Bắc-kỳ nữa.

T. - C.

* * *

Chỉ-dụ ngày 11 tháng chạp năm Khải-định thứ 4

Bộ Lễ tâu rằng :

Nay tiếp viện Cơ-mật lục-tư lời Châu-dụ, trong ấy có nói rằng : « Trị nước dạy dân, vẫn phải nhân « theo phong-tục, nhưng mà việc « chánh-trị cần nên cải-lương mới « được. Nước ta là nước văn-hiến, « cho nên phong-tục nhiều sự phù-xa, « tức như những lễ quan, hôn, tang, « tế, thường đặt tiệc to, và thân-bằng « cố-hữu đi khánh-tiệc rất hậu, cho « tràng quan-chiêm. Người giầu có mà « làm như thế thời cũng là hư-phí, « người nghèo-khó mà làm như thế « thời tất phải đi vay mượn. Vì thế « nên định những lễ quan, hôn, tang, « tế, phải tùy theo sức nhà phong-sắt « mà làm cho kiệm-ước, khi khánh-« điếu vãng-lai vừa hợp-lễ thời thôi, « v, v... » Lại tiếp Nội-các có lục-tư rằng ngày 21 tháng 9 nhân có thiết-triều, phụng Điện-dụ : « Trước ta có « dụ về những lễ quan, hôn, tang, tế, « phải theo giản-tiện, như là lễ tang và « luận sự đãi khách đã là phiền-phí, « mà người đứng đãi và người đến mà

« ăn uống, đều là không phải cả ; lễ « tế thời các giấy mã có thứ đáng « dùng, có thứ không đáng dùng, duy « phải xét thứ gì đáng dùng thời cho « dùng, còn thứ không đáng dùng « cũng nên cấm đi. Giao cho Bộ Lễ « nghị-định những điều-lệ các lễ ấy « cái gì đáng đề, cái gì đáng bỏ, cốt « về sự tiết-kiệm, và thông-lục cho « dưới dân đều biết mà tuân theo. « Khâm-thử ! »

Tuân theo những lời Dụ trên này đủ thấy đức Hoàng-thượng đã soi-xét tình dân, vì trăm họ mà theo thời sửa-đổi, bỏ sự xa-sỉ mà trọng sự tiết-kiệm, lòng trên nghĩ rất là châu-đáo vậy. Vả-chăng sự hôn-tang, tế-lễ, Quốc-triều ta lúc ban-đầu đã có thành-qui định sẵn. Niên-hiệu Gia-long thứ 3 định rằng sự cưới gả phải tùy theo nhà có nhà không, châm-chước trong sáu lễ mà làm, không được viết văn-tự thế đất. Người hương-trưởng thu những tiền cheo, tiền trăng giấy, hễ người trong làng thời hạng giầu-có một quan hai tiền, hạng trung sáu tiền, hạng nghèo ba tiền ; còn người làng khác đến cưới thì được thu gấp hai. Lễ tang thời dân trong làng có tang người làng phải giúp đỡ nhau, giầu nghèo nhiều ít tùy theo nhà có tang, không ai được viện lệ gì mà đòi hỏi. Đến như sự cúng tế thần phật cũng không được quá xa-sỉ. Còn như khánh-hỉ thời việc lớn cho dùng một con lợn cỗ xôi, không thời đại-nộp tiền một quan năm tiền. Duy ngày tháng đã lâu, lòng người dễ quên, ở dưới dân nhiều chỗ không tuân theo lệ cũ, hoặc thời cậy thế quyền-hào, hoặc thời câu-nệ theo tinh-tục, đua nhau xa-sỉ, tập-nhiễm lâu quen thói, không biết đến đâu là cùng. Nếu không tùy thời định lại, khiến dân tuân theo, thời tập-tục xa-hoa càng sinh ra lắm tệ.

Nay xin trục khoản châm-chước bổ-nghị, cốt cho hợp-thời và tiện dân tuân theo. Có những điều-khoản kể ra sau này nhờ Thánh chỉ tái-định để thông-lục tuân theo mà làm.

Khoản thứ 1. — *Thuộc về hôn-lễ.* — Từ nay nhẫn sau, phàm hai họ kết-hôn thời từ sau khi đã định-hôn rồi hạn trong ba tháng cho làm lễ cưới (trừ có duyên-cớ gì khác thời không kể). Nhà phú-qui thời lễ cưới dùng một đôi hoa-tai vàng, một đôi vòng vàng, một mâm trầu cau rượu, một đôi hoa-chúc ; nhà thường thì một đôi hoa-tai vàng, một mâm trầu cau rượu, một đôi hoa-chúc ; nhà nghèo thời chỉ một mâm trầu cau rượu mà thôi (trừ những nhà nghèo-khốn quá, không thể cưới gả được, mua bán riêng với nhau thời không kể). Nhà gái không được yêu-sách nhà trai. Còn như sự tiếp-đãi khách thời tùy theo nhà giàu nghèo, làm cho vừa phải, không được quá xa-sỉ. Ngoại ra những qui-điều khác thời đều y theo nghị-định trong niên-hiệu Gia-long mà tuân-hành.

Khoản thứ 2. — *Thuộc về tang-lễ.* — Từ nay nhẫn sau phàm có tang thời người có quan-chức trong hạn một tháng, người dân thường trong hạn một tuần phải tống-táng (trừ ra người ở thành-phố và khi nào có bệnh cấp-chứng thời khác). Lễ điện thời quan-chức có phẩm-hàm được dùng bò, thứ-dân được dùng lợn, đều là một lễ mà thôi, cốt ở sự kiệm-ước, không được xa-sỉ. Còn như ngày đưa ma thời người làng người họ hay là thân-thích chỉ đến giúp và đi đưa (trừ ra ở ngụ hạt khác, xa cách làng họ, tùy-tiện thuê mướn người ngoài thời không kể). Khi chôn xong rồi, thời nhà giàu (không kể là chánh ngụ) cho dùng lễ một con bò ; nhà

thường cho dùng lễ một con lợn cỗ xôi, nhà nghèo cho dùng lễ một mâm trầu cau rượu, ; người tang-chủ đứng mà đáp-tạ. Không được viện theo lệ làng mà yêu-sách ăn uống dầm-dề ở nhà có tang. Khi đưa ma cũng cấm không được dùng cờ trống, bọn hát chèo và đồ minh-khí. Còn như thân-bằng làng-họ đi đến phúng-điếu, thời người tang-chủ chỉ lấy trầu nước tiếp-đãi mà thôi, nghĩa là cốt về sự tiết-kiệm.

Khoản thứ 3. — Thuộc về lễ tế. — Trừ ra sự kỵ-lạp trong nhà riêng thời được tùy tình, còn từ nay nhẫn sau phàm những đình miếu các làng thời mỗi năm chỉ cho hợp-tế một lễ kỳ-yên (xuân thu một lễ). Lễ-phẩm thời làng lớn và làng trung cho dùng một con bò, làng nhỏ dùng con lợn cỗ xôi, đều là một lễ mà thôi. Làng nào có văn-chỉ thời trong mỗi năm được dùng một lễ con lợn cỗ xôi, tế văn-chỉ để giữ lấy cổ-điển. Còn như các chùa thờ Phật, thời đông-niên các lễ cũng chỉ cho dùng hương đèn trầm chè mà thôi. Sự cúng tế trong dân-gian lâu nay thường dùng các thứ giấy sắc ; giấy văn-phúc, giấy vàng bạc, thời nay cũng cho được tùy-ý dùng theo như xưa. Nhưng mà nghiêm-cấm không được làm đồ minh-khí và hình-nhân.

Khoản thứ 4. — Thuộc về lễ ăn mừng (tức là thăng-quan, hạ-thọ, lên lão, khao-vọng, v. v.) — Từ nay nhẫn sau, những người nào được dự những lễ ăn mừng trên này đã kể, trừ ra trong nhà riêng thời tùy lực sở-cập, nhưng mà cũng không được đặt tiệc tổ ca hát liên-nhật. Còn ở nơi đình miếu thời người giàu chỉ cho dùng một lễ con lợn mâm xôi, người nghèo chỉ cho dùng một mâm trầu cau rượu, yết thần mà thôi. Làng xã không được viện tục-lệ gì mà yêu-sách cả.

Những khoản trên này giao cho quan địa-phương thông-sức những dân hạt-hạ đều tuân theo mà làm ; và thường-thường kiểm-xét, nếu người nào không tuân theo thời chiếu theo luật trị tội.

Tờ tân này phụng Châu-phê rằng : « Các lễ quan, hôn, tang, tế, Bộ thần « nghĩ-định gần hợp lễ, chuẩn cho « thông-lục để mọi người đều biết mà « tuân theo. Nhưng mà phong-tục dân « gian hãy còn nhiều điều bỉ-lậu, Trẫm « đình sửa-đổi cải-lương, không phải « một đôi việc mà đủ được, và lại « phải sửa-đổi lần lần. Sau này có « nghĩ-định khoản gì hợp lễ nữa sẽ « ban dụ thi-hành. Khâm thử ! »

Ngày 14 tháng 12 năm Khải-định thứ 4 lại tiếp Nội-các phụng lời Sắc rằng : « Bộ Lễ định các khoản về hôn « lễ, nguyên trong phiếu tâu rằng hai « họ đã kết-hôn, trừ ra có duyên-cớ « gì khác thời không kể, còn thời xin « hạn cho sau khi thành-hôn ba tháng « thời cho làm lễ cưới. Nay cho đổi « lại rằng : trừ ra có duyên-cớ gì khác « thời không kể, còn thời hạn từ một « tháng đến trong một năm sau khi « định-hôn rồi cho làm lễ cưới, để cho « hết tình lễ, vân vân... Chuẩn thông « lục tuân-hành. Khâm thử ! »

Toutes les forces de l'humanité sont encloses dans les possibilités de l'individu : le grand problème de la société est de favoriser la libre activité des facultés humaines.

David Javen Hill.

Bao nhiêu những sức mạnh của nhân-loại đều ngấm-ngầm trong những tiềm-lực của cá-nhân. Cái vấn-đề lớn của xã-hội là phải giúp-đỡ cho các năng-lực của người ta được tự-do mà phát-triển ra vậy.

KHẢO VỀ TIỀN BẠC

Người đời thượng-cổ chỉ làm ra những đồ mình cần dùng, không hề vì người khác dùng mà làm. Về sau giống người khôn dần lên, biết những đồ mình làm không sao đủ cả mọi cái cho mình dùng, bèn chuyên làm nghề gì khéo hơn ấy, mình dùng không hết, đem đổi cho người, để lấy đồ khác, khiến sự ăn dùng của mình, cái gì cũng sẵn-sàng, người ta gọi là đời « giao-đổi hóa-vật ».

Xã-hội thêm tiến-hóa, thời giao đổi thêm phiền-tạp, bèn biến giao-đổi ra mua bán, mà dùng tiền của làm môi-giới cho kẻ bán người mua. Lại tiến đến đời nay, các phép tín-dụng càng phát-đạt, như ngân-phiếu, hối-phiếu, vân vân, bớt phải dùng đến tiền-của, sự buôn-bán càng giản-tiện, đó là cách tiêu-dùng của xã-hội, theo thứ-tự mà tiến-bộ vậy. Chúng ta ở đời tiến-bộ này, tưởng-tượng đến tình-cảnh người cổ-sơ, chưa dùng tiền-của, chưa biết mua bán, còn đem vật nọ đổi lấy vật kia, bao nhiêu là sự không tiện, thời hiểu rằng đặt ra tiền-của, chính là để bỏ những sự không tiện ấy. Nay hãy kể mấy điều không tiện như sau :

1º Khó hợp-ý nhau : muốn được giao-đổi, thời phải hai người đồng-ý, thí dụ : ta đem thóc đổi trâu của người kia, tất phải người kia cần thóc mới có thể đổi, nếu người có trâu ấy lại muốn thức khác, mà thức đó, ta không sao có, thời đổi không xong.

2º Không có chừng-mực : phàm khi giao-đổi, phải biết vật nọ đối giá với vật kia, là chừng nào, nay không có gì làm chừng, thời một con trâu giá mấy con lợn, một con lợn giá mấy thước vải, khó biết thế nào cho thích-bình.

3º Không dễ chia cắt : phần nhiều hóa-vật, cắt ra thời mất giá đi, thí-dụ : người thợ may mang áo đổi thóc, mỗi cái áo giá 5 thúng thóc, nay nó chỉ cần 1 thúng; nếu cắt một phần năm áo mà đổi, thời áo đó vứt đi, không thể dùng được nữa.

Bởi các sự không tiện đó, vậy nên phải đặt ra tiền-của.

I

Chức-vụ tiền-của

Chức-vụ tiền-của : 1º làm môi-giới sự mua-bán ; 2º làm thước đo các hóa-vật ; 3º làm chừng mực sự vay mượn.

Người ta sinh đời nay là đời văn-hóa hoàn-bị, thấy tiền của đều là vàng bạc, thời tưởng chỉ vàng bạc mới làm được tiền, nhưng không kiết cổ-nhân có nhiều thứ tiền lắm. Theo thứ-tự giống người tiến-hóa, trước nhất là đời săn-bắn, thứ hai là đời chăn-nuôi, đến đời cầy-cấy thứ ba, người các đời ấy, đều chọn một vật thông-tục cần-dùng làm tiền, dẫu rằng thích-hợp với xã-hội bấy giờ, nhưng cũng vì trình-độ văn-hóa còn hèn, vậy nên giá-trị tiền-của cũng kém.

1º Đời săn-bắn cầm-thú mà ăn, là đời còn rợ-mọi lắm, người đời ấy lấy da thú làm tiền, vì nó là sản-vật thứ nhất đời bấy giờ, có tính để lâu không nát, lại làm được đồ giữ rét, sử nói vua Phục-Hi đặt phép giá-thú, lấy đôi da làm lễ, tức là chứng dùng tiền bằng da.

2º Khôn hơn đời nói trên, là đời biết chăn-nuôi súc-vật, người đời này lấy giống nuôi làm tiền, mà giống nuôi trọng nhất là trâu, dê, xem tiền cũ phương Tây, hay khắc hình trâu, thơ Homère chép nước Hi-lạp (Grèce)

lấy trâu làm đồ giao-dịch, đều là chứng tiền bằng giống nuôi.

3o Thoát khỏi đời du-mục, đến đời canh-nông, người ta ở yên một nơi, làm ruộng mà ăn, không phiêu-lưu như trước nữa, tiền người đời này làm bằng ngũ-cốc, xem như người Mexique dùng lúa ngô, các nước bờ bể Địa-trung-hải (Méditerranée) dùng quả trám, dân ở giữa châu Mĩ lấy dừa làm tiền con, mà chính Mường Mán xứ ta, đến nay còn đem thóc đổi lấy các hóa-vật khác.

Ngoài tiền của ba đời ấy, còn hai thứ tiền nữa : 1o đồ trang-sức, tức như đời cổ Trung-quốc, và người quần-đảo Nam-dương lấy vỏ ốc làm tiền ; 2o đồ chế-tạo, tức như xứ Scotland có một thôn lấy đanh làm tiền.

Cổ-lai có nhiều thứ tiền như vậy, nhưng muốn được trọn-vẹn chức-vụ tiền của, thời phải có tính-chất đặc-biệt như sau :

1o Tính thực-lợi : tiền của cốt nhất phải có thực-lợi, nghĩa là có giá-trị hết mọi người đều tôn-trọng, bởi giá nó cao qui như thế, cho nên nó có sức mua được các vật khác, xem như vàng bạc, chẳng những dùng làm tiền của mới trọng, mà nguyên-chất nó vẫn đã trọng rồi.

2o Tính dễ mang: tiền của là vật hằng ngày trao đổi cho nhau, lớn quá và nhỏ quá đều không tiện, như Ti-ba-đạt (Sparte) đời xưa tiêu tiền bằng sắt, nặng-nề khó mang, không thể đem nơi thừa bù nơi thiếu, làm cho sự tiêu-dùng phải trở-ngại ; mà nhỏ quá, thời chẳng những khó đếm, lại hay rơi mất, bởi vậy trọng-lương và dung-tích phải cho thích-trung.

3o Tính không nát : tiền của là vật thường tích-trữ, hay trao-đổi, tất phải chất nó kiên-cố, dẫu để lâu cũng không mục, chuyển-vận càng không mòn, thời xã-hội mới tín-dụng.

4o Tính đồng-nhất ; nhiều vật trọng-lượng giống nhau, mà tính-chất rất khác, cho nên giá-cách cũng khác ; tài-liệu đúc tiền, không như thế được, đã cùng một trọng-lượng, tất phải cùng một tính-chất, và cùng một giá-cách.

5o Tính dễ chia : các thứ châu-ngọc, dẫu qui-trọng thật, nhưng đã phá vỡ, không thể hàn liền, dù có hàn được, mà giá cũng kém, duy có vàng bạc, cắt ra, đúc lại, giá vẫn y-nguyên.

6o Tính không biến : buôn bán ngày càng phát-đạt, thời vay mượn ngày càng tần-phiền, nếu tiền của làm tiêu-chuẩn sự vay mượn mà giá biến-đổi luôn, thời người cho vay và người vay, chắc có một người bị thiệt hại, khiến nghề buôn-bán phải suy-đốn ; duy vàng bạc thời khoáng-sản dẫu có năm nhiều năm ít, song giá vẫn như thường.

7o Tính dễ nhận : tiền của trao-đổi luôn cho nhau, nếu mỗi đồng phải cân, phải thử mới biết nặng nhẹ tốt xấu, thời phiền-nhiễu quá, vậy nên dùng kim-loại mà chế-tạo một cách rất tinh-tế, khiến người qua mắt biết ngay, thời không ai mắc lừa, mà sự tiêu-dùng mới hoạt-bát.

Đủ các tính ấy, duy có vàng bạc, bởi thế vàng bạc đáng làm tiền của, nhưng vàng khối, bạc khối là của mà thôi, tất phải Chánh-phủ lấy phép luật, đúc thành hình-thức nhất-định, trọng-lượng nhất-định và phẩm-chất nhất-định, mới gọi là tiền,

II.

Phép đúc tiền

Khi đúc tiền phải cần những điều như sau :

1o Đúc đồng tiền cho vừa-vặn, đừng lớn quá, nhỏ quá, chớ đúc nhiều góc, và khắc hình xấu.

2o Đúc hạng tiền nào, riêng bằn hạng ấy, chớ đúc hình nó giống nhau.

3º Đúc bằng máy, khắc chữ và in ảnh, làm cực tinh-xảo, khiến người ta khó giả-mạo.

4º Ngoài mặt đúc nhiều nét tiêm-tế, chung-quanh khắc từng khía răng-cưa, phòng người ta khỏi sén cắt.

5º Pha loài kim khác, lẫn với vàng bạc, cho chất nó cực rắn, và nét khắc hơi lồi lóm, để khó hao mòn.

Muốn được tiêu-dùng lưu-thông, thời tiền phải thống-nhất, nếu cho dân tự-do đúc, thời tiếng gọi khác, trọng-lượng khác, phẩm-chất khác, mà đồ-họa ấn-trương cũng khác, thành ra tiền không thống-nhất, khiến cho quốc-dân không tin dùng, giao đổi không thỏa-tiện, bởi vậy Chánh-phủ phải chuyên-quyền đúc tiền.

Chánh-phủ đúc tiền có ba điều cốt yếu : 1º lấy pháp-luật bắt dân phải tiêu dùng ; 2º cấm không ai được đúc riêng và đúc giả ; 3º cấm tiền ngoại-quốc, không cho mang vào.

Ông Spencer lấy lẽ ưu-thắng liệt-bại mà phản-đối việc Chánh-phủ chuyên-quyền đúc tiền, ông nói: đúc tiền để tự-do cạnh-tranh, chắc tiền tốt được lưu-thông trên đời, mà tiền xấu tự bị đào-thải. Ông tưởng thế là lầm, tiền không như các vật khác theo lệ cạnh-tranh sinh-tồn, xem phép Greshams thời tiền tốt chẳng những không đuổi được tiền xấu, mà lại bị tiền xấu đuổi nữa, vì rằng người đời cầm tiền, miễn là tiêu được mà thôi, ít kẻ biết phẩm-chất đồng tiền thế nào, tốt xấu lẫn-lộn, tiêu dùng được cả, thời người ta cất thứ tốt đi, mà tiêu thứ xấu trước, cũng là tình thường, bởi thế các chợ thuần những tiền xấu. Vả lại những nhà chuyên nghề buôn tiền, thường chủ-ý ở trọng-lượng và phẩm-chất, biết tiền tốt có lợi, hoặc nấu làm vàng mỏ, hoặc đem ra nước ngoài, mà tiền tốt ngày dần tiêu-duyệt.

Chính-phủ muốn tránh phép Greshams, thời đương khi đúc tiền, cần phải xét đến công-sai, nghĩa là nặng nhẹ sai nhau, không có nhất-định. Sau khi đã đúc, cần phải xét đến hủy-tổn, nghĩa là đồng nào hư-hỏng tìm cách thu về.

Chính-phủ có khi đúc tiền hộ dân, xem luật đúc tiền nước Nhật-bản, điều 14 nói: « Dân mang vàng mỏ đến xin đúc tiền, thời Chính-phủ chuẩn-y đúc hộ », thế gọi là đúc tiền được tự-do; chẳng một Nhật-bản mà thôi, các nước văn-minh đều vậy, nhưng chỉ đúc hộ tiền « chủ », còn như tiền « phụ » thì không nước nào đúc hộ dân cả, thế gọi là đúc tiền có hạn-chế.

III

Tiền « chủ » và tiền « phụ ».

Tiền « chủ » là tiền làm tiêu-chuẩn giá-cách, hiện nay các nước đúc thuần bằng vàng bạc, tiền này giá quí, không tiện tiêu vặt, vậy phải đúc thêm mấy thứ tiền nữa, giá-cách kém xuống, để chi những món nhỏ, gọi là tiền « phụ ».

Tiền chủ định-giá y như vàng mỏ vậy, chất nó rất thuần không tạp, có thể nấu ra làm vàng bạc mỏ, đem bán cho các nước ngoài, bởi nguyên-chất nó vẫn có giá sẵn, không phải chỉ nhờ pháp-luật định nên, vì thế nước nào trao đổi cũng được. Tiền phụ không có giá thực, dẫu luật định một đồng tiền chủ đáng mấy đồng tiền phụ, nhưng phẩm-chất tiền phụ vẫn kém, bởi giá nó không thực như thế, nếu Chính-phủ không nghiêm hạn-chế, thời tiền xấu sẽ đầy cả trong nước, sinh ra phép Greshams.

Tiền phụ phải dùng loài kim hèn hơn tiền chủ, nếu đúc bằng bạc là loài kim quí, thời bớt phẩm-vị đi, lệ như: nguyên bạc là tiền chủ ở xứ ta, thuần bạc 900 phân, mà hào là tiền phụ, chỉ có 835 phân bạc.

Chỉ dùng một vàng hay một bạc làm tiền chủ, thời gọi là tiền chủ đơn,

dùng cả hai thứ, thời gọi là tiền chủ kép. Gần nay nhiều nước tự tiền chủ bạc, biến làm tiền chủ vàng, bởi thế những người nói tiền chủ đơn, hầu hết thấy chỉ tiền chủ vàng mà nói cả.

Chính-phủ đã định tiền chủ, lại cần phải định vị đơn, vị đơn là gốc danh-hiệu tiền của, lệ như: nguyên bạc xứ ta, *Franc* của Pháp, *Poind* của Anh, *Mark* của Đức, *Dollar* của Mỹ, *Rouble* của Nga. Trọng-lượng vị đơn chừng nào, tùy sự ăn-tiêu và thói quen nước ấy, không có nhất-định. Từ vị đơn trở lên, phép dùng tiến mười, lệ như: tiền Pháp, 10 francs, 20 francs, 50 francs 100 francs. Từ vị đơn trở xuống, dùng phép chia mười, như tiền xứ ta một nguyên là 10 hào, một hào là 10 su, để tiện tính toán. Có nước tiền chủ rất nhỏ tức là vị đơn, song tính-chất hai đằng vẫn khác.

Tiền phép là tiền phép luật đã định dưa trả phải nhận, không ai được cự. Tiền chủ và ngân-phiếu tương-đang với tiền chủ, đều là tiền phép, tiêu không hạn-ngạch, còn như tiền phụ, thời chỉ trong hạn luật định, là tiền phép mà thôi; lệ như nước Pháp tiền bạc hạn tiêu 50 francs, đồng thì hạn 1 franc, xứ ta hào hạn tiêu 10 nguyên, xu hạn 1 nguyên, ngoài số hạn ấy nếu đem trả ai, người ta có thể không nhận.

Tiền phụ mỗi một lần tiêu, phải có hạn-ngạch, nhưng hạn chặt quá, thời mất ích-lợi tiền phụ, mà hạn rộng quá thì sợ ngăn-trở tiền chủ, bởi thế nên biết số nào là vừa, mà muốn biết số vừa thời cần xét tình-thế nước ấy, nước nào trình-độ sinh-kế đã cao, thời hạn nên chặt, nước nào trình-độ sinh-kế còn thấp, thời hạn nên rộng.

Và mười năm trước các nước Âu, Mỹ, trừ ra một nước Anh, còn tiền chủ đơn bạc, hay tiền chủ kép vừa bạc và vàng, đến nay đổi làm tiền chủ vàng cả. Trong một thời-đại ngắn-ngủi, mà biến-cải khác hẳn như thế, xem như nước Pháp, năm 1830, dùng tiền chủ kép, đối giá 1 đồng vàng là 15 đồng bạc, phép ấy kết-quả rất tốt. Năm 1865, Italie, Belgique, Suisse cùng với nước Pháp kết đồng-minh Latin, dùng tiền chủ kép, đối giá vàng bạc, theo lệ nước Pháp, nhưng tự năm 1873, nước Đức theo chính-sách Bismark, dùng tiền chủ vàng, Norvège, Suède, Danemark, đều đổi làm tiền chủ vàng, Amérique thời thôi đúc bạc, năm 1875 Hollande cấm đúc bạc tự-do; bởi vậy giá vàng càng cao, giá bạc càng hạ, bạc tràn vào các nước đồng-minh Latin đuổi tiền vàng một cách rất kịch-liệt, các nước đồng-minh không giữ được phép tiền chủ kép nữa, năm 1878, phải hạn ngạch tiêu nguyên bạc 5 francs và thôi phép tự-do đúc bạc, thành ra bề ngoài gọi là tiền chủ kép, mà thực là thiên-trọng về tiền chủ vàng. Autriche và Hongrie thì năm 1892 làm tiền chủ vàng; năm 1893 chính-phủ Inde và Russie đều thôi đúc bạc, và năm 1897 Nhật-bản quyết-định dùng tiền chủ vàng. Phép tiền các nước thay đổi mau thế, thực một việc đáng kỷ-niệm trong lịch-sử vậy.

Từ khi các mỏ sản vàng nhiều, mà những nhà học-giả bên Âu Mỹ cãi nhau về tiền chủ. Người lấy tiền chủ đơn vàng làm phải, viện những lẽ này:

1° Sự tiêu dùng từ rẻ mà tiến lên đắt, thời giá tiền của cũng phải từ thấp mà tiền lên cao, vàng trọng hơn các loài kim, vậy chỉ vàng hợp dùng làm tiền chủ.

2° Tiền của lưu-thông trong nước, chỉ có một thứ nếu dùng hai thứ, thời theo phép Greshams, thứ xấu đuổi mất thứ tốt, thành ra tiếng gọi là tiền chủ kép, mà kỳ-thực là tiền chủ đơn bạc, khiến nước bị thiệt hại.

3° Mỏ sản vàng thêm nhiều, dẫu các nước lấy vàng làm tiền chủ, cũng

không sợ thiếu. Vả lại các phép tín-dụng ngày càng phát-đạt, ít phải trao đổi bằng thực tiền, thời có thể dùng ít tiền vàng mà biến làm tiền chủ vàng được.

Người lấy tiền chủ kép vừa vàng vừa bạc làm phải, viện những lẽ này :

1º Các nước giao-ước đều dùng tiền chủ kép cả, thời vàng bạc đổi-giá được nhất-định mãi.

2º Tiền của sinh-sản nhiều, mà giá-cách biến-động ít.

3º Các nước đều dùng tiền chủ kép, thời nước nọ thông-thương với nước kia, không sinh ngăn-trở.

Các nhà tranh-luận dẫu đều có lẽ, nhưng xét ra thời phép tiền chủ kép một nước không sao làm được, mà dù các nước giao-ước cũng chỉ nói hão, không thể thực-hành, xem hiện-tình nay thời tiền chủ đơn bạc, không lợi bằng tiền chủ đơn vàng, các nhà học-giả Âu-châu không ai lấy tiền chủ đơn bạc làm phải, nhưng công-thương trong nước chửa được phát-đạt, thời tạm dùng tiền chủ bạc để bớt thâu-nhập, mà thêm thâu-xuất, cũng là một chính-sách tùy-thời. Nói rút lại, thời tiền chủ đơn-bạc hay đơn vàng, theo tình-thế trong nước mà định.

IV

Tiền các nước

1º — Anh. — Vị đơn gọi là *poind*, mỗi *poind* 20 *shilling*, mỗi *shilling* 12 *pence*, mỗi *pence* là 4 *farthing*. Tiền chia làm các thứ như sau :

Tiền vàng 4 thứ : 5 *poind*, 2 *poind*, 1 *poind*, nửa *poind*.

Tiền bạc 6 thứ : 5 *shilling*, 2 *shilling* rưỡi, 2 *shilling*, 1 *shilling*, 6 *pence*, 3 *pence*.

Tiền đồng 3 thứ : 1 *pence*, nửa *pence*, 1 *farthing*.

2º — Mĩ. — Vị đơn gọi là *dollar*, mỗi *dollar* 100 *cent*. Tiền chia làm các thứ như sau :

Tiền vàng 4 thứ : 20 *dollar*, 10 *dollar*, 5 *dollar*, 2 *dollar* rưỡi.

Tiền bạc 4 thứ : 1 *dollar*, nửa *dollar*, 1/4 *dollar*, 1 10 *dollar*.

Tiền đồng bạch 1 thứ : 5 *cent*.

Tiền đồng đỏ 1 thứ : 1 *cent*.

3º — Các nước đồng-minh Latin. — Vị đơn gọi là *franc*, mỗi *franc* 100 *centimes*. Tiền chia làm các thứ như sau :

Tiền vàng 4 thứ : 100 *francs*, 50 *francs*, 20 *francs*, 10 *francs*.

Tiền bạc 4 thứ : 5 *francs*, 2 *francs*, 1 *franc*, 50 *centimes*.

Tiền đồng bạch 1 thứ : 25 *centimes*.

Tiền đồng đỏ 4 thứ : 10 *centimes*, 5 *centimes*, 2 *centimes*, 1 *centime*.

4º — Đức. — Vị đơn gọi là *mark*, mỗi *mark* 100 *pfennig*. Tiền chia làm các thứ như sau :

Tiền vàng 3 thứ : 20 *mark*, 10 *mark*, 5 *mark*.

Tiền bạc 5 thứ : 5 *mark*, 3 *mark*, 2 *mark*, 1 *mark*, 50 *pfennig*.

Tiền đồng bạch 1 thứ : 10 *pfennig*.

Tiền đồng đỏ 2 thứ : 2 *pfennig*, 1 *pfennig*.

5º — Nga. — Vị đơn gọi là *rouble*, mỗi *rouble* 100 *kopeck*. Tiền chia làm các thứ như sau :

Tiền vàng 4 thứ : 15 *rouble*, 7 *rouble* rưỡi, 10 *rouble*, 5 *rouble*.

Tiền bạc 7 thứ : 1 *rouble*, 50 *kopeck*, 25 *kopeck*, 20 *kopeck*, 15 *kopeck*, 10 *kopeck*, 5 *kopeck*.

Tiền đồng 6 thứ : 4 *kopeck*, 3 *kopeck*, 2 *kopeck*, 1 *kopeck*, 1/2 *kopeck*, 1/4 *kopeck*.

6º Nhật-bản. — Vị đơn gọi là *viên* (yen), mỗi *viên* 100 *tiền*, mỗi *tiền* là 10 *ly*.

Tiền vàng 5 thứ : 20 *viên*, 10 *viên*, 5 *viên*, 2 *viên*, 1 *viên*.

Tiền bạc 4 thứ : 50 *tiền*, 20 *tiền*, 10 *tiền*, 5 *tiền*.

Tiền đồng 4 thứ : 2 *tiền*, 1 *tiền*, nửa *tiền*, 1 *ly*.

7° Trung-hoa. — Tháng hai Dân-quốc năm thứ 3, Chính-phủ định phép đúc tiền, lấy bạc làm tiền chủ, vị đơn gọi là *viên*.

Tiền bạc 4 thứ : 1 *viên*, 1/2 *viên*, 2 *giốc*, 1 *giốc*.

Tiền đồng-bạch 1 thứ : 5 *phân*.

Tiền đồng đỏ 5 thứ : 2 *phân*, 1 *phân*, 5 *ly*, 2 *ly*, 1 *ly*.

V

Tiền nước ta

Nói đến tiền nước ta, trước hết nên theo thứ-tự lịch-sử phép tiền trong thế-giới, lược kể ra sau, để quốc-dân hiểu tiền nước ta, thuộc về phép nào.

1° Phép tiền cân-lường : không đúc thành hình-thức và trọng-lượng nhất-định, chỉ đem vàng bạc cân xem nhiều ít, để trao-đổi cho nhau.

2° Phép tiền đếm số : dùng vài loài kim, đúc thành trọng-lượng và phẩm-chất nhất-định, khi có mua-bán, mặc người tự-ý hỗ-giá.

3° Phép tiền đơn-độc : chỉ dùng một loài kim đúc tiền có luật định giá-cách, khi dân mua bán đều dùng thứ tiền ấy.

4° Phép tiền phức-tạp : đúc nhiều loài kim làm tiền, luật định đồng nọ giá mấy đồng kia, nhưng dân tiêu thứ nào cũng được.

Phép thứ nhất là tiền đời thượng-cổ, còn ba thứ sau, là tiền những nước bán-khai. Các nước văn-minh đời nay, phép tiền rất nghiêm-mật, chọn một loài kim qui hơn, đúc làm tiền chủ, tiêu không hạn-ngạch, và đúc thêm mấy thứ chất kém gọi là tiền phụ, để tiêu món nhỏ, nhưng tiêu phải có hạn.

Muốn biết phép tiền cổ-lai nước ta, chẳng những xem trong sử chép, lại cần phải xét các tiền cổ mà dân ta thường đào được ở dưới đất. Sử nói nước ta mới đúc tiền từ đời Lê Đại-Hành, là sử nói sai ; xét ra thời về đời Hồng-bàng là đời giao đổi hóa-vật, sau nội-thuộc Tàu, dân dùng tiền Tàu, cũng như nay dùng nguyên bạc, là tiền Đại-Pháp bảo-hộ vậy ; bởi thế tiền *Hán-nguyên-thông-bảo* 漢元通寶 của nhà Hán, và tiền *Khai-nguyên-thông-bảo* 開元通寶 của nhà Đường, hãy còn sót nhiều ở trong nước. Đến đời vua Đinh Tiên-Hoàng, kéo cờ độc-lập, gọi nước là Cồ-Việt, kỷ-nguyên là *Thái-bình*, đương đời Tống bên Tàu, vua Đinh đúc ngay tiền, chất đồng, hình tròn, dong-tích 6 phân, trọng-lượng 2 phân, trong có lỗ vuông, mặt đề 4 chữ *Thái-bình-thông-bảo* 太平通寶, ấy là tiền nước ta xuất-hiện ngay khi nước mới bắt đầu tự-chủ. Từ đó về sau, các nhà vua cùng nối trị nước, đời vua nào cũng đúc tiền, vua Lê Đại-Hành đúc tiền đồng *Thiên-phúc*, dong-tích và trọng-lượng cũng như tiền nhà Đinh, duy mặt đề bốn chữ *Thiên-phúc-trấn-bảo* 天福鎮寶 là khác.

Phép tiền nhà Lý, sử không chép rõ, nhưng xem tiền *Thiên-thuận-thông-bảo* 天順通寶 đời vua Thần-tôn, thời phẩm-chất, dung-tích và trọng-lượng, chẳng khác gì tiền đời Lê Đại-Hành.

Nhà Trần thay Lý làm vua, sử chỉ chép vua Thái-tôn định tiền « tinh-mạch », dân nộp Chính-phủ mỗi tiền 70 đồng, dân tự tiêu riêng, chỉ có 90 đồng, mà không nói rõ hình-thức đồng tiền thế nào, nay xem tiền *Thiệu-phong* 紹豐 đời vua Dụ-tôn thời cũng như tiền các đời trước. Đời vua Minh-tôn có đúc tiền kẽm, v

tiêu không tiện, liền bỏ đi ngay. Cuối Trần, Hồ Quí-Ly nghe lời Vương Nhữ-Châu, đặt ra tiền giấy, giấy 10 đồng vẽ cây dào, 30 đồng vẽ thủy-ba, 1 tiền vẽ mây, 2 tiền vẽ rùa, 3 tiền vẽ lân, 5 tiền vẽ phượng, 1 quan vẽ rồng, tinh-chất tiền giấy này, giống « bảo-sao » 寶鈔 nhà Tống, chớ không có hiện-ngân chuẩn-bị, như tiền giấy các ngân-hàng bây giờ.

Tiền cũ còn nhiều nhất là tiền đời Lê, như tiền *Thuận-thiên-thông-bảo* 順天通寶, đời vua Thái-tổ, tiền *Thiệu-bình-thánh-bảo* 紹平聖寶, đời vua Thái-tôn. Tiền *Diên-ninh*, tiền *Thái-hòa* đời vua Nhân-tôn, tiền *Cảnh-thống* đời vua Hiến-tôn, tiền *Hồng-thuận* đời Tương Dực-Đế, v. v., phẩm-chất và hình-thức đồng tiền tương-tự tiền *Gia-long* bản-triều. Vua Thái-tổ định mỗi tiền 50 đồng, đến vua Thái-tôn đổi 60 đồng làm một tiền quí, và 36 đồng làm tiền gián, danh-hiệu ấy đến nay hãy còn lưu-truyền. Đời Lê lại đúc tiền kẽm và bạc nén nữa, bạc mỗi lạng giá 2 quan tiền đồng. Tiền kẽm chia làm 2 hạng, hạng tốt để dân tiêu-dùng, hạng nhỏ và gẫy cho dân đem đến lò đúc, đổi lấy tiền khác, mỗi quan tiền gẫy đổi được 5 tiền lành.

Phép tiền đến Bản-triều ta lại càng tường hơn. Vua Gia-long mở trường đúc tiền ở Bắc-thành mượn Khách đúc hộ, đúc vàng đĩnh và bạc đĩnh, tiền kẽm và tiền đồng, đều có chỉ-dụ định giá, mỗi lạng vàng giá 17 lạng bạc, mỗi lạng bạc giá 2 quan 8 tiền đồng, mỗi cân đồng đúc thành 700 đồng tiền, mỗi 100 quan tiền đồng giá 130 quan tiền kẽm.

Xem phép tiền cổ-lai nước ta, thời từ Đinh đến Trần là phép đơn-độc, Lê và Bản-triều là phép phức-tạp. Gần nay Đại-Pháp bảo-hộ, dùng phép tiền các nước văn-minh, lấy nguyên bạc làm tiền chủ, và su hào làm tiền phụ, còn tiền kẽm ta trước là phép tiền phức-tạp, trái với phép tiền các nước Thái-Tây, vậy Chánh-phủ chỉ để dân ta tự-do tiêu riêng, mà không thể công-nhận nó là một thứ tiền phụ, Chánh-phủ đã không công-nhận, thời dẫu một số nhỏ dân ta cũng không thể trực-tiếp tiêu với Chánh-phủ.

Tiền kẽm là tiền không tinh thực-lợi và tinh bất-hoại, tưởng Chánh-phủ nên tìm cách chính-đáng thu-tiêu hết đi, mà đúc thêm một thứ tiền nữa, chất đồng pha kẽm, 1/5 đồng su, để hợp với trình-độ sinh-kế quốc-dân, như vậy thời tiền trong xứ mới thống-nhất mà sự tiêu-dụng không ngăn-trở, ấy cũng là một vấn-đề cần nên nghiên-cứu vậy.

Nguyễn Tất-Tế
Tri-phủ Mỹ-đức (Hà-đông)

VỆ-SINH THỰC-HÀNH (1)

Mươi mười lăm năm về trước vấn-đề Vệ-sinh còn phải qua vào buổi phôi-thai mà việc chỉnh-đốn ngạch Y-tế Đông-dương còn là buổi đương-sơ, đã mấy ai nghĩ đến vệ-sinh thiết-thực, quan-trọng và ích-lợi là thế nào. Người dân nghe hai tiếng Vệ-sinh còn lạ tai mà nói hai tiếng Vệ-sinh cũng còn ngượng miệng. Lúc bấy giờ dẫu có muốn đem thi-hành các

(1) Xem *Nam-Phong*, số 31, trang 52-62.

phương-pháp Vệ-sinh cũng chưa hợp thời, tất còn gặp phải lắm nỗi khó-khăn vì phong-tục bắt buộc, vì sự mê-tín của mình ngăn-trở.

Hồ, đó vào khoảng năm 1907, quan Y-khoa tiến-sĩ Colomb, Giám-đốc tòa Y-viện Bắc-kỳ cũng hiểu dân-tình như thế, nên ngài đã tìm cách điều-hòa để dung-hóa các nguyên-lý vệ-sinh theo với phong-tục nước ta. Ngài bèn nghĩ lập một bản *Chương-trình thực-hành các phép Vệ-sinh*, có thể đem ứng-dụng được ở các chốn thi-thành và các nơi thôn-giã.

Chương-trình soạn rất có qui-củ, quan Toàn-quyền đã duyệt-y, cho đem thi-hành khắp hạt Bắc-kỳ. Ngày nay xét ra ở các bệnh-viện và đọc những tờ biên-bản cũ của Hội-đồng vệ-sinh hàng tỉnh còn thấy dấu-vết những vấn-đề đã giải trong chương-trình ấy. Nay tuy dân-tình đã sửa-đổi ít nhiều, phong-tục đã hoán-cải dần-dần, mà xét các phương-pháp vệ-sinh ấy cũng còn hợp-thời lắm. Tưởng nên lược-dịch ra đây để giúp thêm vào một phần trong muôn phần về việc khảo-cứu của các nhà có nhiệt-tâm về « Vấn-đề Vệ-sinh » ở nước ta ngày nay vậy.

Vệ-sinh ! Vệ-sinh ! còn phải bàn nhiều, còn phải nói mãi. Các dân-tộc văn-minh vẫn lấy vệ-sinh [illegible] tối-trọng mà đặt ra một cơ-quan có kỷ-luật riêng.

Mới đây nước Pháp thay tòa Nội-các lại mới lập thêm một bộ gọi là « Xã-hội vệ-vinh bộ » có quan tổng-trưởng quản-xuất (*Ministère de l'Hygiène sociale*).

Đó đủ chứng rằng một dân-tộc càng văn-minh lại càng phải lo đến « sức mạnh » người dân trước đã.

Huống-chi một xã-hội còn ấu-trĩ như xã-hội Việt-Nam ta ngày nay, các công-cuộc còn bừa-bộn ngổn-ngang, chưa có cơ-quan nào là kinh-doanh được hoàn-toàn cả. Vậy nghĩa-vụ bọn ta há lại không phải xuất lực mà giúp Chánh-phủ một tay để lo-liệu tổ-chức ngay từ buổi đầu, ngõ hầu về sau mới được mười phần tận-thiện vậy.

Nào các nhà có trách-nhiệm « mở-mang đức-trí » quốc-dân, xin các ngài cũng nên lưu-ý đến việc « gây-dựng thân-thể » cho nữa. Các ngài cũng đã rõ rằng « thân-thể có tráng-cường » thì « tinh-thần mới hoạt-bát » ; hai cái có mật-thiết quan-hệ với nhau lắm vậy. Không thể chăm-chỉ đường nọ mà sao-nhãng đường kia được.

Sau đây xin dịch bản chương-trình của quan Đốc-tờ Colomb đã nói trên kia.

* * *

CHƯƠNG-TRÌNH THỰC-HÀNH CÁC PHÉP VỆ-SINH ĐỂ ĐEM ỨNG-DỤNG TRONG CÁC THÀNH-THỊ VÀ THÔN-GIÃ

I

Vệ-sinh trong thành-phố

Phòng-bị những bệnh truyền-nhiễm và bệnh hay lây. — Muốn phòng-dự những bệnh ấy thì mỗi tỉnh-lỵ phải : 1° Lập một « nhà thương riêng » (*lazaret*), hoặc một « sở bệnh riêng » (*local d'isolement*), lập theo thể-lệ nói trong tờ chu-tri của quan Toàn-quyền ngày mồng 5 tháng 2 năm 1904 và theo như cách-thức chỉ trong tờ chu-tri số 10 ngày 10 tháng 1 năm 1907 của Y-viện mà quan Thống-sứ đã tư cho các quan cai-trị chủ-tỉnh. Các « sở bệnh riêng » ở các hạt trong tỉnh hoặc có

sẵn rồi, hoặc sắp có thì nay chỉ phải tổ-chức lại cho được hoàn-hảo.

2º Lập một sở Phòng-dịch (*service des épidémies*), nên có sẵn một ngạch khán-hộ để chuyên dụng về việc dịch-tễ ; ngạch ấy thì chọn lính khố-xanh hoặc lính tuần-cảnh mà phải luyện-tập ngay từ bây giờ, dạy bảo cho biết phép tẩy-uế trừ-trùng (*désinfection*) và cách chuyển-vận bệnh-nhân để đảo-thời đem ứng-dụng được tiện-lợi, khỏi chậm-trễ.

3º Mua đồ tẩy-uế. Nhà thương riêng hoặc sở bệnh riêng nào trong tỉnh cũng phải có một cái « máy phun » (*pulvérisateur*) kiểu nhỏ (hiệu GENESTE-HERSCHER, hoặc hiệu LINGNER), một phòng hun lưu-hoàng và trử sẵn những hóa-chất để tẩy-uế như : « nước Gia-ven » (*Eau de Javel*), thuốc « kê din » [1] (*crésylol sodique*), vôi « cách-lỗ-nhĩ » (*chlorure de chaux*), « thanh đồng » (*sulfate de cuivre*), « khinh phấn » (*sublimé*), « lưu-hoàng cục » (*soufre en canon*), v. v. . . . .

Nói tóm lại thì đồ khí-cụ và người chuyên việc phải sắp sửa trước để khi động-dụng đến thì đã sẵn-sàng mà hành-sự ngay. Cứ theo như những cách-thức nói trên này mà làm thì chẳng tốn kém mấy đồng mà có thể chống-chỏi được với dịch-tệ và dự-phòng được các bệnh truyền-nhiễm và bệnh hay lây. Trong mấy tỉnh biên-thùy như Lào-kai, Hà-giang, Bảo-lạc, Cao-bằng, Thất-khê, Lạng-sơn, Móng-cái lại phải thi-hành những cách riêng để phòng khi có phu Tàu sang hoặc phu ta ở Tàu về. Những cách-thức ấy đã thi-hành ở ba tỉnh Lào-kai, Lạng-sơn và Cao-bằng rồi : phu-phen đều ở riêng ra những nhà cách xa thành-phố để khám bệnh trước đã. Còn mấy hạt Hà-giang, Bảo-lạc và Móng-cái cũng cần phải theo mà thi-hành như thế và nên lập « sở bệnh riêng » ngay mới được.

Ẩm-thực vệ-sinh. — Mấy tỉnh chưa có chợ và lò sát-sinh thì phải lập ngay. Theo như thể-lệ điều thứ 17 trong tờ nghị-định về việc « bảo-hiểm sức mạnh chung ở Bắc-kỳ », thì những đồ thực-phẩm bán ở các chợ-búa và các cửa-hàng trong tỉnh đều có viên Thú-y thuộc hạt, viên Thầy-thuốc ngạch Y-tế hay ngoại-ngạch hay là viên Cầm sở Tuần-cảnh xem xét đến luôn.

Cái vấn-đề hệ-trọng hơn cả về việc Vệ-sinh thành-phố mà chưa thực-thành được có lẽ là vấn-đề « Nước-ăn ». Nhiều hạt to như Phủ-lạng-thương, Sơn-tây, Đáp-cầu, Yên-bái, Tuyên-quang, vẫn chưa đủ nước dùng. Nhiều giếng nước ăn ở các hạt ấy đã xét ra có độc-chất.

Việc ấy đã giao cho quan Chánh « Phòng thí-nghiệm Vệ-sinh » (*Laboratoire d'Hygiène*) hiện ngài còn đang sưu-tập những giấy của các quan Công-sứ và Thầy-thuốc các tỉnh tư về ; khi nào việc thí-nghiệm xong xuôi, bấy giờ sẽ định, một là việc đào giếng mới theo như cách thức nói ở điều thứ 25, 26, 27 tờ nghị-định về việc « bảo hiểm sức mạnh chung » ; hai là việc đặt máy nấu nước. Nay tưởng chỉ có hai cách giải-quyết ấy là nghiệm hơn cả : giếng nước thì để dân bản-xứ dùng mà máy nấu nước thì để dành cho người ; Tây chỉ có một vài tỉnh lớn, đại-khái như Nam-định thì mới có thể xây « nhà chứa nước » (*château d'eau*), « bể lọc nước » (*bassins filtrants*) và « cống dẫn nước » (*conduites d'amenée*) được mà thôi.

---

(1) Có người gọi thuốc « bích-kê » hoặc « Ô-bích-kê » có lẽ vì chữ « *eau phéniquée* » mà đọc chạnh ra thế chăng, chẳng cứ theo hóa-học thì thuốc « kê-din » với thuốc « bích-kê » có một đôi phần tương-tự.

Vệ sinh nơi công-sở. — Các nơi trại-lính, đề-lao, chợ-búa, lò sát-sinh, trường-học, nghĩa-địa, v.v. thường vẫn giữ được sạch-sẽ thì cũng chẳng phải yêu-cầu gì nữa ; chỉ cốt rằng viên Thày-thuốc hàng tỉnh năng đi lại thăm nom là đủ.

Vệ-sinh về nhà-cửa. — Ta tưởng không cần phải bàn lắm về vấn-đề này, vì các thể-lệ điều thứ 18, 19, 20 và 21 tờ nghị-định về việc « bảo-hiểm sức mạnh chung » đã nói tinh-tường rồi, nếu đem mà thi-hành được những thể-lệ ấy thì sẽ có nhiều hiệu-quả và chắc giữ được vệ-sinh về nhà-ở nơi thành-thị và các nơi đô-hội lớn.

Còn việc đem những thể-lệ ấy mà chực thi-hành ở các làng thì thật là một điều viển-vông, vì không thể nào theo được.

Có điều cốt nhất là đừng để cho giống ruồi dễ sinh-sản ra ở trong nhà. Vậy phải giữ cho những cống, rãnh, ống máy, nhà-xí được lưu-thông, không để cho nước ứ lại ; sân vườn đừng để cho bộn-bề rác-rưởi và những hộp không cùng là đồ-đạc có thể chứa được nước, những chum vại đựng nước, phải có nắp đậy và phải thau luôn ; những hố-lỗ phải lấp cho kín.

Có một điều lầm là nhà người bản-xứ ở thường không làm cửa khắp các phía cho nên phải bí tức khó thông hơi lắm. Vậy nên chỉ bảo cho dân-sự rõ về cái điều bất-tiện ấy.

Mấy điều-lệ chung để trừ uế-khí cho các thành-phố. — Về khoản này thì nhiều tỉnh-lỵ lớn như Hải-dương, Nam-định, Phủ-lạng-thương, Bắc-ninh, Phủ-lý, Lạng-sơn, v. v. đã được tấn-tới lắm ; chỉ đợi hễ tiền công-quĩ mà được dư-dật là tổ-chức nốt các công việc được hoàn-toàn vậy. Cái nhiệm-vụ ấy là do « hội-đồng vệ-sinh hàng tỉnh » phải đảm-nhận lấy, các nghị-viên phải ra sức mà yêu-cầu lấy ba việc sau này :

1° — Lập sở « tảo-trừ phẩn-niệu. » — Trong một vài tỉnh - lỵ dân-sự vẫn còn tự lo lấy việc quét-dọn đồ uế-tạp ; còn phần nhiều tỉnh thì việc « đổi-thùng » hoặc là ở bọn tù-lao dọn, hoặc những phu thuê của người lãnh-chưng dọn. Việc « đổi-thùng » này thì tỉnh nào cũng nên cho người lãnh-chưng mà làm để dân tây dân ta đỡ phải lo-lắng đến việc ấy nữa. Mà chỉ nên dùng những thùng sắt tây thật kín, chớ đừng dùng những bồn hoặc chậu đậy hờ.

Còn việc « hót rác » thì đâu đâu cũng nên theo lối thành-phố Hà-nội với Hải-phòng, nghĩa là : rác-rưởi cứ hót vào sọt (nên dùng thùng gỗ là hơn) để trước cửa, mỗi buổi sáng có xe rác đi qua lắc chuông thì đem ra đổ lên xe ; xe rác ấy đã có phu thuê của sở lãnh-chưng kéo. Nếu không có người lãnh-chưng thì đã có bọn tù-lao hoặc trâu bò của Nhà nước kéo cũng được.

2° — Xây cống. — Cái lối « tương cả xuống cống » (*tout à l'égout*) là một lối không theo được vì phải phí-tổn lắm, nghĩa là phải có nhiều nước mới được, không thì không xong. Vậy thì vẫn phải giữ lối cũ, là quét dọn phân tro và rác-rưởi như cách đã nói ở trên — Còn như nước mưa và nước rửa-ráy thì đã có rãnh để tháo đi.

Những rãnh — xây theo địa-thế từng nơi — sẽ dẫn nước ấy ra một sông ngòi nào đó ở mạn dưới thành-phố, hoặc đầm ao nào đó xa nơi nhà ở.

3° — Trừ lấp ao đầm. — Tuy rằng đã gắng sức về vấn-đề ấy mà trong nhiều tỉnh-lỵ còn thấy lắm ao đầm tù hãm thật là tổ sinh ra muỗi và sốt ; ao đầm ấy đã nghiễm-nhiên thành ra một nơi tiêu-thụ những vật uế-tạp của người dân, ngăn cấm thế nào cũng không được. Dẫu tiền công hàng tỉnh có ít cũng phải cố tìm cách nào tiện-lợi mà trừ lấp dần ao đầm ấy đi mới

được. Hội-đồng vệ-sinh nên tùy-liệu mà bắt lấp dần đi.

Khai sinh - tử giá - thú của người bản-quốc. — Bao nhiêu sinh-tử bắt phải khai hết, đã có viên Thầy-thuốc ngạch Y-tế hoặc ngoại-ngạch kiểm-soát. Theo lệ hễ khi có người chết thì phải khai tại sở cảnh-sát, nếu không có sự gì nghi-hoặc thì viên Cẩm sẽ phát cho một cái « *táng phiếu* » (*Permis d'inhumation*) rồi mới được chôn. Nhưng thường thì có thế đâu, vì chôn lậu vẫn nhiều. Vậy Chánh-phủ cần phải đạt lại cho dân sự biết rằng việc khai báo ấy là có cưỡng-bách, không sẽ phạt nặng.

Bệnh chó dại cắn. — Bệnh ấy Trung-châu hay có ; số người bị chó dại cắn còn nhiều quá vì rằng ta không chịu tuân theo điều luật ngày 21 tháng 7 năm 1881 về việc tuần-tra các giống thú-vật ; việc ấy quan chánh « Sở chữa bệnh chó-dại » (*Service antirabique*) vẫn nhắc đến luôn. Như vậy đủ chứng rằng điều quan Đốc-tờ Séguin xin cáo-thị mọi nơi về việc chó dại cắn là một điều hữu-ích vậy. Tờ cáo-thị ấy phải phân-phát thực nhiều, phải dán khắp các nơi như trại-lính, phòng khám bệnh, nhà phát thuốc, tòa Công-sứ, Đại-lý và Đốc-lý, nhà-thương, phúc-đường, phủ, huyện, v. v..... Phải thừa các dịp mà hiểu-dụ cho dân ta và cả dân tây nữa biết rằng tại sao mà sở cảnh-sát phải thi-hành những điều-lệ ấy để trị bệnh chó dại cắn. Bao giờ dân-sự có thực am-hiểu rằng « một con vật lành bị con vật dại cắn phải, tất cũng lây bệnh dại » thì bấy giờ dân-sự mới đỡ trốn-tránh, mới chịu tuân theo kỷ-luật bắt buộc mà bắt buộc là lợi cho mình về việc trừ chó dại.

Việc phòng bệnh chó-dại là việc thuộc quyền cảnh-sát, vậy các quan văn võ cần phải ra lệnh tối nghiêm, hễ ai không chịu tuân theo luật-lệ nhất là điều thứ 10 sẽ trừng phạt rất nặng.

Việc chủng-đậu. — Không kể những kỳ chủng đậu hàng năm ở các hạt trong tỉnh thì đã có các thầy thuốc « ngạch chủng-đậu » hay thầy thuốc hàng tỉnh đi chủng mà ở các tỉnh-lỵ mỗi tuần lễ lại còn chủng một lần nữa.

II

Dạy vệ-sinh cho người bản-xứ

Về việc « xã-hội vệ-sinh » thật chưa làm được một chút-đỉnh gì cả. Cho nên nói rằng : « về việc đó thì nay thầy phải bắt đầu làm cả » cũng không phải là nói quá.

Nhưng nay nhất-đán mà đem thay đổi hết các thói-tục của người dân : như nhà ở, như ăn-mặc, v.v.. thì cũng không nên ; vì họ chưa hiểu được vệ-sinh có ích-lợi cho họ là thế nào. Vậy cần phải tuần-tự mà thi-hành, phải ôn-hòa mà hoán-cải, phải cổ-động giảng-dụ dần dần đừng có dùng lối bạo-động quá không nên ; việc đem vệ-sinh mà thực-hành không phải là việc cưỡng-bách được, bắt buộc phải theo được. Trước hết cần phải làm cho dân-sự biết tin theo, phải dạy-bảo cho dân am-hiểu đã. Mà dạy cho dân am-hiểu thì có khó gì đâu, thật rất giản-dị, vì rằng dân An-nam vốn không phải là dân không có tri tiến-thủ. Các cách thực-hành dạy cho dân hiểu được những điều cốt-yếu vệ-sinh, tưởng không gì nhậy bằng : diễn-thuyết vệ-sinh, sách học, nhật-báo, hình-ảnh, đi kinh-lý vệ-sinh, đi phát thuốc các hạt, v. v.

1° *Diễn-thuyết vệ-sinh.* — Việc diễn-thuyết vệ-sinh đã có các thầy thuốc ngạch Y-tế hoặc ngạch quan-binh trù-liệu. Đã diễn-thuyết ở nhiều tỉnh-lỵ và trại binh xem ra lắm người chịu

đến nghe mà lấy làm hay, làm thích. Vậy các thầy thuốc, thầy giáo, các viên đồn khố-xanh, kiểm-lâm, v. v... phải nên diễn-dụ khắp các hạt trong hàng tỉnh thì mới có công-hiệu được.

2° *Sách học vệ-sinh.* — Những sách học dạy vệ-sinh giống như sách của các ông Đốc-tờ Talbot, Lecomte, Angier nên phát cho thật nhiều ; không những là ở các trường học mà thôi, lại nên phát cho các dân làng, các binh-lính (khố đỏ và khố xanh), người làm việc các sở. Ở Thái-bình theo lời xin của ông Đốc-tờ Sarrailhé thì quan Công-sứ bản-tỉnh đã phát sách Talbot cho cả các trường học hàng huyện và hàng tổng, các tỉnh khác nên theo đó làm gương ; hàng năm lại nên phát phần thưởng riêng cho học trò nào có đặc-sắc về việc học vệ-sinh.

Khi cải-lương việc học Đông-dương, Chánh-phủ đã yêu-cầu những người tri-thức trong học-giới nên soạn sách sơ-đẳng giáo-khoa, hợp với trình-độ và tư-tưởng cho trẻ An-nam học. Nay bên y-giới tưởng cũng nên khuyến-khích những thầy thuốc tây ở đây, đã am-hiểu ngôn-từ cùng phong-tục An- và những thầy thuốc ta đã tốt-nghiệp ở trường Y-viện ra cùng nên soạn sách vệ-sinh thực-hành bằng chữ Pháp, chữ Nam và chữ Hán, lựa soạn cho thực giản-dị thông-thường.

3° *Nhật-báo.* — Nhật-báo Quốc-văn và Hán-văn ở đây có thể đem lợi-dụng mà truyền-bá Vệ-sinh được.

Mỗi kỳ nên bớt ra một mục riêng để khảo-cứu về những vấn-đề vệ-sinh hợp-thời.

4° *Cáo-thị và hình-ảnh.* — Nên dán những tờ cáo-thị sặc-sỡ có vẽ sâu-trùng hại cho người, vẽ những truyện tai-ách vì rượu trẻ và thuốc phiện gây nên v.v... ; những tranh ảnh ấy sẽ giúp được nhiều việc, sẽ làm cho động trí người dân và sẽ khiến cho họ để ý vào hơn là các cách truyền-bá khác.

5° *Đi kinh-lý về vệ-sinh và thăm bệnh làm phúc.* — Trong khi đi thăm bệnh và phát thuốc các hạt thì Thầy-thuốc tây và ta nên giảng-dụ cho dân-sự nghe những bài học sự-vật về vệ-sinh.

III

Vệ-sinh ở các làng

Bao giờ cách truyền-bá nói trên này sẽ được nhiều kết-quả hay (mà có lẽ cũng chẳng bao lâu nữa), bao giờ người dân bản-xứ hiểu rõ nghĩa vệ-sinh, bấy giờ mới có thể thi-hành được *ít điều thực-nghiệm*, những điều ấy sẽ được hiệu-quả hiển-nhiên cho việc vệ-sinh đoàn-thể ; như thế tất rằng sẽ bớt được số người bệnh-hoạn, giảm được số người tử-vong.

1°) Hạt nào mà không có người đại-biểu của Nhà-nước, hoặc đồn khố-xanh, hoặc binh lính đóng, thì khó lòng mà biết được cái hình-trạng vệ-sinh ở hạt ấy. Lắm khi có bệnh dịch phát ra đã lâu, nhiều người đã chết rồi họ mới chịu bẩm quan trên biết. Như là bệnh « Sốt Hồi-hoàn » (*Fièvre récurrente*) đã phát ra năm nay trong mấy tỉnh. Vậy trước hết cần phải « tìm cách nào giản-tiện mà kiến-hiệu để có thể trực-tiếp luôn-luôn được với dân-sự, ngõ-hầu chóng biết được cái hình-trạng vệ-sinh các làng ». Đã hay rằng đó là thuộc quyền các quan địa-phương phải lo-liệu lấy cái vấn-đề ấy thực ; nhưng ta tưởng những phương-pháp có kiến-hiệu hơn cả là những phương-pháp sau này :

A — Phải cưỡng-bách việc khai sinh-tử và khai các bệnh hay lây hoặc ngờ là bệnh truyền-nhiễm.

B — Mỗi tờ khai chết và khai bệnh truyền-nhiễm hoặc ngờ là bệnh truyền-nhiễm phải đính theo một cái phiếu có những câu hỏi rõ ràng để lý-trưởng

phải trả lời vào đó. Những phiếu ấy sẽ sưu-tập tại tòa Sứ rồi giao sang quan Thày-thuốc bản tỉnh xét định. Quan Sứ Bắc-giang cũng đã nghĩ xin giao cho các Chánh-tổng những bản-in bằng chữ Nho và chữ Pháp, cứ đinh kỳ đúng hạn là Chánh-tổng phải chua vào bản-in ấy cái tình-hình dịch-thực, như thế khắc biết được tên bệnh và chứng dịch. Cách ấy tất giúp được nhiều việc, nên thử theo ngay ; vậy cứ lấy tỉnh Bắc-giang làm qui-mô mà bắt chước thí-nghiệm là đủ.

2° Việc « chôn » và việc « bốc » (điều thứ 14 và 15, nghị-định về việc bảo-hộ sức mạnh chung) sẽ định thể-lệ thế nào để khỏi có bệnh lệ-khí phát ra, ấy nhiều khi có dịch-tễ là chỉ tại mai-táng cẩu-thả và bốc mả sớm quá mà thôi. Việc « lập nghĩa-địa chung » là việc hữu-ích, mỗi làng đàn-anh nên chọn một khu-đất để riêng làm nơi mai-táng. Lệ ấy rồi sau này sẽ bắt phải theo ; tất rằng buổi đầu làm thế nào chẳng khỏi trái ý người dân, nhưng rồi ra sẽ hiểu-dụ cho dân biết rõ rằng làm thế là lợi cho dân thì tự-khắc những điều tin nhảm huyền-hoặc sẽ bớt dần đi.

3° Mỗi xã nên đào ở cạnh đồng một cái hố to, để cho dân sự cứ ngày ngày đem rác-rưởi ra đó mà đổ rồi đốt đi.

4° Mỗi xã lập mấy cái « chuồng tiêu chung » cho dân mà cấm không được phóng-uế ra đường đi, hoặc trong vườn, hoặc xuống ao hồ, v.v...

5° Các ao vũng bẩn-thỉu mà có thú vật đầm lầy thì cấm dân không được tắm gội hoặc rặt-rịa sống áo chăn màn, hoặc rửa rau vo gạo, đồ ăn thức đựng, v.v. . .

6° Phải giữ-gìn những ròng nước chảy như ngòi lạch mà cấm không cho hót-đổ những phân tro xuống đó ; cấm không cho vứt bỏ những xác con vật chết xuống ngòi lạch hoặc là chôn gần dòng nước hay là nhà ở, v.v...

7° Mỗi làng nên đào mấy cái giếng nước ăn (tùy số dân ít nhiều) mà bắt dân khi kéo nước chỉ được dùng một cái thùng và một cái sích chung ; chớ không được đem những gầu, đài[1] và thừng chão riêng bẩn-thỉu ra mà vục nước. Nước kéo ở giếng lên để đem về nhà thì nên đựng thùng riêng thực sạch. Giếng nước ăn (chung hay riêng) gần chuồng tiêu, hố rác, mồ mả, không nên dùng.

8° Cấm không cho đào những vũng hố ở trong làng hoặc chung quanh làng, vũng hố nào vô-ích phải lập hết đi, cả những hố để cho trâu vầy cũng thế, vì chính những nơi ấy là muỗi sản-xuất ra nhiều.

9° Chuồng trâu bò nên làm xa nhà, ở chỗ đất cao, khô ráo và năng quét dọn luôn.

10° Mỗi làng nên lập một « sở quét dọn »[2] các đường cái, chợ búa, lều quán, vv. . . cứ sáu tháng lại một lần quét vôi. Chung quanh nhà ở và

---

(1) Đài là một thứ gầu làm bằng mo cau (bẹ cây cau có hai cái ngáng bằng tre, nhà quê ta hay dùng để kéo nước ở giếng

(2) « Sở quét dọn » trong làng đại-khái như sở Lục-lộ vậy, có phu quét đường và dọn nơi công-sở cho được sạch sẽ. Các dân xã ta xưa nay không đặt sở ấy bao giờ ; chỉ nhà ai biết nấy, quét dọn một khúc đường trước cổng ngõ nhà mình, còn ra không biết. Nay vì phong trào cải-lương hương-tục, xem ra đã được một hai xã đặt « sở quet dọn » Như xã Đông ngạc thuộc phủ Hoài đức tỉnh Hà-đông và xã Bộ-la thuộc huyện Vũ-tiên, tỉnh Thái-bình). Người viết mấy dòng này đã được dịp mục-kích sự sạch sẽ chung của dân làng Bộ la : chỗ đường đi thì quét dọn phẳng-phiu, nơi chợ búa xem ra có thứ lớp, các cầu quán, các công-sở thu xếp có phần chỉnh-đốn lắm. Công-cuộc được tận thiện như vậy cũng nhờ có ông Lê Van-Thiệp là Tiên-chỉ làng đã ra sức kinh-doanh ; ông là người có tâm với việc công lắm, thực cũng đáng khen mà đáng làm gương cho đàn anh các hạt khác trong tỉnh nên theo V.K.

chung quanh làng nên phát bỏ phát bụi cho quang-đãng để cho nhiều thoáng khí và ánh sáng thấu vào.

Mỗi năm hai ông đại-biểu hội-đồng vệ-sinh hàng tỉnh (một ông thầy thuốc và một ông thân-hào) đi khám xét các xã. Xã nào, tổng nào sạch-sẽ mà biết chịu khó gắng sức nghe theo, làm theo những cách vệ-sinh đã nói ở trên thì nên tưởng-lệ để khuyến-khích thêm lên; dân anh trong làng siêng-năng mẫn-cán đã làm cho làng được có vệ-sinh thì cũng nên nghĩ thưởng; cách này ta chắc sẽ được công-hiệu lắm; các quan cai-trị nên lưu-ý đến luôn.

* * *

Đó là cái chương-trình về những phương-pháp vệ-sinh nên theo, nên làm cho trọn vẹn, nên theo đuổi kỳ cùng lâu năm về sau để cho người dân chốn thành-thị và nơi thôn-dã được khang-kiện.

Sở Y-viện đã tư xin quan Toàn-quyền làm nghị-định cho các quan cai-trị chủ-tỉnh được rộng quyền-phép, được đủ thế-lực cho đương nổi một công cuộc lớn-lao làm vậy. Các ngài cứ do các phương-pháp nói trong chương-trình này làm hướng-đạo thì công việc các ngài càng dễ thi-hành lắm. Các nghị-viên hội-đồng vệ-sinh hàng tỉnh do đó mà kê-cứu cũng có lợi lắm. Trên kia đã nói rằng hội-đồng vệ-sinh hàng tỉnh còn giúp được nhiều việc to-tát, vì chính hội-đồng phải xét giải cả các vấn-đề vệ-sinh, phải ép xin thi-hành các phương-pháp vệ-sinh có thế thì dân sự mới được mạnh khỏe vậy.

VẠN-KHOẢNH *lược-dịch*

THƠ CHO BÁO NAM-PHONG

Bình-lục, le 22 Février 1920

Nam-phong chủ-bút

Phạm nhân-huynh kỷ-hạ,

Năm cũ đã qua, năm mới vừa đến, cuộc đời thay đổi, tạo-hóa chuyển-vần, những người có tâm-huyết vừa mong lại vừa sợ cho đời, mong là mong cho hậu-vận được thái-bình, sợ là sợ cho kim-thời chưa được tiến-bộ.

Ta ngồi nhìn cái quang-cảnh tết năm nay mà vừa mừng lại vừa lo cho việc tiến-hóa của nước mình.

Mừng là mừng năm nay cuộc trị-an trong nước được hoàn-toàn, dân-sự đều an-cư lạc-nghiệp. Nhưng mà trong cái sự mừng ấy, thì sự lo sự buồn nghĩ cũng còn nhiều.

Lo là lo cho dân ta không có tính phòng-xa, có bao nhiêu thóc gạo đem bán cho gần hết, cũng vì thế nên năm ngoái tuy được mùa, mà nay cũng đã có chỗ đói rồi.

Còn buồn là buồn cho dân-trí mình vẫn còn thủ-cựu, chưa chịu cải-lương, sự công-thương chưa được mở-mang, mà tục phiền-phí vẫn còn như cũ. Xem trong cái tết này thì sự ăn tiêu thực là quá độ, nào pháo nào tranh, nào thịt nào rượu, cờ bạc chơi bời, xuân đi xuân lại, ăn chơi luôn 5, 7 ngày nửa tháng mà nào là đã hết xuân đâu; cái nghèo trước mắt mà nào có ai lo nghĩ đến đâu. Ôi! nghĩ đến phong-tục phiền-phí vô-ích mà ngán thay!

Đã đành rằng những phong-tục hay thì nên giữ lại, nhưng mà những tục phiền-phí vô-ích thì nên bỏ đi, chứ có lẽ nào cứ nhắm mắt mà nệ cổ mãi thế này hay sao ?

Trong cái tết này có một điều đáng ghi-nhớ, là sau cái phong-trào đề-chế, thì ngày nay đồ ngoại-hóa, như chè, như pháo, lại thấy tiêu-thụ hơn trước nhiều ; nghĩ mà buồn thay, cái lòng nhiệt-thành ấy nay lại hóa ra một trò phường-chèo cho xã-hội mình, ta trông thấy mà rất đau lòng !

Ôi ! những cái cảnh-tượng đáng lo đáng buồn này đều do sự học-vấn còn kém, dân-trí còn thấp vậy.

Trừ những thành-phố lớn thì còn có trường này trường khác cho học-trò học, chứ ở chốn hương-thôn, thì trong một tổng chỉ có một trường tổng-sư, mà số học-trò chỉ độ chừng vài ba mươi người là nhiều, mà học những sách gì, chẳng qua quanh đi quẩn lại, chỉ mấy bộ sách quốc-ngữ mới xuất-hiện ra mấy năm nay, ước chừng 30 quyển là nhiều. Cái câu « thiên kinh vạn quyển », ngày nay thực là ít nghe thấy nói nữa.

Ôi ! học mà không có sách lấy gì mà học ? Chúng ta nên mong Chánh-phủ lập một Tòa Tu-thức, chọn những người văn-học giỏi chữ tây chữ nho để làm sách dịch sách cho học-trò có sách mà học mà xem ; nhất là ta nên mong những bậc văn-sĩ trong nước, tự mình lưu-tâm mà làm sách dịch sách cho nhiều, tùy tài mà giúp đỡ cho người đồng-bang ; cái vấn-đề dịch sách làm sách này thật là quan-hệ cho sự học-vấn trong nước ta ngày nay.

Còn nghĩ đến cái tâm-tính người mình thì thật lạ lắm, — mà ta nghĩ đến chừng nào, thì càng thêm đau-đớn cho ta chừng ấy, — cái tính ích-kỷ càng ngày càng thịnh-hành, cái « Kim-tiền chủ-nghĩa » càng ngày càng truyền-nhiễm ra mãi, thật là một việc đáng lo. Không kể những thành-phố lớn thì cái nghĩa đoàn-thể thật hiếm có rồi, ai chết mặc ai, mình ta ta biết, miễn là mình cùng thê-tử cho được no-đủ sung-sướng thì thôi ; thậm-chí có người trông thấy đồng-bào, cô-thân độc-thế, người này hà-hiếp, kẻ nọ hành-hung, mà cũng bằng chân như vại, lại có người trông thấy người mình đắm sông cướp đường cũng chẳng hề ứng-cứu, tìm lối tránh xa, thật là chẳng có một chút lương-tâm nào nữa ! Nhiều khi người ngoại-quốc cũng phải động lòng mà kêu lên rằng : « Cái tâm-tính người Việt-Nam thực là quái lạ ! », mà người ta cũng phải thương hộ cho mình ; ôi ! người mình một giống một loài, một quê cha đất tổ, không thương lấy nhau, không giúp lấy nhau, mà để người ngoài thương hộ giúp hộ thì thật đáng thẹn cùng người !

Ta không ngờ cái lòng đạo-đức của ta suy kém cho đến thế. Nói đến chốn hương-thôn, thì cái tâm-tính ấy cũng chẳng hơn gì nơi thành-thị. Xã này bị cướp, nhà nọ cháy nhà, mà lân-bàng tứ-cận cũng ít khi hết lòng ứng-cứu cho nhau, nên cái nạn cướp cháy vẫn thường trông thấy.

Lại xét đến cái cách giao-thiệp cùng nhau trong xã-hội, thì cũng thật như nước lã ao bèo, chẳng ai thương yêu nhau, mà cũng chẳng ai thân-mật cùng nhau.

Một điều rất lạ là trong khi 5, 3 người truyện-trò cùng nhau, thì ta những nghe câu truyện tầm-thường thô-bỉ, quanh đi tài-bàn tổ-tôm, quẩn lại bàn-đèn điếu-thuốc, cái trống cái đàn, chị này ả nọ, miếng sôi miếng thịt, chỗ ăn chỗ ngồi, mà những câu truyện ấy là câu truyện đầu lưỡi trong các hạng người trong xã-hội, hạng nào cũng có ít nhiều. Ít khi ta được nghe câu truyện bàn đến sự học-vấn, nghĩ đến sự cải-lương ; nghĩ mà ngán thay cho người đời cuộc đời bây giờ !

Cái trình-độ còn kém như thế, mà bảo có ai lo nghĩ đến đâu ; phần nhiều chỉ chơi bời cho thỏa chí, vợ con cho phong-lưu, dân đói mặc dân, người ngu mặc thế, chỉ biết bản-thân cho béo, chẳng cần gì đến lễ-nghĩa liêm-sỉ, chẳng tưởng gì đến nhân-nghĩa đạo-đức, tìm hết cách độc-ác thâm-hiểm, dùng hết đường sâu-sắc quanh-co, nhân-cách không nhân-cách thời chớ, giá-trị không giá-trị thì đừng, chạy ngược chạy xuôi, vào luồn ra cúi, cái chủ-nghĩa « khuất nhất thân thừa vạn thặng » thật là công-nhiên thịnh-hành ; miễn là dùng hết cách chiều chuộng người trên cho bằng lòng, rồi tha-hồ mà hà-hiếp kẻ ngu-dân. — Ta thường thấy có người muốn cứ để dân ngu để cho dễ lợi-dụng, cho được rộng quyền áp-chế ! Ta vẫn thấy nhiều việc cải-lương mà cũng có người lại lấy làm ngao-ngán ! cái tâm-tính đến thế là thật lạ, mình đã không làm gì thì chớ, thậm-chí người đã thương hộ mà làm cho, cũng còn hối-hận. Cũng vì cái lòng ích-kỷ thái-quá, cái sự học-vấn hẹp-hòi, nên ta lại càng trông thấy những điều ngứa mắt chướng tai, chỉ thấy san-sát những kẻ lừa thầy phản bạn, cờ bạc rượu chè ; đệ nhiều khi được gần kề những nhà thượng-lưu xã-hội, thì phần nhiều chỉ thấy bàn đến việc *thập hường kính cụ* là nhiều ; ta có ý mà xét thì 10 nhà hết 9 nhà có cỗ bài xanh đỏ bài-trí ở trong tủ trạm khảm cử. Bàn đến truyện công-ích học-vấn, thì cho là gàn ! Ta ít khi được hạnh-phúc mà trông thấy các bậc thượng-lưu ấy đọc sách, mà cũng ít khi trông thấy các nhà thượng-lưu ấy có sách ! Cái ngày giờ của các bậc ấy thì phần nhiều dùng vào cái thú vui *chi chi bạch đinh, kính cụ thập hường*, như thế thời còn thời-khắc nào mà nghĩ đến cuộc thịnh-suy trong xã-hội nữa ?

Còn nói đến bọn hạ-lưu, mà đệ thường ngày giao-tiếp, thì nghĩ mà chán thay ! — Cái tâm-tính của họ phần nhiều quanh-quẩn lại chỉ miếng thịt miếng xôi, tranh ăn tranh ngồi, nói đến việc học-vấn, đến sự văn-minh, thì tự-hồ như nói chuyện trên trời dưới đất đâu đâu !

Nói đến bọn thiếu-niên mà ta vẫn mòng mỏi, thì cái đường tiến-bộ trông cũng còn xa lắm.

Đệ thường gặp học trò vấn hỏi truyện thì cái câu trả lời phần nhiều giống nhau — « Chúng tôi đi học để sau này ra làm việc trong các sở công, may ra thì được ông Hàn ông Bát, không may thì được ông Ký ông Thông, là đạt được cái mục-đích của chúng tôi ». Còn những các ông đã có chức phận rồi, thì phần nhiều chữ trả lại thầy, sách trả lại trường, mỗi tháng năm ba chục là mãn-nguyện, học làm chi xem làm chi nữa cho nhọc trí, việc thế-sự gác để ngoài tai, cuộc tiến-hóa nhờ trời đẩy lại ! — Ngày làm hai buổi, đêm bạc vài canh, khi lên xe, khi xuống ngựa, lúc dùi trống, lúc tiếng đàn, thực là một cái cảnh cuộc vui đầy tháng, trận cười suốt đêm, nghĩ cũng sung-sướng thật ! Còn người nào không giao-thiệp, thì quanh năm đóng cửa để mà hú-hí cùng vợ con, thóc cao gạo kém mặc ai, vận đồn dân ngu mặc thế. Ôi ! trông thấy các hạng người trong xã-hội mình như thế mà khá thương thay ! Ngày nay không biết đã tỉnh-ngộ hay chưa ?

Ta lại nói đến sự lập công danh trong nước mình mà ngán thay ! Cũng nhân sự cầu công-danh phú-quí, mà đệ được nghe truyện có người xu-nịnh cho đến nỗi tự mình nằm đất chịu đòn, để cho được lòng quan trên yêu mến. Ôi ! đê-tiện đến thế, thiết-tưởng cái lương-tâm của nhân loại cũng phải tức giận thay cho người mình ! Cái sự cầu-danh ghê-gớm thế ấy, nào có phải chỉ thế mà thôi đâu, còn biết bao nhiêu người lừa thầy phản bạn, bất-nghĩa bất-nhân, dùng hết cách tàn ác thâm-độc mà cầu cho được chút hàm nọ phẩm kia, để mà lên mặt cùng

người ; mà những truyện như thế, còn nhiều nói sao cho xiết. Ôi ! Công-khanh phú-quí, ôi ! ích-kỷ vong-nhân, trong khi các ông được nằm lầu son gác tía, được ăn mĩ-vị cao-lương thì nào biết các ông có thấu đến cái cảnh-tượng cơ-hàn ngày nay không ? Trong lúc các ông đương vui thú *chi chi bạch định, ù sỉu ù tài*, vợ nọ con kia, xe này ngựa khác, thì biết bao nhiêu người Việt-Nam còn đương ở chốn nhà nát cột siêu, áo rách quần sài ; gạo trộn cùng khoai, rau lẫn cùng cháo, để mà ăn cho qua ngày tháng, để mà khỏi chết đói trên đường ! Ôi ! cái cảnh-tượng ấy, thì người có lương-tâm ai chẳng ngậm-ngùi than khóc cho nhân-loại ! Nhưng mà nào biết các ông có động lòng mà thương đến kẻ một giống một nòi đương phải cơ-hàn ấy không ? Đau đớn thay ! thảm sầu thay ! Cái cảnh đau lòng ấy, biết lấy giấy đâu mà tả cho xiết, những người biết yêu nước thực là khổ-tâm. Ôi ! ở đời có bốn cái nạn, như là giốt, nghèo, khổ, chết (*ignorance, pauvreté, misère, mort*) mà ba cái ta đã trông thấy trước mắt, thì lòng ta há chẳng đau-đớn lắm ru ?

Còn nói đến cái cảnh nghèo của chốn hương-thôn, thì thật rất độnglòng.

Đệ đã từng đến chỗ dân-cư ở các xã-thôn, thì mục-kích thấy nhiều cảnh khốn-khổ không xiết kể. Trong 10 nhà, thì chỉ có vài ba nhà là đến tối còn trông thấy ánh sáng ngọn đèn, còn thì tối-tăm như ngục-thất ; tìm cho được một cái đèn sáng, thật là một việc rất khó ! Còn gia-sản thì bất-quá vài cái chõng tre, một cái bàn thờ. 10 cái đĩa bát, vài cái chiếu chăn là cùng, phần nhiều gia-sản không đến 10 đồng bạc ! Xét trong bút-lục việc quan thì lời khai : « Gia-sản bất cập thập nguyên 家產不及十元 », vẫn thường trông thấy ! Đây là không kể những nhà đói khát, ngày hai buổi gạo khoai trộn lẫn mà ăn cho qua ngày tháng. Trông thấy cái cảnh não-nùng ấy, thì người có tâm-huyết ai chẳng cau mày rơi lụy. Ta xét đến cái căn-nguyên thì biết nước mình thật còn nghèo kém vậy. Ôi ! cái cảnh-tượng ấy, cái dân-trí ấy, thì xin nhân-huynh tìm phương-kế gì mà chấn-chỉnh lại cho nước mình chóng được sung-sướng vẻ-vang.

Trong mấy mươi năm nay nhờ ơn quí-quốc đã mở-mang cho ta được nhiều điều ích-lợi, nên đã nhiều người được giầu-sang phú-quí, nhiều thành-phố đã được vẻ-vang hơn trước nhiều.

Nhưng mà xét cái quang-cảnh hiện tại, thì thật còn phải mở-mang nhiều nữa, mới hưởng được thái-bình cảnh-tượng. — Đã đành rằng ta phải nhờ bóng cờ ba sắc che-chở cho ta, khai-hóa cho ta, nhưng mà cuộc đời thịnh-suy cốt ở lòng ta trước.

Cái tính ỷ-lại của ta, đã làm chậm lại cho ta biết bao nhiêu công việc tiến-hóa rồi, nếu mình muốn tiến lên, thì mình phải lo lấy việc nhà mình, phải nghĩ lấy việc nước mình trước, rồi nhờ quí-quốc dìu-dắt lên, thì mới tiến-hóa được.

Nếu mà ta cứ nhắm mắt mà ngồi, khoanh tay mà trông, ta chỉ mong ở người mà không mong ở ta, thì cái vấn-đề tiến-bộ khó lòng mà giải-quyết được. Nếu ta cứ viện lấy câu trình-độ chưa đến, mà ta cứ ăn ngon ngủ yên không làm việc gì, thì biết bao giờ cái trình-độ đến cho mình. Mình có chịu bước tới, trình-độ mới đến được. Cái lẽ ấy thực là một lẽ đương-nhiên.

Nay ta đã biết qua cái hiện-tượng như thế, thì ta nên làm thế nào mà chấn-hưng xã-hội được thịnh giầu, chớ không lẽ cứ bàng-quan mà chê khen hay sao ? Ta xem trong nước mình cũng có nhiều người học-thức, thấy cuộc đời như thế mà thương, hết lòng nhiệt-thành mà cải-lương cho xã-hội, nhưng mà nhiều việc không thành

là tại cớ gì? Cái câu hỏi ấy tưởng trả lời cũng chẳng khó gì, những các việc bại-sự ấy là bởi ta không có bền chí và không có mục-đích nhất-định, gặp đâu làm đấy, chẳng nghĩ trước chẳng phòng sau, còn đến khi đương làm hơi gặp một điều gì khó-khăn ngăn-trở thì đã ngã lòng. Cũng vì thế, nên cái lòng sốt-sắng không mấy ngày mà nguội, cái việc đáng làm không mấy lúc mà hư, khá tiếc thay!

Cuộc đời đã trải, sự lầm đã qua, vậy thì ngày nay muốn cải-lương trong xã-hội, thì trước hết ta phải tìm một cái chương-trình nhất-định, rồi ta cứ bền chí mà thi-hành cho đến khi thành-hiệu. Trong cái việc cải-lương ngày nay, tưởng có hai điều nên làm trước: một là cải-lương ở chốn hương-thôn là chỗ nguồn-gốc trong xã-hội, hai là gây-dựng lấy một bậc thượng-lưu xã-hội cho xứng-đáng cho thành-thực, để mà đưa đường chỉ lối cho con em.

1° *Ở chốn hương-thôn*, trước hết ta nên sửa-sang lại phong-tục trong dân, để giảm bỏ cái tục nặng-nề, phí-tổn vô-ích, lập ra sổ cải-lương phong-tục, làm ra sổ công-xã chi-tiêu, mở rộng các đường kinh-lộ trong các xã-thôn, để cho việc giao-thông được tiện-lợi, sự buôn-bán được mở-mang, lập trường học trong các xã cho mở rộng sự học-hành, khuyên-răn hợp tư-bản để chấn-chỉnh đường công-thương cho được phú-cường.

2° *Ở chốn tỉnh thành*. Ta phải gây-dựng cho thành một bậc thượng-lưu xã-hội, có lòng thành-thực mà khai-hóa cho đồng-loại, dìu-dắt nhau, khuyên bảo nhau, để cho chóng lên được đường tiến-hóa cùng người, phải đào-luyện lấy lòng đạo-đức nhân-nghĩa, xa bỏ những tính vị-ngã vong-nhân, đồng-tâm hợp-lực mà mở-mang sự học-hành, chấn-hưng đường công-nghệ. Trong việc học-giới thì ta nên cố công hết sức mà làm sách dịch sách quốc-ngữ cho nhiều, để cho công-dân có sách mà học mà xem; cái vấn-đề ấy là rất quan-trọng cho sự học-vấn, những bậc thượng-lưu xã-hội, phải nên lưu-tâm mà giải-quyết cho xong.

Ta nên góp nhau mà dựng nên mỗi tỉnh một cái thư-viện, một cái nhà « séc » (*cercle*) để mà cùng nhau họp tập chuyện-trò, trước là giải buồn, sau là bổ-ích cho sự học-vấn một thể. Nhân nay các tỉnh đã nhiều hội « Trí-tri », thì ta nên tạm dựng thư-viện ở đấy cũng tiện; còn những người giàu-có thì nên họp tư-bản cùng nhau mà mở-mang công-thương, nhân lúc phong-trào này, mà tranh lại cái thương-quyền của người ngoài thu-tập trong mấy trăm năm nay.

Ta cứ dìu-dắt nhau lần hồi theo trật-tự mà tiến tới, rồi dần dần quý-quốc cũng nghĩ đến ta mà sẽ cho được quyền ngôn-luận tự-do, tham-dự đến việc chính-trị của nước ta, và sẽ mở-mang cho ta biết bao nhiêu việc công-ích nữa, rồi khi ấy ta vỗ tay nhau mà hưởng cuộc thái-bình, thì ta mới trọn cái nghĩa-vụ của ta đối cùng quốc-dân vậy.

Nhưng mà muốn làm cho hoàn-toàn cái chương-trình vĩ-đại ấy, thì ta phải có lòng can-đảm bền chí mà phải yên lòng theo thứ-tự kỷ-cương mà thi-hành, phải một lòng trung-thành cùng qui-quốc, núp dưới bóng cờ ba sắc mà tiến-tới mới được.

Nói tóm lại thì cái mục-đích của ta là mong cho dân mình được no đủ thông-thái, nhân-nghĩa đạo-đức, nước mình được phú-cường thịnh-trị; bao giờ cái mục-đích ấy thành-tựu được là ta được, vẻ-vang cùng quốc-dân. Vậy thì cái chương-trình này phải nhờ tay ai thi-hành cho thành-đạt được?

Việc cải-lương chốn hương-thôn, lập trường chốn hương-thôn, ta phải

nhờ đến quan-trường mới làm được. — Vậy thì ta xin các quan cố gắng lên mà cổ-động khuyên bảo dân cho chóng thành-hiệu ; xem như tỉnh Hà-đông nhờ quan Tổng-đốc Hoàng mà việc cải-lương ấy đã tấn-tới nhiều. Còn việc gây dựng nên một bậc thượng-lưu xã-hội thì ta phải nhờ đến những người có lòng ái-quốc nhiệt-thành, mượn tờ báo mà cổ-động cho chóng thành. Việc này các hạng người trong xã-hội đều có trách-nhiệm đến cả, nhất là hội « Khai-trí tiến-đức » phải nhận một phần trọng-trách ; cái câu « quốc gia hưng suy, dẫu đến kẻ thất-phu cũng có phần trách », thì ta nên nhớ lấy. Nếu ai ai cũng biết tỉnh-ngộ lại, bỏ cái tính ích-kỷ đi, cứ mỗi ngày người nào cũng để ra vài giờ mà nghĩ đến việc ích-quốc lợi-dân, mà dìu-dắt nhau, thương yêu nhau, cố lên gắng lên, đồng-tâm hợp-lực, thì lo gì mà việc chẳng thành, ta nên mong-mỏi lắm.

Nhân cái ngày kỷ-niệm nguyên-đán này ta nên chúc cho đồng-bào ta thức dậy mà trông cái cuộc đời thay đổi, tỉnh lại xét cái hiện-tượng thịnh suy của nước mình. Ta phải đồng-tâm hợp-lực mà làm ăn học-hành, dìu-dắt nhau, khuyên-bảo nhau, bỏ tâm-tính xấu như là tham-nhũng độc-ác, lừa-đảo gian-giối, nhút-nhát run-sợ, đê-tiện dều-giả, xu-nịnh người trên, hà-hiếp kẻ dưới, ích-kỷ, đố-kỵ, a-dua người phú-quý, khinh-bỉ kẻ nghèo hèn, ta phải sùng-mộ lấy lòng đạo-đức nhân-nghĩa, hiếu-đễ trung-tín, gây-dựng lấy người anh-hùng nghĩa-sĩ, tiết-phụ nghĩa-phu : thấy điều có nghĩa phải làm, gặp người bị nạn phải cứu, đào-tạo lấy tính-tình tư-tưởng mới, giảm bỏ những tục hủ thói xằng, chấn-chỉnh công-thương, mở-mang học-vấn, bỏ cái lòng yếm-thế tự-khí đi, bỏ cái hư-danh hão-vị đi, rèn tập lấy cách thực-hành, đào-luyện lấy nghĩa đoàn-thể, cùng nhau bàn-luận việc đời, lo-toan việc nước ; đừng nên đóng cửa mà vui thú lấy một mình, cờ bạc hút-sách, vợ con hú-hí, nào có ích gì cho ai, mà lâu ngày lại thành ra người ngu-si dần-độn : nhưng mà cũng không nên đua theo những kẻ hoang-dâm du-đãng, dong-dài giữa phố ngoài đường mà cho người đời khinh bỉ ; phải biết trọng lấy cái nhân-phẩm (*dignité personnelle*), cái tự-do của mình, đừng nên bắt-chước ai cầu công-danh phú-quí mà đem mình quì lạy ở chốn thềm sân, nhục cho-bản thân, thẹn cho quốc-thể ! Ôi ! người mà không quí cái nhân-phẩm, cái tự-do, thì nào khác gì giống vật ! Vả lại ta phải nên biết cái sung-sướng không ở nơi áo gấm quần là, nhà cao cửa rộng, hàm hão danh hư, giầu sang độc-ác ; cái sung-sướng quyết không ở những cái tình-dục ấy ; cái sung-sướng quyết ở lòng đạo-đức nhân-nghĩa vậy. Sách luân-lý tây vẫn dậy rằng chỉ có lòng đạo-đức mới là sự sung-sướng thật (*les vertus seules constituent véritable bonheur*) ; mà thật thế, cái danh-vọng càng cao, cái phú-quí càng dầy thì đời người lại càng chìm nổi gian nan. Những người đã trải qua việc đời, tưởng cũng không cho câu này là quá-đáng. Cái sự sung-sướng quyết-nhiên là ở lòng đạo-đức ; vậy thì ta nên sùng-mộ cái lòng cao-thượng ấy, mà lo thế nào cho đồng-bào ta cũng được sung-sướng thái-bình. Câu ngạn ngữ tây vẫn thường nói « *On ne fait son propre bonheur qu'en faisant celui des autres* », nghĩa là mình muốn sung-sướng thì cốt phải làm cho người ta cũng được sung-sướng. Quả thật thế, nếu mình sung-sướng một mình, mà chung quanh mình những người đói khát ngu hèn, thì mình sung sướng làm sao đành ; những người giầu sang mà ích lấy một mình thì người Âu-châu vẫn gọi là « nô-lệ cái tủ bạc » Ôi !

dương khi các nước đương cạnh-tranh kịch-liệt trên đường tiến-hóa, thì lẽ nào người mình cứ khoanh tay ngồi yên mà nhìn, không tỉnh-ngộ lại hay sao! Cái giấc ngủ mấy nghìn năm nay, cái bệnh đau mấy thế-kỷ này, tưởng cũng đã lâu rồi. Ôi! hồn người Việt-Nam ôi! thức giậy!

Thôi mấy lời chúc nhân-huynh năm mới bước lên một bước nữa, kẻo chậm lắm rồi, thì-giờ thấm-thoát, cái đồng-hồ trường-xuân của nhân-loại kia lại vừa đánh thêm một tiếng chuông nữa, thế là năm *Kỷ-mùi* đã qua rồi; chèo cố lên, bơi cố lên, để mà dìu-dắt chiếc thuyền Việt-Nam vẫn còn lênh-đênh giữa bể cho chóng đến bờ. Ôi! cái thời-khắc ấy thật là long-trọng vậy! Phạm-nhân-huynh ơi, 20 triệu đồng-bào đương ngoảnh mặt lại mà trông vào cái ngòi bút sắt của nhân-huynh; quan-trọng thay! vẻ-vang thay!

Đệ

HOÀNG HỮU-ĐÔN

Tri-huyện Bình-lục (Hà-nam)

DANH-THẦN LỤC

(Lược-dịch *Đại-Nam chính-biên Liệt-truyện*)

V

Chu Văn-Tiếp 朱文接

Chu Văn-Tiếp người ở Phù-mĩ, Bình-định, sau dời đến ở huyện Đồng-xuân. Tiếp là người dũng-mãnh, có mưu-lược, võ-nghệ tuyệt-luân. Trước đi buôn bán có quen với Nguyễn Văn-Nhạc; năm Qui-tị, Nhạc khởi loạn ở Tây-sơn, Tiếp cùng với anh là Doãn-Chử, em là Doãn-Chấn, Doãn-Húc cùng họp quân mán ở Hà-duy-nguyên được hơn nghìn quân, đóng giữ núi Trà-lang, các người hào-kiệt năm dinh Gia-định theo về nhiều lắm. Lê Văn-Thược trước cũng theo Tiếp làm cai-đội; Tiếp gả em gái là Thị-Dậu cho. Thị-Dậu cầm quân cũng giỏi, hiệu là « Chu muội-nương quân ».

Khi bấy giờ anh em Nguyễn-Nhạc mới quật-khởi lên không có viện-trợ vào đâu, ngoài lo quân Trịnh, trong sợ binh Gia-định, Nhạc mới sai người lấy tình cố-cựu ước với Tiếp họp binh đón lập ông Đông-cung Dương. Tiếp theo lời họp binh ra Quảng-nam đón Đông-cung đến Qui-nhân, song Nhạc lại bội-ước không lập nữa. Tiếp bèn đem quân về Phú-an lại giữ núi Trà-lang để chống nhau với Nhạc. Khi ấy có quan lưu-thủ ở Long-hồ là Tống Phúc-Hợp đóng quân ở Vân-phong. Tiếp sai người đến thông tin, Hợp tâu vua Duệ-tôn cho Tiếp đem bộ-quân mình đóng giữ mặt thượng-đạo, để làm thanh-viện cho quân năm dinh, bởi thế quân-thế cũng hơi phấn-chấn. Năm bính-thân, Hợp vào cứu-viện trong Gia-định, Tiếp đóng quân án-ngữ các đạo Phú-an, Bình-thuận, tự đương một mặt, trong che-chở cho Gia-định, ngoài chống quân sơn-tặc, bởi thế quân giặc cũng từ bớt đi.

Năm canh-tí, Đức Thế-tổ mới chính vương-vị, sai Tôn-thất Dụ ra chấn Bình-thuận, triệu Tiếp về Gia-định triều kiến, cho làm Đô-đốc chưởng-cơ, điều-bát các tướng-sĩ.. Năm sau Thế-tổ muốn đại-cử binh ra đánh sơn-tặc, sai Tiếp sắp-sửa binh-mã để đợi kỳ kéo ra. Mùa hạ năm ấy Tiếp tiến quân

đến Diên-khánh. Tôn-thất Dụ tự Bình-thuận đem quân đến Vân-phong cùng họp với quân ông Tiếp, đối-lũy chống nhau với giặc ; vì quân giặc nhiều voi lắm, quân Tiếp trông thấy sợ lui. Tiếp không thể cản lại được, phải lui quân giữ núi Trà-lang. Mùa xuân năm Nhâm-dần, quân Sơn-tặc vào cướp Sài-gòn, Thế-tổ chạy ra cù-lao Phú-quốc. Tiếp đem quân vào cứu-viện, kéo cờ đề bốn chữ : « Lương-sơn tá-quốc 梁山佐國 », cùng với Tôn-thất Mân điều-bát chư-tướng kéo quân đánh đuổi tướng Tây-sơn là Nhàn-Chập, thu-phục được thành Sài-gòn ; liền sai người đi báo-tiệp và đem quân đi nghinh-giá. Thế-tổ nghe tin báo cả mừng, trở về đến sông Tử-kỳ. Tiếp bái-phục bên đường, khóc tâu rằng : « Không ngờ hôm nay lại trông thấy chúa-thượng, thiệt là nhờ phúc Xã-tắc ». Thế-tổ úy-lạo rồi trở về Sài-gòn cho Tiếp làm ngoại-tả chưởng-doanh. Năm quí-mão, Nguyễn Văn-Huệ lại vào cướp Sài-gòn, Tiếp dùng chước hỏa-công bị phản-phong thất-lợi thua chạy. Thế-tổ lại chạy đến Tam-phụ (ba gò). Tiếp thời đi đường rừng qua Cao-miên sang Xiêm cầu-viện. Vua Xiêm muốn cho nhưng chửa quyết, lại sai Tiếp trở về, và sai tướng Xiêm là Thát-Xỉ-Đa đem binh-thuyền đi đón Thế-tổ sang Xiêm. Tiếp viết mật-thư sai người cùng quân Xiêm cùng đi. Thế-tổ được thư bèn sang Xiêm. Vua Xiêm lại sai người gọi Tiếp trở lại. Đương lúc Thế-tổ ra mắt vua Xiêm nói chuyện chửa rứt lời, thời Tiếp tự ngoài vào quị trước mặt Thế-tổ ôm lấy gối khóc nức-nở mãi không thôi. Vua Xiêm cũng cảm-động, bảo các bày tôi rằng : « Chiêu-nam-cốc [1] có bày tôi giỏi như thế, thời trời còn tựa ». Bèn ước giúp binh ; mùa hạ năm giáp-thìn, Thế-tổ tự Xiêm trở về, vua Xiêm sai cháu là Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương đem hai vạn quân và ba trăm chiến-thuyền sang giúp. Thế-tổ cho Tiếp làm Bình-sơn-đại-đô-đốc, điều-bát chư-quân, tiến vào sông Chấn-giang. Tiếp đem thủy-binh đánh nhau với giặc ở sông Mân-thiết, Tiếp nhảy xông sang thuyền giặc, phải giặc đâm một giáo bị thương. Thế-tổ liền thúc quân vào đánh, chém được tướng-giặc tên là Bạo, quân giặc thua chạy đến Long-hồ. Tiếp bị-thương nặng kêu to lên rằng : « Trời chửa muốn diệt Sơn-tặc hay sao ! », rồi chết liền. Thế-tổ thương sót than rằng : « Tiếp với ta vui lo cũng đồng-tình với nhau, nay nửa đường bỏ ta mà thác, thiệt là đau-đớn ! »

Rồi tặng làm Tả-quân Đô-đốc-phủ chưởng-phủ-sự, tước quận-công, tứ thụy là Trung-túc. Năm Giáp-dần, dựng đền thờ ở châu Định-viễn. Năm Gia-long thứ sáu, định công các bày-tôi theo hầu sang Vọng-các, Tiếp đứng bậc thứ nhất.

Tiếp bốn anh em, trước sau mất dần cả, đều vô-tự. Chỉ có em gái là Chu-Muội sinh được một con gái là Thị-Tiêm gả cho người làng là Nguyễn Danh-Huệ sinh được con trai là Hóa. Khi Tiếp mất, lấy cái thuyền ván làm áo quan, liệm bằng áo nhung-phục táng ở thôn Hội-an (thuộc Vĩnh-long). Sau lại cải-táng về ấp Hắc-lăng (thuộc Biên-hòa). Và hậu-cấp tiền gạo lụa là cho Chu-Muội, sai phu giữ mộ. Năm Tự-đức thứ hai, xuống tờ chiếu xét hỏi con cháu kẻ công-thần, thời Tiếp không có con cháu nào thân cả, chỉ có Hóa dầu là cháu ngoại mà còn hơi thân, bèn cho Hóa cửu-phẩm bá-hộ, để giữ thừa-tự.

---

(1) Chiêu-nam-cốc tức như tiếng ta xưng là « thiên-vương ».

VI

Nguyễn Đức-Xuyên 阮德川

Nguyễn Đức-Xuyên tổ-tiên trước là người Phú-vinh Thừa-thiên. Cha là Quảng dời vào ở Gia-định làm cai-cơ, anh là Thái cũng làm cai-cơ. Xuyên là người dũng-mãnh mưu-lược, theo đức Thế-tổ làm đội-trưởng, khi Thế-tổ chạy ra ngoài, Xuyên cùng Nguyễn Văn-Mẫn hộ-vệ cung-quyến đến nơi hành-tại. Trận đánh ở Điệp-thạch quan-quân bị thua, Xuyên theo đường bộ trốn chạy. Mùa thu năm Giáp-thìn, Thế-tổ tự Xiêm trở về, Xuyên ra yết-kiến xin theo đi đánh giặc, lại bị thua. Thế-tổ chạy ra Hà-tiên; Xuyên đi theo hầu, suốt một ngày một đêm Thế-tổ chưa được ăn cơm, Xuyên chạy vào nhà dân xin cơm; người dân hỏi rằng: « Võng đi trước đó có phải là võng chúa cũ đấy không? » Xuyên nói dối rằng không phải. Người dân nói: « Tôi nhòm qua đã biết rồi, thôi đừng giấu nữa. Ông cứ đi đi, hễ cơm chín thời tôi xin đem theo để hiến ngài. » Xuyên bèn đi. Một lát cơm chín, người dân lập-tức gói cơm chạy đuổi theo để dâng. Thế-tổ hỏi họ tên, người dân ấy chạy mệt quá miệng thở hồng-hộc không thưa lên được. Đến khi Thế-tổ chạy sang thành Vọng-các (kinh-đô nước Xiêm), Xuyên vì giết lầm phải người lái buôn nước Xiêm, sợ họ cật-vấn không dám theo sang, bèn ở lại đất Lịch-khương (tên đất nước Xiêm). Khi Thế-tổ trở về cho Xuyên làm cai-đội cùng với Nguyễn Văn-Khiêm đi do thám quân giặc ở Bình-thuận và thu thuế dầu thuế vải.

Năm Nhâm-tí Thế-tổ ra thân-chinh Qui-nhân, đến cửa bể Thi-nại, Xuyên đốc thúc chiến-thuyền theo ông Nguyễn Văn-Trương đem quân vào trước, chu-quân theo mà vào, phá tan giặc. Năm sau lại theo ra đánh Qui-nhân, phải đô-đốc giặc là Đầu giữ đồn Khố-sơn chống lại, quan quân đến dưới núi không tiến lên được. Xuyên trèo lên trước gọi quân giặc bảo rằng: « Nay quân vua ta đã lấy được Song-Kiền cho đến Tháp-cát; chúng mày đi phải rút quân vào thành, đại-binh ta vây kín cả bốn mặt, thành Qui-nhân chẳng mấy hôm nữa cũng hạ được thôi! Chúng bay theo tên Đầu có-thủ ở đây, không sợ phải giết chết cả à! » Quân giặc nghe lời Xuyên gọi bảo đã có ý muốn hàng. Xuyên kịp ruổi báo Nguyễn Văn-Trương đốc quân kéo trèo lên, quân giặc mở cửa đồn ra nghênh-hàng. Đầu chạy trốn mất. Bèn tiến quân vây thành Qui-nhân, sau vì có quân viện-binh của giặc kéo đến, Xuyên lại rút quân về, được thăng làm hùng-võ-vệ-úy thuộc cánh quân thần-sách. Năm Ất-mão, Xuyên lại cùng với Lê Văn-Duyệt đem quân ra Qui-nhân, đánh phá quân Đô-đốc giặc là Lê Văn-Phong ở đồn Lò-gạch. Năm Bính-thìn, ngoài cửa bể Hà-tiên có giặc Đồ-bà hay cướp bóc, đường hải-trình ngạnh-trở không đi được. Khi ấy có sứ Xiêm trở về nước, Thế-tổ sai Xuyên đem mười chiếc binh-thuyền đưa ra khỏi cõi. Xuyên đến cù-lao Phú-quốc, do biết chỗ thuyền giặc đóng, bèn chia binh-thuyền ra làm ba đạo, nhân lúc giặc không phòng-bị, đương đêm đánh úp thuyền giặc, đánh đắm một chiếc, còn chạy tan cả, đuổi theo bắt được mười chiếc, và đảng-khỏa hơn 80 đứa, một tên đầu đảng, cùng là khí-giới súng-ống cũng nhiều. Bấy giờ bên Xiêm cũng sai tướng đem quân đi tuần-tiễu, đến nơi thời giặc Đồ-bà đã tan rồi. Tướng Xiêm bèn đón sứ Xiêm trở về. Từ bấy giờ giặc Đồ-bà cũng trốn xa, người Xiêm cũng sợ tiếng ông Xuyên. Lần khác có sứ nước Xiêm đến. Thế-tổ trỏ Xuyên bảo rằng: « Đó là tướng năm trước đánh tan giặc Đồ-bà đó! » Năm Mậu-ngọ, Xuyên được thăng hậu-đồn phó-thống; năm Kỷ-mùi, Xuyên quản lĩnh năm cơ tượng-binh, theo ra đánh Qui-nhân, bị quân giặc đánh đồn

Tháp-cát, Xuyên phải đạn lạc chượt qua trán, nhưng liền buộc dấu bị-thương lại, thúc quân vào đánh vỡ tan quân giặc, bắt được hơn 20 cặp chiến-tượng, bảo-tiệp về Thế-tổ nức khen, thưởng cho 500 quan tiền. Năm Canh-thân, Xuyên được thăng làm Thống-chế đem tượng-binh ra Cù-mông theo Nguyễn Văn-Thành, Lê Văn-Duyệt để cứu-viện thành Bình-định. Mùa thu năm ấy, Thành đánh đồn Chủ-sơn không vỡ, lại phải phó Vệ-úy là Nguyễn Công-Trọng bị tử-trận. Xuyên bèn dâng sớ đại-lược tâu rằng: « Giặc vây thành Bình-định dùng-dằng còn lâu ; mà quân ta có đánh ngay mới lợi. Bây giờ mùa gió tây-bắc to lắm, binh-thuyền ta đi lại không tiện ; mà khe núi hiểm-trở, không phải là đường đất quân ta đã quen thuộc. Nếu muốn đánh rấn đi cho được cũng là cầu may mà thôi, tôi chắc rằng ông Võ-Tánh ở trong thành cũng còn cố-thủ được. Nay xin hãy hoãn-chiến, mà loại bớt những quân hàng-tốt và những kẻ già-yếu đưa về Gia-định, để cho bớt lương-thực nhung-phí. Mùa xuân sang năm thuận gió, tôi xin đem binh-thuyền ra đánh Thuận, Quảng, chặn đường tải-lương của giặc, thời nó tự-cứu không xong, thành Bình-định tự khắc là giải vây được ». Mùa đông năm ấy, quân giặc phá đồn Thần-vệ, Xuyên đánh tan chạy, và bắt sống được hơn một trăm quân giặc. Khi ấy Thế-tổ muốn dùng chước hỏa-công đốt thuyền giặc, chửa biết sai tướng nào đi được. Tống Viết-Phúc xin đi. Thế-tổ muốn cho, mật-bảo cho Thành với Xuyên biết. Khi ấy Xuyên đau, Thế-tổ sai Nguyễn Cửu-Kỷ đem ban cho nhân-sâm. Xuyên bảo Kỷ rằng: « Tôi nghe chúa-thượng muốn dùng chước hỏa-công, mà Viết-Phúc xin đi. Nhưng tự-ý tôi lượng ra thì Phúc dẫu là dũng-tướng nhưng hay khinh-địch quá. Lê Văn-Duyệt thời hàng-dũng mà lại có mưu-trí, nếu sai ông ấy đi thời tất là được việc ; không thời Xuyên này xin đi. » Kỷ đem lời ấy tâu lên vua nghe. Thế-tổ bèn sai ông Duyệt đi, mùa xuân năm Tân-dậu, quả-nhiên đánh phá được đồn Thi-nại. Mùa hạ năm ấy, Thế-tổ đem binh-thuyền ra đánh Phú-xuân ; Xuyên cùng ông Nguyễn Văn-Thành, Nguyễn Hoàng-Đức lưu lại ở Bình-định để chống nhau với giặc. Thế-tổ dặn Xuyên dặn bảo rằng: « Nguyễn Văn-Thành hay khoe-khoang, thường mất lòng những kẻ tỳ-tướng ; vậy ta lưu ngươi ở lại để cứu-chỉnh những sự lầm-lỗi, giúp cho thành việc ». Bèn ban cho Xuyên một cái áo nhung-y, và một chén ngự-tửu. Xuyên cúi đầu tạ lĩnh. Tháng năm, đại-binh thu-phục được thành Phú-xuân, tướng giặc là Lê Văn-Phong xin đầu hàng. Lê Văn-Duyệt tâu rằng : « Tài ngươi Phong có thể dùng to được ». Xuyên đương ở quân-thứ nghe thấy như vậy, bèn mật-tấu rằng : « Phong là người rất thân-tín với đảng giặc, cũng như tôi với Nguyễn Văn-Thành ở với Nhà-nước vậy, tôi với Thành không dám bội quốc, thời Phong dẫu đầu-hàng cũng vị-tất đã là chân-thành. Duyệt không xét mà tiến-cử Phong, đó là tự Lê Chất xui bảo. Chất theo về ta đã lâu, mới rồi đuổi giặc không kịp người ta còn ngờ, huống chi là Phong chúa-thượng khó nhọc bao nhiêu năm trời, mới thu-phục cựu kinh, việc dùng người ta quan-hệ rất to xin phải cẩn-thận mới được. » Thế-tổ khen phải. Năm Nhâm-tuất (1802) Xuyên đánh nhau với tướng giặc Nguyễn Văn-Diệu ở Sơn-kỳ bị thua chết mất một người phó-tướng, Xuyên bèn dâng sớ chịu tội. Thế-tổ dụ bảo rằng : « Ngươi với nhà nước, nghĩa là vua tôi, mà tình cũng như cha con, nên cố gắng đồng-tâm hiệp-lực với chư-tướng để diệt quân nghịch-tặc, chớ nên lấy một chút lầm lỗi mà ngã

lòng ». Tháng ba hạ xong thành Bình-định, được triệu tới Kinh. Năm Gia-long nguyên-niên, theo hầu ngự-giá Bắc-thành, đến Thanh-hoa, được lưu làm Đốc-trấn, ban cho tước Quận-công. Sau ngự-giá ra bắc-tuần, Xuyên lại đem quân bộ-binh đi trước, rồi lại hộ-giá về Kinh. Khi ấy nhân vua chơi âm-nhạc, Xuyên cùng với Nguyễn Văn-Nhân dâng sớ lên can, Thế-tổ nghe nhời và ban khen. Năm Gia-long thứ 18, Xuyên tâu rằng thiên-hạ dẫu yên, không nên quên sự chiến-trận, xin sức các thành trấn, năm nào cũng cứ tháng giêng tháng bảy, diễn tập tượng-trận ba ngày. Vua cũng nghe theo.

Xuyên tính hào-phóng, chi-phí rất rộng-có lập ra ban hát tuồng : bộ đào bộ kép ; và lại nhiều cơ-thiếp, vì thế lương-bổng không đủ tiêu, tâu xin đức Thánh-tổ dự chi cho lương-bổng năm sau. Vua bèn ban cho 1000 quan tiền, 1000 vuông lương, và dụ bảo rằng : « Nếu không đủ tiêu lại cứ bảo trẫm, nhà nước với ngươi, không có tiếc chi ». Năm Minh-mệnh thứ năm, Xuyên đau, Thánh-tổ sai quan trung-sứ một ngày ra hỏi thăm đến ba bốn lần. Xuyên cố gượng dâng sớ lên tâu rằng : « Tôi chước thờ đấng Tiên-đế, gọi là có chút công-lao ; từ khi Hoàng-thượng lên nối ngôi đến giờ, tôi lại được nhờ ân-sủng trùng-điệp mà không từng phải xông-pha hàng trận, để lo báo đáp ơn trên. Nay lại quá thương thăm hỏi đến luôn, trong lòng cảm đội khôn xiết. » Thánh-tổ khen rằng : « Xuyên tuổi đã già yếu, mà còn có chí da ngựa bọc thây, Nhà-nước mà được nhiều người như thế, còn lo gì nữa .» Mùa đông năm ấy, Xuyên mất, thọ 67 tuổi. Thánh-tổ dụ bảo : « Xuyên là người trung-dũng thành-phác, giúp đức Cao-hoàng ta giẹp yên hoa loạn. Đến khi hầu trẫm, cũng cung kính giữ trọn tiết làm tôi. Không ngờ bị bệnh mươi hôm mà đã vội mất, nhớ đến người kỳ-cựu lại càng rỏ nước mắt ». Sau được truy-tặng Thái-phó, tứ thụy là Hoàn-dũng, phong Khoái-châu Quận-công, được tùng-tự nhà Thế-miếu. Có mười ba người con trai.

VII

Nguyễn Văn-Nhân 阮文仁

Nguyễn Văn-Nhân người Vĩnh-an tỉnh An-giang. Năm Giáp-ngọ, Tây-sơn vào cướp đất Xích-lam (thuộc Biên-hòa), quan lưu-thủ Long-hồ Tống Phúc-Hợp và quan cai-bạ là Nguyễn-Khoa-Thuyên truyền hịch đi mộ-binh cần-vương. Nhân mới hai mươi tuổi, ứng-mộ làm đội-trưởng, theo ông Thuyên đem bốn đội binh đóng ở Vân-phong. Năm Bính-thân, nhân theo Tống Phúc-Hòa cứu-viện thành Gia-định đánh tan quân giặc, được thăng làm cai-đội. Mùa đông năm Đinh-dậu, đức Thế-tổ khởi binh ở Long-xuyên, Nhân lại theo quan điều-khiển Dương Công-Chừng đến ứng theo nghĩa-binh ở Sa-đéc, được thăng làm cai-cơ giữ đạo cường-thành. Năm Nhâm-dần, đức Thế-tổ thu-phục thành Gia-định, Nhân lại theo Chừng đóng đồn ở Thủ-thiêm, quân giặc vào cướp, quan-binh thất-lợi, chừng phải giặc bắt, giặc sai Chừng dụ các tướng bộ-hạ về theo. Năm Ất-tị Nhân và Chừng đem cả bộ-thuộc vượt bể đi theo đức Thế-tổ, nửa đường gặp Nguyễn-Tấn, Lê-Thượng từ bên Xiêm trở về, bèn họp nhau khởi-binh giữ Long-xuyên, sai Nhân sang thành Vọng-các báo tin cho đức Thế-tổ, đến khi Nhân trở về, thời Chừng đã phải giết mất rồi. Nhân lại đi ra cù-lao Giang-khẩm, theo Hoàng Tiến-Cảnh lưu ở đấy đóng thuyền bè. Năm Đinh-mùi, Thế-tổ tự Xiêm trở về, sai Nhân đi lên đến Sa-đéc, chiêu-mộ dám lính cũ, được thăng làm Cai-cơ khi đại-binh thu-phục được Gia-định

Nhân lại được thăng làm Vệ-úy, thiên làm chức lưu-thủ ở doanh Trấn-biên, kiêm-lĩnh chức Hiệu-úy trung-quân. Năm Quí-sửu, Nhân theo đức Thế-tổ đem quân đến Phú-an, noi theo đường bể tiến ra đánh tan giặc ở Lại-dương, bắt được chiến-thuyền rất nhiều. Năm sau Thế-tổ lại sai Nhân đem chiến-thuyền đi tiên-phong, cùng với Nguyễn Văn-Trương ra đánh giặc ở cửa bể An-dụ, thừa thắng ra đến cửa Đại-cồ-lũy. Sau Nhân vì lắm bệnh-tật xin giải chức quân-vụ, Thế-tổ thương, cho làm lưu-thủ ở Trấn-biên. Nhân vì khi nhỏ tao-loạn thất-học, đến khi được làm lưu-thủ, tuổi đã năm mươi, mới đón thầy để học, lúc rảnh việc công cố chí đọc sách, rồi cũng thiệp-liệp được các sách kinh-sử. Năm Kỷ-mùi, Nhân được thăng làm Chưởng-cơ, theo ông Hoàng-đệ-nhị Hi trấn-thủ Gia-định, Thế-tổ dụ bảo rằng : « Lưu người ở đó giúp con ta cho được việc ». Nhân vâng lời lưu trấn, thường đi tuần-hành các nơi, khuyên dân cày cấy, súc-tích cho nhiều, nghiêm-cấm chè rượu, trong hạt yên-ổn ; doanh Trấn-biên bị nước lụt, dân đói. Nhân tâu ông hoàng Hi mở kho phát trần, toàn-hoạt được nhiều. Sau Nhân thăng làm Phó-tướng, điều-bát binh-lương ; lại quyền đặt ra chức điền-tuấn, cho đi tuần hành các châu huyện, khuyên việc nông tang, chia dân-phu ra cho một nửa về làm ruộng, một nửa đi ứng-dịch. Năm Gia-long nguyên-niên, Nhân được thăng làm Quận-công, khi ấy Bắc-hà định xong rồi, Nhân có dâng sớ lên điều-trần 14 điều : 1° Xét công-khóa, 2° cầu hiền-tài, 3° lập hương-học, 4° cử hiếu-liêm, 5° chỉnh phong-tục, 6° định khóa thi, 7° cẩn hình-phạt, 8° định phục-sắc, 9° chừng quan-lại, 10° phát trần thải, 11° tiêu-biểu trinh-tiết, 12° thẩm xét phép tắc, 13° lập đồn thủ, 14° tha tạp thuế. Lại nghĩ đất Gia-định là nơi trọng-địa, xin đặt thêm ra bốn doanh võ-quân, chế-tạo ra chiến-thuyền, để cho mạnh việc võ-bị. Nhân lại dâng sớ nói rằng : « Trị nước phải cốt có nhân-tài, hành-chính phải trước tuyên giáo-hóa ; mới rồi trời làm loạn-lạc, người Gia-định bút-nghiễn hoang-sơ, bỏ cả nghiệp học. Bây giờ trong nước đã yên, chính là lúc nên chấn-hưng việc học, xin đặt ra điều-lệ, cứ mỗi một làng chọn một người có đức-hạnh văn-học, miễn trừ dao-dịch, sai dạy bảo kẻ con em trong làng, hễ lên tám tuổi thời cho vào tiểu-học, rồi cho học sách hiếu-kinh, trung-kinh. Đến 12 tuổi trở lên, thời trước cho học kinh Thi, kinh Thư, rồi đến kinh Lễ, kinh Dịch, Xuân-thu và các sách Tử sách Sử. Hễ kẻ nào chè rượu, cờ bạc, hát xướng, thời các quan trừng-trị, để răn kẻ lười biếng ». Thế-tổ đều khen làm phải. Năm Gia-long thứ bảy, Nhân thay Nguyễn Văn-Trương tổng-trấn Gia-định, kiêm-lĩnh cả trấn Bình-thuận, trấn Hà-tiên. Năm Gia-long thứ 18, đức Thế-tổ băng-hà, đức Thánh-tổ lên nối ngôi, khi ấy bà Thái-trưởng công-chúa Ngọc-Tú xin lập đàn chay. Thánh-tổ hỏi Nhân rằng : « Trước kia đức tiên-đế ta cư-tang bà Hiếu-khang hoàng-hậu cũng có làm chay, ta nghĩ rằng làm con nên hậu với đấng thân, ý ngươi nghĩ thế nào? »

Nhân tâu rằng : « Làm chay là cốt nghĩ sao cho cảm-động được ý-khí, chớ không phải tin gì lời nói họa-phúc báo-ứng. Bệ-hạ mới nối ngôi, nên lấy lẽ-nghĩa tài-chế cho khỏi lầm-lỗi, can gì phải cứ noi lệ cũ mới là hiếu ». Năm Minh-mệnh thứ hai (1821) Nhân sung làm chức Sử-quán tổng-tài. Thánh-tổ hỏi Nhân rằng : « Người Gia-định vẫn sợ Lê Văn-Duyệt, mà trộm cướp vẫn không yên, hay là tại nó đói rét quá mới sinh ra thế ». Nhân thưa rằng : « Gia-định nhiều đất hoang rừng rậm, để làm tổ cho những quân trộm cướp họp-tập, bình-

nhật lại không biết súc-tích, ngoại thứ ngũ-cốc ra không biết trồng-trọt thứ gì cả ; hễ gặp năm đói kém, thời hay sinh ra tà-tâm, trước tôi làm Tổng-trấn, đã sửa-sang chỉnh-đốn lại nhiều, nhưng vẫn không thể dẹp yên được ». Mùa xuân năm thứ ba, Nhân mất, thọ 70 tuổi. Thánh-tổ bảo Trịnh Hoài-Đức rằng : « Nhân là người huân-cựu đại-thần, trung-thành cẩn-hậu, không may mất đi, lòng thương-cảm lắm ». Lại bảo rằng : « Nhân lúc bình-sinh rất là kiệm-ước, ta muốn điện-tế cho phong-hậu ». Bèn phát tiền kho ra để cung điện-tế ; rồi đưa tang về táng ở Gia-định. Năm thứ năm, cho Nhân được tùng-tự nhà Thế-miếu và miếu Trung-hưng công-thần. Rồi lại được truy-tặng làm Tráng-võ tướng-quân đô-thống-phủ chưởng-phủ-sự ; được tứ thụy là Mục-Hiến, phong Kinh-môn quận-công.

Nhân trải theo hàng trận có công lao nhiều ; đến khi làm Tổng-trấn, giữ then khóa, hết lòng trù-hoạch mọi việc, khuyên chăm việc nông-tang, vỗ yên kẻ lê-thứ, lập ra quân-ngũ, nghiêm việc võ-bị, trong mấy năm trời chinh-chiến luôn, mà điều-binh, cấp-lương không thiếu-thốn lúc nào. Đức Thế-tổ thường khen rằng : « Nhân tài kiêm văn võ, lại có tài chăn dân ngự chúng, trong bồi cố căn-bản, ngoài cấp đủ quân-nhu, dẫu ví nơi Tiêu Hà giữ Quan-trung, Khấu Tuân giữ Hà-nội, cũng không kém gì ». Có ba người con trai là Đức, Thiện, Giai, đều hiển quí cả.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

VĂN TRUNG-KỲ

DIỄN-THUYẾT Ở QUỐC-TỬ-GIÁM

(*Lời diễn-thuyết của quan Thị-lang bộ Lại* PHẠM-LIỆU)

I

Nay hai Nhà-nước bày việc diễn-thuyết ra để cho các ông học-trò Hậu-bổ Quốc-tử-giám nghe ; thiệt là ích-lợi cho các ông lắm, là vì các ông tương-lai có chức-trách Phủ Huyện, mà chưa từng làm, nay có nghe trước được ít nhiều, thời ngày sau ra làm có dễ. Chức-trách Phủ Huyện nên thế nào ? Cũng các gương của các ông Phủ Huyện đời trước nên bắt chước. Thời tôi tưởng mấy thầy dạy trong Học-đàng Giám-trụ ta, bình-nhật đã chỉ-vẽ rồi, mà kỳ diễn-thuyết đệ-nhứt, ngài Học-bộ đại-thần lại chỉ-vẽ cho càng thêm rỏ-ràng ; tôi không cần kể-lể làm chi nữa. Nay tôi xin nói việc mới tới bàn-giao, cùng mấy việc bàn-giao rồi, nên sắp-đặt trước, cho các ông nghe.

1° — *Bàn-giao sự-nghi*.

Khi tới tỉnh, thời trình bằng Quan tỉnh Quan Sứ, trình xong xin định ngày tới lỵ ; mới tới lỵ thời có lễ bàn-giao, một bên giao, một bên nhận ấn kiếm xong, thời bẩm Tỉnh liền, đặng tư Bộ, cho biết mình đã nhận việc rồi. Trong sách giao nhận, có nơi chỉ văn thơ không, cũng có nơi có công thắng-hạn. Có nơi chỉ một đôi khinh-phạm, có nơi giam cứu trọng-phạm cũng nhiều. Trong khi bàn-giao, có nhiều khi chưa tiện kiểm-sát

liền được, thời thuộc về văn thơ, phải đương-diện chuyên-ủy cho Lại-mục kiểm-cố lấy, thuộc về thẩn-hạn tù-phạm, giao cho Lệ-mục kiểm-cố lấy rồi mình sẻ xét lại, để đứng chử vào sách ấy cho xong việc. Ngộ trong sách có lưu-hạ một đôi việc gian-sáp khiêu-khê, như là hữu mạng vô phạm, như là kiếp-sát trọng-tình thời cũng phải nhận, đem tình-thế ấy trình qua cho Tỉnh Tòa biết, sẻ chiếu theo hạn mà nả-cứu, còn như chìa-khóa ấn-kiềm, thời hoặc cho phần-biện, hoặc mình giử lấy, tùy ý.

Tôi cũng có thấy một đôi ông quan giữ lấy chìa-khóa, mà kiềm có khi mất, thời tôi tưởng nên hiểu-thị chuyên-biện cho cẩn-thận, làm nhật-ký cho rỏ-ràng, mỗi ngày dùng ấn kiềm là bao nhiêu, thời đến túi kiềm lại mà cho chử vào trong nhật-ký, rồi giao phần-biện giử lấy, thời đắc-thể hơn.

2º Kiểm thiệt.

Giao nhận xong khi nào, thời chức-trách về mình khi nấy, phải kiểm xét về những mỏi chuyện, cùng sổ tù phạm, có y như trong sách bàn giao không, kiểm xong rồi, thời trong hạt đinh điền bao nhiêu, các hạng thuế ngạch bao nhiêu, việc gì làm đã thành, việc gì làm chưa thành, cùng những khoản gì quan-yếu phải biết, phải sức thuộc kê lên cho rỏ. Còn tù-phạm giam-chấp, đứa nào cấp-phạm, đứa nào tạm-giam, ngày nào tống giam, phải cho biết. Nhứt là những người già kẻ yếu, đàn-bà con-trẻ, có khi bất-đắc-dỉ giử chúng nó lại trong giam-xả, để xét chứng cớ việc gì, thời phải cho cẩn-thận, và nơi giam phải coi xét cho sạch-sẻ luôn luôn.

3º Sát nhơn-tình.

Khi mới giao bàn rồi, thời nha lại linh tráng, cho tới tổng lý, đều còn lạ cả, phải xin hỏi quan Tỉnh, hay là người quen biết mình, trong nha lại tổng lý tên nào thế nào, rồi mình phải lần lần dò xét, đem người tê sánh người nọ, nhân việc nọ chứng việc kia, thời trong năm mười ngày một tháng, người nào dối, người nào thiệt, người nào giỏi, người nào ươn, người nào đáng xử cách nào, đáng sai cắt việc gì, cũng có lẻ ít lầm đặng, mà trong nha lại đương khi mới, có bẩm báo điều chi, phải coi theo thể lệ mà làm, không nên nghe vội.

4º Sát địa-hạt.

Khi mới bàn giao rồi, tình-thế trong hạt chưa đi trải đến, thời trong hạt có mấy tổng, có mấy làng, mấy con sông, mấy hòn núi, mấy cầu mấy cống, mấy chợ mấy đò, mấy ngả đàng, ngả đàng nào dài bao nhiêu, chốn nào có hải-khẩu, chốn nào có nguyên-đầu, chốn nào có man-phần, chốn nào có Thanh-thương tụ-tập, thời phải biết cả, có địa-đồ sẵn, thời án đồ mà xét, còn như không có địa-đồ, thời đương khi mới tới phải xét hỏi lập-tức cho tường, lại cũng phải vẻ một cái địa-đồ treo thường, để mà xem xét.

5º Thẩm giao-tế.

Việc giao-thiệp, trong khi mới bàn giao rồi, cũng phải cho biết, việc Phủ Huyện, vẫn lấy Tỉnh Tòa làm chủ ; mà một đôi chỗ có Đại-lý, cũng phải thương-đồng ; còn trong hạt có đồn-quan, hoặc Thương-chánh, hoặc ông quan khẩn-điền, hoặc ông quan họa đồ, hoặc các ông cố tây, điều chi can-thiệp, thời mình phải thương quan Đại-lý, hoặc bẩm Tỉnh Tòa chỉ-thị, không đặng xử-đoán lấy ý mình, còn đến như linh-tập bồi-đinh, cùng Mọi Mán Khách Ngô có can-thiệp việc gì, cũng đều phải bẩm lên Tỉnh Tòa, có cho xét mới được xét, chớ không được tự-tiện.

6º Tường sách ký.

Các sách sổ nhựt-ký, khi bàn giao rồi, phải sắp đặt ngay, một là Hộ-sách,

một là Hình-sách, một là Giam-phạm sách, một là công-ích tư-ích-sách. Việc thọ-lý Hộ vào sách Hộ, việc thọ-lý Hình vào sách Hình, việc tù-phạm vào sách Giam, việc dân-công vào sách Công-ích tư-ích, để mà bẩm Tỉnh ; mỗi đến nguyệt-đề, thời việc thọ-lý nào làm thanh, việc nào làm chưa thanh, tù-phạm đứa nào còn cấp-phạm, cùng qui-đề niên-đề, công tư ích dùng tảo-số hay là còn lại, phải cứu xét cho rỏ-ràng mà bẩm lại, đến như nhựt-ký thời không những nhựt-ký ấn-kiểm kể trên đó nên kỷ, mà tiếp nhận công-văn, phát-đệ công-văn cũng đều có nhựt-ký cho rõ, mới khỏi sót việc, mà lâu ngày đọng việc, mới có chỗ cứu-tra, còn ông nào muốn kỷ, thời phải làm một cái thủ-sách của mình ; những sổ-mục cùng khoản chi quan-yếu, trong thủ-sách mình chép-ghi đủ cả, lâm-thời quan trên có hỏi đến, đã khỏi lộn-lầm, mà khi đi đứng chỗ nào, cắp theo cũng tiện.

7° *Tin hiệu-lịnh.*

Bàn giao rồi, thời phải có hiệu-lịnh, hiệu-lịnh không tin, thời nhiều khi bệnh dân hại việc, nên nhứt-sơ phải niêm-yết thời-khắc làm việc, cho chắc-chắn rõ-ràng, lại hiểu-thị cho Tổng Lý, trừ ra việc tuần-thường, thời có trình-hạn, còn đến việc công-cấp, bất-kỳ ngày đêm mưa nắng, hễ có sức bắt việc chi cho Tổng, Tổng chuyền cho Lý, phải lập-tức làm ngay ; còn việc chi đáng đòi đến nhà, hoặt có việc chi xuống hương thôn, cũng phải định thời-khắc cho chắc-chắn, cho khỏi chầu-chực phiền-hà.

8° *Biến hành-hạt.*

Phủ Huyện coi trong một hạt như một nhà, có đi ra mới rõ lợi bệnh dân, sắp về sau mỗi tháng phải hành-hạt một đôi lần, mà khi ban đầu lại là quan-thiết lắm, sau khi giao-nhận ít lâu, các việc đã sắp đặt đã có lề-lối, tình-thế trong hạt đã xét qua trong địa-đồ rồi, nhân dịp hạ phải [illegible] Tỉnh thủ-thứ xin đi tuần-hạt cho [illegible] trong khi đi không nên bẻ-vệ, [illegible] đến phiền dân, mà nhứt-sơ cũng không nên giản-dị quá, để đến nỗi dân-sự sanh ra khinh-đề. Thói cũ là, đi hành-hạt, phần nhiều hay dùng võng, mà chánh-thể nay thời phải tập đi ngựa mới xong, trong khi đi đến chỗ nào, có dân-sự tiếp-ứng, thời lựa điều lợi-hại mà hiểu-thị cho dân, có xét việc chi lợi nên làm, việc chi hại nên trừ, thời lập-tức về bẩm với Thượng-ti, sắp-đặt cho dân nhờ, lại càng hay lắm.

Nay tôi kể ít khoản ấy cho anh em nghe qua, còn như các việc xét động-tĩnh, cấm gian-phi, cùng những điều ăn-ở với bề trên kẻ dưới, cho phải phép, cũng là điều việc các quan Phủ Huyện phải cần biết, kỳ san sẽ xin nói kế.

(*Diễn-thuyết ngày 26 décembre 1916*)

* * *

II

Hôm nay lại là đến kỳ diễn-thuyết phần tôi, kỳ điễn-thuyết trước, sau chuyện bàn giao, tôi có hẹn với anh em, những điều sát động-tĩnh cấm gian-bạo, cùng những điều ăn-ở với những người trên kẻ dưới cho phải-phép rồi sẽ nói ; nhưng trong mấy kỳ diễn-thuyết gần đây, những nghĩa ấy các quan cũng đã chỉ-vẽ cho rồi, lại thuộc về hình-vụ hộ-vụ, kỳ nào các quan cũng đều có giảng đến, tưởng cũng không nên nói trùng-điệp chi lắm, nay tôi xin cử một đôi điều đại-thể, có quan về gương lại-trị cho anh-em nghe.

Một là trọng việc huấn-hóa khuyến-khóa : dân vì làm sao mà hay kiện, đạo-mạng vì làm sao mà hay sanh, sớ điệp vì làm sao mà càng ngày càng

chất, tưởng cũng vì dân ta sanh-kế càng ngày càng thêm mãi, mà sanh-kế hãy còn nhiều bề thiếu-thốn, tri-thức hãy còn nhiều bề non-kém, nên chi hay sanh ra việc này việc nọ ; nhưng mà nghĩ ra cho kỹ cũng không nên toàn-trách ở dân, gần đây công-cuộc thương-lộ nông-điền thủy-lợi, Nhà-nước vẫn thường trù-nghĩ, nhưng mà mình đã là thân-dân chi-trách, việc khuyến-khóa dễ cậy cho ai, nên chi làm Phủ-Huyện, ngoài những việc cầm-phòng án-kiện, lại phải xem-xét trong hạt, phàm về việc nông, việc công, việc thương, có điều chi thích thời-nghi, tăng địa-lợi, thời phải tìm cách khuyên bảo cho dân, để cho rộng đường sanh-kế, và những việc hôn-thú tang-tế cũng phải tùy sự mà vẽ lấy điều tỉnh-tiện, để cho tiết tài lưu. Còn đến như việc huấn-hóa, thời vẫn có hương-sư giáo-huấn chuyên-trách, nhưng trong khi tuần-sát, khi thù-tiếp, khi xử-đoán, đều phải ngụ-ý duy-trì phong-hóa, liền liền trong hạt may mà có nơi thiện - tục khả-phong, cùng những kẻ hiếu-thuận tiết-nghĩa, cùng những kẻ canh-khẩn giỏi, kỹ-nghệ hay, phải sanh đạt lên trên, để cho người ta khích-khuyến ; dân hơi no ấm thời ít phạm, dân biết tương - thân tương - nhượng thời ít tranh, dân biết sợ hình-hiến, thời ít nghe bậy làm quấy, mà đến nỗi sanh ra điều biến động, huống chi trong thảo-giã, dễ thiếu kẻ hiền-năng lương-thiện, có đặng người khai-đạo tới, thời ắt cũng nhiều người phấn-phát đua theo, tất cạnh để đến việc mà trừng trị giỏi, xử - đoán hay, chẳng khác chi thầy thuốc trong khi bệnh hoạn, mới ra tay bổ-cứu, mà những điều huấn-hóa khuyến-khóa ấy, là ân cha mẹ phòng-nhàn nuôi-nấng những lúc bình-thời ; những nghĩa ấy, như tuồng vu-hoát, mà nhớ đến chữ « thú-lịnh dân chi sư sủy », thời anh em phải lấy làm cần kíp, để dạ mới nên.

Hai là thận việc lận-cử.

Triều-đình lựa được một người phủ huyện xong, thời trong một hạt phủ huyện nhờ, trong tổng có lựa một tên tổng xong, trong xã-thôn có lựa một tên lý xong, thời một tổng một xã cũng được nhờ, mà có sai bát xem xét việc gì, quan trên cũng dễ bề sai cậy, nhưng mà trong dân những người thông-dĩnh tấn-thân thời tìm đàng khác, những người phác-hậu thời ít muốn dự việc quan-trường, còn những người làm tổng lý, phần nhiều có ý muốn đàng quyền lợi, cho nên lựa được tổng lý cũng gay. Gần đây Nhà-nước tuy định cách đầu-tiêm lận-cử, phe đảng cũng nhiều, tình vị cũng nhiều, đến khi lận-cử, đảng nào đông, cánh nào mạnh thời hơn, chưa dễ lấy làm định đoán, nên bình nhựt trong huyện nào tổng nào làng nào những người nào đáng làm tổng lý, phủ huyện cũng phải xem xét cho biết một ít, khi bảo cử, cho để quyền hoành, mà trước khi bảo cử, không những mình phải giữ giá công bình, mà rất phải lấy điều hơn thiệt hiểu-dụ cho xã dân, chớ nên tình vị nhau, phe đảng nhau, mà cử những người không đáng làm, để trong tổng trong xã ngày sau phải điều thiệt hại, thời chúng nó dầu có lòng tư vị nhau, cũng phải tỉnh ngộ, bằng không nghĩ trước để sau khai phiếu, mà đã thắng số, dầu biết không đáng, có muốn vì dân mà sát trích cũng phiền.

Ba là phải cho thận việc thưởng phạt. Thưởng phạt không công, thời dầu có khuyến sức chi, người ta cũng không lấy làm khuyên làm sợ. Phủ huyện tuy không có quyền định thưởng phạt, mà có quyền giám-biệt người nên thưởng nên phạt, để đề-đạt lên quan trên xét định cho người ta, tôi tưởng cũng nên lập một cái sổ ký công ký quả, để mà ghi những công việc lại-dịch tổng-lý ăn làm, trừ ra những người có công-cán đặc-biệt,

cùng những kẻ trọng-quá, bất-thời nghĩ thưởng nghĩ phạt, ngoài ra nữa, thời đến Chánh-trung Nguyên-đán lấy sổ đó so sánh để mà sát bầm, người nào nhiều công, dầu niên-hạn còn thiếu nhiều ít, cũng nên giắt đỡ cho người ta, để cho phân-biệt người ươn kẻ giỏi, thời người mới kích-khuyến, mà hiệu-lịnh mới dễ làm.

Bốn là cách cầm-chế điêu-toa, cấm-trấp gian-tế.

Điêu-toa không những ngoài dân, cũng có nhiều khi trong lại-tư mà ra ; gian-tế không những ngoài dân, cũng có khi lệ-dịch thông-đồng khi-ẩn ; nói đến điêu-toa, thời ai cũng muốn khử, nói đến gian-tế, thời ai cũng muốn trừ, nhưng thử xem xưa nay có ai khử để trừ để được không ? Chẳng qua cũng là cầm-chế cấm-trấp chúng nó được là đủ, muốn cầm-chế cấm-trấp, thời phải biết rõ đứa nào là điêu-toa, đứa nào là gian-tế, nên chi làm Phủ Huyện trước phải xét điêu-toa gian-tế ở nha-môn, thứ đến phàm tổng nào làng nào, những đứa nào điêu-toa, những đứa nào gian-phạm can-khoản tha về cùng những đứa mới lộ gian-tình, mà chưa phát án, đều biết mật-ký lấy tánh-danh cho biết, nhưng trong khi xét hỏi, cũng phải cẩn-thận, không nên để những người lương-thiện chịu vu-hãm lẫn vào ; biết được tên họ chúng nó rõ ràng thời bất-thần có khi có việc gì đòi đến nha, hoặc khi mình hành hạt, đến nơi làng xóm nó tùy sự tùy cơ, mà đe răn chỉ vẻ, thế thời đứa manh-ngan kiệt-hiệt phần nhiều nó cũng đổi lòng, mà hoặc có khi nhơn đứa điêu-toa này phát ra tình đứa điêu-toa nọ, dụng đứa gian-tế nọ, bắt đứa gian-tế kia, cũng được việc lắm.

Năm là phòng điều tích-tệ.

Tệ trong hương-thôn hào-hửu tổng-lý nào là pho-đồng, nào là khi-ẩn, nào là hãm-hại hiệp-chế nhau ; trong mấy bài diễn-thuyết, các quan đã nói rõ ràng, nhưng mà lại còn những là nha-môn lẫn-lộn vào với tổng-lý hào-hửu, càng phải thêm phòng, tức như việc bổ liêm, vẫn là không nên, nhưng mà bất thần tranh-tre sô-thảo, trần-thiết vật-hạng, trong khi yêu tiếp cung ứng, bất đắc dĩ mà phải phân bổ cho mau, lại có khi nhơn việc binh thuế cần đáng, phải phải người thôi-đốc cho chóng ; trong khi ấy những là tân bổ phù thâu, những là tước giảm quan giá, tăng tổn dân công, mấy tệ ấy là tổng lý với nha môn thường thông đồng nhau lắm, nhưng việc ấy, không luận mình dự đến, dầu mình không biết, mà đến khi phát-giác, lỗi thất-sát mình cũng khó từ ; đến như việc thám-sát, là hiện-tình phải cần kíp lắm, nhưng phải dụng người cho đặng tin cậy, mới khỏi sai lầm, bằng không cẩn thận, sau có cứu mình ra nữa, người ta cũng đã đà lụy lắm rồi, trong quan trường dễ mỗi sự nói mình nói liêm, mà mấy khoản ấy rất phải liêm phải mình mới được.

Nói tổng lại chức-trách Phủ Huyện, hộ-chánh hình-chánh vẫn quan-khẩn, mà thuộc về lại-trị việc chi cũng phải châu-tường, muốn cử tế-mục, thời phải rõ đại-cương, có xong mình mới tiện trách người, nói vẫn dễ mà làm thường khó ; gần đây vâng lời Thánh-dụ lục tống trong ngoài trước dậy cho thú mục những gương liêm-bình cần-cán người xưa, kế dạy cho những điều hưng trừ lợi bệnh, sau lại răn lấy điều dinh tư đồ lợi, ấy là tiêu-biểu cho chúng ta, anh em ta trong trường Hậu-bổ trường Quốc-giám này, có người nay mai ra làm Phủ Huyện liền, có người ra mà chưa làm, có người ở giáo-ban mà dạy về người ta, tương-lai cũng có quan vào chức-trách

lớn, làm sao cho khỏi phụ ân ý tác-thành, tôi nay may đã qua cầu Phủ Huyện, mà nghĩ tới thường cũng dựt ai, vẫn mừng cho anh em, mà lo cho anh em, lại càng chúc vọng cho anh em, xin anh em hãy đều gắng lấy.

(*Diễn-thuyết ngày 10 Mai 1917*)

PHẠM LIỆU
Lại-bộ Thị-lang (Huế) (1)

TẠP - TRỞ

1° — Đánh dấu thuyền để mò kiếm

刻舟求劍

Xưa có người, lúc sang đò đánh rơi cái gươm đeo bên mình xuống sông, vội vàng đánh dấu vào mép thuyền, và nói : « Cứ nhớ đây là chỗ rơi gươm ». Khi thuyền đến bến, anh ta cứ chỗ đánh dấu xuống nước mà mò gươm.

Gươm rơi một nơi người mò một nẻo, một người cố-chấp gọi là người ngu.

Dịch-giả bàn rằng : — Thiện-biến gọi là người trí, cố-chấp gọi là người ngu. Vì cùng một việc, mà thời-thế khác nhau, địa-vị khác nhau, thì phương-châm cũng phải theo mà thay đổi. Gió đã dở mà buồm không đổi cánh, thì thuyền phải nguy, chứng đã dở mà thuốc không đổi phương thì bệnh phải chết ; cho nên những người thủ-cựu không có tài ứng-thời, những nhà nệ-cổ không có tài luận-trị. Xưa Cát-điền-thị có chí độc-lập nước Nhật, trước chủ-trương để Hoàng-thất với Mạc-phủ hợp-thể làm một, sau thấy Tướng-quân ngày càng hủ-bại, lại chuyên-luận về đánh Mạc để tôn Vương. Gia-Phú-Nhĩ có chí thống-nhất nước Ý, trước vào đảng bí-mật, xướng việc cách-mệnh, sau thấy Tân-vương có đức lại giúp Tân-vương mà làm tướng. Ấy là những đứng hảo-kiệt khéo tùy thời-thế, thay đổi phương-châm, gây nên nghiệp lớn, để tạo-phúc cho đồng-bào. Nếu cứ đi thẳng một đường, giữ chặt một mặt, thời đã chẳng lợi, chí cũng không thành, có khác gì kẻ *khắc chữ tìm gươm*.

2° — Con nhệch và con tằm

鱔與蠶

Con nhệch giống như con rắn, con tằm khác gì con sâu. Thế mà người đánh cá thấy rắn thì kinh, thấy nhệch thì bắt, người đàn-bà thấy sâu thì sợ, thấy tằm thì yêu. Cũng vì nhân điều lợi mà quên điều ác. Cho nên nói việc tử-vong trong khi chiến-trận, ai cũng không ưa ; mà thưởng-hậu công cao vẫn có người tử-sĩ.

Dịch- giả bàn rằng : — Công-luận ở đời vẫn nặng xô về mặt lợi : việc có lợi thì ác cũng là thiện, việc không có lợi thì thị cũng nên phi. Kìa giết vợ để cầu tướng vẫn là tuấn-tài, bán bạn để lập công cũng là hiệp-sĩ. Chẳng qua thấy lợi mà quên điều xấu, nghĩa không nên thế mà lý sở đương-nhiên. Than ôi ! lợi là cái gì ? Nó đã làm cho lòng người loạn-hoặc, lẽ-công hỗn-hào. Cho nên nghĩa-lợi phân-minh mới gọi là quân-tử.

(1) Quan PHẠM LIỆU gần đây mới được thăng Công-bộ tham-tri.

3° — Thuốc cóng tay

龜手之藥

Nước Tống có người khéo làm thuốc cho khỏi cóng tay, mà đời đời chỉ giữ một nghề nhuộm vải. Có người nước Ngô đem nghìn vàng mua lấy phương thuốc, hiến cho vua Ngô. Gặp lúc Ngô với Việt có việc tranh-chiến, Ngô-vương cho người ấy làm tướng. Đang lúc mùa đông, đem quân thủy-chiến, quả-nhiên Ngô được mà Việt thua ; và người ấy cũng được công cao tước lớn. Ôi ! cùng một phương thuốc, khéo dùng ra thì bái - tướng phong-hầu ; không khéo dùng, thì đời đời chỉ nhuộm vải.

Dịch-giả bàn rằng : — Chẳng cứ vật gì, trí khôn người ta cũng vậy : khéo dùng thì ra thánh-thần, không khéo dùng thì ra ma-quỉ. Xưa ông già có hai đứa con. Lúc gần mất, gọi con ra mà bảo : « Hai con đều có tư - cách thông-minh. Khi cha đã chết, cho ra ngoài mà dùng trí lập thân. » Bấy giờ một người vào trường kỹ-nghệ, trước còn ra làm thợ bạn, sau nên người đốc-công ; từ đó phát-minh được lắm ý khéo máy lạ, mà nổi tiếng là đại chế-tạo-gia. Một người ham về đường lịch-du : dưới bể trên rừng só nào cũng biết, cờ gian bạc lận khóe nào cũng sành, nói khéo ai cũng phải nghe, lừa khéo ai cũng phải mắc ; lắm mưu nhiều mẹo, không ai dám tin. Sau cũng dạc - dài dây-dưới mà ra một người đại-gian-ác.

4° — Người xấu học nhăn

醜人效顰

Tây-Thi đau bụng mặt nhăn, càng nhăn càng đẹp. Hàng sóm có người đã xấu, cũng bắt chước ôm bụng mà nhăn. Người trong làng trông thấy nghĩ là quỉ ; kẻ giầu đóng cửa không dám ra, kẻ nghèo giắt vợ con mà chạy.

Thấy người ta nhăn nghĩ nhăn thì đẹp. Không biết người có đẹp mới đẹp cả cái nhăn. Kẻ bắt chước người mà quên cả phận mình, đã không giống người lại mất cả bản-tướng của mình nữa.

Dịch giả bàn rằng : — Cái thông-bệnh người ta là khổ vì không biết tự-lượng, tưởng ai cũng như mình và mình cũng có thể như ai. Phải biết rằng : mỗi người có một duyên, mỗi người có một phận. Duyên đàn-bà ở son-phấn, duyên đàn-ông ở râu mày. Nên đánh phấn cho đàn-ông, đeo râu cho đàn-bà, không những vô-duyên, mà lại không ra người gì nữa. Phận chủ nhà được ăn trên ngồi chốc, đốc việc người nhà, phận đày-tớ phải gia sức gia công, vâng lời chịu lụy. Nếu con ở địch thể với chủ nhà, chủ nhà chia việc với con ở, thì trên dưới việt-phận, mà không thành gia-đạo gì nữa. Kìa những kẻ tay sách túi bạc, tay cắp lưỡi gươm, đã lấy mình làm thần-thế, tay mang quyền luật, tay quyền vệ-sinh, đã lấy mình làm văn-minh. Không biết thần-thế không ở cường-quyền mà ở công-lý ; văn-minh không ở hình-thức mà ở tinh-thần. Tự mắt người ngoài trông mình có khác gì người xấu học nhăn của người đẹp.

5° — Thư-trá 狙詐

Xưa có một người hay chơi con hầu, nhất danh là con thư, trong nhà nuôi hàng đàn hàng đống, nhân gọi là Thư-công. Thư-công hay biết ý hầu, mà hầu cũng được lòng Thư-công. Ông cho hầu ăn vô chừng vô mực. Sau muốn cho ăn có ngữ, lại sợ thói quen của hầu, ông mới dùng cách nói dối : « Từ nay ông cho bay ăn sáng ba tối bốn. » Các con hầu đều giận ; ông lại nói rằng : « Thế thì từ nay, ông cho bay ăn sáng bốn tối ba. » Các con hầu nghe nói đều mừng. Ôi ! hay mừng

hay giận là tình người ta, danh với thực ở đời có điều gì đáng mừng đáng giận.

Dịch-giả bàn rằng : — Đại-để nhân-tình, hiếu-lợi mà ghét hại, mà thường-tình lại hiếu lợi gần mà quên cái hại xa, tránh hại nhỏ mà quên cái lợi lớn. Cho nên xưa nay những tay hào-kiệt vẫn lợi-dụng cái tình ấy mà lung-lạc quần-manh. Sáng ba tối bốn có khác gì sáng bốn tối ba, thế-gian gọi là đại chính-trị-gia, đại ngoại-giao-gia cũng là một ông Thư-công lớn ; còn những kẻ vội mừng vội giận, có khác gì một lũ con hầu.

6° — Chuyện người mất dao

亡 鈇 者

Có người mất con dao, nghi cho con nhà láng giềng. trông dáng nó đi ra đứa ăn cắp, nét mặt ra đứa ăn cắp, lời nói ra đứa ăn cắp, hình-dung cử-động nhất-thiết ra đứa ăn cắp.

Ít lâu, móc hố trong nhà lại thấy con dao. Bấy giờ trông lại con nhà láng giềng không ra đứa ăn cắp nữa, hình-dung cử-động nhất-thiết ra người thật-thà.

Ôi ! Nghi-tự đã khởi tự trong lòng, thì hết mọi vật-sự bên ngoài đều chuyển-di đi là thế.

Dịch-giả bàn rằng : — Phật nói : « *tam giới duy tâm* ». Ngoại-vật đều là giả-cảnh, chỉ cảnh tự-tâm sinh mới là chân-cảnh. Vì lòng người buồn thì trông cảnh nào cũng ra buồn ; lòng người vui thì trông cảnh nào cũng ra vui. Cùng một bóng trăng ngọn gió, đang lúc chèo lan nhẹ mái, chén quỳnh nửa say, tao-khách giai-nhân trông ra lạc-cảnh, đang lúc hồn quê lai-láng, tin nhạn xa-xăm, lữ-khách ly-nhân lại trông ra bi-cảnh. Suy ra cho kỹ, con nhà hèn được chút chức-phận sinh ra kiêu-căng, mà nhà quyền-quí có coi ra gì đâu ; con nhà nghèo trông thấy đồng tiền, mừng-rỡ thất-thố, con nhà hào-phú coi ra gì đâu. Cho nên lòng người quân-tử không sợ, không mừng, không vui, không khổ, mới có thể nhỡn lớn mà trông người thiên-hạ.

7° — Người bán mộc và bán giáo

賣 矛 與 盾

Xưa có người bán mộc và bán giáo. Khách hỏi mua mộc, anh ta khoe rằng : « Mộc tôi rất bền, giáo nào đâm cũng không thủng. » Khách hỏi mua giáo ; anh ta lại khoe rằng . « Giáo tôi rất sắc, mộc nào đâm cũng phải thủng. » Khách cười mà hỏi : « Nếu lấy giáo anh đâm cái mộc anh, thì cái nào bền cái nào sắc? » Anh ta há mồm không trả lời được. Ôi ! việc làm với lời nói, thường hay khác nhau, chính như người đã khoe mộc bền lại khoe giáo sắc.

Dịch-giả bàn rằng : — Những lời nói khéo hay có lúc cùng, hễ hết là lời không nên tin. Nếu thiên-hạ không có những kẻ quá tin, chắc cũng không có người nói khéo. Trong sách giải buồn có câu chuyện rằng : Hai anh em thằng Mít chia gia-tài dây lộn với nhau. Chú Lý gọi đến mà phân xử : chứng dẫn sách - vở, biện - bác thị - phi. Anh em thằng Mít nghe hòa-thuận với nhau. Ít lâu đến việc gia-tài nhà chú Lý, Anh em chú Lý dây lộn với nhau quá hơn là anh em thằng Mít. Mít đến nhà hỏi : « Gia-tài nhà tôi thì chú khéo khuyên-giải. Ngày nay việc chú, thì đạo-lý chú để đâu ? » — Chú Lý nói : « Ngày trước gia-tài nhà chú không hơn thiệt gì đến tôi, cho nên tôi nói phải. Ngày nay gia - tài tôi, anh em tôi, hơn thiệt đến tôi, cho nên tôi phải bỏ sách vở và đạo-lý ». Phương ngôn nói : *Những người khéo nói lại không khéo làm*, ấy là như thế.

8° — Người Lỗ sang Việt

魯人徙越

Có người nước Lỗ, chồng khéo đóng dầy, vợ khéo đan mũ, đem nhau sang ở nước Việt. Có người bảo rằng : Người Việt có tục đi đất, thì dầy anh sẽ bán cho ai ? Người Việt có tục chít khăn, thì mũ anh sẽ bán cho ai ? Đem cái sở-trường vào nơi vô-dụng, muốn cho khỏi cùng sao được ?

Dịch-giả bàn rằng : — Có tài vô-dụng như vô-tài ; cho nên phải tùy-thời mà lập-chí, tùy-địa mà lập-công. Nói đạo-đức ở nơi chinh-chiến, khoe văn-tự với nhà buôn-bán, người ta chẳng cười là điên - cuồng, thì cũng cho là vu - khoát. Đem tài chính - trị chơi chốn giang-hồ, đem người thác-thỉ vào nơi lang-miếu, trong một nước thường thiếu kẻ nhân-tài, mà những kẻ hữu-tài lại không được dùng ở trong nước là thế.

9° — Cướp vàng giữa chợ

市中攫金

Có người chăm - chăm chỉ muốn được vàng. Một hôm, khăn áo chỉnh-tề, ra chợ. Vừa đến chỗ người ta bán vàng, anh ta thấy có người cầm vàng, liền vồ lấy mà chạy.

Người tuần chợ bắt được, hỏi anh ta rằng : — Chợ đang đông người, sao dám cả gan cướp vàng mà chạy ?

Anh ta nói : — Vì tôi chỉ trông thấy có vàng, thực không thấy có người ở chợ.

Ôi ! Cái lòng tham-dục nó làm mê-loạn người ta không còn biết sự tội-lỗi là gì. Nghĩ ra mà sợ.

Dịch-giả bàn rằng.— Óc người ta vì như cái đèn bóng : trong thêm một cái nan thìngoài phải thêm một cái bóng tối. Trong trí khôn đã có một vật gì chướng-ngại, thì phải có một cảnh-tượng u-ám ở bên ngoài. Trong một thành một trấn có thiếu gì là thứ người, mà buôn-bán đi vào, trông ai cũng ra người chi-chú ác-toán ; kẻ hiền-hoạ đi vào, trông ai cũng ra người xiểm-nịnh bôn su thiếu gì là cao-nhân trí-sĩ, mà con mắt thế-lợi có trông thấy ai đâu ; thiếu gì là nghĩa-hiệp là bất-bình, mà mắt kẻ gian-quyền có thấy ai đâu. Thậm-chí có kẻ trông thù-nghịch ra chí-thân, trông sỉ-nhục ra vinh-hạnh, có khác gì người cướp vàng giữa chợ.

10° — Biện-Trang đâm hổ

卞莊刺虎

Biện-Trang là một người dũng - sĩ, thấy hai con cọp ăn thịt một con trâu, muốn ra mà đâm cọp. Người nhà can mà nói rằng : « Cọp là giống độc-dữ, trâu là cái mồi ngon ; hai con cọp mà có một con trâu, thế phải tranh nhau và đánh nhau, thì cọp nhỏ phải chết cọp lớn cũng phải thương. Thày chờ mà đâm con cọp thương, vậy mất một công mà được hai cọp. » Cho nên mọi việc cứ thừa-gián mà làm, thì dùng sức ít mà nên công lớn.

Dịch-giả bàn rằng. — Thày Mạnh nói : « Có trí-tuệ không bằng có tư-cơ, có tư-cơ không bằng thừa-thời ». Thời là cái cơ-quan thứ nhất của việc làm ; trước thời là sớm, sau thời là muộn. Sớm muộn đều là thất-thời mà bại-sự. Triệu Việt-Vương lấy cô-quân ở Dạ-trạch mà đuổi được quân Lương, chính nhờ lúc Bà-Tiên về nước, Dương-Sấn thế-cô. Đức Cao-Hoàng lấy viện-binh ở Tiêm-la mà thu-phục Long-xuyên, chính nhờ lúc Nguyễn-Huệ đã chết mà Nguyễn-Nhạc triệt quân thủ ở Nam-kỳ. Xưa nay biết bao nhiêu là kẻ cậy tài phụ khí, hoặc phải khóc-lóc dưỡng cùng, hoặc phải phiêu-lưu đất khách, cũng vì nhỡ một chữ thời, nên phải anh-hùng khí-đoản.

11° — Loài không qui tiện

類無貴賤

Họ Điền đang làm tướng nước Tề. Trong nhà mở tiệc ; dự tiệc có hàng nghìn người. Nhân thấy người hiến chim rừng cá bể mà than rằng : « Người ta là một loài người qui cho nên trời hậu với loài người hơn : đã mọc ngũ-cốc cho người ăn, lại sinh chim cá cho người ăn thịt ». Điền-thị vừa nói ; các khách vỗ tay như sấm vang. Con nhà họ Bào mới lên 12 tuổi, cũng có dự tiệc, đứng lên mà nói rằng : « Lời nói Đại-phu, e chưa được đúng. Người ta với mọi loài đều là sinh-vật ở trong trời-đất, chưa hề có qui tiện khác nhau ; chỉ lấy tri-lực lớn nhỏ mà chế lẫn nhau, mà thịt lẫn nhau, nào phải là trời vì người mà sinh ra vật. Kìa muỗi vắt là giống hay hút máu, hổ lang là giống hay ăn thịt, có phải trời vì muỗi vắt mà sinh người, vì hổ lang mà sinh thịt không ? »

Dịch-giả bàn rằng. — Lời nói *Loại vô qui tiện đại tiểu tương thực*, đã phân-minh cái lẽ « thiên-diễn » từ hơn nghìn năm về trước, đến bây giờ càng ngày càng tin. Vậy Bào-thị cũng là tổ về đường triết-học.

12° — Doãn-thị trị-sản

尹氏治產

Doãn-thị là một người đã qui lại ham làm giàu ; đốc sức đày-tớ làm việc từ sáng đến tối chưa được đi nghỉ. Có người đày tớ đã già, càng phải khó-nhọc, tai mắt đã suy, gân xương cũng kiệt. Ban ngày rền-rĩ mà đi làm, tối về nhọc-mệt đi ngủ. Tinh-thần hoảng-hốt, thấy mình làm vua một nước, ngồi trên muôn dân, cầm quyền mọi việc ; vào cung ra quán, sớm yến trưa chầu, cái vui cái sướng không biết thế nào mà kể. Đến khi thức dạy lại đi làm tôi.

Có người thương-tình yên-ủy, thì người đày-tớ già nói rằng : « Đời người trăm tuổi, một nửa là ngày, một nửa là đêm. Ngày làm tôi khổ thì khổ thật, đêm làm chúa vui sướng vô-cùng, có việc gì mà oán. »

Doãn-thị đà lo việc nước, lại mưu nghiệp nhà, tâm-thần nhiễu-loạn, hình-thể hao-mòn, đêm đêm chiêm-bao, thấy mình phải đi làm tôi làm mọi, chân tay hơi chậm, thì doi vọt đến liền, vâng dạ hơi chậm, thì mắng chửi theo liền, cứ rền-rĩ kêu-ca từ tối đến sáng.

Doãn-thị lấy làm khổ quá, hỏi một người bạn thông-thái. Người kia bảo rằng : « Như Ngài chức-tước đã được vinh cái thân, của cải đã đủ no một nhà, ban ngày đã vẻ-vang hơn người, thì đêm chịu đầy đọa làm tôi cũng phải ; có đâu lúc thức lúc ngủ được cả bề hai. » Từ bấy giờ Doãn-thị không hình-dịch cái thân và đầy-đọa đày-tớ cho lắm, mà cái mộng làm tôi cũng tỉnh dần-dần.

Dịch-giả bàn rằng. — Đời người có hai thế-giới : thế-giới hình-thức và thế-giới tinh-thần. Thế-giới hình-thức thuộc về khu-xác, thế-giới tinh-thần thuộc về tâm-hồn. Thế-giới hình-thức muốn cho trang-nghiêm phải gây dựng mọi việc, thế-giới tinh-thần muốn cho thanh-tịnh phải giải-thoát mọi việc. Cho nên khu-xác nên lao mà tâm-hồn nên dật.

NGUYỄN BÁ-HỌC

VĂN-UYỂN

HỒNG-ĐỨC QUỐC-ÂM THI-TẬP (1)

(1470-1497)

MƯỜI HAI THÁNG

Tháng giêng

Trong cơ giao-thái khéo tương-nhân,
Đầu-bính kìa kìa đã chỉ dần.
Thế-giới một bầu vầy thụy-khí,
Giang-sơn tám bức đượm dương-xuân.
Dăng tầu tiếng nhạc ran dài lớp,
Sái khắp mùi thơm biết mấy lần.
Cỗi thọ thênh-thênh càng khỏe bước,
Muôn nghìn toàn đội đức hồng-quân.

Tháng hai

Thục-khí hây-hây chỉn lạ dường,
Trung-hòa đằm-ấm nức thiên-hương.
Thị-thành mừng thấy thời trinh-chính,
Hải-vũ đua chơi áng lệ-quang.
Ba lễ chí-thành lòng cẩn-niệm,
Trăm quan hội thưởng tiệc lừng vang.
Nghiêm-minh đức ấy vênh-vênh rộng,
Nhuần gội lưng-lưng khắp bốn phương.

Tháng ba

Chợt thấy tam-vân ánh phượng-đình,
Này này hẳn đã tới thanh-minh.
Cảnh-tinh rãi tỏ điềm long-thịnh,
Gia-khánh vui vầy thủa thái-bình.
Gã hống tràng văn say thánh-đạo,
Khách dòng bến nguyệt nối ca-thanh.
Nghìn vàng phỏng đọ khôn pha xứng,
Vật tốt trời hòa vẫn hữu-tình.

Tháng tư

Mảng vui bàn-bạc quyến xuân-phong,
Lã-chã lần sang lệnh chúc-đọng.
Liễu phất tơ xanh mềm lướt-lướt,
Hòe giương tán lục xếp trùng-trùng.
Người kề song bắc hiu-hiu mát,
Kẻ dốc lòng thiền lẻo-lẻo trong.
Này mới chính đương thời tá-hảo,
Công tư-dục ấy kể vô-cùng.

Tháng năm

Tam-quan choi-chói sắc chiêu-minh,
Lay-lẩy Đoan-dương giữ tiết lành.
Rành-rạnh tiên sen doành bích-thủy,
Rỡ-ràng gấm lựu chốn kim-thanh.
Gió nhân vỗ khắp nhuần muôn họ,
Cầm Thuấn vang rơi phỉ mọi tình.
Thay-thảy dưới trên mừng nào-nức,
Thơ dâng ca tụng chốn đan-đình.

Tháng sáu

Bách-chung thám-lãm lộ tầm-thâm,
Khuất-kế dành-dành đã nửa năm.
Phép sửa y quan hằng khẩn-khẩu,
Lễ dùng giao miếu vốn chăm-chăm.
Thủy-bàn sực-nức mùi thanh-lạ,
Liên-tửu tưng bừng chén chúc-châm.
Khen sửa tố-thanh sao nghiệm mấy,
Công nên phỉ tại chí xưa lăm.

Tháng bảy

Ngô-giang xầy thấy lá ngô bay
Ngẫm thấy tin thu dích nhiễm thay.
Răm-rắp hoà đoàn giong đuốc phượng,
Hiu-hiu mới phát hẩy hơi may.
Nghêu-ngao nọ lũ bơi chèo quế,
Thủng-thỉnh kìa ai dọi tiếng chầy.
Ước gặp Nữ Ngưu mà thử hỏi,
Cầu-ô sự ấy có chăng vay ?

Tháng tám

Vẻ thọ-tinh xem ánh thức lồng,
Rành thay Nam lữ chính thu trung.
Trời muôn trượng thẳm lầu-lầu sạch,
Nguyệt một vầng in vặc-vặc trong.
Quyến khách thơ ngâm lòng phới-phới,
Ghẹo người chuông nện tiếng bong-bóng.
Lâu-đài bỡ-ngỡ nghìn tầng gấm,
Khôn nghĩ vơ-lơ kịp mấy trùng.

(1) Xem *Nam-Phong* số 32, trang 158-159.

Tháng chín

Nghiệm chưng tính vật biết thời trời,
Ba lệnh này kỳ trí-nhạn-lai.
Móc tưới kim-anh mầu sõi tốt,
Mưa giao thụy-trúc đã khoe tươi.
Phao buồm ngăn gió trần nào vã,
Ráo chén gian tây bạn họp chơi.
Ngẫm nghĩ mỗi triều là mỗi vẹn,
Nhàn chi đề-phẩm chuốt xa vời.

Tháng mười

Lạ thay kiền-tạo khéo quanh vần,
Đà đến huyền-anh tiết tiểu-xuân.
Quỳnh-lựu nghìn hàng hoa tuyết đượm.
Dao-trì mấy chốn thụy tương nhuần.
Họ Tô nên tỏ lòng trung khoản,
Gã Lý thêm lừng tiếng nghĩa nhân.
Sẽ nhớ Tống-hoàng khi quyết sách,
Đêm khuya hoi-hóp với lương-thần.

Tháng mười một

Hoàng-luật tự-nhiên thoắt vận-hành.
Trời đông gặp-gỡ nhất-dương-sinh,
Tơ thêm độ khắc khoe tài lạ,
Mây vén trình điềm ứng trị lành.
Khử dẹp quần âm quang thảy-thảy,
Sáng phau thất-diệu tỏ rành-rành.
Hãy tu-ngoạn-vị trong thời tự,
Nghiệm biết thiên-cơ công đã dành.

Tháng chạp

Trải xem lịch-kỷ vốn tinh-tường,
Nhẫn-nhẫn xây nên thủa nhị-dương.
Mai chiếm phau-phau mầu điểm ngọc,
Thông khoe đọt-đọt chí lăng sương.
Muôn phương cống-khoản dâng kỳ-vật,
Một áng thanh-điển đượm dị-hương.
Suy biết bốn mùa tin pháp-lệnh,
Quyền-cương thể đã hợp thiên-cương.

* * *

THƠ CA CỔ TRONG TRUNG-KỲ

Đậu đò câu cá bến chùa Thiên-mộ

Xem hoài vi-vẩy những chen đua,
Cất-cớ ngồi câu trước bến chùa ;
Mỏ cá sông mê ngày luống gỏ,
Chày kình bể khổ túi càng khua.
Phao trông mỏi mắt không ăn cóc.
Chỉ cuốn mòn tay chẳng thấy rùa.
Ngồi sẽ gác câu ngâm ít chữ.
Gió trăng nào phải mất tiền mua.

Sanh-nhựt

Tháng tư nguyệt-kỵ bửa hôm ba,
Tiệc rượu ngày sanh chút gọi là.
Nâng chén sẻ ngưng khi chúp-chắp,
Lọt lòng chạnh nhớ lúc u-oa.
Nặng vì tơ-tóc đôi còn nợ.
Ngảnh lại râu mày nửa muốn già.
Khóc đẻ hỗ ngươi cười nước mắt,
Nghỉ mình ta phải biết cho ta.

Đêm ba mươi tết không ngủ

(*mỗi câu đều có chữ « nghĩ »*)

Nghĩ bài thơ mới đuổi năm cùng,
Ngồi trót năm canh *nghĩ* tứ-tung :
Nghĩ chốn ruộng vườn khi thiếu đủ,
Nghĩ nơi nhà cửa nỗi riêng chung ;
Nghĩ mình tuổi lớn hầu đương trẻ,
Nghĩ đoạn con nhiều cháu lại đông.
Nghĩ tới *nghĩ* lui nghe cũng mệt,
Chi bằng đừng *nghĩ* khỏe như không

Nghe chim kêu

(*gởi cho cô* Mộng-Liên)

Chiều hôm thôi-thoắt tiếng chim kêu,
Trước ngõ ngoài sân những trớ-trêu ;
Về ổ rộn-ràng tìm bạn cũ,
Đậu ngành deo-dắt lựa cây cao.
Thinh-thinh trời rộng ngày qua lại,
Thẩm-thẩm mây xanh lối trước sau.
Khi ở khi ăn khi học nói,
Người mà như thế cũng tiêu-điều.

Ngẫu-ngâm

(mỗi câu có tên đồ nghề thợ mộc)

Rìu-rịt năm canh xét phận mình,
Khoan-nhàn đất nước rộng thinh-thinh.
Đã cam *cưa*-cút miền thôn-giã,
Đâu dám *chàng*-ràng đám lợi-danh.
Ống chỉ dọc ngang cùng nước biếc,
Cái ve nghiêng ngửa với trời xanh.
Đắn-đo cho biết mùi trong *đục*,
Mới gọi rằng tay *mực thước* rành.

Gởi cho cô Mộng-Liên

Làm một bài thơ gửi MỘNG-LIÊN,
Mấy lâu nghe nói học càng siêng :
Năm canh giấc tỉnh chăm đèn sách,
Sáu khắc ngồi buồn giở bút nghiên.
Ai bảo đa-tình không phải Phật,
Mới hay vô-sự cũng là Tiên.
Đã cho vào hạng rằng tri-kỷ,
Gắn-gồ sao cho dặng tiếng khen.

Tặng Mộng Liên

(cầm, kỳ, thi, tửu)

Lên đình xuống ruộng lại về vườn.
Săm-sửa đi đâu cũng có nường.
Đờn chửa hay chi hòa đủ lối,
Cờ không cao lắm đánh vừa ngang.
Thơ xem trước mắt tay thường lục,
Rượu nhấm ngoài môi mặt đã hường.
Hai chữ « tài tình » so dặng mấy.
Lẽ nào con Tạo nỡ ghen tương.

Chơi Trung-thâu

Hôm nay vừa mở tiệc trung-thâu,
Tài-tử giai-nhân chẳng thiếu đâu.
Cảm cảnh non sông thơ một túi,
Tấm tình trăng gió rượu lưng bầu.
Cờ cao đôi nước vui càng bận,
Đờn đủ năm cây họa với nhau ;
Cứp-nứp không chơi thời cũng thiệt,
Cái già lúc-thúc nó theo sau.

TAM-XUYÊN

Họa-vận

Ba thâu dồn lại bửa trung-thâu,
Cũng gắng mua vui có tiếc đâu ;
Nước biếc non xanh *thơ* nặng túi,
Trăng trong gió mát *rượu* đầy bầu.
Đờn xưa mấy ngón nghe càng thú,
Cờ thế đôi bàn đánh với nhau.
Trò chuyện năm canh vui với chị,
Một phen thỏ lặn một phen sầu.

MỘNG-LIÊN

* * *

HÁT NÓI

Trèo thuyền chơi giăng

Trải chiều trời vừa cơn ban tối, dừng vó câu mới gọi thằng đồng ; thơ ngâm rồi sườn núi đứng thung-dung, thuyền khách bạc bên sông chèo bắt lộ. *Bình Kiều nhàn hoán độ* 平橋人喚渡. (1) *Sanh xuất tiểu chu lai* 撑出小舟來 (2). Gió thanh thanh trèo quế khoan bơi, vì tiếc hứng giang-sơn phong nguyệt, trăng leo-lẻo trời xanh nước biếc, gió hiu-hiu mặt nước trắng phau phau, thảnh-thơi thơ túi rượu bầu.

---

(1) Người đứng trên cầu gọi đò đến chở.

(2) Bơi ra chiếc thuyền nhỏ đi đến chở.

Ngụy-Dã

(Ẩn-sĩ đời nhà Tống)

Xưa Tống triều có người Ngụy Dã, ba lần vời chẳng khứng làm quan, *Toàn lại danh lợi bất như nhàn*, 算來名利不如閒. [1] ngồi thong thả để câu thơ thú-vị : *Hữu danh nhàn phú quí* 有名閒富貴(2) *Vô sự tiêu thần tiên* 無事小神仙(3) Tay ôm cầm miệng đọc vô biên, đàn cầm gẩy dạy con chim phượng múa, bỗng thấy sứ vua sai về dụ, cất lấy đàn đợi khách tri-âm, quản bao lợi lộc vướng tâm

Triệu-tử-Long

Triệu-Tử-Long *nhất thân đỏ-thi đảm* 趙子龍一身都是胆,(4) Trận Đương-dương thân bị trùng-vi. *Thả hành thả chiến mã như phi.* 且行且戰馬如飛.(5) *Bảo A-đẩu thu tri tam-xích*, 抱阿斗手持三尺.(6) *Tứ diện Tào binh vi tự bích* 四面曹兵圍似壁.(7) *Nhất thân mã thượng quyển như vân*, 一身馬上捲如雲.(8) Cơn dọc ngang xông-đột mấy lần, bầy mươi hai trận phong trần chẳng vướng. Tảo-binh lẻ năm mươi chư-tướng, long-lanh về một mũi thanh-hồng(9) Cờ Trường-sơn ông Triệu Tử-long *Nhất nhân địch vạn quản trung tướng tài* làm trai cho đáng nên trai.

* * *

THƠ CA ÔNG TÚ XƯƠNG

(Trần Kế-Xương)

Tự tự

Ở phố hàng nâu có phỗng sành.
Mặt thì lơ-láo mắt thì nhanh.
Vuốt râu nịnh vợ con bu nó.
Quắc mắt khinh đời cái bộ anh.
Bài bạc kiệu cờ cao nhất-cú,
Rượu chè trai gái đủ tam-khoanh.
Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi,
Cứ việc dong chơi chẳng học-hành.

Viếng ông lão

Ông lão này xưa tính thực hiền,
Bây-ba vui-vẻ việc điền-viên.
Sách đèn học-tập năm Minh-mệnh,
Áo mũ ăn ngồi xã Vị-xuyên.
Vì phỏng còn thi may cũng đỗ.
Thôi thì không lụy thế là tiên.
Đầu râu tóc bạc như mưa đượm,
Thấy bá nhà quê chán vạn tiền.

Chê ông Hàn sợ vợ bỏ

Ông đã ơn vua một chữ Hàn.
Nay lành mai lỗ khéo da-doan.
Được thua hai ngả ba câu nói,
Khôn dại trăm năm một tiếng đàn,
Chim chuột sau này nên gắng sức,
Lợn gà trước ấy đã riêng oan.
Có ai lành thủng ông không biết,
Còn phải mang điều với gái ngoan.

Vịnh tát nước

Giấc mộng Nam kha khéo chập chờn,
Giữa trời riêng một cảnh giang-sơn.
Cỏ cây vui mắt nằm quên ngủ,

---

(1) Tính lại danh lợi không gì bằng cảnh nhàn.
(2) Có tiếng hay tức là một cảnh giàu sang mà nhàn.
(3) Không bận việc tức là một vị thần-tiên nhỏ.
(4) Triệu-Tử-Long trong mình toàn là can đảm.
(5) Vừa đi vừa đánh ngựa như bay.
(6) Mình ẵm A-đẩu tay cầm gươm ba thước.
(7) Bốn mặt quân Tào vây dầy như tường vách
(8) Một mình ngồi trên ngựa, cuốn đi như mây bay.
(9) Tên một thanh gươm báu.

Sấm sét bên tai dạ chẳng chồn.
Chênh-chếch đèn trăng soi trước bóng,
Hiu-hiu chiếc gió phẩy bên sườn.
Bởi vì nỗi nước nên gia sức,
Bao quản phong-trần mảnh áo đơn.

Gửi cho cố-nhân

Yêu nhau chẳng được lấy nhau nào.
Mình nghĩ làm sao tớ nghĩ sao ?
Trai gái bởi chưng bà mụ nặn,
Vợ chồng như thể sợi tơ trao.
Xa-xôi nên nỗi lòng thương-nhớ,
Gần-gựa cho nên dạ khát-khao.
Muốn chắp tơ đào trao chỉ tấn,
Bắc thang lên hỏi sổ thiên-tào.

Ngẫu hứng

Lại có làm chi cái chữ nho,
Ông Hoàng ông Bảng cũng nằm co !
Sao bằng đi học làm thầy Phán,
Tối rượu sâm-banh sáng sữa bò.

Gửi cho bạn thân

Ông có đi thi ký-lục không ?
Nghe Ông quốc-ngữ học chưa thông.
Ví dù nhà nước cho ông đỗ,
Thì hạng lương ông được mấy đồng ?

Hát ông trăng

Ta lên ta hỏi ông trăng,
Họa là ông có biết chăng sự đời.
Ông to ông ở trên trời,
Hẳn ông soi khắp nước người nước ta.
Năm châu cũng một ông mà,
Kể ra thì lại mỗi nhà một ông.

Hát ông trời

Ta lên ta hỏi ông trời,
Trời sinh ta ở trên đời làm chi.
Biết chăng cùng chẳng biết gì,
Biết ngồi nhà hát biết đi ả-đầu.
Biết thuốc lá biết chè tầu,
Cao-lâu biết vị hồng-lâu biết mùi.

Hát sông lấp Nam-định

Sông kia rầy đã nên đồng,
Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai,
Dật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

Việc đời nghĩ đến mà lo,
Giàu sang có phận đói no có trời.
Ai ơi chơi kẻo già đời.

Nam-định Vũ-xuân-Thắc sao-lục

DỊCH ĐƯỜNG THI

江樓書懷

Ở giang-lâu nhớ bạn

獨上江樓思情悄

Thoạt bước lên lầu sực nhớ ai,

月光如水水如天

Bóng trăng in nước nước in trời.

同來玩月人何在

Tri-âm dẫu vắng trăng còn đó,

風景依稀似去年

Cảnh cũ mười phần khác một hai.

黃鶴樓送孟浩然之廣陵

Ông Lý-Bạch tiễn ông Mạnh-Hiệu-Nhiên ở lầu Hoàng-hạc đi ra Quảng-lăng

故人西辭黃鶴樓

Lầu Hạc đưa chân chốn ngại-ngùng,

烟花三月下揚州

Đất Dương phong-cảnh có gì không ?

孤帆遠影碧空盡

Chiếc buồm xuôi gió về đâu tá ?

惟見長江天際流

Nước biếc trời xanh những ngóng trông

春夜洛城聞笛

Đêm xuân ở Lạc-thành nghe tiếng sáo

誰家玉笛暗飛聲

Déo-dắt đêm xuân hỡi giọng ai ?

散 入 春 風 滿 洛 城
Gió đưa tiếng địch lọt bên tai.
此 夜 曲 中 聞 折 柳
Nào ngờ khúc liễu hay sao thế,
何 人 不 起 故 園 情
Non nước xui nên bụng cảm hoài.

江 村 卽 事

Tức-cảnh ở chỗ giang-thôn

罷 釣 歸 來 不 繫 船
Người về dễ mặc chiếc thuyền câu,
江 村 月 落 正 堪 眠
Bóng thỏ bên sông đã nhạt mầu.
縱 然 一 夜 風 吹 去
Canh vắng thử trêu cơn gió thổi,
只 在 蘆 花 淺 水 邊
Cũng quanh một dải rịa bờ lau.

TRẦN SỞ-KIỀU

PHÚ

Chơi trăng rằm trung-thu

(Vần : *bao nhiêu tuổi trăng già*)

Bao. — Khuôn vạn-tượng đo vuông-vắn ; lò tạo-hóa đắn thấp cao. Năm mười hai tháng thì đà vậy; mùa có ba tháng lại làm sao. Có khi tiêu-trưởng ; có thủa doanh-hao. Kìa có duốc chơi xuân, vui chơi thế ấy ; đã mừng rằm tháng tám, vui kể xiết bao.

Nhiêu. — Thì thấy : qua tháng bảy hỏa-tinh sè-sẽ ; tới trung-thu đồng-diệp mĩ-miều. Sương dầu bay về lác-đác ; gió vàng thổi lại dập-dìu. Cánh hồng bay ra từng lớp ; tiếng lôi đã vắng nào gào. Sao mười bốn đêm thanh, bóng thỏ trắng đương tròn là thế ấy; dủ ba năm tuần lẻ, hoa cúc vàng đã nở biết bao nhiêu.

Tuổi. — Có người : thì hội rồng mây đã gặp rồi : miền khói bụi từng dong-duổi. Sao mặc ai xem ; chớp mặc ai đuổi. Tuyết đẳng-thần cơn ầm-ập tuôn ; gió tốn-nhị cơn ào-ào thổi. Sắc xinh cho nhạn ngã cá chìm ; vẻ sạch dễ hương lầm hoa dối. Đường hoa tinh tuyết nguyệt, trông mãi thì trông ; vòng rậm liễu phong hoa, nói mặc dầu nói. Đùn-đùn kéo từng mây mấy đóa, cung quảng-hàn thoắt thấy thoắt deo chìm, vành-vành soi gương bạc một vòng, khi âm-tinh càng nhìn càng chắp đổi. Chẳng biết rằm này có ai tới cung trăng, xin cậy hỏi trăng năm nay bao nhiêu tuổi.

Trăng. — Ấy vậy bấy giờ : kẻ bợn lòng mây tinh nước ; người quen rì gió chị trăng. Nào đâu là Ngô-cương, đâu là thiềm-thử, dù biết trăng cho cho vui cho thỏa ; nào đâu là địch-ngọc, đâu là tiêu-ương, dẫu hỏi trăng chẳng nói chẳng rằng. Đuốc động-phòng đâu dám sánh ; giỏ thanh-nữ mát sao bằng. Nọ là chín muôn dặm bay lên, đưa đón Huyền-tôn hầu chị nguyệt; nọ là mấy lần mây đưa xuống, nhởn-nhơ Hậu-nghệ lạp cô hằng. Thì biết đâu cũng tài-tình làm vậy ; thì biết đây cũng thú-vị mần răng. Nào có phải mồng ba tháng ba, soi Giới-tử còn hay chăng nhẽ ? nào có phải mồng bảy tháng bảy, soi Ngưu-nữ đã thấu cùng chăng ? Tính xem ngày chín ngàn ba vạn, mấy trăng rằm tháng tám ? nên có chữ rằng « *như nguyệt chi hằng* ».

Già. — Ai vậy như trăng khéo ngỡ là,
Để cho tưởng nhớ những vào ra.
Tóc mây má phấn xinh chiều ngọc,
Hương gió dèm châu ngạt vẻ ngà.
Ngày tháng chơi bời sau lại trước,
Nước non thong-thả trẻ không già.
Ước chi ta được mà ta để,
Ta để mà ta để nữa ta.

Vô-Danh-Thị

Không chồng mà chửa mới ngoan

(Vần : *gái tơ ngửa nghề sớm sao*)

Gái. — Tuổi liễu còn xanh ; duyên dẳng chưa nại. Nỡ để hớ-hênh con tí, con hỡi là con ? bỗng không mà nầy ra cồn, gái dâu có gái ? Mực đà rất mực, giữ-gìn kể đã năm khôn ; ngoan thực là ngoan, bỗng chốc hóa ra giờ dại.

Tơ. — NGUYỄN-PHỨ : cha mẹ sinh con cái, trai thì học-hành biết năm ba chút, gái thì công-cửi cho rõ đường tơ. Gan vàng nung-nấu ; mùi đạo say-sưa. Chữ « trinh » đáng giá nghìn vàng, đuốc hoa chẳng thẹn ; mặt ngọc hà gieo đáy thẳm, hương lạnh như tờ.

Ngửa. — Con thật con nhà ; của dâu của thửa ? Đêm xuân, có nhẽ cầm lòng ; chẳng duyên mà nợ. Dan tay nam bắc, bỗng không cá nước duyên ưa ; căn vặn tóc tơ, nào phải họ khoai mà ngửa ?

Nghề. — NHÍ-NÃI : thánh-thót cung đàn rục-rã ; nỉ-non duyên nặng è-chề. Cưỡi rồng sánh phượng đẹp duyên, chước lạ chước đâu có chước ; mở mặt chau mày lắm nỗi, ghê sao ghé gớm là ghê ? Giạ thì thật giạ ; nghề lại quen nghề !

Sớm. — Nay lừa mai lần ; đêm ao ngày ước. Ho mặc là ho, lọm thấy là lọm ! Hủy-xà giấc mộng, tỉnh-tỉnh giạ đã trống mang ; đào-động bé thơ, mong-mỏi buổi đà mai sớm.

Sao. — Ô-hô ! Phong gấm rủ là buổi nọ ; đường hoa tan tác rầy sao ? Đã trót làm cha cái nợ phấn son buồn nắng giữ ; thôi thì đủ mẹ vườn hoa ong bướm rước xuân vào ! Vận bạn bởi sinh ra thế ; nết-na ai có nỡ nào ! Sinh con ai nỡ sinh lòng, tài sắc làm chi đo-đắn ? Cũng kiếp lại đâu có kiếp, tào-vao chịu vậy như bào ! Thôi đừng rầy ước mai ao !

PHẠM THỨC

THƠ CA MỚI

Vu Y tranh-luận

Trăm đời hai gái tranh chồng,
Vu Y tranh đám ghen lồng nhau ăn.

Phú-ông ốm nặng lòng lo sợ.
Tối mắt vu y tham món bở.
Tranh đám sinh ra khích-bác nhau,
Mỗi người mỗi phách đều xin chữa.
Y xem bắt mạch nói liền ngay :
« Bệnh quá rồi đây khó chữa thay !
« Nhưng cỗ thuốc thang còn khả-cứu,
« Chớ đừng cúng-cấp nữa sinh rầy »
Vu rằng : « Bệnh đó có tà ma,
« Phải cúng ngay đi kẻo hỏng mà.
« Bùa chấn trừ đi thì khỏi hẳn,
« Nếu còn uống thuốc nhỡ oan-gia. »
Y rằng : « Gớm những phường dan-trá !
« Đồng cốt quen làm nghề dối-dả.
« Đánh lừa con-trẻ với đàn bà.
« Thánh tướng chẳng qua trò hão cả.
« Làm thuốc như đây há phải hèn,
« Cứu-dân độ-thế tiếng đồn khen.
« Bệnh này xin quyết ra tay chữa.
« Giọt thuốc vào môi kiến-hiệu liền. »
Vu thấy y chê mặt đỏ gay,
Rằng : « Đây phép thuật thực cao tay.
« Niệm câu thần-chú tiêu-trừ bệnh,
« Chấp-quyết phi-phù thuật lạ thay.
« Chán cho những kẻ dong-y nọ.
« Hàn nhiệt âm dương đều chẳng rõ.
« Nhắm mắt làm liều cốt lấy tiền,
« Giết oan nhân mạng nhiều khi đó ! »
Hai thầy sao khéo cãi nhau hoài ?
Kia nói rằng hay nọ nói tài.
Bệnh-chủ tự-nhiên đều khỏi hẳn.
Chẳng bùa chẳng thuốc chẳng cầu ai.

Phúc chủ may sao chẳng mất tiền,
Hai thầy vô-lộc lại vô duyên !
Tranh ăn cùng trượt cùng mang tiếng,
Hay tám nghìn tư cũng hão huyền.

Xứ Bắc-kỳ

Bức địa-đồ kia vẽ rõ mầu,
Bắc-kỳ vị trí ngắm xem đâu.
Tây liền La-ốt đông liền bể.
Nam giáp Trung-kỳ bắc giáp Tầu,
Hai dẫy núi xanh dài chạy mãi,
Một giòng sông đỏ chảy xuôi mau.
Tổ tông gây dựng từ bao tá,
Đất rộng người đông của lại giầu.

Sông Nhị-hà

Giải Nhị-hà kia thực lạ-lùng,
Năm năm nước chảy mãi không cùng
Nguồn cao phát mãi từ non bắc,
Giòng thẳng xuôi về tận bể đông.
Vùi lấp ngàm xương quân Thát Mãn,
Vẻ vang rửa mặt khách anh hùng.
Trường-giang muôn dặm từng thay đổi,
Đã mấy phen rồi gặp hội trong.

Nông thương ngẫu-đàm

Bác khán người làng nọ,
Cầy cấy vốn sinh-nhai.
Gần miền có bác lái,
Buôn bán ra mặt tài.
Nhân gặp khi thong-thả.
Cùng nhau rót rượu mời.
Hỏi-han sự làm-lụng,
Bàn-bạc truyện xa-xôi.
Hơi men đà nóng cổ.
Lôi-thôi sinh lắm nhời :
— « Bấy lâu ông làm ruộng,
Tính ra có được lời ?
Cấy hái bao nhiêu mẫu ?
Chiêm mùa độ mấy mươi ?
— Nông-sự cần-cù lắm !
Rủi may cốt ở trời.
Ruộng độ mươi lăm mẫu,
Bỏ đầy lại cót vơi.
Chẳng thừa cũng chẳng thiếu,
Đủ ăn mà đủ chơi.
Thương-mại như ông đó,
Chẳng hay có phát-tài ?
Đi buôn ra các tỉnh,
Hay lập cửa hàng ngồi ?
— Tôi đây buôn bán rộng,
Mạn ngược lại vùng xuôi.
May ra nhờ vận đỏ.
Buôn một mà lãi mười.
Trong tay trăm ngàn vạn,
Tranh thi đủ với đời.
Cứ tính như làm ruộng,
Khó nhọc lắm, ông ơi !
Thức khuya mà giậy sớm,
Luôn tay chẳng được rời.
Dãi nắng dầu mưa khổ,
Mồ hôi nước mắt rơi.
Mất bao công vất-vả,
Mới được miếng cơm xơi.
Sao bằng học buôn bán,
Nhàn-nhã ma thảnh thơi.
Thôi nói chi làm vậy,
Nghề buôn đã biết rồi.
Tranh cướp từ đồng kẽm,
Hết đông lại tới đoai.
Tiền lưng và bạc vốn.
Giấy người lại nửa người.
Được lãi tươi như sáo,
Hàng ế ngồi xua ruồi.
Bất-nhược đi cầy quách,
Vững chắc chẳng hề sai.
Buôn trăm bán nghìn mặc,
Không dây cũng chịu thôi.
Trông nhờ về hột lúa.
Mất mùa hàng bỏ ôi.
— Lẽ đó đành như thế,
Nhưng cũng phải nhờ tôi.
Nếu không người vận-tải.
Thóc gạo bán cho ai ? »
Rượu vào lời ra mãi,
Người ngoài nghe rác tai.
Khuyên can cả hai bác,
Xin chớ cãi nhau hoài.
Nay gặp phong-trào mới,
Nông thương trọng cả hai.
Năm châu tranh tiến bước,
Vạn-quốc cố chen vai.
Nghề làm có phát đạt,
Mới mong tới vũ-đài.
Vả nay nhờ Bảo-hộ,
Trăm việc đã dần khai.
Dựng đặt trường Nông-học,
Rồi ra mở khắp nơi.

Đồng cao xây máy nước,
Ruộng lụt xẻ kênh khơi.
Lối cũ nên thay đổi,
Phép mới phải theo thời.
Thông thương đường tiện lợi,
Tầu hỏa với xe hơi.
Bến sông cùng cửa bể,
Thuyền bè đậu như rươi.
Nghĩ cách thu quyền-lợi,
Tranh đua với nước ngoài.
Hội buôn chung vốn lập,
Cố chí định theo đòi.
Tương-tư và tương-ích,
Giữ lấy người cùng loài.
Chớ nên ghen ghét lẫn,
Thói ấy đáng chê cười.

DOÃN KẾ-THIỆN.

THƠ NAM-KỲ

Thuật hoài

Sầu đông càng gạt lại càng đầy,
Cũng muốn khuây mà khó nỗi khuây.
Muôn dặm trời tây chưa dễ đến;
Mấy năm đất bắc đã từng cay
Xem gương những hổ cho mày mặt,
Thấy cảnh thêm buồn với cỏ cây.
Nhưng bĩ thái là thường lẽ vậy,
Ráng công theo với máy trời xây.

Tức-sự

I

Đã mảng xuân rồi hạ lại qua,
Ngày nay tháng nọ cùng ta-đà.
Gió đông những rộn lòng sông suối,
Nắng lửa thêm xàu mặt cỏ hoa.
Dời núi chớ cười người nghĩ dại;
Sập trời còn có kẻ lo xa.
Trong đời có việc chi là khó,
Có khó rồi khôn gắng lấy ta

II

Biết mấy công-trình để dở-dang,
Mười năm nam bắc đã quen đang.
Chiêm-bao luống bận lòng phù hải;
Chỗ ở riêng hòng cuộc mãi sang.
Chén rượu thánh hiền trăng chín-choán.
Chòm mây phú quí gió mơ-màng.
Ấy ai là kẻ hay hà cử;
Có nhớ câu thi « giữ-tử-hoàn. »

Tặng ả lành

Trời xanh nỡ phụ khách hồng-nhan,
Người thế mà vương số đoạn-tràng.
Dựa cát ngâm thơ trơ bóng nguyệt;
Nương song vẽ phấn thẹn lòng gương.
Đã cùng hành-võ qua đài liễu,
Những ước xuy-tiêu kết bạn loan.
Tài sắc trong đời xem mấy kẻ,
Thử ai có biết dạ đây thương.

Gửi người tình

Văng-vẳng canh khuya mấy tiếng gà,
Trong chiêm-bao luống nhớ nhau mà.
Đá vàng một mực bền sau trước,
Non nước ngàn trùng thiệt thẳm xa.
Tháng đợi năm chờ thương nỗi đó,
Ngày lo đêm tính ngán cho ta.
Trời đâu có phụ người ngay thảo,
Nam bắc rồi đây cũng một nhà.

Trung-thu họa hữu-nhơn vận

Trời xanh thăm-thẳm nhuộm in màu.
Mới thấy xuân rồi thoát đến thâu.
Trận khổ câu-tù người mấy tháng,
Cuộc vui lương-dạ rượu lưng bầu.
Cũng trăng gió ấy tình bao nả,
Thấy núi sông này nhớ đến đâu.
Tiết-nghĩa một lòng cho đến chết,
Xưa nay người có khác gì nhau.

Tặng bạn

Xúc thân gió bụi trải ba đông.
Mòn-mỏi hai vai nặng gánh gồng.

Thấy núi sông nầy mà ngán nỗi,
Tưởng anh em thế lại đau lòng.
Vơi vơi muôn dặm mây trời bắc,
Thẳm thẳm ngàn xưa nước biển đông.
Con tạo làm chi cho đến nỗi,
Trên đời há để việc không xong.

Nhớ Trí-Viên

Thấy trăng mà nhớ bạn cao hiền,
Đốc-thiệt nào ai sánh Trí-Viên.
Không ý đua chen trường phú-quí,
Có lòng giúp sửa tục ngu hèn.
Thú quê cây cỏ riêng tiêu-khiển,
Dấu cũ non sông nặng ước-nguyền.
Râu tóc lần theo ngày tháng bạc,
Làm sao đừng phụ tiếng người khen.

Nhổ râu trắng

Xưa nay ta vẫn cũng là ta,
Râu bạc dè đâu vội trổ già.
Bên mép lèm nhèm giòi tửa địch,
Trong gương lốm-đốm tiết sương pha.
Không phương Chiêu-liệt cầm đen lại,
Mượn nhiếp Tề-cao nhổ trắng ra.
Chớ để si-nhan ngày biến hiện,
Làm cho tráng-chí nó tiêu-ma.

Dịch thơ nàng Lý Diệu-Huệ

一 自 當 年 折 鳳 凰

Từ năm loan phụng rẽ đôi đường,

至 今 消 息 兩 茫 茫

Tin tức lâu nay luống biệt ngàn.

蓋 棺 不 作 橫 金 婦

Chết trọn theo chàng người bể quế,

入 地 還 從 折 桂 郎

Sống không làm vợ lái đeo vàng.

彭 澤 曉 烟 歸 宿 夢

Khói giăng Bành-trạch trơ hồn mộng,

瀟 湘 夜 雨 斷 愁 腸

Mưa mịt Tiêu-tương nát ruột gan.

新 詩 寫 向 金 山 寺

Tình cảnh mấy câu đề cửa phật,

高 掛 風 帆 送 夕 陽

Cánh buồm treo thẳng gió tà-dương.

Cúc-nông Trương Gia-Mô (Gia-định)

CÂU-ĐỐI

Mừng hàng sóm làm nhà

Sách thánh dạy không sai, chữ phú vẫn đè trên chữ quí.
Số trời nguyên đã định, phong-lưu cho bõ lúc phong-trần.

Mừng bạn đỗ Tú-tài

(Học-trò trường Tú-sĩ)

Phiệt-duyệt sẵn nền xưa, quan mả cả giòng, trường tú-sĩ đã ai hơn bác nhỉ.
Văn-chương theo cách mới, học tài thi phận, giải cử-nhân tưởng rật trước em rồi.

Mừng ông Cử

Dương vây vượt nhẩy ba từng sóng.
Rậy dất vang lừng một tiếng loa.

Mừng ông Nghè

Sách thuộc năm xe, nổi tiếng văn-chương lừng-lẫy nước.
Loa truyền nhất giáp, rõ hương khoa-bảng sáng-chưng nhà.

Mừng bạn làm Giáo-học

Trọng thày được làm thày, gặp bước tung hoành ngòi bút sắt.
Vì nước trung với nước, yêu nòi trang-điểm tấm lòng son.

Mừng bạn làm Tổng-sư

Sư mới là sư, chẳng niệm Phật, chẳng ăn chay, công đức tu-hành trò một lũ.

Tổng tuy thị tổng, không việc quan, không xử kiện, tờ bồi khai-báo sách rằm pho.

VŨ TÍCH-CỐC

VĂN XUÔI

Thiếu-niên

Người ta sinh ra ở trong đời, có lúc trẻ măng rồi cũng có ngày già khọm. Đương cái buổi còn thanh-niên phải tính đến khi lão-đại. Ví cứ như ai đầu xanh mắt sáng, không tưởng chi đến kỳ tóc bạc da mồi, chợt một cái già kia sồng-sộc lại, nghĩ nguồn cơn luống những tủi thương xuân, mà sự-nghiệp đã thành ra tuyệt-vọng, thân-thế mình vô-ích cho người, đeo lấy tiếng ăn tàn xã-hội, dù có hối cũng không sao kịp nữa.

Thế cho nên làm người phải biết nghĩ xa-xôi, chớ bỏ mất cái thời trai-trẻ. Này thử nghĩ mà xem : đem cái lòng muốn hay muốn giỏi gắng sức học-hành cho hơn đời ích thế, có phải là nhờ ở cái thời trai-trẻ này đấy không? Lấy cái bụng nhiệt-thành mưu công này việc khác cho nước được nhờ nhà được cậy, có phải là nhờ ở cái thời trai-trẻ này đấy không? Gắng cái chí đền ơn nước trả nợ nhà, khiến cho đồng-bào được hạnh-phúc, tộc-thuộc được vẻ-vang, có phải là nhờ ở cái thời trai-trẻ này đấy không? Đem cái tinh-lực mà lập-thân cho vinh-hiển, rèn tài cho lão-luyện, có phải là nhờ cái thời trai-trẻ này đấy không ?

Ôi ! sự-nghiệp trăm năm, danh-vọng muôn thủa, đều ở cả trong lúc thiếu-niên này vậy. Quí thay, cái buổi thiếu-niên, thật là mặt trời mới mọc, nước nguồn mới ra, người ta phải nên trịnh-trọng, ái-tích nó lắm lắm.

Song, mặt trời mọc có khi lặn, nước nguồn ra có khi đục, cây cũng có lúc cằn, hoa cũng có lúc rụng, đó là lệ con Tạo-hóa đặt ra khôn tránh được. Xem đó thời những người thiếu-niên phải nên lo liệu vậy.

Nước ta ngày nay đương ở vào cái thời-kỳ sơ-tiến, tổ-quốc trông-mong vào bọn thiếu-niên ta nhiều lắm. Thiếu-niên ta dù trai dù gái, ở vào cái thời-đại này phải biết rằng : nước nghèo, dân yếu, quyền-lợi thiệt-thòi, công-việc mình nặng-nề hơn là những người thiếu-niên các nước phú-cường. Ta phải biết giữ-gìn phẩm-hạnh cho được tốt, tu-luyện học-vấn cho được tinh, rèn-tập trí-não cho được sáng; chớ có nên đua-đòi những sự xa-hoang, ham-mê những đường tà-ám, khiến cho nguyên-khí của nước đến hao-mòn, để tiếng cười chê cho thiên-hạ. Bao giờ ta cũng phải giữ một lòng yêu nước, mà gắng lên cho nước có ngày được phú-cường, chen vai cùng liệt-quốc, sao cho khỏi phụ cái tiếng con nhà Việt-Nam.

HỘI-NHÂN

Nghĩa-vụ

Loài vật đói tìm ăn, khát tìm uống, phàm vận-động đều theo cái xúc-bách của nhục-thể, tuy có một vài loài như chim câu biết âu-yếm nhau, như ong kiến biết họp thành đoàn-thể, nhưng đó chỉ là một thiên-tính tự-nhiên, chớ loài vật vẫn là vô-tri vô-giác.

Người ta linh hơn vạn-vật, có lương-tâm để phân-biệt điều phải điều trái,

có chí-khí để cử-động, nên một lời nói, một bước đi cũng phải giữ trách-nhiệm cả. Cái trách-nhiệm ấy làm cho ta phải biết những việc nên làm, những điều phải tránh, nghĩa là nghĩa-vụ của ta.

Ta sở-dĩ biết được nghĩa-vụ là nhờ có lương-tâm. Lương-tâm ta là một ông thầy rất nghiêm-nhặt, rất sáng-láng, lúc nào cũng ở ngay chốc đầu ta để chỉ cho ta con đường chính-đáng.

Song le lương-tâm của người đời ấu lông ở lỗ, lương-tâm của đứa trẻ lên ba, hãy còn ngớ-ngẩn ngây-ngô ; rồi dần dần nhờ có cái quan-niệm, nhờ những điều giáo-huấn mới một ngày một tinh-anh ra ; bởi vậy lương-tâm cần phải khai-hóa.

Lương-tâm lại còn hay bị thói quen đè-nát. Một nhà triết-học có nói : « Thói quen là một cái thiên-tính thứ hai. » Thật là đúng lắm : đứa côn-đồ không lấy sự trộm cướp làm xấu-hổ, không lấy sự đâm-chém người làm kinh tay ; vì vậy mà lương-tâm cần phải giữ-gìn mới có thể trong như tuyết, sáng như gương, mới có thể bảo cho ta biết được hết nghĩa-vụ.

Nghĩa-vụ là gì ? Nghĩa-vụ, bổn-phận, phận-sự, là cách cư-xử phải đường, là đạo làm người vậy. Hai chữ nghĩa-vụ rất bao-lao, rộng như trời bể, gần thì đối với thân mình, với họ-hàng làng nước, xa thời đối với nhân-quần, với người đời trước, với kẻ hậu-sinh, với muôn loài trong vũ-trụ. Nghĩa-vụ là cái mục-đích của đời người, nghĩa-vụ là cái giây tam-cố để ràng-buộc người vào cõi đời này vậy.

Nghĩa-vụ có cái quyền-thế rất to, làm cho ta quên hẳn nhọc-nhằn nguy-hiểm. Đã là việc nghĩa-vụ thì dù trèo non lặn suối, lên thác xuống ghềnh, nào dám quản công ; dù xông pha trong đám mũi tên hòn đạn, vào sinh ra tử, nào dám núng lòng. Đã là việc nghĩa-vụ thì tài-lợi không dám cân-nhắc, tính-mệnh không dám đụt-dè. Vì vậy mà bao nhiêu những việc phi-thường của các đấng anh-hùng hào-kiệt đều vì nghĩa-vụ mà gây nên. Xưa nay biết bao nhiêu người đã vì nghĩa-vụ mà mang tàng-tật, biết bao nhiêu người đã vì nghĩa-vụ mà tuẫn-tử quyên-sinh.

Nghĩa-vụ vì đâu mà có cái tài khích-thích người ta thế ? Nguyên vì nghĩa-vụ có thưởng có phạt. Khi làm đầy đủ phận-sự rồi, thì ăn được ngon cơm, ngủ được yên giấc, ngôn-ngữ cử-chỉ được tự-do, đi đứng được thung-dung, nét mặt được tươi tỉnh, trong người được khoan-khoái vô-cùng. Ở đời chỉ có cái vui ấy là thanh-thú, chỉ có cái vui ấy là hoàn-toàn, chỉ có cái vui ấy là không đèo thêm cái lụy ở trong, thực là một cảnh cực-lạc vậy.

Nếu bỏ nghĩa-vụ không làm, nếu ăn ở trái-đạo, thì cái lương-tâm nó đay, nó nghiến, nó cắn-rứt trăm chiều, nó làm cho đau ngấm đau ngầm không khi nào khuây được.

Cái hối-hận gươm chém không đứt, súng bắn không tan, dẫu có vàng trăm bạc chục, dẫu có thiên-binh vạn-mã cũng không trừ-khử được. Cái hối-hận nó theo ta suốt đời, làm cho trong giấc ngủ cũng chẳng được yên, nào mê-sảng, nào giật-mình ; khi thức nó hiện ra nét mặt ủ-ê, lúc đi đứng nó làm cho chúi đầu cắm cổ. Cái sầu ấy không có phương-kế nào giải được, vì cái tiếng diếc-móc của lương-tâm vẫn to hơn cung đàn tiếng-hát ; làm cho cùng-khốn mà khổ thêm, phú-quí vinh-hoa mà càng khổ, đến nỗi có kẻ vì hối-hận mà ngây-dại điên-cuồng.

Nghiêm-khắc thay, thần Nghĩa-vụ !

Tuy vậy mà bao nhiêu cái thói xấu của người đều có thể đề-kháng được nghĩa-vụ. Vậy hãy nói vài điều như sau.

1°) *Tham lợi.* — Cái lợi nó dễ mê người, tham vàng bỏ ngãi, xưa nay cũng nhiều, của trọng hơn người,

không phải là điều hãn-hữu. Cái thế-lực tiền-tài thời buổi này lại càng to lắm ; thật dễ làm đổi trắng thay đen, dễ làm trái-ngược nghĩa-vụ ; ngán thay ! Đức Phu-Tử có nói : « Bất-nghĩa mà nên giầu-sang, ta coi như đám mây nổi. » Làm người phải biết trọng nghĩa khinh tài mà đừng để cái lợi nó bắt nạt được mới ngoan.

2°) *Trễ-nải.* — Đã đem thân gánh-vác với đời, phải sao cho xứng cái lòng trông-cậy của chúng ; nếu chỉ cốt ăn no ngủ kỹ, không muốn động đến thân, thì con người ấy có cũng bằng thừa. Dẫu có tài như ông Cồn mà chỉ vì xuất-lực trễ-nải cũng không làm được đủ nghĩa-vụ mình, huống chi là người thường. Vậy siêng-năng cần-mẫn là một cách rất diệu để làm đầy đủ nghĩa-vụ.

3°) *Nhát-sợ.* — Cái nhục-thể hễ thấy khó-nhọc đến, đau-đớn đến, nguy-hiểm đến thì sợ thì run ; nhưng nếu chưa thấy to tiếng đã dật mình, hơi gặp điều nguy đã cuống lại, thì làm nổi việc gì ? Làm người phải có chí-khí đủ mạnh, để đè-nén, để sai-khiến cái nhục-thể mới được. Xưa ông Tuyren (Turenne) ra trận, thấy đạn bay vùn-vụt, súng nổ vang trời, chung quanh mình quân lính chết lăn, mắu chảy thịt tan, mà thốt-nhiên run như cầy-sấy. Song le, nhục-thể ông run sợ mà thần ông vẫn bền, lòng ông vẫn vững ; ông tự đi đến chỗ trận-địa nguy-hiểm hơn nhiều, rồi mà thân-thể không run nữa. Thế là cái thần-khí của ông thắng được cái nát đảm của nhục-thể ông vậy.

Tang-bồng hồ-thỉ, làm trai bốn bể là nhà, dù nơi biên-viễn, dù chốn thâm-sơn cùng-cốc, nghĩa-vụ bắt đi mà há ngại ? Gặp bước lưu-ly, phải khi túng thế, dẫu gươm kề cổ há làm sai nghĩa-vụ chăng ?

4°) *Lòng vị-kỷ.* — Người ta đã không ở trọi một mình được thì phải biết qui điều ích chung hơn điều lợi riêng, biết quên mình mà giúp đời, không cầu lấy sướng riêng một mình mà để lầm-than trăm họ.

Mấy người nghĩa khí xưa nay,
Phép công là trọng niềm tây xá gì.

Cái phú-qui vinh-hoa nó là bả mê người ; thường hay trong những lúc phong-lưu mà quên nghĩa vụ, thường đem hết cái tinh-thần khí-lực mà hưởng cái phong-lưu, mà giữ lấy cái phong-lưu, chỉ những sợ nó biến đi mất, nó bay lên mây ! Nên trong những lúc toại-chí, những khi hiển-vinh lại càng phải nghĩ đến nghĩa-vụ.

Nói tóm lại người ta sinh ra không phải để ăn chơi cho thích ; cái vui sướng không phải là mục-đích của đời người. Muốn được yên lòng tỉnh chí, muốn sống làm người cho xứng đáng, muốn khỏi thẹn với non sông, thì bất-cứ giầu-sang nghèo-hèn, bao giờ cũng phải giữ cho trọn nghĩa-vụ. Dẫu sấm-xét búa-dìu cũng vẫn bền lòng sắt-đá ; dẫu cảnh-ngộ có éo-le chăng nữa, cũng không lay chuyển được giạ ngọc gan vàng.

Phương-ngôn tây có câu : « Cứ nghĩa-vụ mà làm, được sao hay vậy, phải sao chịu vậy. » Ta nên lấy câu ấy làm phương-châm cho cách xử-thế của ta vậy.

Vũ Ngọc-Liễn

Giáo-học Nam-Định.

Một đêm đông của khách giang-hồ

Tuyết sương lạnh ngắt, ngọn gió đông lồng-lộng thổi suốt ngày ; càng về đêm trời càng giá, tê buốt tới xương. Một mình ngồi trong cái gian lữ-xá đối ngọn đèn khuya, tiếng người im lặng, chỉ còn gió réo, cây rung, chim ríu-rít, giế nỉ-

non, cảnh-vật nhủ đua nhau trêu lòng lữ-thứ.

Ờ, vừa độ nào xuân mà nay đã đông, chóng quá, hè qua thu lại có là bao ? Cây lớn cây nhỏ trước kia xanh tốt um-tùm, nay lá rụng cành trơ, sờ-sạc tiêu-điều như cán gió đông, chỉ riêng chị hoa đào vui cười gặp bạn năm xưa.

Ngày giờ như chiếc thoi đưa,
Một năm tính lại bảy giờ là bao !

Ôi ! từ khi hai tay ôm đầu ra mở mặt với đời, nay tính ra đã ngoại đôi mươi. Trong khoảng thấm-thoắt 23 năm trời này, so ra nào đã gì là ích nước lợi nhà, dám mặt phong-trần, giỗ gót kỷ-khu, nay đi mai về mà cái mục-đích bình-sinh càng mong càng thấy viển-vông, càng nhìn càng xa lăng-lắc ! Ngồi hồi-tưởng các điều dĩ-vãng, lòng lại ngùi-ngùi ngại cuộc tương-lai...

Trải bao tiếng khóc câu cười,
Nỗi ta ta biết, nỗi người người hay.
Lần hồi trong bấy lâu nay,
Soi gương khác hẳn cái ngày còn thơ.

Cuộc trăm năm của con người ta chưa hẳn đã lâu ; tấm thân trai trẻ này chẳng mấy đã gật-gù tới kỳ tóc bạc răng long, mắt lòa chân chậm. Thế mà nay, hư-danh có, thực-sự không, chen-chúc trong đám bụi-hồng, sô đẩy trên đường danh-lợi, tài lực nhỏ nhen, cái chủ-ý ra đời còn vơ-vẩn, thì mai này chẳng biết ra sao ! Lấy làm lo lắm... Ôi ! trung hiếu là gì ? Đường hiếu-thảo nhỡ-nhàng, tình cốt nhục xa-xôi, công thầy chửa báo, ơn nước chưa đền, nợ trai mang lấy để lần khân ngày nào trả ? Thợ tạo ôi ! vẽ cho nhau cái bộ râu mày, luống thẹn với non sông !

Sa chân trong đám bụi hồng,
Xoay quanh mới biết cái vòng sinh-nhai.
Con đường hi-vọng còn dài,
Hơn thua âu cũng có trời ở trong.

Ngơ-ngơ ngẩn-ngẩn, cảm-cảnh nhớ người, lòng phương-thốn đòi đoạn bời-bời, gục mặt tựa bàn, tính sau tính trước, nghĩ gần nghĩ xa, mơ-mơ màng-màng, mà hồn đã lìa xác lúc nào chơi trong cảnh mộng : Đương thẩn-thơ dưới bóng núi Tản non Nùng, bỗng gặp cố-nhân đâu lại, mặt nhìn mặt tay cầm tay, cùng nhau ân cần than thở. Bạn thấy mình ra vẻ kém tươi, hỏi sao nên nỗi ?

Thẹn thùng giãi tỏ khúc nhôi,
Sự mình lạc-phách nước đời eo-le.

Bạn nghe xong bèn nhủ : « Làm trai ở « đời cốt lập-chí tu-thân cho được hoàn-« toàn, chí đã thành, thân đã vẹn, dù « cảnh-ngộ ngăn-ngừa, thời-thế bức-« bách, vẫn vững-vàng chẳng đổ. Trải « giang-hồ rồi gặp vinh-hoa, sông có « khúc, người có lúc, máy tuần-hoàn « xoay lần-lượt cũng đến ta. Cuộc đời « là cuộc lữ-hành, cái khổ-thống trên đời « là người hướng-đạo, xin một lòng tận-« tụy, dấn thân đưa bước ắt thành-« công. Sớm khuya cố gắng tập-tành, rồi « tùy tài ghé vai ra chút-đỉnh cùng người « đã vì ta gánh nặng. Ấy là bổ-ích cho « xã-hội nhân-quần, ấy là nghĩa-vụ của « ta. Tri-âm ôi, xin đừng sầu-não, nuôi « nứng lấy lòng...»

Hoàng-lương đã tỉnh, mơ-hồ còn tưởng cùng ai ; nỗi sầu tạm gác, chưa đặt mình nằm, tiếng gà đã rộn bên tai.

Bên lòng trăm mối bời-bời,
Người sầu buồn nỗi, đêm dài trống canh
Chiêm-bao vừa lúc dật mình,
Mấy lời còn nhớ đinh-ninh trong lòng.
Lạnh-lùng thay lúc đêm đông !

LÊ HÀO
(Savannakhet - Laos).

DƯ-LUẬN

BÁO TÀU BÌNH-LUẬN CÔNG-THƯƠNG NƯỚC TA

Gần đây thấy trong các báo Quảng-đông như là Nhân-quyền-báo 人權, Tổng-thương-hội báo 總商會, Chấn-dân-báo 震旦, Nam-việt-báo 南越, Đại-công-báo 大公, *v. v. ước hơn mười nhà báo trong ha-tuần tháng giêng tây đều có đăng một bài kỷ-sự của một người Tàu tên là* Quan Dục Nhân 關毓仁 *nói về đi xem Hội-Chợ Hà-nội và nhà máy* Bạch-Thái *ở Hải-phòng, tưởng nên dịch đăng trong báo để độc-giả đền biết người Tàu bình-luận sự công-thương ta ra thế nào.*

« Tháng chạp Dân-quốc năm thứ tám, bỉ-nhân đến Bắc-kỳ (An-nam), lúc bấy giờ cái phong-trào đề-chế đã yên-lặng, các cửa hàng của Hoa-kiều ta lại buôn-bán như thường, Chính-phủ Đông-dương dự-bị sự mở Hội Chợ lần thứ hai ở Hà-nội, anh em rủ bỉ-nhân ở lại xem, để khảo-cứu các thổ-sản và công-nghệ xứ ấy.

« Đến ngày 15 tháng chạp mở hội : phàm sản-vật hàng-hóa trong nước thì cho nhân-dân đều được bày ra ở hội-trường mà bán. Hội ấy ở chung quanh trường Khuyến-nông Hà-nội, những lều nhà Hội-Chợ do Chánh-phủ xuất của công làm ra, đến ngày mở hội thì cho nhân-dân được bày sản vật hàng-hóa mà bán. Bởi vì mấy năm nay, Chính-phủ Pháp mới cảm-giác ra cái chính-sách thực-dân là cần phải mở rộng con đường kinh-tế, cho nên cố sức giúp cho kinh-tế của xã-hội An-nam, mà công-nghệ của người An-nam cũng nhờ đó mà được tiến-bộ.

« Hai giẫy mặt trước bày các thức hàng-hóa của người Phap và người An-nam chế-tạo ra. Giẫy bên tả gian trước cũng bày các thức hàng-hóa đẫu xảo về mỹ-thuật, kế đến thổ-sản của tỉnh Vân-nam ta, cùng là Cao-miên, Trung-kỳ.

« Hai giẫy mặt sau bày toàn những thức hàng của nhân công Bắc-kỳ chế-tạo ra. Giẫy bên hữu bày thổ-sản của Lào và Nam-kỳ lục-tỉnh.

« Xét trong Hội-chợ như là hàng-hóa của người Vân-nam ta và của người Pháp thì vẫn có thành-tích không cần phải nói. Còn như công-nghệ của người An-nam thì đáng cho Bắc-kỳ đứng đầu, đồ trạm, đồ khảm, đồ thêu, tuy làm không bằng cái tay khéo thiên-nhiên của người nước ta, nhưng mà cách tỉ-mỉ thì hơn ta. Còn nói về sự mô-phỏng chế-tạo của người An-nam cũng đã khéo-léo lắm, như người Nhật-bản làm quạt-giấy và đồ sơn, người An nam cũng bắt chước làm được cả, mà đẹp bền lại có phần hơn. Ngày trước người Nhật-bản đưa hai thứ hàng ấy sang bán ở An-nam rất chạy, song từ ấy trở đi các nhà chế-tạo An-nam dua nhau mà chế-tạo thêm lên, rồi ra bán lại chạy hơn.

« Có một điều ta nên chú-ý là ngày nay người An-nam chuyên-cần về sự làm máy móc, có hiệu-quả đặc-biệt, như các thứ bày ở Hội-chợ đã kể trên đó thì có các cái kiểu-mẫu tàu thủy của công-ti Bạch-Thái, tự tay người An-nam lập-xưởng chế-tạo ra mà dùng. Công-ti ấy chỉ có một người An-nam đứng chủ mà làm nên sự-nghiệp tầu bè chạy khắp các mặt sông ở trong nước.

« Lúc bỉ-nhân mới đến nước An-nam trông thấy các tàu bè của công-ti Bạch-thái, trong ý đã ngờ là của người Pháp, về sau hỏi ra mới biết là của người An-nam thuần-chủng, mà công-ti ấy mấy năm trước đã từng cạnh-tranh về sự tàu-bè chở-chuyên với người Hoa-kiều ta khắp các mặt sông Bắc-kỳ.

« Vả chăng xưa nay người Trung-hoa ta thường bảo người An-nam không có cái năng-lực doanh-thương. Đến bây giờ trông thấy họ doanh-nghiệp to-tat như thế thì người Hoa-kiều ta cũng nên mãnh-tỉnh lại mà bảo-tồn lấy cái thương-nghiệp đã có thế lực xưa nay ở xứ ấy.

« Bỉ-nhân nghe nói công-ti Bạch-Thái đã có 25 chiếc tàu chạy khắp các mặt sông Bắc-kỳ, thuyền kèm và sà-lan không kể, bây giờ lại còn đương kinh-doanh sự chế-tạo tàu chạy bể nữa. Ngày Hội chợ thấy công ti ấy có ấn-hành một quyển sách văn rất dài có một đoạn kể tình-trạng về sự mấy năm trước cạnh-tranh với các nhà buôn Trung-hoa ta, lại có kết-luận một câu rằng : « Trước kia ta cạnh-tranh với Hoa-thương trong các mặt sông, từ nay mà đi ta lại cạnh-tranh với các tàu bè ra ngoài mặt bể ». Ôi ! lời ấy chẳng hóa ra lời khoa-trương lắm ru ? Nhưng mà cái chí tiến-thủ của người An-nam cũng đáng khen vậy.

« Người Trung-hoa ta cũng phải biết rằng ngày nay xã-hội An-nam đã tiến-bộ lắm, thủa xưa họ bế-quan tự-thủ không kể làm chi, song ngày nay họ ở dưới quyền bảo hộ nước Pháp, đường kinh-tế của họ trông ra có cơ phát-đạt.

« Bọn ta muốn chấn-hưng thương-nghiệp ở đất An-nam, không nên coi họ làm thường nữa.

« Xem như nghề tầu bè của công-ty Bạch-Thái ngày nay đã lấn-lướt Hoa-thương Pháp-thương mà thu lấy lợi-quyền được rồi. Ta có muốn cạnh-tranh với họ thì ta phải biết người biết ta mới được.

« Ta xét xã-hội An-nam ngày nay chẳng qua chỉ còn có một bọn quan-trường hãy còn giữ phần hủ-lậu mà thôi, chớ các phương-diện khác thì đều có cái cảnh-tượng tiến-hóa cả.

« Ta thấy cái dư-luận các báo An-nam hình như phàn-nàn cho nhà buôn ta là nắm giữ tất cả lợi-quyền của họ. Thế là họ chưa xét đến nơi đó thôi, bọn ta bỏ công-của ra mà doanh-thương xứ họ không phải là cố-ý cạnh-tranh với họ

« Người Trung-hoa ta đối với người An-nam tình như anh em trong một nhà, em mà có chí-khí muốn vùng-vẫy, làm đạo anh hẳn phải vui lòng mà dìu-dắt lấy em để cùng nhau bước lên con đường tiến-bộ.

« Ta thấy nghề tầu bè của công-ty Bạch-Thái, lòng ta cũng phải khen ngợi ; vì không ngờ ở phía nam về Nam-hải mà có một dân-tộc đồng-chủng với ta còn biết phấn-phát tự-cường mà mưu kế sinh-tồn.

« Ta chỉ ước-ao những dân-tộc đồng-chủng ấy còn biết rằng : nước họ cũng nhờ có cái văn-hóa của tiền-nhân ta truyền-bá từ trăm nghìn năm trước, nên chi mới có ngày nay. Tuy bây giờ về đường chính-trị, về đường ngoại-giao, họ đã nhờ có một nước lớn kia che-chở cho, nhưng về đường công-thương thì họ cũng nên bấu chặt lấy tay ta là người bạn cũ của họ để dìu-dặt lấy nhau mà cùng bước lên con đường tiến-bộ, chớ không nên bắt chước thói thường gặp vận tấy làm nên giầu có, quên mất cội rễ mà phụ bạc ơn xưa nghĩa cũ.

« Bởi ta đối với người An-nam có cái cảm-tình, nên ta mới điều-tra các việc công-thương của họ để nghiệm xem cái năng-lực của họ tiến-hóa đến thế nào.

« Ngày 18, ta cùng đi với bạn ta xuống Hải-phòng, nhân cơ-hội ấy ta có đi xem các xưởng chế-tạo của người An-nam.

« Lúc ta ở Hà-nội, ta có thấy qua các cái kiểu-mẫu tầu của công-ty Bạch-Thái, nên ta mới định chí đi đến tận nơi để xem xét thử cái sự-nghiệp của công-ty ấy ra làm sao.

« Người bạn ta đưa ta đến nhà giấy công-ty Bạch-Thái ; trong công-ty ấy vẫn có nhiều người Trung-hoa ta làm công. Lúc vào đến nơi thì lấy một người

trong bọn Hoa-công làm thông-ngôn, chủ khách mừng mặt nhau rồi, ta mới bày tỏ lai-ý, chủ-nhân lãnh ý rồi cho người nhà đưa ta đi xem công-xưởng. lúc đến nơi thấy có một người Giám-đốc đứng sẵn đón ta ở cửa, chắc hẳn chủ-đã dùng điện-thoại mà thông báo trước.

« Kẻ giám-đốc xưởng ấy cũng lại là người An-nam tên là NGUYỄN VĂN-PHÚC, không hề đi du-học nước ngoài, mà cũng không có bằng - cấp tốt-nghiệp ở trường công-nghệ nào cả, mà trong tay tinh nghề thợ, làm giám-đốc được một xưởng máy.

« Nguyễn-quân đưa ta đi xem khắp trong xưởng, khi bấy giờ vừa đúng 9 giờ rưỡi, nhân-công đương làm lụng, thợ thuyền ước được 500 người, máy-móc ước được ba bốn chục bộ, máy bào, máy tiện, lò nấu, không thiếu thức gì, trong xưởng xếp-đặt thật là chỉnh-đốn.

« Ta đi xem khắp các bộ-phận ở trong xưởng rồi thì Nguyễn-quân lại đưa ta ra ở đằng trước xưởng xem các tầu và xem cái cừ đóng tầu với cái đà chữa tầu.

« Năm nay trong xưởng ấy mới đóng được một chiếc tầu toàn bằng sắt để chạy bể, đặt tên « Bình-chuẩn », đã làm lễ hạ-thủy rồi, mà nội-bộ hãy còn chế-tạo ở trong xưởng ; và đương trục hai chiếc tầu lên trên đà để chữa lại : Chiếc « Hùng-an » là tầu chạy bể mà mua ở Hồng-Kông đem về dùng, chiếc « Đinh-Tiên-Hoàng » là tầu của công-ty, để chạy trong sông.

« Công-nghiệp như thế kể cũng đã to-tát lắm mà độc có một tay người An-nam kinh-lý nổi, và lại chỉ dùng tinh người bản-xứ đứng giám-đốc được việc chế-tạo, thời đủ biết cái trình-độ của người An-nam ngày nay đã lên cao đến mấy bực rồi.

« Ta còn nghe nói công-ty Bạch-Thái mới mua thêm một chiếc tầu 3.600 tấn ở bên Mỹ nữa để chạy sang Âu, Mỹ, Nhật và các nước khác, xem bấy nhiêu cũng đủ biết cái thương-nghiệp của họ đã có cái cảnh-tượng tiến-hóa hẳn rồi. Đã thế không lẽ ta lại không tuyên-bố mà khuyến-cáo cho đồng-nhân ta biết rằng dân-tộc An-nam là nội-thuộc của ta thủa xưa, từ ngày có nước Đại-Pháp đến thì chánh-phủ ta lại công-nhận cho người Đại-Pháp được hưởng cái quyền chánh-trị ở đó. Bởi thế cho nên ta không có thể hướng-đạo cho họ về đường chính-trị được nữa. Song-le họ ở láng-riềng phía nam của ta thì ta với họ bao giờ cũng có cái tình thân-ái với nhau, họ mà cố gắng lên được, thì ta bất-phương hướng-đạo cho họ về đường thương-nghiệp. Vì là chúng ta làm hết cái nghĩa-vụ ấy thật là có lợi cho mấy mươi vạn đồng-bào ta ở đất Việt-Nam, nhờ đó mà giữ vững được cái thế-lực ở trong thương-trường

« Tuy họ có xướng ra sự đề-chế mặc lòng, ta cũng nên làm lơ đi mà lấy cái hòa-nhan để chiêu-nạp lấy họ, chớ không nên khêu cái mối ác-cảm ra làm gì. Ta nên làm thế nào cho họ biết rằng cái thương-quyền của họ có chịu đề-huề với ta thì mới có lợi-ích và bọn ta cũng nên biết rằng cái sự tiến-bộ của người An-nam ngày nay ta cũng có thể liên-lạc kết-hợp mà phát-triển con đường kinh-tế ra được

« Ký tên : QUAN DỰC-NHÂN. »

Le dédain n'est pas politique

CHARLES MAURRAS

Khinh người không phải là phép chính-trị.

THỜI-ĐÀM

Chính-sách của quan Toàn-quyền Long. — Quan Toàn-quyền LONG tới Sài-gòn ngày 20 février (giữa mồng một tết ta), ngài đi kinh-lược mấy bữa ở Cao-miên, theo đường bộ ra Huế, ngày 5 mars tới Kinh-đô; rồi đi thẳng ra Bắc, sáng ngày 10 mars đến Hà-nội. Các nghi-tiết về sự nghênh-tiếp ngài ở Sài-gòn, ở Nam-vang (Pnom-penh), ở Huế, ở Hà-nội, thời trong các nhật-báo về những ngày ấy kỹ-thuật đã tường, bản-chí không cần phải nhắc lại làm chi. Nay chỉ xin lược-thuật mấy lời về cái chính-sách của ngài đã kể trong những bài diễn-thuyết từ khi tới Đông-dương này.

Bài diễn-thuyết quan-trọng nhất là bài ngài đọc đầu-tiên ở Sài-gòn, ngày 20 février. Đại-khái nói rằng: Hiện nay ở Đông-dương có nhiều cái vấn-đề cần-cấp, ngài sẽ ra công nghiên-cứu và giải-quyết ngay, nhưng bữa đầu này chưa có thể bày ra một cái chương-trình nhất-định được, phải để lần-lần mà tùy-nghi xử-trí. Nhưng có một điều ngài muốn tuyên-bố ngay rõ-ràng cho quan-dân biết, là quan Toàn-quyền mới sang đây không có ý thay-đổi gì cách chính-trị ở Đông dương cả. Cách chính-trị ấy đã từng-trải bao nhiêu năm, đến bây giờ là nhất-định rồi. Cách chính-trị ấy thế nào? « Mở-mang bờ-cõi để lợi-ích cho người dân và thêm giàu cho nước Pháp; mang cái văn-minh học-thuật của Thái-Tây để truyền dạy cho những dân-tộc khác mà không có bắt những dân-tộc ấy phải bỏ cái đặc-sắc của mình; hằng chăm-chút cho sự sinh-hoạt trong dân được tốt thêm lên, cho cái phẩm-cách người ta được cao hơn lên; cho người dân được quyền đạt cái bụng mình cho chính-phủ biết, và chính-phủ thời một lòng chính-trực, công-bằng, chuyên-cần, mẫn-cán, để giữ lấy trật-tự và sự lợi-ích chung: đó là những phép-tắc cao hơn cái bản-thân một quan Toàn-quyền, vì đó chính là cái nguyên-tố của phép chính-trị nước Pháp vậy. » (1) Vả lại quan Toàn-quyền trước ALBERT SARRAUT là một tay đại-chính-trị, đã khéo thi-hành cái chính-sách ấy mà làm nên công-nghiệp to, thời quan Toàn-quyền bây giờ cũng sẵn lòng theo cái gương của quan Sarraut và kế-tục cái sự-nghiệp của ngài. — Nay cái vấn-đề cần-cấp nhất là vấn-đề tài-chính, và khoản thứ nhất trong vấn-đề ấy là sự giá-bạc cao. Sự giá bạc cao thời quan-hệ ở cái đại-thế trong thị-trường thế-giới, một chính-phủ không thể nào quyết-định được; cho nên chính-phủ Đông-dương không dám tự-tiện định giá bạc nhất-định là bao nhiêu, chỉ có thể tùy-nghi bổ-cứu cho các công-nghệ khỏi đến thiệt-thòi lắm mà thôi. Còn việc lý-tài của Đông-dương thời hiện nay cũng có điều khó-khăn, như trong bài diễn-thuyết của quan Phó Toàn-quyền Monguillot ở Chính-phủ-hội-nghị năm ngoái đã nói tường. Bây giờ muốn bổ-cứu thời chỉ có cách tăng các thuế xuất-cảng nhập-cảng, đặt mấy hạng thuế mới và vay tiền bên Đại-Pháp; mấy cách đó quan Toàn-quyền sẽ nghĩ phương-kế mà thi-hành lần lần. Song, dù dùng cách gì nữa, cũng là chủ hết sức mở-mang cho đất Đông-dương được giàu-có thịnh-vượng và chiếm được cái địa-vị xứng-đáng ở cõi Á-đông này. Vậy quan Toàn-quyền từ nay định thi-hành một cái chính-sách lớn-lao, muốn mở rộng cái phạm-vi cũ cho được bao-quát hơn (*Elargissons nos horizons. L'heure est venue d'une politique de grande envergure*). Ngài biết công-việc nặng-nề mà ngài vui lòng nhận trách-nhiệm, ra sức thực-hành, mong nhân đấy tới được cái mục-đích của sự-nghiệp bình-sinh (*J'espère y trouver le couronnement de ma carrière*).

Lời diễn-thuyết tuy vắn-tắt mà có giọng thành-thực quả-quyết, không hứa sự gì

(1) « Mise en valeur des territoires qui bénéficie à l'intérêt indigène en accroissant la richesse française ; apport du progrès scientifique occidental à des races profondément différentes, sans prétendre les faire renoncer à rien de ce qui les caractérise ; souci constant des conditions d'existence meilleure et de la dignité des êtres humains, et pour tous ces êtres le droit accordé de faire entendre leur voix à un Gouvernement gardien probe, juste, vigilant et ferme de l'ordre et du bien publics ; voilà les principes qui sont au-dessus de la personnalité d'un Gouverneur, car ils sont l'essence même de la politique de la France. »

trước, chỉ tỏ cái chi muốn làm việc công-ích mà thôi, đủ biết quan Toàn-quyền Long là một người vụ thực-hành vậy. Ta mong-mỏi rằng những việc ngài thực-hành sau này sẽ được ích-lợi cho quốc-dân ta.

Mới tới Hà-nội ngài đã bắt đầu chỉnh-đốn việc tài-chính trước nhất. Trong sổ dự-toán Đông-dương, các khoản thu vào không đủ với các khoản chi ra, phải lấy tiền của kho dự-bị mà phụ (1), nhưng kế ấy không thể dùng mãi được. Nay quan Toàn-quyền định cách như sau này để tăng dần các khoản thâu-nhập lên : 1° Tăng thuế xuất-cảng về gạo-lúa. Thuế này nghị-định ngày 15 Novembre 1919 đã tăng lên gấp ba trước, nay lại tăng lên gấp ba lần nữa, vì giá gạo-lúa bán ra ngoài cao lắm, các nhà sản gạo buôn gạo được lãi to, chính-phủ phải đánh nặng thuế lên mới là công-bằng. Thuế xuất-cảng nặng thời chỉ bọn bán gạo buôn gạo phải thiệt ít nhiều, mà trên chính-phủ, dưới nhân-dân đều có lợi cả : chính-phủ lợi là nhân tăng thuế ấy mà mỗi năm thêm được 5, 6 triệu bạc, nhân-dân lợi là thuế xuất-cảng cao thời bọn nhà buôn bớt cân gạo, giá gạo sẽ hạ xuống, dân khỏi phải ăn đói kém. — 2° Thuế nhập-cảng nguyên vẫn tính bằng quan tiền tây, nay giá bạc cao quá, chính-phủ thiệt nhiều, từ bây giờ sẽ tính bằng bạc và sẽ tăng thuế nhập-cảng về các thứ rượu tây và các thứ dầu mỏ ; các khoản đó sẽ thêm cho công-khố mỗi năm được 700.000 $. — Nghị-định mới này đem ra thi-hành thời mỗi năm Đông-dương sẽ thu thêm được cả thảy ngót 7 triệu bạc vậy.

Tin mừng cho người Việt-Nam — Bản-chí lấy làm vui mừng được tin ông Y-khoa tiến-sĩ LÊ-QUANG-TRINH (nguyên khi chiến-tranh làm quan hai coi việc điều-hộ một cơ binh Đông-dương ở Đại-Pháp (*médecin-chef d'un bataillon indochinois*), nay binh bãi mới được cử làm quan « Kiểm-đốc các linh thợ Đông-dương » còn giúp việc bên Đại-Pháp (*contrôleur des travailleurs indochinois*) ; lương-bổng mỗi năm được 15.000 quan, thuộc về bộ Thuộc-địa ở Paris.

Trong khi chiến-tranh, ông tòng-trận có công, được tiếng khen bên qui-quốc, thật là không phụ tiếng nam-nhi đất Việt. Nhân lược-dịch lời kỷ-công của quan trên đã ban cho ông như sau này, cho đồng-bào cộng-lãm.

« Trong quân, ngày 14 Juin 1918.

« Quan tư MÉRAY, coi cơ thứ 24 linh-tập Đông-dương, kính bẩm quan Nguyên-soái cầm đại-quân thứ 11, về việc ông Phó-y-trưởng hạng nhất LÊ QUANG-TRINH, coi việc điều-hộ trong cơ thứ 24 quân Đông-dương. Ông Y-trưởng Lê từ ngày cơ binh này xuất-trận là ngày 6 avril 1919, và nhất là trong ngày 13 Juin, đã tỏ ra một người có tư-cách lỗi-lạc và hành-trạng đáng khen, tưởng nên tư cho được tuyên-công trong quân-đoàn.

« Đêm ngày 3 rạng ngày 4 Juin, chỉ có một mình ông là thầy-thuốc ở Remy (quận Oise) bấy giờ tàu bay của Đức liệng xuống làng, ấy đến mười hai quả phá, làm chết mất 2 người dân, 5 người lính, và bị thương mất chừng mười lăm người. Ông Đốc-tờ LÊ lập-tức tới nơi điều-trị, chữa cho các người bị thương và đốc-suất cho mau rời đi nơi khác. Không phải một lần đó mà thôi, ông làm việc tận-tâm như thế là thường ; hễ ở đâu có cấp-báo là thấy ông tới nơi trước nhất, dù nguy-hiểm thế nào mặc dầu.

« Vả ông Đốc-tờ LÊ là người An-nam và cơ này là cơ linh An-nam, nên ông lại là một người giúp việc qui-hóa cho quan coi cơ. Linh trong cơ phục-tòng ông lắm, mà ông thì thật là một lòng trung-thành với ta, nên linh làm được việc, dễ dạy bảo, có nết-na và được nghiêm-chỉnh, cũng là nhờ ở ông nhiều. Ông đã tỏ ra người rất mực trung-thành can-đảm như vậy, tưởng cũng xứng-đáng được tuyên-công và nên ban cho chiến-thử bội-tinh có ngôi sao bạc.

« Lời tuyên-công tưởng nên chép như sau này :

« Quan thầy-thuốc rất can-đảm, rất trung-thành, đã nhiều lần và nhất là đêm ngày 3 rạng 4 Juin 1918, giữa lúc tàu bay giặc phóng pháo rất dữ, liều mình để hết sức giúp người bị thương, thiệt là mạo-hiểm và bày được cái gương tốt cho quân-binh. »

« Ký tên : Quan tư MÉRAY.

« Quan Nguyên-soái HUMBERT, coi đại-quân thứ 11, trong tướng-lịnh số 452, ngày 3 Juillet 1918, chuẩn-phê cho tuyên-công trong quân-đoàn bộ-binh thứ 18 »

(1) Xem bài diễn-thuyết của quan Phó Toàn quyền MONGUILLOT ở Chánh-phủ-hội-nghị năm ngoái, lược-dịch trong Nam-Phong, số 29 (trang 463-465).

* * *

Quan Y-khoa tiến-sĩ kiêm kiểm-đốc công-binh Đông-dương LÊ QUANG-TRINH là con quan nguyên Đốc-phủ-Sứ LÊ QUANG-HIỀN ở Sadec. Bản-chí có lời mừng quan Đốc-phủ HIỀN đã sinh được con lành giúp nước và mừng quan Đốc-tờ TRINH đã làm nên công-trạng vẻ-vang cho cả người Việt-Nam ta.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Điều-lệ mới. — Điều-lệ mới quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã duyệt-y ngày 16 février 1920, lục đăng sau đây và bắt đầu thi-hành từ ngày 1er avril 1920.

KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC HỘI

Điều-lệ

THIÊN THỨ NHẤT

Mục-đích, hội-sở và cách tổ-chức Hội

Điều thứ 1. — Lập ra một hội đặt tên là « Khai-trí tiến-đức Hội » (*Association pour la formation intellectuelle et morale des Annamites*), các nhà sáng-lập xin theo luật-pháp Đại-Pháp.

Điều thứ 2. — Mục-đích Hội là để mở-mang cho quốc-dân An-nam biết những tư-tưởng học-thuật của Đại-Pháp, truyền-bá những nghĩa luân-lý và khiêu-khuyến những việc đạo-đức. Về đường kinh-tế thời giúp bênh-vực cho lợi-quyền người Pháp và người Nam.

Cho được đạt cái mục-đích ấy thời Hội phát-hành một tập nguyệt-báo, trong đó biên chép những công việc của Hội và đăng những bài văn bài luận của các hội-viên soạn để giúp vào cái chủ-nghĩa của Hội. Hội lại định xuất-tài xuất-lực để giúm-giúp cho những nhà làm các sách-vở hợp với mục-đích Hội mà quan trên không có lệnh cấm.

Hội lại đặt lớp dạy tiếng Pháp cho những người đã lớn tuổi học và mở diễn-thuyết để giảng-giải về các môn khoa-học phổ-thông có ích-lợi cho đường sinh-hoạt của xã-hội An-nam.

Những khi nào có cuộc công-đồng như mở hội-nghị, mở đấu-xảo, thời Hội có thể xin phép Chánh-phủ đem công giúm-giúp vào được.

Hội lại có thể tùy phương-tiện giúp vào những việc từ-thiện, việc cứu-tế trong xã-hội.

Điều thứ 3. — Muốn cho các hội-viên có tình liên-lạc với nhau, Hội sẽ tìm cách lập ra ở Hà-nội, là nơi hội-sở chánh, một nhà « công-quán » (tức như các nhà *cercles* Tây). Lại định đặt những « công-quán » ở các tỉnh nữa, do Hội chánh kiểm-đốc, mỗi khi đặt sẽ xin phép Chánh-phủ trước.

Hội không được vận-động gì về việc chính-trị và việc tôn-giáo.

Điều thứ 4. — Nơi hội-sở chánh đặt ở Hà-nội.

Điều thứ 5. — Số hội-viên không có hạn-định. Có ba hạng hội-viên: 1° Tán-trợ hội-viên (*Membres bienfaiteurs*); 2° Chủ-trì hội-viên (*Membres actifs*); 3° Thường hội-viên (*Membres adhérents*).

Hội ở dưới quyền bảo-hộ của quan Toàn-quyền Đông-dương và đức Đại-Nam Hoàng-đế.

Điều thứ 6. — Chỉ có những Tán trợ hội-viên và những Chủ-trì hội-viên được quyền quản-trị trong Hội mà thôi.

Điều thứ 7. — Tán-trợ hội-viên phải đóng ít ra là 100 đồng bạc nộp làm một lần. Được khắc tên vào cái bia dựng trong chính-đường nhà công-quán.

Chủ-trì hội-viên phải góp mỗi năm là 2 đồng bạc, ai nộp 20 đồng bạc ngay một lúc thời không phải góp như thế.

Thường-hội-viên phải nộp tiền nhập-hội ít ra là 2 đồng bạc, chỉ nộp một lần mà thôi.

Điều thứ 8 — Những đơn xin vào Tán-trợ hội-viên, Chủ-trì hội-viên hay Thường-hội-viên phải gửi đến ông Chánh-hội-trưởng ở Hà-nội.

Đơn xin vào Hội sẽ yết trong buồng khách nhà « công-quán » Hà-nội và in vào tập Kỷ yếu của Hội trong hạn 2 tháng, Hội-đồng

quản-trị xét đơn xin và trong hạn yết tên ở nhà « công-quán » cùng đăng tên trong tập Kỷ-yếu có tiếp được lời dị-nghị nào phải đem xét rồi quyết-định nên nhận hay không nhận vào Hội.

Những người vị-thành-niên, là chưa đến 20 tuổi, thời không được vào chân Tán-trợ hội-viên hay là Chủ-trì hội-viên.

Điều thứ 9. — Phàm hội-viên bất-cứ hạng nào, khi vào Hội phải tự-nguyện cổ-động cho các sách-vở báo-chí của Hội đã được phép Chính-phủ phát-hành được nhiều người đọc người xem, cổ-động cho những cuộc diễn-thuyết của Hội mở ra được nhiều người đến nghe, lại tự-nguyện lấy tình thân-ái mà giúp đỡ lẫn nhau trong các cơ-hội không trái với pháp-luật và phong-tục trong nước.

Điều thứ 10. — Những khi như sau này thời mất chân hội-viên :

1o Hoặc người hội-viên chẳng may chết đi, hoặc nửa chừng xin cáo-thoái, khi ấy thì phải có giấy xin thôi viết cho ông Hội-trưởng và ông Hội-trưởng nhận được sẽ trả-lời ;

2o Hoặc không chịu nộp tiền đóng ;

3o Hoặc có cớ gì quan-trọng mà hội-đồng quản-trị phải xóa tên đi, khi đó thời Hội phải mời người hội-viên ấy đến mà thuyết-minh mọi lẽ.

Người nào phải án về trọng-tội thời tiện-thị là phải bãi ra ngoài Hội. Người nào phải án về tội trừng-trị thời nên bãi hay không do hội-đồng quản-trị mỗi khi sẽ quyết-định.

THIÊN THỨ HAI

Việc quản-trị trong Hội

Điều thứ 11. — Hội có một hội-đồng quản-trị để trông-nom công-việc Hội, hội-đồng quản-trị ấy có 36 người do đại-hội-đồng cả các Tán-trợ hội-viên và Chủ-trì hội-viên bầu lên, kỳ-hạn là ba năm, mỗi năm chia ba bầu lại một phần, người cũ có thể tái-bầu được. Nếu trung-gian có khuyết thời hội-đồng quản-trị tự lận-trạch lấy người trong Hội thay vào, đợi đến kỳ đại-hội-đồng sẽ trình duyệt.

Điều thứ 12. — Hội-đồng quản-trị bỏ mật-phiếu bầu lấy một danh-dự hội-trưởng trong những người Pháp có chân Tán-trợ hay là Chủ-trì hội-viên.

Rồi bầu trong những hội-viên quản-trị lấy một tòa trị-sự như sau :

Một Chánh-hội-trưởng.

Bốn Phó-hội-trưởng.

Một Tổng-thư-ký và một Phó-thư-ký.

Một Tổng-thủ-quĩ và hai Phó-thủ-quĩ.

Năm viên Trị-sự.

Sự bầu-cử dùng lối mật-phiếu mà phải được « hoàn-toàn đa-số » (*majorité absolue*), nghĩa là quá nửa số người có chân bầu mới được.

Tòa trị-sự mỗi năm bầu một lần ; người cũ có thể tái-cử được.

Tòa trị-sự có việc gì cần, phải thường họp luôn, do Chánh-hội-trưởng, hay là Chánh-hội-trưởng vắng mặt, thời do Phó-hội-trưởng nào thay quyền đạt giấy mời.

Điều thứ 13. — Tòa trị-sự phải thi-hành những lời quyết-nghị của hội-đồng quản-trị.

Tòa trị-sự được bổ-dụng và cách-chức các người làm công cho Hội.

Tòa trị-sự phải trông nom về sự thi-hành các điều-lệ và qui-tắc trong Hội. Tòa trị-sự thay mặt Hội đối với quan trên và đối với người ngoài.

Khi có việc cần, thời tòa trị-sự được lâm-thời chuẩn-chi các khoản không quá 500 đồng, sau sẽ trình cho hội-đồng quản-trị duyệt.

Điều thứ 14. — Những hội-viên hội-đồng quản-trị dù có chân hay không có chân tòa trị-sự, phàm lĩnh chức-việc gì trong Hội, không được nhận lương-bổng.

Điều thứ 15. — Hội-đồng quản-trị hễ lần nào có giấy của Chánh-hội-trưởng mời hay là chia ra một phần hội-viên có lời xin, thời họp đại-hội-đồng quản-trị. Hội-viên nào trong suốt một năm không có cớ gì chánh-đáng mà không đến dự hội-đồng thời công-nhận như là đã từ-chức rồi.

Điều thứ 16. — Các khoản chi-tiêu phải do Chánh-hội-trưởng chuẩn-chi. Hội-trưởng thay mặt Hội đối với các người ngoài.

Điều thứ 17. — Những sổ chi-thu và tiền công-ngân của Hội do Tổng-thủ-quĩ giữ. Tổng-thủ-quĩ không được giữ trong quĩ hơn hai trăm đồng một lúc, ngoài số ấy thời phải đứng tên Hội gửi vào một nhà « băng » nào.

Điều thứ 18. — Các Hội-viên đều có liên-đái-trách-nhiệm đối với pháp-luật về

những khoản nợ mà Hội-đồng quản-trị đã được phép thay mặt Hội vay để dùng về việc trong Hội.

Điều thứ 19. — Đại-hội-đồng các tán-trợ và chủ-trì hội-viên mỗi năm họp một lần ở Hà-nội. Lại có thể đặc-cách họp khi danh-dự hội-trưởng, hay là chánh-hội-trưởng tại-chức có giấy mời, hoặc khi có tự 50 hội-viên trở lên làm giấy xin.

Chương-trình các việc bàn ở đại-hội-đồng thời do Hội-đồng quản-trị định ; song hạn mười-lăm ngày trước ngày đại-hội-đồng, hễ có từ 50 hội-viên trở lên cùng xin biên một vấn-đề gì vào chương-trình cho đại-hội-đồng xét, thời hội-đồng quản-trị cũng phải biên. Tòa trị-sự của đại-hội-đồng tức là tòa trị-sự của hội-đồng quản-trị.

Đại-hội-đồng nghe tờ báo-cáo đồng-niên về tình-hình và tài-chính của Hội ; duyệt sổ kết-toán năm đã qua, quyết sổ dự-toán năm hiện-tại, và cử một hay là nhiều viên kiểm-tra sổ-sách, những viên ấy mỗi năm chọn một lần ngoài số hội-viên Hội-đồng quản-trị và hết hạn có thể tái-cử được.

Tờ báo-cáo và sổ kết-toán đại-hội-đồng đã duyệt thời đem in vào tập Kỷ-yếu của Hội.

Điều thứ 20 — Tài-sản của Hội như sau này :

1° Tiền nhập-hội và tiền quyên-trợ của các hội-viên ;

2° Tiền tư-cấp của Nhà-nước cho ;

3° Dư-số về các khoản thâu-nhập của nhà công-quán Hà-nội.

Điều thứ 21. — Số thâu-nhập mỗi năm được bao nhiêu, tính ra một phần hai mươi (1/20) để làm tiền « trử-kim ». Tiền trử-kim ấy muốn lấy ra chi-tiêu phải có đại-hội-đồng ưng-chuẩn mới được.

Điều thứ 22. — Muốn sửa-đổi Điều-lệ phải họp đại-hội-đồng, hoặc do Hội-đồng quản-trị xin, hoặc do hội-viên tự 50 người trở lên làm giấy xin với Chánh-hội-trưởng.

Đại-hội-đồng phải có hai phần ba (2/3) hội-viên có mặt hay là có người thay và tổng-số hội-viên ấy phải không kém nửa phần chủ-trì-hội-viên thời mới quyết-nghị được; nếu kém thời phải định đến một một kỳ đại-hội-đồng sau, kỳ ấy thời dù số hội-viên bao nhiêu cũng quyết-nghị được. Người nào không đến dự hội-đồng có thể quyết-nghị bằng thơ cũng được.

Điều thứ 23. — Những khi như sau này thời Hội tan :

1° Do hội-đồng quản-trị xin đại-hội-đồng quyết-nghị, và đại-hội-đồng phải có gồm được một nửa hơn một trong tổng-số những tán-trợ và chủ-trì hội-viên của Hội mới được. Nếu không được số đó thời cách ít ra là 15 ngày lại họp đại-hội-đồng lần nữa ; lần này thời bất-cần số hội-viên bao nhiêu, hễ phần nhiều người có mặt ưng thời quyết-nghị được.

2° Khi tài-sản Hội bị thiếu-thốn.

Điều thứ 24 — Khi Hội đã giải-tán thời tính hết các khoản nếu còn thừa lại được bao nhiêu sẽ do hội-đồng quản-trị tùy-ý phân-phát cho các hội học hay là các việc thiện ; chức-quyền và trách-nhiệm của Hội-đồng ấy khi nào mọi việc liễu-kết cả bấy giờ mới là hết.

Các tán-trợ, chủ-trì và thường-hội-viên đã ưng-nhận Điều-lệ này thời tức là đoan-kết rằng không khi nào viện cớ gì, hoặc đơn-độc từng người, hoặc công-cộng nhiều người, mà đòi phá tài-sản của Hội để chia nhau.

Thứ nhất là không người nào được đòi quyền-lợi gì về những nhà cùng đất của Chính-phủ hay là của tư-dân đã nhượng hay là bán cho Hội.

Điều thứ 25. — Hội-đồng quản-trị phải làm một bản « nội-vụ qui-tắc » để định cách thi-hành Điều-lệ này, nhất là cách bổ-nhiệm và công-việc của các ủy-viên cùng các tiểu-hội-đồng, cách thiết-lập và cách ứng-dụng về những nhà công-quán sẽ đặt ở các tỉnh. Qui-tắc ấy do Hội-đồng quản-trị lập ra thời Hội-đồng quản-trị được tùy-tiện thay-đổi.

THIÊN THỨ BA

Nhà công-quán

Điều thứ 26. — Nhà công-quán theo điều thứ 3 trong Điều-lệ này định lập tại Hà-nội thời đặt tên là « Khai-trí Tiến-đức Hội Công-quán » (*Cercle de l'AFIMA*). Nhà công-quán ấy làm một nơi hội-họp để cho người có chân Hội tới-lui mà được tiện sẵn cả các cách tiêu-khiển hợp với mục-đích Hội và không trái với những lề-thói lịch-sự của xã-hội An-nam, như phòng ăn uống, phòng đọc sách, phòng diễn-thuyết, đàm-đạo, yến-tiệc. v. v.

Phàm người có chân Hội thời được vào công-quán, miễn là phải góp tiền theo như điều thứ 27 sau này.

Song có đặc-cách cho học-sinh trường Đại-học hễ có chân chủ-trì hay thường-hội-viên rồi thời không phải góp tiền nữa.

Điều thứ 27. — Việc kinh-phí trong công-quán do các khoản như sau này :

1° Tiền góp về công-quán của các hội-viên, định mỗi tháng là 0 $ 50, phải nộp trước.

Phàm hội-viên ở Hà-nội hay là ở gần Hà-nội có biên tên vào sổ công-quán là hạng « hội-viên đến thường », thời cả năm tháng nào cũng phải góp.

Còn những hội-viên không ở Hà-nội và có biên tên vào sổ công-quán là « hội-viên qua lại » mà thôi, thời khi nào qua Hà-nội bấy giờ mới phải góp, nhưng góp ít ra cũng phải là trọn một tháng.

2° Tiền bán rượu chè cho khách uống, việc bán ấy sẽ có người lĩnh-trưng.

3° Các khoản của tổng-thủ-quĩ trích tiền Hội để chi riêng về việc công-quán hay là cho vay về việc công-quán, những khi ấy thì phải có Hội-đồng quản-trị chuẩn-nhận mới được.

Điều thứ 28. — Những khoản thâu-nhập của nhà công-quán mỗi năm tính-toán cả còn lại bao nhiêu thì cho vào tiền công của Hội.

Điều thứ 29 — Những người không có chân Hội Khai-trí mà vào công-quán thời là hạng khách. Khách vào phải có một người hội-viên mời vào và cùng đi với (hoặc là hội-viên « đến thường » hay là hội-viên « qua lại » cũng được), hội-viên nào mời phải giữ trách-nhiệm. Khách đến công-quán thời không phải mất tiền góp.

Điều thứ 30. — Việc quản-trị trong công-quán do một uỷ-hội có mười uỷ-viên do Hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí chọn trong những chân hội-viên ở Hà-nội. Uỷ-hội ấy khi họp bàn các việc thời có một phó-hội-trưởng Hội Khai-trí do hội-đồng quản-trị cử riêng để làm chủ-tọa. Uỷ-hội chọn trong các uỷ-viên lấy một người thủ-quĩ và một người thư-ký.

Uỷ-hội ấy được quyền đặt ra qui-tắc để chỉ-định các cách-thức xếp-đặt trong công-quán, cùng những kế-hoạch để giữ cho được chỉnh-đốn và có trật-tự ; qui-tắc ấy có thể tùy-nghi thay-đổi được.

Uỷ-hội quyết-định việc gì phải biên vào một quyển sổ « nghị-sách » và trình cho Hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí duyệt-y. Hội-đồng có quyền xét điều gì không thuận-tiện thời bãi-bỏ đi được.

Uỷ-hội không được chi-tiêu hơn số tiền trong quĩ của nhà công-quán : muốn chi-tiêu ra ngoài thời phải có hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí cho phép mới được. Các khoản chi-tiêu thời do phó-hội-trưởng làm chủ uỷ-hội chuẩn-chi, nhưng phải trình trước cho Tổng-thủ-quĩ Hội ký-nhận đã.

Tổng-thủ-quĩ Hội được quyền kiểm-soát luôn luôn các sổ-sách của thủ-quĩ nhà công-quán, cuối mỗi tháng phải trình cho xem tổng-số các khoản thâu-nhập chi-xuất thế nào.

Uỷ-hội nhà công-quán mỗi tháng ít ra phải họp một lần.

Điều thứ 31. — Uỷ-hội nhà công-quán cử lấy một người quản-lý để coi việc bán rượu chè và đại-để trông nom hết thảy các công việc trong công-quán. Cách cử người quản-lý ấy sẽ dùng lối đấu-giá lĩnh-trưng theo một cái chương-trình các khoản yết trong buồng giấy nhà công-quán.

Nội-vụ-qui-tắc về nhà công-quán

Điều thứ 32. — Ai kêu-nài sự gì về việc công-quán thời phải biên vào một quyển sổ để riêng cho các hội-viên.

Uỷ-viên nào giữ phần việc phải xét ngay lời kêu-nài ấy và quyết-nghị cho chánh-đáng.

Sổ kêu-nài ấy các uỷ-viên mỗi tháng phải ký tên vào đấy trước khi giao việc cho người khác.

Điều thứ 33. — Những hội-viên đến nhà công-quán hoặc cãi-cọ mà đến đánh-lộn hay là to tiếng, thời uỷ-hội phải xét xử, và được quyền quyết-nghị, người đương-sự không được kháng-cáo đâu nữa.

Điều thứ 34. — Hội-viên nào mà uỷ-hội xét ra ngôn-ngữ cử-chỉ có thể phạm đến danh-giá, đến thế-lực hay là đến lợi-quyền nhà công-quán, thời phải điều-tra trước rồi trình cho hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí xét định xem có nên xóa tên không.

Trước khi Hội-đồng quản-trị xét, ủy-hội có quyền được cấm người hội-viên không cho vào nhà công-quán.

Hạn cấm ấy có thể tới 6 tháng.

Nếu người có lỗi lại là có chân ủy-hội thời ủy-hội được tự-tiện bài-trừ đi.

Điều thứ 35. — Ủy-hội nhà công-quán sẽ kê một cái sổ các nhật-báo và tạp-chí ở bản-xứ và ở Đại-Pháp nên mua để bày trong công-quán.

Ủy-hội lại sẽ tổ-chức lấy một cái thư-viện nhỏ, rồi dần-dần tùy tài-sản trong Hội mà

mở rộng ra. Các hội-viên ai có sách cho cũng được. Nhật-báo tạp-chí chưa đóng thành sách thời không ai lấy cớ gì đem ra ngoài công-quán được.

Điều thứ 36. — Hội-viên nhà công-quán hoặc đánh mất một quyển sách hay là đánh hư-hỏng một đồ vật gì của công thời phải đền đủ giá tiền.

Điều thứ 37. — Các hội-viên nợ người quản-lý lĩnh-trưng tiền rượu và tiền cơm, thời ng ời nào nợ là việc riêng người ấy, cuối tháng phải trả, nhà công-quán không có trách-nhiệm gì về đấy. Song nếu là người khách hay người ngoài đến chơi thời người hội-viên nào đưa đến phải có trách-nhiệm về những tiền nợ ấy. Sau nữa, nếu hội-viên nào vì cớ gì không chịu trả tiền cho người quản-lý mà người quản-lý phải làm giấy kêu, thời ủy-hội có quyền được xét-xử những việc ấy.

Điều thứ 38. — Phàm đánh cờ-bạc thành sòng thời nhất-thiết cấm-chỉ.

Những cuộc tiêu-khiển, như đánh cờ, đánh bài, thời được phép, nhưng chỉ được đánh trong cái phòng để riêng về việc ấy.

Giá bài và tiền hồ thời do ủy-hội định.

Điều thứ 39. — Các bà thời phải là vợ hội-viên và phải đi cùng với chồng, mới được đến công-quán.

Trong phòng tiệc sẽ đặt một buồng riêng để các bà ngoài Hội đến ăn tiệc được, nhưng phải có một hội-viên nào mới và phải là vợ chính của khách cũng mời đến tiệc mới được.

Các điều-khoản linh-tinh

Điều thứ 40. — Điều-lệ này là bắt buộc các hội-viên Hội Khai-trí phải theo, phàm đã đầu-đơn nhập-hội thời phải công-nhận các Điều-lệ và phải đoan-kết xin thuận theo.

Phàm những sự phân-tranh về ý-nghĩa hay là về cách thi-hành các điều-lệ này thời sẽ do Hội-đồng quản-trị xét-xử, Hội-đồng đã xử thời không có lệ kháng-cáo.

Hội-viên nào không thuận-nhận cách hòa-giải như thế, mà đem việc lên tòa-án thời là phạm lỗi trọng với Hội và sẽ phải xóa tên không được làm hội-viên nữa.

Điều thứ 41. — Điều-lệ này phải đệ lên quan trên duyệt-y, về sau thay-đổi gì cũng phải trình quan trên.

Điều-lệ này là thay hẳn các điều-lệ trước từ nay bãi-bỏ.

Đại-hội-đồng y-nhận ngày 25 Janvier 1920.

Chánh-hội-trưởng
L. MARTY

Tổng-thư-ký
PHẠM QUỲNH

Xét rồi, cho phép thi-hành.
Hà-nội ngày 16 février 1920.
Quan Thống-sứ Bắc-kỳ
G. RIVET

* * *

Điều-lệ này đương in thành một tập vừa quốc-ngữ, vừa chữ Pháp và chữ nho. Các hội-viên ông nào muốn lấy một bản thời viết thơ cho ông Phạm Quỳnh, khi nào xuất-bản sẽ gửi đến.

Hội-viên mới. — Các ông lược kê sau-này đã biên tên vào báo trong số 31 (trang 95-96), nay hết hạn hai tháng không có người dị-nghị, được nhận vào Hội :

A. Chân chủ-trì. — Ông Bùi-xuân-Thành — Đào Vũ-Môn — Dương-đức-Huy — Lưu-đức-Tâm — Nguyễn-Chuẩn — Nguyễn-Đỗ-Mục — Nguyễn-Đức-Long — Nguyễn-quang-Diệu — Nguyễn-văn-Luận — Phạm-văn-Lục — Phan-kế-Bính — Vũ-hữu-Lạp.

B. Thường hội-viên. — Ông Bùi-viết-Bóa — Lê-nguyên-Úc — Mai-huy-Hội — Trần-văn Lan.

Ông nào có tên trong báo số 31 mà có người dị-nghị thời không kể ở trên, và chưa được nhận vào Hội vội, phải đợi có hội-đồng quyết-nghị.

Tên các ông xin vào Hội. — Trong tháng Mars, có những ông kể tên sau này gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng hễ không có ai dị-nghị thời được nhận làm hội-viên.

Xin vào chân chủ-trì

1 — Đinh Duy-Kiện, chánh-tổng Tri-hối, xã Tri-hối, huyện Gia-viễn, Ninh-bình.

2 — Đinh Văn-Nhuệ, lý-trưởng, ở làng Lạc-khoái, tổng Lê-xá, huyện Gia-viễn, Ninh-bình.

3 — Hà Vũ-Giực, phó-tổng Lê-xá, xã Đông-khê, huyện Gia-viễn, Ninh-bình.

4 — Nguyễn Địch-Tư, tú-tài, làng Tiên-tiến, tổng Duyên-mậu, phủ Yên-khánh, Ninh-bình.

5 — Nguyễn Đức-Thăng, làm ruộng, ở Ngô-thôn, xã Cự-linh, huyện Gia-lâm, Bắc-ninh.

6 — Nguyễn Thụy-Bành, lại-mục huyện Gia-viễn, Ninh-bình.

7 — Nguyễn Trọng-Tước, lý-trưởng làng Cam-giá, tổng Đa-giá, huyện Gia-khánh. Ninh-bình

8 — Vũ Hữu-Thường, chánh-tổng Liên-huy, làng Ngô-đồng, huyện Gia-viễn, Ninh-bình.

Những đơn của các ông ở Ninh-bình trên này là do quan Tuần-phủ Từ Đạm gửi lên cả, ngài trước sau đã cổ-động cho Hội có công lắm. Hội có lời cám ơn quan Tuần Từ và ước-ao rằng các quan tỉnh đều có bụng giúp Hội như ngài.

* * *

Hội Khai-trí-tiến-đức lên yết-kiến quan Toàn-quyền Long. — Ngày thứ năm 1er Avril, 10 giờ sáng, tòa trị-sự Hội Khai-trí-tiến-đức có những ông như sau: L. Marty, Hoàng Trọng-Phu, Trần Văn-Thông, Choulet, Nguyễn Hữu-Thu, Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phạm Duy-Tốn, Đào Văn-Sử, Đỗ-Thận, Bùi Đình-Tá, Từ-Đạm, lên yết-kiến quan Toàn-quyền Long tại phủ Toàn-quyền, có quan Thống-sứ Bắc-kỳ Rivet là danh-dự Hội-chủ giới-thiệu.

Quan Toàn-quyền tiếp các hội-viên một cách ân-cần và trọng-hậu lắm. Ngài hỏi về mục-đích Hội cùng các công việc Hội định làm. Quan Marty thay mặt các Hội-viên trình bày các lẽ, nói rằng Hội lập đã được một năm nay, chủ-ý là để tập-hợp bọn thượng-lưu Au-nam, liên-lạc người Nam với người Pháp và làm môi giới cho Chánh-phủ với quốc-dân trong những việc mở-mang khai-hóa; Hội xin sẵn lòng giúp Chánh-phủ những khi Chánh-phủ cần-dùng đến để cổ-động những việc công-ích trong dân-gian, nhưng cũng mong Chánh-phủ hạcô tư-trợ cho để cho chóng đạt được cái mục-đích. Quan Marty nói xong thời quan Toàn-quyền ân-cần đáp lại, ngài diễn-thuyết tới mười lăm phút đồng-hồ. Ngài khen các hội-viên đã vì công-ích mà lập nên một Hội hay như vậy, ngài nói rằng Hội « Khai-trí » này tức là một cái quà của quan Sarraut để lại cho ngài, vì ngài biết rằng Hội thành-lập cũng là nhờ quan Sarraut; nhân ngài nói đến cái chính-sách của ngài ở Đông-dương này cũng không khác gì chính-sách của quan Sarraut khi trước, nhất là những việc khai-hóa cho dân, không những ngài giữ cái nền-nếp của quan Sarraut đã gây-dựng ra, mà ý ngài lại còn muốn mở thêm cho to rộng ra nữa. Trong những việc ngài định thực-hành ấy, ngài trông mong ở những hội như Hội Khai-trí là hội gồm những người tri-thức trong nước Nam, nên ra sức giúp ngài và cổ-động cho nhân-dân được biết. Phàm việc có ích-lợi cho người bản-địa, bất-cứ việc gì, hễ có dịp làm được ngài vẫn sẵn lòng. Tỉ như mới rồi bên Bộ có điện sang nói rằng Bộ Lục-quân có ý muốn đặt quan thầy thuốc người bản-xứ để điều-trị cho các đội lính-tập bản-xứ, và hỏi chính-phủ Đông-dương rằng nếu ưng như thế thời phải nhận chịu tiền học-phí cho những viên hậu-bổ thầy-thuốc sang Tây học; ngài lập-tức trả lời bên Bộ rằng chính-phủ Đông-dương xin sẵn lòng chịu các khoản học-phí ấy và lấy làm đẹp lòng cho người bản-xứ được vào làm y-quan trong quân-đội. Ấy đại-khái những việc có thể mở rộng đường tiến-đạt cho người bản-dân, ngài vẫn sẵn-sàng lưu-ý đến. Lại như việc học, ngài cũng lấy làm việc cần lắm, nhất là bậc sơ-đẳng giáo-dục, phải làm thế nào cho mỗi tổng mỗi làng đều có trường học cả, cho sự giáo-dục được phổ-thông cả trong nước, con trẻ nhà giầu nhà nghèo đều có thể đi học được cả mà không phải mất học-phí gì; chỉ ngặt vì tài-chính Đông-dương bây giờ không đủ sức mà thi-hành được cái chương-trình ấy cho khắp, song vẫn phải tuần-tự mà làm lần cho có ngày thành được. Đến bậc trung-đẳng giáo-dục thời cốt chọn lấy những kẻ thiếu-niên tuấn-tú để gây lấy những hạng nhân-tài về sau. Rồi cao hơn nữa thời đến bậc cao-đẳng-giáo-dục và các khoa-học chuyên-môn. Nhân ngài mới tiếp các viên đại-biểu của Hội Tư-vấn Bắc-kỳ, có ngỏ lời với ngài xin lập một trường « Thương-nghiệp học-hiệu » ở Bắc-kỳ, ngài nói cái ý đó tốt lắm, vì người Au-nam cần phải học-tập thương-nghiệp cho giỏi, thời mới mong thu-phục được lợi-quyền, chớ không phải cứ đề-che ngoại-hóa mà tranh được mối buôn của người; vậy trường « Thương-nghiệp » ấy thế nào sớm trưa Chính-phủ cũng sẽ lập, còn cái nên lập ở Nam-kỳ hay ở Bắc-kỳ thời ngài sẽ xét về sau. — Về đường chính-trị thời ngài cũng sẽ lo liệu cho người bản-dân được rộng quyền tham-dự mà bàn-định việc nước, duy các xứ trong Đông-dương (như Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-miên) mỗi xứ trình-độ có khác nhau, nên mỗi xứ chế-độ cũng không giống được, chưa thể tổ-chức ngay một cái Nghị-viện chung cho cả Đông-dương, phải lần lần làm riêng mỗi xứ trước đã; như Bắc-kỳ đã có hội Tư-vấn, Nam-kỳ có hội Quản-

bạt ; Trung kỳ nay mai cũng sẽ lập một hội Tư-vấn. Cao miên cũng vậy, các hội ấy rồi sẽ dần dần cho rộng quyền bàn-bạc. Đó là những việc ngài đương mưu-toan thi-hành cả, những việc ấy đều là do một cái chủ-nghĩa khai-hóa cho người dân cả. Chủ-nghĩa ấy không có bao giờ ngài làm sai, không những thế, hoặc chung quanh ngài có người nào đảng nào muốn phản-đối, hay là mưu phá-hoại cái chủ-nghĩa ấy, thời ngài quyết ra tay trừng-trị ; thế là đủ biết cái bụng ngài ân-cần quyến-cố đến dân vậy. Muốn thực-hành cái chủ-nghĩa ấy cho châu-đáo thời ngài trông mong ở những hội như Hội « Khai-trí » ra sức giúp cho ngài làm được thành-công.

Quan Toàn-Quyền nói xong thời quan Chánh Hội-trưởng Hoàng-Trọng-Phu thay mặt Hội cám ơn quan Toàn-quyền về những lời ân-cần ngài vừa nói, tỏ lòng trung-thành của các hội-viên đối với chánh-phủ Bảo-hộ và đối với ngài, và hứa rằng Hội sẽ hết sức giúp chánh-phủ trong những việc khai-hóa cho dân.

Đoạn rồi ông Choulet tiếp nói theo ; đại-khái nói rằng trong tòa trị-sự hội Khai-trí thời ông là người Pháp, ông hết sức giúp việc Hội vì là cái mục-đích Hội hay, muốn liên-lạc người Pháp với người Nam, và cũng vì ông một lòng yêu-mến người An-nam ; nhân ông có chân nghị-viên thành-phố Hà-nội, và nhân mới nghe quan Toàn-quyền nói sẵn lòng cho người An-nam được rộng quyền tham-dự công việc trong nước, ông dám xin ngài cùng quan Thống-sứ xét và cho tăng thêm số nghị-viên An-nam ở Hội-nghị thành-phố, vì hiện nay số ấy ít quá.

Quan Toàn-quyền trả lời rằng việc đó ngài sẽ lưu-ý và sẽ cùng quan Thống-sứ xét sau.

Trước khi các hội-viên lui về, ngài lại nói thêm rằng hiện nay có một vấn-đề thiết-cận cho người An-nam, ngài đương giải-quyết gần xong, muốn báo trước cho biết để tỏ cái bụng ngài ân-cần đến người mình. Vấn-đề ấy là vấn-đề tăng lương-bổng cho các viên quan tòng-sự Nhà-nước : ngày nay sự ăn-đắt, sự tiêu-dùng nhiều, mà lương-bổng quan-lại thời ít, không đủ ăn-tiêu cho xứng-đáng, điều đó ngài đã rõ lắm, nên trong khi ngài xét tăng lương-bổng cho quan-lại Tây thời không có quên quan-lại An-nam, mà có lẽ quan-lại An-nam lại được trước quan-lại Tây, vì thuộc về quan-lại An-nam thời ngài có quyền ký nghị-định ngay, còn thuộc về quan-lại Tây phải do tự bên Bộ, vậy chỉ trong hạn vài tuần đây thời sẽ có nghị-định tăng lương-bổng cho các quan viên An-nam làm việc Nhà nước.

Các hội-viên cám ơn quan Toàn-quyền vì lòng ân-cần quyến-cố như vậy, rồi trước khi lui về có mời ngài đến hạ-tuần tháng Avril này chiếu-cố dự một cuộc hội của Hội sẽ mở ra, có diễn một bài tuồng tây. Quan Toàn-quyền vui vẻ nhận lời ngay.

Đúng 11 giờ thời các hội-viên Hội Khai-trí rời phủ Toàn-quyền về, ai nấy đều khen quan Toàn-quyền là người ân-cần đôn-đốc và mong rằng Hội sẽ trông cậy ngài được nhiều.

* * *

Nhân quan Khâm-sứ Kinh Tissot mới ra Hà-nội, tòa trị-sự Hội Khai-trí sau khi yết-kiến quan Toàn-quyền, có lại tiếp mặt ngài, trình bày cho ngài nghe về mục-đích và công-việc Hội, và xin ngài giúp cho Hội được mở-mang. Quan Khâm-sứ tiếp-đãi ân-cần, ngài nói rằng hồi ngài ở phủ Thống-sứ Hà-nội đã từng nghĩ đặt một Hội như Hội Khai-trí, nhưng bấy giờ chưa tiện làm, nay thấy Hội thành-lập ngài lấy làm mừng lắm, và hứa sẽ tìm cách tư-trợ giúp-đỡ cho.

Le devoir présent est contenu tout entier dans une formule qui devrait être l'impératif catégorique de l'âge moderne : *se restreindre et produire*.

Gustave Le Bon

Cái nghĩa-vụ hiện-kim là gồm cả trong một câu, tức là cái « cưỡng-bách mệnh-lệnh » của đời bây giờ, câu ấy là : *phải tiêu ít mà làm cho nhiều.*

Pour moi, je sais bien que si je retirais de moi-même certains sentiments et certaines idées, l'amour du sol natal, le long souvenir des ancêtres, la joie de retrouver mon âme dans leurs pensées et dans leurs actions, dans leur histoire et dans leur légende ; si je ne me sentais partie d'un tout dont l'origine est perdue dans la brume et dont l'avenir est indéfini ; si je ne tressaillais pas au chant d'un hymne national ; si je n'avais pas pour le drapeau le culte d'un païen pour une idole qui veut de l'encens et, à de certains jours, des hécatombes ; si l'oubli se faisait en moi de nos douleurs nationales, vraiment, je ne saurais plus ce que je suis ni ce que je fais en ce monde. Je perdrais la principale raison de vivre.

ERNEST LAVISSE

Về phần tôi, tôi vẫn biết rằng nếu tôi rút bỏ trong người tôi mấy cái cảm-tình, mấy cái tư-tưởng, như lòng yêu-mến đất quê-hương, lòng cảm-hoài người đời trước, lòng vui-vẻ thấy tâm-hồn mình như đã ngụ sẵn ở trong cái tư-tưởng, sự hành-vi của người trước, trong sách sử-ký, truyện truyền-kỳ của đời xưa ; nếu tôi không tự thấy mình là bộ-phận trong một cái toàn-thể khởi-thủy tự bao giờ không biết mà tiếp-đồ dài-giặc đến vô-cùng ; nếu tôi nghe tiếng hát quốc-ca mà trong người không thấy rùng mình cảm-động ; trông thấy tấm quốc-kỳ mà trong lòng không thấy kính-trọng như đứng trước một vị thần thiêng bắt mình phải thờ cúng, mà lâm-thời có khi bắt mình phải hi-sinh ; nếu lòng tôi mà lại quên được những nỗi sầu-khổ của nước ta, thì thật tôi không biết tôi là gì nữa, không biết tôi sống ở đời để làm gì nữa, hình như không có cái lẽ gì chánh-đáng mà sinh-tồn vậy.

* * *

La moindre joie conquise et la moindre douleur abolie doivent être marquées au livre de l'humanité. Il convient de ne négliger aucune des preuves qui confirment que nous nous emparons des puissances anonymes, que nous commençons à manier quelques-unes des lois qui gouvernent les êtres, que nous nous acclimatons sur notre planète, que nous ornons notre séjour et que nous augmentons peu à peu la surface de bonheur et de beauté dans notre vie.

MAURICE MACTERLINCK

Thu-hoạch được một cái vui nhỏ, tiêu-trừ được một cái buồn con, cũng phải biên vào sổ nhật-ký của loài người. Phàm các chứng-cớ gì biểu rõ rằng ta đã thu-phục được những sức-mạnh u-ẩm của Tạo-hóa, ta đã sai-khiến được những phép-tắc huyền-diệu chi-phối cho muôn vật, khác nào như ta đã thuộc thung-thổ trên cái trái đất của ta này, ta đã biết trang-điểm cho chỗ ta ăn-ở được tốt-đẹp hơn, ta đã dần-dần tăng thêm được cái phần vui-thú đẹp-đẽ trong đời ta ; phàm được cái chứng-cớ nào như thế, ta cũng không nên bỏ-nhãng đi bao giờ.

HOÀNG-VIỆT TÂN-LUẬT

Không cứ làm việc quan, làm việc nhà-nước, dẫu làm dân mà muốn cho xứng đáng dân một xã-hội có qui-tắc, thời phải biết luật nhà-nước.

Biết luật, thời sợ phép, sợ phép thời không trái phép. Biết luật thiệt là có ích vậy.

Luật mới : **Hoàng-việt tân-luật**, đóng thành một quyển có chữ Pháp, chữ nho và chữ quốc-ngữ, in và bán tại Hiệu in Lê Văn-Phúc, Đông-kinh ân-quán, ở phố Hàng-Bông số 16 Hanoi

Giá : 1$ 50

Ai mua xin viết giấy tới.

HỘI BẢO-QUẦN LY-ÔNG

(La Mutuelle Lyonnaise)

MỤC-ĐÍCH HỘI NÀY LÀ ĐỂ PHÒNG-XA VÀ ĐỂ GÂY VỐN

Có Chánh-phủ Đại-pháp kiểm-duyệt

Muốn hỏi điều gì thì đến ông Choulet là Tổng-lý riêng, ở số nhà 92 phố Jules-Ferry, Hà-nội

Tháng nào cũng rút số một lần. Số rút trúng thì được lĩnh tiền ngay, mà không phải khó khăn gì cả.

Chơi hội ấy thì phải đóng không bao nhiêu tiền mà gây được vốn về sau.

Hội ấy chính những chân hội hoặc từng người một, hoặc cử đại-biểu đến cũng có thể kiểm duyệt công việc được.

Tên những người có chân hội kể ra như sau này :

MM. Nguyễn-bá-Trác, Cử-nhân, Hồng-lô tự-khanh.
Phạm-Quỳnh, Hàn-lâm-viện trước-tác, Chủ-bút kiêm Quản-lý báo *Nam-Phong*
Trần-trọng-Kim, Giáo-thụ tràng Sư-phạm.
Đỗ-Thận, Tri-huyện.
Phạm-duy-Tốn, Thư-ký Học-báo.
Nguyễn-văn-Ba, học-sinh Cao-đẳng học đường.
Dương-kim-Phái, học-sinh.
MM. Nguyễn-văn-Vĩnh, hội-viên thành-phố, Quản-lý báo *Trung-Bắc tân-văn*.
Bùi-xuân-Thành, Quản-lý nhà in *Trung-Bắc tân-văn*.
Lê văn-Phúc, Hàn-lâm-viện tu-soạn, chủ nhà Đông-kinh ấn-quán.
Nguyễn-quý-Toản, Giáo-thụ tràng Bảo-hộ kiêm Trí-tri tràng Đốc-học, Hanoi.
Bạch-thái-Sơ, Mại-bản tầu Bạch-thái công-ty.
Lê-quang-Ngủ, Thương-mại.

Sổ này sẽ kê thêm mãi ra. Các người có chân hội sẽ ghi tên vào đó cả.

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Người sáng-lập

FONDATEURS

PHẠM QUỲNH	LOUIS MARTY	NGUYỄN BÁ-TRÁC
Hàn-lâm-viện trước-tác	*Trưởng tòa Chánh-trị phủ Toàn-quyền*	*Cử-nhân Hồng-lô tự-khanh*

SỞ PHÁT-HÀNH : *Imprimerie Tonkinoise, 14-16 Rue du Coton, Hanoi.*

Ai mua báo, trả tiền báo, hoặc thơ từ gì về việc gởi báo bán báo, đăng cáo-bạch, v.v., xin viết cho *ông Lê Văn-Phúc, chủ nhà in Đông-kinh (Imprimerie Tonkinoise), 14-16 Phố hàng Bông (Rue du Coton)* ; gởi *mandat* trả tiền cũng xin đề tên ông Lê Văn-Phúc thâu nhận.

Bắt đầu từ 1er Novembre 1919, tòa soạn báo đổi ra số 124 phố hàng Bông (124 Rue du Coton)

Còn gởi bài vào báo hoặc thơ từ gì về các việc khác xin viết cho ông Phạm Quỳnh, chủ-bút kiêm quản-lý, *124 Rue du Coton* (Phố Hàng Bông) Hanoi.

Chủ-bút kiêm quản-lý
Directeur Rédacteur en Chef } PHẠM QUỲNH

Ân-nhân của báo-quán

Đức KHẢI-ĐỊNH *Hoàng-đế*	*Quan Toàn-quyền* SARRAUT
Quan Khâm-sứ Kinh	Quan Công-sứ Thanh-hóa
Quan Công-sứ Vĩnh-long	Quan Án-sát NGUYỄN PHONG,

(Các ngài ân-nhân của báo-quán là những ngài mua 25 phần báo một lúc giúp cho báo-quán từ 100 đồng trở lên. Các ngài được quyền-lợi nhận báo mãi mãi. Sau này ngài nào giúp báo như vậy cũng sẽ lần-lượt ghi tên vào bìa này).

Mục-đích báo Nam-phong

Mục-đích báo *Nam-phong* là thể cái chủ-nghĩa khai-hóa của Nhà-nước, biên-tập những bài bằng quốc-văn, hán-văn, pháp-văn, để giúp sự mở-mang tri-thức, giữ-gìn đạo-đức trong quốc-dân An-nam, truyền-bá các khoa-học của Thái-Tây, nhất là học-thuật tư-tưởng Đại-Pháp, bảo-tồn cái quốc-túy của nước Việt-Nam ta, cùng bành-trực quyền-lợi người Pháp người Nam trong trường kinh-tế.

Báo *Nam-phong* lại chủ-ý riêng về sự tập-luyện văn quốc-ngữ cho thành một nền quốc-văn An-nam.

Các ngài có bụng yêu bản-báo, muốn tán-thành cái mục-đích trên kia, ra công giúp cho hoặc giúp về đường lý-tài, hoặc giúp về đường ngôn-luận, bản-báo xin cảm-ơn.

Báo *Nam-phong* nhận cả các bài nghị-luận, văn-chương, khảo-cứu, bằng quốc-văn, hán-văn và pháp-văn. Bài nào tòa soạn xét nên đăng thì đăng, không đăng không có lệ trả lại bản-thảo

Giá bán :

Một năm..... 4$00 *Nửa năm*..... 2$00 *Mỗi số*..... 0$40

1° Xin các ngài mua báo dồng-niên nhận dược vài ba số thời gửi tiền về trả cho. Gửi *mandat* xin đề tên ông Lê-Văn-Phúc thâu-nhận.

2° Ngài nào mua tự số **31**, xin kíp gửi tiền trả, kẻo chúng tôi phải phiền nhà giấy thép đòi thời phí tổn các ngài chịu.

3° Ngài nào thôi mua báo xin viết thơ cho nhà Đông-kinh ấn-quán biết để thôi không gửi nữa.

4° Giá báo nhất-luật là 4 $ một năm, 2 $ nửa năm, — không có giá 3 $ nữa.

Le Directeur-Gérant : PHẠM QUỲNH.

Cụ già một trăm tuổi

ngày lễ thượng-thọ gọi các con cháu lại bảo rằng :

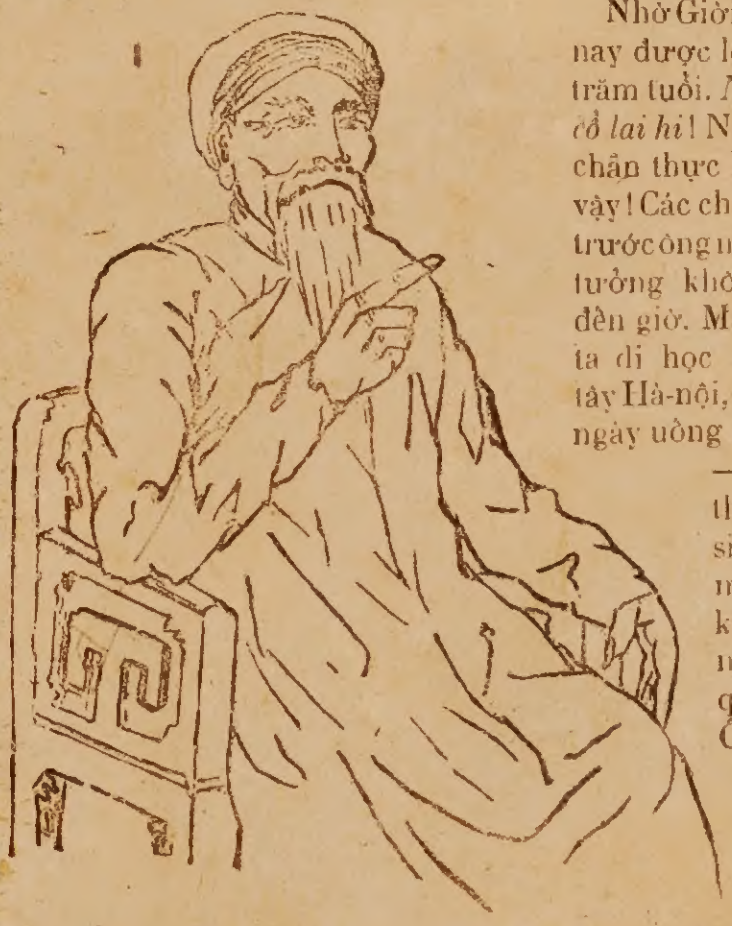

Nhờ Giời nhờ Phật ông năm nay được lên thượng-thọ một trăm tuổi. *Nhân-sinh thất-thập cổ lai hi* ! Nay ông đã trăm tuổi chẳng thực là già lắm, già lắm vậy ! Các cháu có nhớ mấy năm trước ông những đau cùng yếu, tưởng không sống đâu được đến giờ. May có Chú Tư nhà ta đi học trường thầy-thuốc tây Hà-nội, đến mách ông ngày ngày uống một cốc rượu vang — *bô-đào mĩ-tửu* ! — thực là rượu « trường-sinh », các con ạ. Ông mới nhấp môi đã thấy khoan khoái cả trong người, thực là sướng quá ! sướng quá ! Ông tưởng như trai trẻ lại, khỏe mạnh ra. Nhờ rượu ấy ông mới sống đến nay, ăn cái thượng-thọ này !

Nghe nói rượu ấy là của một ông thông-thái nước Lăng-sa tên là MÔNG-TIẾT (Montès) đã chế ra để giúp sức khỏe cho kẻ già người yếu ở nước Nam. Vậy thì ta cảm ơn ông MÔNG-TIẾT, các cháu nên thay mặt ta mà cảm ơn ông MÔNG-TIẾT, nhờ ông mới được cuộc vui vầy này !

RƯỢU VANG BỔ

TONIQUE TONKINOIS

bán tại nhà thuốc MONTÈS nº 54 rue Paul-Bert, Hanoi

Người già yếu, mỏi-mệt, nhất là đàn-bà ở cữ uống thì cực tốt

Giá bán mỗi chai **2 $ 25**

6 chai..... **13 $ 50** | *12 chai.....* **25 $ 00**

Gửi tiền lại sẽ gửi rượu đi

BẠCH-THÁI CÔNG-TI

GIANG-HẢI LUÂN-THUYỀN

TÀU CHẠY PHIÊN khắp các ngọn sông Bắc-kỳ
TÀU CHẠY VEN BIỂN Bắc-kỳ và Trung-kỳ ;
TÀU CHO THUÊ cả chuyến ;
TÀU NAI thuyền và xà-lan.

Công-ti cũng có bao cả hàng hóa xuất-cảng và nhập-cảng

Ai cần điều gì xin hỏi Tổng-cục tại Hải-phòng và các phân-ti tại Nam-định, Hà-nội, Tuyên-quang, Viétri và Bến-thủy.

江海輪船白泰公司

告白

本司有輪船按期駛通北圻各航道
有輪船駛往北圻及中圻諸沿海
有輪船全儳出租
有輪船拖帶船隻
包認出港入港貨物
諸尊賜雇請移玉趾到海
防總局或南定河內
越池宣光瀘水各分
局面商均妥